

LÊ XUÂN MAI
Biên soạn và bình chú

KHỔNG MINH GIA CÁT LƯỢNG

TIỂU SỬ – THY VĂN
ÂM PHÙ – KINH GIẢI
BÌNH PHÁP
BÁT TRẬN ĐỒ



NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

1996

LÊ XUÂN MAI
Biên soạn và bình chú

KHỔNG MINH

GIA CÁT LƯỢNG

TIỂU SỬ VÀ THI VĂN
ÂM PHỤ KINH GIẢI
BÌNH PHÁP
BÁT TRẬN ĐỒ

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA
1996

LỜI NÓI ĐẦU

Đọc **Tam Quốc Chí**, ta thấy rằng có một nhân vật kỳ tài nổi bật lên trên bối cảnh lịch sử của đời Hán mạt : đó là **Khổng Minh Gia Cát Lượng**, thừa tướng của triều Thục Hán mà người đời theo tước phong mà gọi là **Gia Cát Võ Hầu**.

Xét về tài năng và thánh đức, Võ Hầu thật là xứng đáng làm một tấm gương sáng để cho các trung thần, tể tướng đời sau soi chung.

Phạm Ngũ Lão, một danh tướng của Việt Nam về đời Trần đã nhắc nhở tới Võ Hầu trong bài thơ **THUẬT HOÀI** sau đây :

述 懷

THUẬT HOÀI

橫	槩	江	山	恰	幾	秋
Hoành	sóc	giang - sơn		kháp	kỷ	thu
三	軍	貔	虎	氣	吞	牛
Tam	quân	tỳ	hổ	khí	thôn	ngưu
男	兒	未	了	功	名	債
Nam - nhi	vị	liêu		công - danh	trái	
羞	聽	人	間	說	武	侯
Tu	thính	nhân - gian		thuyết	Võ - Hầu	!

Nhà Văn **Từ Ngọc Nguyễn Lân** đã dịch bài thơ ấy ra Việt Ngữ như sau :

Vác dao non sông đã mấy thu
Ba quân hùng khí nuốt sao Ngưu
Công danh nam tử còn vương nợ
Phải thẹn tai nghe truyện Võ Hầu !

Trong Ngũ Chế Việt Sử Tổng Vịnh, **Vua Tự Đức** cũng có nhắc tới Võ Hầu, khi làm thơ khen tặng danh tướng Phạm Ngũ Lão :

拔	伐	詹	牢	展	壯	遊
Bạt	phạt	Chiêm	Lao	triển	tráng	du
當	時	名	將	罕	爲	籌
Đương	thời	danh	tướng	hãn	vì	trù
成	功	只	在	能	同	欲
Thành	công	chỉ	tại	năng	đồng	dục
不	負	高	吟	雷	武	侯
Bất	phụ	cao	ngâm	sí	Vô	Hầu !

Phỏng dịch như sau :

Đánh dẹp Chiêm, Lào, mộng tráng du (1)
Đương thời danh tướng khó mưu trù
Thành công chỉ tại đồng tâm chí
Chẳng uống ca ngâm đồng Võ Hầu !

Khi phê bình Tam Quốc Chí, **Kim Nhân Thụy Thánh Thán** đồng ý với **Mao Tôn Cương** rằng **Khổng Minh** là một nhân trong **tam kỳ** hay **tam tuyệt** của đời Tam Quốc, hai người kia là **Tào Tháo** và **Quan Vân Trường** :

(1) Tráng du có nghĩa là đi chơi mà làm được việc lớn.

"... Trước hết, tìm khắp sử sách, xét cùng cổ kim, thì các bậc văn tướng hiền đức có rất nhiều, nhưng không ai bằng Khổng Minh là một vị hiền tướng danh thơm muôn thuở. Khi ở nhà thì ôm gối ca ngâm làm một ẩn sĩ phong lưu. Khi ra giúp đời thì vẫn quạt lông, khăn cuộn, không thay đổi phong độ tao nhân nhã khách. Khi còn ngồi trong lầu tranh mà đã biết trước thiên hạ sẽ chia ba, như thế là thông đạt thiên thời. Vâng di mệnh trọng đại nên phải sáu lần đem quân ra Kỳ Sơn, đó là tận tụy nhân sự. Bảy lần bắt thả Mạnh Hoạch, tám cửa trận kỳ ảo, trâu gỗ, ngựa máy, biến hóa không lường như quỷ thần, cực cùng tận tụy, chí quyết không lùi đến lúc tàn thân, đó là hết lòng thần tử. So tài hơn Quán, Nhạc, đức sánh ngang Lữ Y, thật là đệ nhất kỳ nhân trong rừng tể tướng hiền lương kim cổ..."

Vì rằng sự nghiệp bằng Quân sư của Hán Cao Tổ, là **Trương Lương** đã có công xây dựng nhà Hán, không hơn được **Tu Mã Ý** là ông tổ của nhà Tấn nên có kẻ cho rằng **Võ Hưu** không xứng đáng với danh tiếng của mình. Như thế ta có thể tự hỏi rằng sở dĩ **Võ Hưu** được danh tiếng ấy, có phải là vì **Tam Quốc Chí** đã được viết bởi một **La Quán Trung** quá trung thành với Hán Triều nên đã quá đề cao các nhân vật của triều Thục Hán và cố ý giảm giá những nhân vật của các triều Ngụy, Ngô chăng? Về vấn đề ấy ta không thể luận bàn dài dòng để giải quyết cho dứt khoát, vậy xin để dành phần trả lời câu hỏi trên cho độc giả, sau khi đọc xong tập tài liệu này.

Và để kể thêm một nhân vật đáng thương, đáng kính nữa, đó là **Gia Cát Võ Hưu**, thông hiểu quá khứ, vị lai nhưng sinh chẳng gặp thời biết, rằng Lưu Bị chẳng được sự nghiệp lâu dài, nhưng chỉ vì nhớ nghĩa "ba lần trở lại lầu tranh", nên quyết lòng ra phò giúp để tạ lòng người tri kỷ. Khi Lưu Bị qua đời,

Võ Hầu lại cúc cung tận tụy phò giúp Hậu Chúa Lưu Thiện là kẻ nhu nhược bất tài, không hề để dành riêng cho mình một chút hơi sức nào cả, như muốn đem sức tàn của mình để bồi đắp ơn xưa của Tiên Đế.

Biết Hán sẽ suy vong, nhưng nếu không dẹp giặc, thì vương nghiệp cũng mất, nếu chỉ ngồi chờ chết thì thà đánh chúng còn hơn (Nhiên bất phạt tặc, vương nghiệp diệc vong, duy tọa nhi đãi vong, thực dữ phạt chi,...: *Hậu Xuất Sư Biểu*) Vì lẽ ấy, Võ Hầu quyết đem quân ra Kỳ Sơn mấy lần mà chưa thấy thuận tiện để rồi cuối cùng nhuốm bệnh chết giữa ba quân.

Có một điều rất thảm thương là tuy làm tới chức Thừa Tướng Võ Hầu lại nhuốm bệnh chết vì đã sống vô điều độ, ăn mặc thiếu thốn làm cho sức khỏe chóng suy giảm. Tình trạng ấy đã được Võ Hầu kể rõ trong sớ tấu trích dẫn sau đây, gửi về Hậu Chúa để báo tin mình nhuốm bệnh nặng không biết sẽ chết vào lúc nào :

"... Nhà của bề tôi này ở Thành Đô có tám trăm gốc dâu, mười lăm khoảnh ruộng xấu, con cháu ăn mặc, tự có dư nhiều. Thân bề tôi ở ngoài, riêng chẳng điều độ, tùy thời ăn mặc, đều trông nhờ vào của công, không thể sinh hoạt riêng để thêm được thóc tắc nào..."

Ngày bề tôi chết, không khiến bên trong được du lựa, bên ngoài được lợi của, thành thử phụ lòng Bệ Hạ vậy."

Sự thiếu lựa ấy đã được Võ Hầu dự đoán rất đúng, vì khi Hầu chết, tất cả nhân dân Tây Xuyên đều để tang làm cho vải lụa thiếu hụt và trong một ngàn năm sau họ vẫn còn giữ tang chế đối với Hầu, đến nỗi ngày nay quần khăn trắng trên đầu đã thành một phong tục của xứ Tây Xuyên.

Một người thất bại như Võ Hầu, chỉ biết đem lòng hy sinh

của mình để phụng sự xứ sở, khắc sâu vào lòng người một cảm tình ngàn năm không phai lạt, việc ấy thực có một không hai trong lịch sử loài người, đó là một điều đáng cho ta suy nghĩ.

Lối sống vô điều độ của Võ Hầu một phần do hoàn cảnh bất thường của quân đội ở ngoài trận mạc, một phần là do phép tắc làm tướng ngày xưa :

- Sĩ tốt chưa ngồi thì mình chẳng nên ngồi ;
- Sĩ tốt chưa ăn thì mình chẳng nên ăn ;
- Cùng chịu lạnh, nắng với nhau, cùng chịu mệt nhọc, vui hưởng an nhàn với nhau
- Đều nếm ngọt đắng với nhau, đều chịu cảnh nguy nan, lo lắng với nhau,...

(XUẤT SỰ XIII)

- Giếng của quân chưa mức nước lên thì tướng không được kêu khát;
- Com trong quân chưa thối nấu, thì tướng không được kêu đói;
- Lúa trong quân chưa nhen nhúm thì tướng không được kêu rét;
- Mìn của quân chưa giăng, thì tướng không được kêu nóng;
- Hè không phẩy quạt, đông không mặc áo dạ, mưa không trương lọng, tình cánh của tướng phải giống như quân lính hết thấy...

(TUỒNG TÌNH XXXXV)

Nghĩ đến đạo làm tướng, đến những tấm gương trung nghĩa ngày xưa, kẻ hèn này không khỏi cảm động, vì thế ra công tìm kiếm những sách sử cũ để chép lại công nghiệp của các bậc

tiền nhân đáng kính, mong rằng đó là những tấm gương sáng cho người đời soi chung.

Ôm ấp dụng ý ấy đã lâu, tôi không được thỏa mãn vì loại cổ văn rất hiếm có trên thị trường sách báo hiện nay.

Ngày nay nhờ sưu tập được một số di văn và tài liệu, tôi bèn mạnh dạn viết tập sách này để trình bày cùng quý vị độc giả *sự nghiệp và thi văn của Gia Cát Võ Hầu* (1).

Khi viết *tiểu sử* về Hầu, tôi có ý nghĩ đầu tiên là dùng *Tam Quốc Chí* nhưng về sau thấy rằng *tiểu sử* viết như thế sẽ thiếu sót nhiều, không thể mô tả đầy đủ *con người toàn diện* của Hầu, nhất là về các khía cạnh *tâm tình, tư tưởng, chính trị*.

Đằng khác, tuy không dám chê giá trị sử học của *Tam Quốc Chí*, tôi vẫn nghĩ rằng, dầu sao đi nữa, *Tam Quốc Chí* cũng chỉ là một *dã sử*, thành thử một *tiểu sử* viết theo sách ấy sẽ chỉ là một *dã sử* mà thôi, đó là điều tôi không muốn chút nào.

Tôi muốn dùng các sử liệu ngoài *Tam Quốc Chí* để đúc nặn lại một *"Võ Hầu mới"* gần với *"Võ Hầu thực của Triệu Thục Hán"* hơn là *"Võ Hầu của Tam Quốc Chí"*. Việc ấy không biết có thành công hay không, nhưng ít ra cũng giúp tôi hiểu biết thêm được nhiều điều mới lạ về cuộc đời của Hầu.

Sau khi dò dẫm, thử viết đi viết lại nhiều lần, tôi đã quyết định như sau :

- 1) Tôi đọc lại bộ *Tam Quốc Chí* để hiểu rõ tình thế đời ấy,

(1) Võ Hầu chỉ là binh gia và chính trị gia chứ không phải là một văn sĩ hay thi sĩ chuyên nghiệp cho nên thơ văn chỉ là phần đóng góp không đáng kể vào sự nghiệp chính trị và quân sự.

và để nhớ tên người, tên đất cùng là các chi tiết lịch sử chính trị và quân sự về thời ấy;

2) Tôi dựa vào tài liệu chính là *Biệt Truyện* của *Trương Thục* vì truyện này viết có thứ tự, mạch lạc hơn cả;

3) Trong *Biệt Truyện*, hễ có đoạn nào thiếu sót thì tôi lấy đoạn tương ứng ở *chanh truyện* trong cuốn *Thục Chi* để thay vào;

4) Để các chi tiết được đầy đủ hơn, tôi dùng nhiều đoạn nói về *Vô Hưu*, rút từ các sử liệu sau này :

- *Hiển Đế Xuân Thu*;
- *Ngụy Lược*;
- *Tương Dương Ký*;
- *Viên Túc*;
- *Lĩnh Lăng tiên hiền truyện* ;
- *Thục Ký*;
- *Tôn Thạnh*;
- *Lượng tập*;
- *Hán Tấn Xuân Thu*;
- *Hán Thư Địa Lý Chí*;
- *Quách Hoài*;
- *Ngụy Thị Xuân Thu*;
- *Hoa Dương quốc chí* ;
- *Gia Cát thị phổ*;

Các đoạn ấy được dịch theo đúng nguyên văn, đoạn nào thuộc về sách nào, tôi có nêu rõ tên sách ở đầu đoạn ấy. Nhiều khi về một việc, hai sách kể khác nhau, tôi cũng cứ chép luôn cả hai đoạn sách vào để độc giả xem mà so sánh.

5) Về các nhân vật phụ, tôi dùng các chi tiết rút từ các *phụ truyện* chép trong *Thục Chí* ;

6) Tôi chấp nối các đoạn cho được mạch lạc theo đúng thứ tự đã dùng trong *biệt truyện* của *Trương Thúc* ;

7) Trong *biệt truyện* của *Trương Thúc*, và *chánh truyện* ở *Thục Chí* không có ghi đủ năm, tháng, nên tôi dùng *niên phá* của *Dương Khuê Xa* để chép thêm tháng, năm, niên hiệu các triều vào cho đầy đủ để độc giả tiện tra cứu.

Thực ra thì việc sưu tập tài liệu đã được cháu 36 đời của Võ Hầu là **Gia Cát Hy** cùng em là **Gia Cát Trác** thực hiện từ đời nhà Minh cách đây hơn 300 năm. (Xem bài tựa cũ của Gia Cát Hy mà tôi đã dịch và sắp liên theo bài tựa này). Trong bộ sưu tập ấy, các sử liệu như *niên phá*, *Thục Chí*, *phụ truyện*, *biệt truyện*, v.v... đều để riêng rẽ mà lại kể các việc trùng nhau. Nếu cứ y theo nguyên văn mà phiên dịch tất cả thì sẽ có nhiều tiểu sử khác nhau làm cho tập sách này trở nên quá dày. Vì thế tôi bắt buộc phải *chọn lựa* giữa các mẫu truyện khác nhau, *thái bỏ* những đoạn nói riêng về hai nước Ngụy, Ngô, không có quan hệ trực tiếp tới Ba Thục và Võ Hầu. Như thế, tiểu sử của Hầu trong tập sách này là một *truyện tổng hợp* văn tắt mà tôi đã viết ra theo *thiên kiến* của tôi bằng cách *chọn lựa*, *thái bỏ*, *giáp nối*...

Vì những lẽ trên, tôi mong rằng độc giả sẽ đủ đại lượng để thông cảm về *công việc khiêm tốn* của tôi khi viết tiểu sử của Võ Hầu.

Tuy nhiên, tôi cũng mong rằng độc giả sẽ không bao giờ nghi ngờ rằng tôi đã bịa đặt, thêm thắt để viết một dã sử (như Tam Quốc Chí) bởi vì khi viết tiểu sử của Võ Hầu, tôi chỉ dùng các chi tiết sẵn có trong các sử, truyện mà thôi. Tóm lại, khác

với "**Khổng Minh dã sử**" của Tam Quốc Chí, Khổng minh trong sách này là một "**Khổng Minh lịch sử**" mà tôi ước ao sẽ khá gần "**Khổng Minh bằng xương thịt**" của triều Thục Hán.

Tiếp theo tiểu sử, tôi có thêm một ít lời **binh luận** của các danh nhân và vài bài **thơ cảm tác** của các thi sĩ đời sau về các di tích của Võ Hầu.

Phần **thơ văn** gồm có các *bức thư, bài sớ, thi, ký, tán*, những lời *ran dạy* con cháu và kẻ dưới... tất cả đều do Gia Cát Hy sưu tập. Để cho được đầy đủ, tôi có thêm một bài đọc nhất là bài *văn tế sông Lô*. Xét về văn tứ và thi tứ, tôi tin rằng tất cả những bài ấy đều là tác phẩm của Võ Hầu, chỉ trừ bài *văn tế sông Lô* là bài mà tôi nghi ngờ không phải của Hầu, nhưng tôi cũng chép thêm vào để đọc cho vui.

Âm Phù Kinh là một bản kinh vô giá 500 chữ của Vua *Hiền Viên Huỳnh Đế*. Trong bộ sưu tập của Gia Cát Hy chỉ có *lời chú giải* của Võ Hầu mà không có đầy đủ kinh văn. Về sau như may mắn kiếm được một bản nên tôi chép thêm vào và phiên dịch luôn thể để đọc giả có thể hiểu lời chú giải được dễ dàng hơn.

Các bậc thánh nhân sinh lỗi thời như *Khổng Tử* vào đời Đông Chu, *Khổng Minh* vào đời Hán mạt,... thường dễ bị phàm nhân chỉ trích, phê phán một cách bất công. Tôi nghĩ rằng, muốn hiểu rõ tâm sự sâu kín của Võ Hầu để phê phán sự nghiệp của ông một cách công bằng thì không có gì hơn là đọc hết *di văn, tiểu sử* của ông trong tập sách này và thứ nhất là *que DI* ở đầu bài *Mã Tiên Khóa*. Tôi sẽ trở lại vấn đề ấy trong phần **binh luận**.

Phần **Binh Pháp** gồm có *Binh yếu, Tiên Nghi* và *Tướng Uyên*. Theo quan niệm của người xưa, thì *binh pháp* luôn luôn

bao gồm cả *chính trị và quân sự*. Ngày nay các chiến lược gia cũng đều có một quan điểm như thế (1). Bởi thế ta không nên ngạc nhiên khi thấy rằng nhiều thiên binh pháp chỉ nói về chính trị mà thôi.

Binh yếu chỉ là một đoạn ngắn dạy về phép dò đường của quân lương đạo do Võ Hấu rút ra từ *Đỗ Thị Bình Diển*.

Phần Tiệm Nghi (16 kế hoạch) (2) phần lớn trình bày *phép làm chính trị* có thể xem là *vuơng đạo*.

Phần Tướng Uyển (50 thiên) trình bày *phép làm tướng (tướng đạo)*.

Về **Bát Trận Đồ**, tôi thú thật là chưa được hiểu rõ lý thuyết nên chỉ làm một công việc rất máy móc là dịch các tài liệu đã sưu tập được để quý vị độc giả tham khảo. Nếu vài chỗ có chú thích thì đó là chú thích theo ý kiến của các nhà dịch học chứ không phải theo ý kiến của tôi. Độc giả nào biết được chân lý thì xin chỉ giáo cho tôi được hiểu rõ.

Đọc xong sách này, có lẽ độc giả sẽ thắc mắc về tính cách *hợp thời* của Bát Trận Đồ và tự hỏi rằng không biết ngày nay, phép dàn quân theo Bát Trận Đồ còn có một giá trị về *lý thuyết* hoặc về *chiến thuật* nữa không ?

Đó là một vấn đề thật khó trả lời một cách dứt khoát. Sau đây tôi chỉ đề dặt đưa ra vài ý kiến cá nhân, mong rằng độc giả không chê cười là quá thô sơ.

Bát Trận Đồ dựa vào *dịch lý*, tức là chân lý của *dịch học*

-
- (1) Trong chương đầu của cuốn chiến luận, binh gia Đức Clausewitz đã định nghĩa chiến tranh như sau : chiến tranh chỉ là sự nối tiếp của chính trị bằng những phương tiện khác. Năm 1915, Lénine cũng đã viết như sau : Áp dụng vào chiến tranh qui tắc chính của biện chứng pháp dạy ta rằng chiến tranh chỉ là sự nối tiếp của chính trị bằng những phương tiện khác..
- (2) Trừ ra hai thiên Trị Quân và Trám Đoàn

một môn học cổ truyền của Á Đông được coi là nền tảng của nhiều môn học khác như thiên văn, địa lý, y học, đạo học,... *Thanh Không* ngày xưa là người rất thiết thực và ít tin nhảm nhí. đã bỏ tới bảy năm để học dịch đến nỗi đứt cả lẽ sách mà vẫn còn ước mong sống thêm vài năm nữa để học cho được chu đáo, hầu tranh khỏi nhiều lỗi lầm.

Bát Trận Đồ được phát minh ra cách đây gần 2000 năm, vào thời mà binh khí chỉ là giáp, trụ, gươm, dao, cung, nỏ, dáo, mác... phương tiện chuyển vận chỉ là xe, thuyền, trâu, ngựa...

Ngày nay, chúng ta sống vào thời mà chiến tranh đã tới trình độ dùng chiến xa, đại bác, phi cơ phản lực, hỏa tiễn, vệ tinh, bom hạt nhân,... nên lẽ cố nhiên cần phải xét lại *giá trị chiến thuật* của Bát Trận Đồ.

BÀI TỰA CŨ CỦA GIA CÁT HY CHÁU XA BA MƯƠI SÁU ĐỜI CỦA GIA CÁT KHỔNG MINH, VIẾT VÀO ĐỜI VUA MINH SÙNG TRINH (1632).

Thời để tóc trái đào, **Hy** được thân phụ cho xem sách **Hán Tổ Trung Võ Hấu** do ông tổ (1) làm chức trưởng sử và bá phụ làm chức đại hành sao chép bằng tay. Ngài trưởng sử đã để vào cuốn sách như sau : *Binh lía làm thất lạc, muốn sắp xếp cho có thứ tự thành sách, mà chưa có thể làm được.* Hy tiếp nhận sách rồi cắt dấu vào một chỗ.

Vào đời Vua Sùng Trinh nhà Minh, năm Nhâm Thân (1632) khi Hy nhậm chức tại Lâm Du, em Hy là Trác từ Bạch Môn mua về được hơn mười hộp sách, nhân đó mà được bộ sách **Trung Võ Hấu** do ông **Dương Khứ Xa** ở Mậu Uyển sưu tập, Hy bèn khẳng khái nói với Trác rằng : Ông tổ (2) trưởng sử và

(1) Tổ ở đây là 1 ông tổ (ancêtre) chứ không phải là tổ phụ (ông nội)

(2) Tổ ở đây là 1 ông tổ (ancêtre) chứ không phải là tổ phụ (ông nội)

bá phụ có chí cao nhả nhưng 'chưa làm kịp, thân phụ giao lại cho tôi, nay chúng ta nên cùng nhau soạn sách cho xong.

Bản của họ Dương có *kê niên phá, lược truyện*, nối liền các mục về đời Hán và đời Ngô với nhau. Bản ấy có ghi rằng đã được tiếp nhận từ ông **Vương Quýnh Bá** ở Lâu Đông. So sánh bản ấy với bản cũ ở nhà để đối chiếu, bồi bổ các chỗ còn mất cho nhau. Họ Dương nói rằng các thiên *Khai Vù, Tác Mục...* mà **Trần Thừa Tộ** chép lại và **Bùi Tùng Chi** chú thích, mỗi chút mỗi dẫn chứng từ tập sách của Hấu, nay đều không được thấy nữa. Ông *Tô Đông Pha* và *Diệp Thủy Tâm* đều rất buồn tiếc về chỗ không được thấy đầy đủ bộ sách. Trong sách của ông Tâm thì cho là *Tướng uyển, Lương Phụ Ngâm, Huỳnh Ngưu Miến Ký* đều do người đời sau bịa đặt ra, nên gạt bỏ ra không ghi chép lại.

Trong tập này chỉ giữ lại niên phá, như cũ theo bản của họ Dương, còn ngoài ra thì chép y theo bản của nhà. Về truyện thì dùng các điều ghi chép của Trần Thừa Tộ rồi lấy chi tiết ở các truyện khác để phụ thêm vào. Tiếp theo đó là *di văn, di sử, trận đồ, di tích...* đều đã mất cả, không thể theo đâu mà khảo cứu được. Bây giờ phần còn lại không thể mất được nữa. Đại khái, từ đời Tấn, đời Đường trở về sau, các bài *thi, phú, luận, tán, bia, tụng, bút ký* của các văn nhân danh tiếng, nghị luận có chỗ khác nhau, đều được ghi chép vào đây tất cả, tuy thế cũng chưa đủ, phải đợi ngày sau mà chép thêm. Phạm có tất cả 22 cuốn, hơn 163.600 chữ. Em tôi là Trác, ngày đêm sưu tầm, thảo luận, tham khảo nhiều sách, tinh ý so sánh các chỗ, chịu khó nhọc chẳng hề thở than, mà Hy này khi nhàn rồi, khỏi bận bịu về các việc vô trấu, lúa đẹp, đậu, hộc, cũng thường cộng tác mà xếp đặt sửa đổi lại.

Biên soạn xong rồi, bèn phải đi xa mời thợ giỏi ở nước Ngô để giao cho việc khắc bản in hết sức cẩn thận, tỉ mỉ để cho được chu đáo.

Hai ông **Khú Xa, Quýnh Bá** luận việc đời, mến việc xưa lựa chọn, chấp nối, nghiên cứu, tra xét mà nói rằng : *Tìm kiếm những tài liệu cũ bị tán mất thất lạc, bởi vì yêu mến những điều hay đẹp ngày xưa, muốn dùng để rộng cứu nghiệp đời, khuyến khích, tưởng lệ lòng trung hiếu, hướng chỉ chúng ta là hạng con cháu đời sau !*

Sách thành hình rồi lại phụ thêm hai truyện ở đằng sau, của ông Tổ làm chức Thiếu Bảo đời Tống và của ông tổ làm Trưởng Sử (1). Nhà tôi nghèo hèn phát xuất từ hệ phái bên Thục. Vào đời Tống Thiệu Hi, ông Tổ nhà tôi có huy hiệu là *An Tiết Công* làm chuyển vận sứ ở Phúc Kiến. Lúc đầu gia đình tôi ở Ôn Lăng, truyền được bốn đời thì làm Thiếu Bảo Bình Bộ Thượng Thư, có huy hiệu là *Đình Thụy*, cách sau Võ Hưu 22 đời. Còn 12 truyện là do ông tổ làm trưởng sử có huy hiệu là *Ứng Khoa*. Gia phả rõ ràng, thứ tự các đời ghi chép phân minh mà chỉ phụ thêm hai truyện ấy mà thôi, ắt là để lấy đạo trung hiếu mà tiếp nối đời đời.

Phàm bàn luận việc đời yêu mến chuyện xưa, là để khích lệ thiên hạ đời sau, hướng hô là con cháu tìm tòi nguồn gốc để mà tiếp nối các điều hay đẹp của ông cha đời trước ! Hy và Trác khi nhàn rồi cầm quyển sách, khuyến khích nhau chớ quên đức hạnh của tổ tiên xưa mà phụ lời giáo huấn của gia đình.

Đời Sùng Trinh, năm Nhâm Thân (1632), tháng 11, cháu đời thứ 36 là Hy cúi đầu, kính cẩn để tựa tại công nha ở Lâm Du.

(1) Không chép trong sách này vì sợ sẽ làm cho sách quá dày.

TIỂU SỬ CỦA GIA CÁT VÕ HẦU

ĐIỀU CHÚ Ý : 1) Vì muốn tôn trọng lời văn xưa, soạn giả đã dịch nhiều đoạn sử, truyện, rồi chấp nối lại để cấu tạo nên phần tiểu sử này. Vậy nếu ở nhiều chỗ, cách hành văn không được lưu loát lắm, xin độc giả thứ lỗi cho.

2) Khi đọc tiểu sử này, nếu thấy đoạn sử, truyện nào có vẻ bênh vực Khổng Minh, thì đó là do người Thục viết ; đoạn nào có vẻ bênh vực Tục Mã y (mà gọi là Tục Mã Tuyên Vương) thì đó là do quan Triều Tấn viết.

Theo **Thục Chí**, **Gia Cát Lượng** tự là **Khổng Minh** vốn là người *Lang Nha Dương Đô*, sinh vào tháng 8 năm **Quang Hòa** thứ tư đời vua **Hán Linh Đế**, tức là năm **Tân Dậu** (181 dương lịch). Hoàng tử **Hiệp** (về sau là **Vua Hiến Đế**) cũng sinh ra đúng vào tháng ấy, năm ấy. Thân phụ là **Gia Cát Khuê**, tự là **Quân Công** vào đời **Hán mạt**, làm chức quận thừa ở vùng **Thái Sơn**, vốn thuộc dòng dõi **Gia Cát Phong** làm tư lệ hiệu úy cho nhà **Hán**.

Vì sớm mồ côi cha mẹ, năm mười lăm tuổi, **Lượng** cùng với em là **Gia Cát Quân** theo ở với chú là **Gia Cát Huyền** đang làm thái thú **Dự Chương** giúp cho **Viên Thuật**, rồi được chú cho làm quan cả hai. Đến khi **Hán Triều** tuyển **Châu Hạo** để thay **Huyền** thì **Huyền** qua nương nhờ **Lưu Biểu** đang làm **Kinh Châu Mục**, là chỗ quen biết cũ. Hai anh em **Lượng** cũng theo chú qua ở đấy.

Sách **Hiến Đế Xuân Thu** chép rằng : Lúc đầu, **Thái Thú Dự Chương** là **Chu Thuật** mắc bệnh mà chết. **Lưu Biểu** bèn đem **Gia Cát Huyền** vào làm **Thái Thú Dự Chương**, cai trị vùng **Nam Xương**. **Hán Triều** nghe **Chu Thuật** chết liền khiến **Châu**

Hạo đến thay Huyền. Hạo bèn theo Dương Châu Thái Thú là Lưu Do cầu binh để đánh Huyền. Huyền rút binh qua đông ở Tây Thành, Hạo vào được Nam Xương tháng giêng năm Kiến An thứ hai. Nhân dân Tây Thành nổi lên làm phản giết Huyền gửi đầu Huyền thẳng tới Lưu Do. Như thế việc mà sách kể ở trên không giống với bản truyện.

Khi chú lá Huyền chết, Lượng thân hành cày ruộng, đặt ra bài *Lương Phụ Ngâm* mà Lượng rất thích thú (xem bài ấy ở phần thơ văn trong sách này).

Sách **Hán Tấn Xuân Thu** chép rằng : Lượng có nhà tại **Đặng Huyền** vùng **Nam Dương** cách thành **Tương Dương** 20 dặm về phía tây, nơi ấy gọi là **Long Trung**. Lượng có thân dài 8 thước, thường tự ví mình với **Quán Trọng** (1), **Nhạc Nghị** (2). Người thời ấy cho rằng nói như thế là quá đáng ; chỉ có *Thôi Châu Bình* ở **Bắc Lăng**, *Từ Thủ Nguyên Trục* ở **Dĩnh Xuyên** là chỗ thân thiết với Lượng thì tin là đúng.

Sách **Ngụy lược** chép rằng : Lượng ở **Kinh Châu** vào năm đầu **Kiến An** (tức là khi 15 tuổi), cùng đi du học với *Thạch Quảng Nguyên*, *Từ Nguyên Trục* ở **Dĩnh Xuyên**, *Manh Công Uy* ở **Như Nam**. Ba người kia chuyên về học tinh thực (thuộc lòng) còn Lượng chỉ xem đại lược (sơ sài, qua loa) mỗi sáng tối, khi thông thả thường ôm gối mà ca ngâm. Có lần Lượng nói với ba người kia : *Ba anh ra làm quan, có thể tôi chức thực sự, quận thủ được !* Ba người bèn hỏi sức Lượng thì tới đâu ? Lượng chỉ cười mà không nói ! Về sau Công Uy nhớ quê nhà nên muốn về bắc. Lượng bèn nói với anh ta rằng : *Trung Quốc to lớn, kẻ sĩ đại phu tha hồ ngao du, việc gì phải về quê nhà ?*

-
- (1) Quán Trọng tên thực là Quán Di Ngô là vị tướng quốc lỗi lạc đã giúp Tể Hoàn Công xây dựng nghiệp bá (đời Đông Chu).
(2) Nhạc Nghị là Thượng Tướng đại tài của nước Yên, từng hội binh năm nước để đánh nước Tề (đời Đông Chu).

Trong *Tam Quốc Chí*, có nói thêm chi tiết là Gia Cát Lượng ở đối **Ngọa Long Cang** (cang = đôi) (1) nên tự đặt biệt hiệu cho mình là **Ngọa Long tiên sinh**.

Trong **Biệt Truyện của Trương Thúc** có chép rằng : Lượng chỉ kính trọng có **Bàng Đức Công** (tự là *Son Dân*, chú của *Bàng Thống*) là người độc nhất mà Lượng thường tới lay dưới giường. Ban đầu, Đức Công để Lượng lay mà không hề ngán cản. Về sau Đức Công lấy chị của Lượng về làm vợ. Đức Công thường khen Lượng là bậc "*rồng nằm*" (Ngọa long).

Sách **Tương Dương Ký** chép rằng : Miên Như Nam có danh sĩ là **Huỳnh Thừa Ngạn** tính tình thanh cao, khoát đạt và thành thực. Ngạn đến báo với Lượng rằng : *Nghe anh kén vợ, tôi đây có đứa con gái xấu xí, đầu vàng, da đen nhưng tài năng có thể phối hợp với anh được*. Lượng bằng lòng, tức thì Ngạn đem con gái đến cho. Người đương thời rất buồn cười về chuyện ấy, nên trong làng xóm thường nhắc câu ngạn ngữ :

莫	學	孔	明	擇	婦
Mạc	học	Khổng	- Minh	trạch	phụ,
止	得	阿	承	醜	女
Chí	đắc	A - Thừa	xú	nữ	l

- (1) Theo sách *Tương Dương Phủ Chí* thì đối Ngọa Long ở phía tây nam phủ thành, cách xa 7 dặm, bắt đầu từ phía nam núi Tùng Sơn, chạy dài hàng trăm dặm đến đó đức quảng mà dừng lại. Đồi chạy vòng quanh như ổ chim. Trong đó có thảo lư (lưu tranh), trước mặt có giếng, có đường chạy quanh hơn trăm vòng. Đó là nơi Hầu cây cầy. Ngày xưa, nhà ấy làm nơi thờ phụng. Đồi nhà Nguyên, thời Đại Trung có lập thư viện. Trình cư Phu có làm bài văn ghi lại. Thương có đạo sĩ cư trú tại đây nhưng vì đêm nghe tiếng binh khí nên sợ lắm mà bỏ đi. Thời Tuyên Đức, nhà chức trách xây tại thảo lư, nạn tượng dễ mà quanh năm tế tự. Bia văn đời trước vẫn còn ; Phía đông bắc huyện Nam Dương, phía nam trấn Bắc Vọng, trên đỉnh núi Ấn Sơn cũng có miếu Võ Hầu

tạm dịch như sau :

Chẳng học kén vợ theo Khổng Minh,

Chỉ được gái A Thừa xấu inh !

Sách **Tương Dương Kỳ** có chép rằng :

Năm Kiến An thứ 12, *Tả Tướng Quân Dự Châu Mục* là **Lưu Huyền Đức** đến Kinh Châu, đem việc đời ra hỏi **Tư Mã Đức Tháo** (1) ở Tương Dương. Đức Tháo nói rằng : *Bon hú nhỏ, tục sĩ có thể biết được thời vụ hay sao ? Biết được thời vụ là bậc tuấn kiệt. Thuộc vào bậc ấy có hai người là **Phục Long** và **Phụng Sồ**. Huyền Đức hỏi là ai, thì Đức Tháo đáp rằng đó là **Gia Cát Khổng Minh** và **Bàng Sĩ Nguyên**. (2)*

Trong **Biệt Truyện**, **Trương Thúc** lại kể rằng khi Huyền Đức đến đóng binh tại Tân Dã, *Tì Thù* đến yết kiến thì được Huyền Đức trọng tài. Thù nói rằng : *Gia Cát Khổng Minh là **Ngọa Long** đó, tướng quân chẳng muốn gặp người sao ?* Huyền Đức bảo Thù dắt người ấy đến yết kiến. Thù đáp : *Người ấy chỉ có thể đến mà viếng chứ không thể ép buộc người ta đến mình được. Tướng quân nên hạ mình mà đến viếng thăm* Huyền Đức bèn đi thẳng tới Lượng, mà phải tới ba lần mới được gặp. Sau khi đuổi người hầu đi hết mới hỏi rằng : *Nhà Hán suy đồi, gian thần trộm mệnh, Chúa Thượng phải long đong khổ sở; kén què mùa này chẳng biết đo lường tài đức, muốn kéo thiên hạ tin vào đại nghĩa mà tri thức thì nông cạn, ngăn ngúi nên phải bòn ba ngang dọc cho đến ngày nay, nhưng chỉ khi chẳng thể nào người được, vậy mong tiên sinh hãy dạy bảo mưu kế.* Lượng đáp rằng : *Từ **Đổng Trác** đến nay, hào kiệt đều dấy lên, xét hết*

(1) Tam Quốc Chí nói rõ tên là **Tư Mã Huy**, tự **Đức Tháo** đạo hiệu là **Thủy Canh** tiền sinh nhỏ hơn **Bàng Đức Công** 10 tuổi

(2) **Bàng Sĩ Nguyên** tức là **Bàng Thống**.

các châu, quận thì không thể đếm xiết. Tào Thao đem ra so sánh với Viên Thiệu, thì danh tiếng kém hơn mà dân số cũng ít hơn. Nhưng Thao có thế hơn Thiệu, từ yếu đối ra mạnh, chẳng phải riêng nhờ thời mà cũng còn do mưu người nữa. Nay Thao cầm binh trăm vạn, cậy thế Thiên Tử mà sai khiến chư hầu. Như thế thì thành thực không thể tranh phong với Thao. Tôn Quyền hùng cứ tại Giang Đông, đã trải qua ba đời, đất nước đã hiểm trở mà lòng dân lại tin theo, kẻ hiền tài thì đủ dùng, đó là phe có thể cùng ta viện trợ cho nhau, mà chẳng có thể mưu đồ đánh chiếm được. Đất Kinh Châu phía bắc có sông Hán Miên, thuận lợi cho tới Nam Hải, phía đông liền với Ba Thục, đó là đất dụng võ nhưng chủ của nó không thể giữ nó được, minh như là đất của Trời cho Tướng quân, chẳng biết Tướng quân đã nghĩ đến việc ấy chưa ? Đất Ích châu thì hiểm trở, đất đai màu mỡ rộng tới ngàn dặm, đó là kho trời dành sẵn, Vua Cao Tổ xưa kia cũng do đó mà lập thành đế nghiệp. Lưu Chương thì ngu tối, yếu hèn, Trương Lỗ thì ở phía bắc, dân thịnh nước giàu, mà chẳng biết đoài nghĩ tới, còn kẻ trí thức, tài năng đều mong ước được mình quân. Tướng quân vốn dòng dõi nhà vua, tín nghĩa rải khắp bốn biển, nắm hết anh hùng, trông mong người hiền như khát nước, ví bằng lấy được Kinh Châu và Ích Châu, giữ gìn được các chỗ hiểm trở, phía tây hòa với dân Nhung, phía nam vỗ về dân Việt, bên ngoài giao hiếu với Tôn Quyền, bên trong tu chỉnh chánh lý, chờ khi thiên hạ có biến loạn, cử một viên thượng tướng đem quân Kinh Châu qua Uyên Lạc, còn Tướng quân thì tự cầm quân Ích Châu ra ngà Tấn Xuyên thì trăm họ ai mà không com đó, tương bầu ra đón Tướng Quân ? Thực được như thế ắt là vương nghiệp phát thành, nhà Hán có cơ hưng thịnh. Tả tướng quân nói rằng : Hay lắm ! Từ đó cảm tình đối với Lượng càng ngày càng thêm khắng khít. Quan Vũ

va Trương Phi đều không vui lòng. Tả Tướng quân bèn giảng :
*Ta được Khổng Minh cũng như cá được nước; mong các em
chẳng nói gì nữa !*

Xét **niên phả** thì Chiêu Liệt Đế viếng Khổng Minh tại Long Trung vào năm **Kiến An thứ 12** tức là năm *Đinh Hợi*. Bấy giờ Huyền Đức được **47 tuổi** còn Khổng Minh chỉ có **27 tuổi**. Cùng năm ấy, Hậu Chúa Lưu Thiện sinh ra tại Kinh Châu.

Về việc lần đầu Huyền Đức gặp Khổng Minh như thế nào sách **Nguy Lực** kể truyện khác hẳn : Lưu Bị đóng binh tại *Phàn Thành*. Bấy giờ *Tào Công* (1) đã định xong Hà Bắc. Lượng biết Kinh Châu đang thọ địch, mà tính Lưu Biểu thì chậm chạp không hiểu việc quân. Lượng bèn đi về bắc để gặp Bị. Bị và Lượng không quen biết, vả lại Bị thấy Lượng nhỏ tuổi (27) nên có ý đãi Lượng như học trò. Sau khi khách khứa đã về, Lượng con nán ngồi lại. Bị cũng không hỏi Lượng muốn nói gì. Tính của Bị thích kết lông mao, gặp lúc có người đến dâng đuôi con lý ngư cho Bị nên Bị lấy lông mà kết mao. Lượng bèn tới nói rằng : *Tướng quân đang cò chi cao xa sao lại chỉ kết mao mà chơi ?* Bị liền biết rằng Lượng chẳng phải người thường, bèn vạt mao đi mà nói rằng : *Tiền sinh có ý muốn nói gì ? Tôi nhờ lum thế mà quên lo.* Lượng bèn nói rằng : *Tướng quân so sánh Lưu Trấn Nam với Tào Tháo như thế nào ?* Bị đáp : *Không bằng.* Lượng lại hỏi : *Tướng quân hãy tự so sánh xem có bằng không ?* Bị đáp : *Cũng không bằng.* Lượng nói : *Nay đều không bằng mà binh của Tướng quân không quá mấy ngàn, lấy đó mà chơ địch, chẳng có kế gì sao ?* Bị nói : *Tôi cũng lo buồn về việc ấy, không biết làm sao đây ?* Lượng nói : *Nay Kinh Châu*

(1) Tào Công tức là Táo Tháo

chúng phải ít người, mà ghi vào sổ hộ tịch thì ít lắm. Người ta đang ó yên mà bày ra tra xét thì lòng người không vui. Vậy nên nói với Trần Nam báo nhà nào mới di cư đến thì tự khai ra, nhân đó mà ghi sổ thì có thể kiểm soát được đông người thêm. Bị theo kế ấy nên binh đông và mạnh hơn. Bị do đó mà biết Lương có tài anh lược, nên dùng lễ nghi đãi vào hàng thượng khách.

Sách **Cửu Châu Xuân Thu** cũng chép đúng như thế.

Đàng khác, ta hãy xét bài **Huỳnh Lăng Miếu Ký** (bài ở đầu phần thơ văn trong nhà sách này) thì thấy có câu : *Tổ tự mình cây ruộng Nam Dương, bèn chịu ơn họ Lưu chiếu cố tới viếng lều tranh...*

Theo ý kiến của **Thần Tông Chi**, ta lại xét *di biểu* của Lương có câu : *"Tiên Đế chẳng khinh Thần là kẻ ty tiện mà tự hạ mình ba phen viếng Thần tại túp lều tranh, lấy việc trong đời đem ra hỏi Thần..."*

Theo các truyền kể khác nhau như trên, ta không thể biết rằng Huỳnh Đức tìm tới Khổng Minh trước hay là Khổng Minh tìm tới Huỳnh Đức trước vì ta không thể tin chắc rằng các truyền ấy đã kể đúng. Nhưng *di biểu* và bài *Huỳnh Lăng Miếu Ký* không thể giả mạo được, vậy ta có thể căn cứ vào lời của Khổng Minh trong hai bài văn ấy để thừa nhận rằng quả thực **Huỳnh Đức đã ba phen tìm gặp Khổng Minh tại lều tranh để hỏi việc đời.**

Nhưng giả thuyết nêu ra trong **Ngụy Lược** nói rằng Khổng Minh tìm đến gặp Huỳnh Đức tại Phan Thành cũng chưa hẳn đã hoàn toàn sai. Có thể rằng ở Phan Thành, Khổng Minh ở lần trong đám khách khứa để dò xét đức độ của Huỳnh Đức, mà vì chưa được ai mách bảo nên Huỳnh Đức chẳng để ý đến

hoac là chưa có dịp khảo sát hết tài năng của Khổng Minh. Bởi thế Khổng Minh lại trở về Long Trung để mà ngày sau nhờ có người mách bảo, Huyền Đức phải ba phen tìm gặp để hỏi việc đời. Vậy dịch giả xin nêu việc ấy làm *ngghi vấn* để độc giả đem ra bàn luận giải sấu !

Mạc dẫu gặp được chúa nhưng chẳng gặp được thời, Khổng Minh cũng hết lòng khuông phò Huyền Đức, xây đắp triều Thục Hán, quyết dành cho được giang sơn ngàn dặm.

Năm KIẾN AN thứ 13 MẬU TÝ : Tại Kinh Châu, Lưu Biểu chết. Con là Lưu Tông được lập lên kế vị. Gặp lúc Tào Tháo đánh phương nam, Tông khiến sứ đến xin hàng mà không báo trước cho Huyền Đức biết. Khổng Minh bàn nên đánh Tông để giữ Kinh Châu. Huyền Đức cảm thấy bất nhẫn nên dẫn quân đi nơi khác, dân chúng Kinh Châu đi theo rất nhiều, có hơn 10 vạn người. Tháo dẫn tinh kỵ đuổi theo gấp. Tới Trường Bản, Huyền Đức bỏ cả vợ con, chỉ còn có Khổng Minh và 10 quân kỵ.

Theo **Biệt Truyện** của **Trương Thúc**, khi tới Hạ Khẩu, Lượng nói rằng : *Việc gấp lắm ! Xin phụng mệnh đi cầu cứu quân của Tôn Quyền. Bấy giờ Quyền đóng binh tại Sài Tang, cho xem thành bại. Lượng đến nói với Quyền như sau : Trong nước loạn lạn ! Tướng quân khởi binh chiếm cứ Giang Đông, Lưu Dị Châu cũng thu phục được dân chúng Hán Nam, cùng với Tào Tháo tranh giành thiên hạ. Nay Tháo đánh dẹp đám giặc phía Đông, tạm gọi là bình định đã xong, bèn phá Kinh Châu, uy vô chấn động bốn biển. Bởi lẽ anh hùng hết chỗ dụng võ, nên Dị Châu phải chạy trốn đến đây. Xin Tướng quân lượng sức mà xử trí. Nếu có thể lấy dân chúng Ngô Triệu mà kháng cự ngang ngửa với Trung Quốc thì nên sớm tuyệt giao với họ.*

Nếu không thể địch lại, thì sao lại không dẹp binh, bó giáp lại, xoay mặt về hướng bắc mà thờ họ ! Nay Tướng quân bề ngoài thì làm ra vẻ phục tùng, mà trong lòng cứ tính toán do dự mãi, việc gấp mà không chịu dứt khoát, tai họa sẽ tới không biết ngày nào. Quyền nói : Thật đúng như lời ngài nói, nhưng sao Lưu Dục Châu chẳng làm như thế ? Lượng đáp : Tráng sĩ nước Tề là Điền Hoàn còn giữ nghĩa chẳng chịu nhục, huống hồ Lưu Dục Châu thuộc dòng dõi nhà vua ? Quyền giận đỏ mặt uôi rằng : Ta chẳng có thể đem hết đất Ngô, cùng mười vạn quân để cho người ta chế ngự ! Ý ta đã quyết định rồi ! Ngoài Lưu Dục Châu ra chẳng ai có thể đối địch với Tào Tháo được. Nhưng Dục Châu vừa mới thất bại, làm thế nào mà chống cự với giặc được ? Lượng nói : Quân của Dục Châu tuy thua tại Trường Bàn, nhưng chiến sĩ đã trở về tụ họp, thêm nữa có thủy quân của Quan Vũ, tinh giáp được vạn người. Lưu Kỳ nhóm chiến sĩ Giang Hạ cũng không dưới vạn người. Quân của Tào Tháo, từ xa tới nên đã mệt mỏi, nghe rằng vì đuổi theo Dục Châu, mỗi ngày đêm phải đi hơn ba trăm dặm. Đó gọi là tên cưng khi hết tâm cũng không thể xuyên qua lụa mỏng nước Lỗ. Cho nên binh pháp rất kỳ diệu ấy mà nói rằng : Vào trường hợp ấy, bậc thượng tướng cũng ngã nhào ! Vả lại người phương bắc không tập thủy chiến, còn dân Kinh Châu bị áp bức đi lính cho Tào Tháo nên trong lòng không phục Tháo. Thành thực là Tướng quân có thể khiến mãnh tướng dân vài vạn binh cùng Dục Châu hợp sức mưu toan thì ắt là phá được quân của Tháo. Khi bị phá, ắt là quân của Tháo phải trở về bắc, như thế cái thế của Kinh và Ngô trở nên mạnh mẽ, lập thành cái hình thế chân vạc. Vậy cái cơ thành bại ở vào ngày nay cả. Quyền mừng lắm liền khiến Chu Du, Trình Phổ, Lỗ Túc đem ba vạn quân

theo Lượng tới hiệp lực với Tả tướng quân để chống cự với Tháo.

Viên Tử kể rằng : Trường Tử Bô tiến cử Lượng với Tôn Quyền. Lượng không chịu ở lại. Người ta hỏi lý do thì Lượng đáp rằng : *Tôn tướng quân đáng gọi là bậc nhân chúa, nhưng xem thái độ thì có thể trọng đãi Lượng mà không thể dùng hết tài năng của Lượng.*

Tào Tháo thua trận lớn tại Xích Bích, dẫn quân về Nghiệp huyện. Tả Tướng quân bèn lấy Giang Nam, dùng Lượng làm **Quân Su Trung Lang Tướng**, khiến coi ba quận Linh Lăng, Quế Dương, Trường Sa và thu thuế để nuôi quân. Các tướng sĩ thì suy tôn Tả Tướng quân lên làm Kinh Châu Mục.

NĂM KIẾN AN THỨ XV, CANH DẦN : Huyền Đức dùng **Bàng Thống** làm trị trung cùng với Khổng Minh làm quân sư.

Bàng Thống tự là **Sĩ Nguyên** là người Tương Dương, thuở nhỏ có vẻ ngờ nghệch, đần độn, chưa có trí thức xuất sắc. Ở Vinh Xuyên có **Tư Mã Huy** là người thanh nhã biết xem người. Khi 20 tuổi; Thống đến viếng Huy. Bấy giờ Huy đứng trên cây dâu để hái lá, và cứ thế mà nói chuyện với Thống ngồi dưới gốc cây, từ sáng đến tối. Huy lấy làm lạ lắm, và khen Thống xứng đáng là nhân sĩ bậc nhất ở Nam Châu. Từ đó Thống hiển danh lần lần. Ban đầu Thống làm lệnh đoán ở **Lôi Dương**, nhưng bị cách chức vì bỏ bê việc quan. Tướng nước Ngô là **Lỗ Túc** gửi thư cho **Lưu Huyền Đức** nói rằng : *Bàng Sĩ Nguyên chẳng phải có tài tâm thường, nên cho làm chức Trị Trung biệt giám như thế thì ngựa ký mới rộng càng được.* Khổng Minh cũng nói với Huyền Đức như vậy. Huyền Đức đem các việc mà bàn luận với Thống, thì thấy Thống có kiến thức hơn người bèn trọng dụng, cho làm Trị Trung tòng sự.

NĂM KIẾN AN THỨ XVI, TÂN MÃO : Tại Ích Châu, quan biệt giá Trương Tùng khuyên Lưu Chương mời Huyền Đức. Huyền Đức bèn cùng Bàng Thống đi lên miền Tây, để Khổng Minh, Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân ở lại giữ Kinh Châu.

Theo **Linh Lăng tiên hiền truyện** thì bấy giờ Lượng trú đóng tại Lâm Trung. Lưu Chương sai Pháp Chánh đón Huyền Đức rồi khiến Huyền Đức đánh Trương Lỗ.

NĂM KIẾN AN THỨ XVII, NHÂM THÌN : Lưu Chương giết Trương Tùng và khiến Quan Tuất dừng giao thông với Huyền Đức. Huyền Đức giận lắm mới giết tướng của Chương là Dương Hoài, Cao Bái rồi tiến binh đánh Phù Thành.

NĂM KIẾN AN THỨ XVIII, QUÝ TỶ : Huyền Đức cử binh đánh Lạc Huyện. Các tướng của Lưu Chương đều thua, chạy lui và phần nhiều ra hàng.

NĂM KIẾN AN THỨ XIX, GIÁP NGỌ : Quân sư Bàng Thống bị trúng tên mà chết. Theo **Linh Lăng tiên hiền truyện** : Khổng Minh để Quan Vũ giữ Kinh Châu, tự dẫn Trương Phi, Triệu Vân vào Tây Xuyên lấy các thành Bạch Đế, Giang Châu, Giang Dương, phân định quận huyện rồi lấy binh Tố Giang đến hiệp lực với Huyền Đức bao vây Thành Đô. Bình trị Thành Đô xong, Huyền Đức lên làm Ích Châu Mục, dùng Khổng Minh làm **Quân Sư Tướng quân**, kiêm **Ích Châu Thái thú**. Bấy giờ, Huyền Đức đã 54 tuổi, còn Khổng Minh 34 tuổi.

Từ đó Khổng Minh *tận dụng hết nhân tài*. Phàm những kẻ mà Lưu Chương đã từng dùng, những kẻ thông gia hoặc thân thích của Lưu Chương, và những kẻ mà Lưu Chương vì ghét sợ nên không dùng, tất cả đều được Khổng Minh khảo sát

tài năng để bổ nhiệm. Tất cả những kẻ có chí khí đều được khuyến khích.

Sách **Thục Ký** chép rằng : Dâu đòi Tấn, *Phù Phong Vương* là Tuấn trấn giữ Quan Trung, các vị tư mã Cao Bình, Lưu Bảo, các trưởng sử là Vinh Dương, Hoàn Thấp, các quan thuộc, đại phu cùng nhau bàn luận về Gia Cát Lượng. Bấy giờ, các người đàm luận phần nhiều chê bai Lượng đã gửi thân không đúng chỗ; làm cho dân-chúng Ba Thục phải lao đao, khổn khổ, tài sức nhỏ mọn mà dám mưu đồ việc to lớn, không biết đo đút, lượng tài của mình. Còn **Kim Thành, Quách Xung** thì khen Lượng là bậc quyền trí, anh lược, hơn cả Quán Trọng, Án Anh (hai vị tướng quốc nổi tiếng của nước Tề ngày xưa), chỉ vì công nghiệp chưa thành nên kẻ đàm luận mới nghi hoặc như thế. **Quách Xung** cho rằng muốn bình phẩm Lượng cho được đúng đắn, thì phải xét **năm việc làm** của Lượng, bị chìm đắm theo thời gian nên chẳng được người đời nhắc nhở. *Phù Phong Vương* rất thương xót mà nhận rằng Xung nói rất phải. *Thần Tùng Chi* cũng cho rằng Lượng là kẻ hay, đẹp khác thường.

Trong **Thục ký**, **Quách Xung** kể **một việc làm** của Lượng tại Ích Châu là áp dụng *hình pháp hết sức nghiêm khắc* : Lượng "bóc lột" trăm-họ (1) khiến cho mọi người từ bậc quân tử đến kẻ tiểu nhân đều oán hận ta thán (2). Bấy giờ Pháp Chánh khuyên can Lượng như sau : *Ngày xưa, vua Hán Cao Tổ vào Quan Trung đặt ra ba chương ước pháp, khiến cho dân Tần hiểu biết nhân đức của mình. Nay Ngài tạm mượn uy lực, chiếm cứ được một châu, chỉ mới được nước, chưa ban huệ, thì ân để vô về dân chúng, vả lại theo cái nghĩa khách chủ, thì Ngài nên*

(1) Dịch đúng nghĩa hai chữ khác bác.

(2) Như thế Không Minh là một nhà độc tài Chuyên Chế không kém Tần Thủy Hoàng.

nhún nhường một chút, vậy xin Ngài sửa hình pháp lại cho được khoan hồng, nói lỏng các điều ngăn cấm để lòng dân được yên vui. Lượng đáp rằng : Ngài biết một mà chưa biết được hai ! Đời Tần vô đạo, chính sách hà khắc nên nhân dân ta oán, kẻ thất phu kêu than long trời lở đất khắp nơi, nên Cao Tổ mới tỏ ra khoan dung đại độ. Còn Lưu Chương thì ngu tối, yếu hèn, từ bấy đến nay, ân huệ đã nhiều đời, văn pháp rắc rối, theo nhau mà làm, việc đức hạnh không được đề cử, uy hình không nghiêm chỉnh, nhân sĩ đất Thục tự do chuyên quyền, đạo vua tôi dần dần hư hỏng. Nếu cho chức vị (1) để tỏ lòng yêu mến họ, thì khi được chức vị cùng cực, họ sẽ tỏ ra khinh thường. Nếu ban ân huệ để họ thuận theo mình thì khi ân huệ đã hết, họ sẽ sinh ra kiêu ngạo. Sự tệ hại số dĩ đã đến mức đó, thực là do lẽ trên. Ta nay dùng hình pháp để làm uy thế, hễ hình pháp thi hành rồi, họ sẽ biết ân huệ. Ta dùng phẩm tước (2) để vạch rõ giới hạn cho họ, hễ phẩm tước gia tăng, họ sẽ biết vinh dự. Khi vinh dự và ân huệ đã đầy đủ thì trên dưới sẽ có tầng thứ. Điều cốt yếu là việc an trị, nhờ đó mà sẽ được rõ ràng.

Vẫn trong **Thục ký, Quách Xung**, còn kể một việc thú hai như sau đây : Tào Tháo sai thích khách đến gặp Lưu Bị. Vừa mới gặp nhau, hần đem việc đánh Ngụy ra bàn luận, hai bên rất hợp ý. Bị có ý muốn gán gủi người ấy. Nhưng hần chờ mãi chưa được dịp thuận tiện. Bỗng lúc ấy Lượng đi vào thì thần sắc của hần không được yên ổn. Lượng nhân đó mà quan sát liền biết rằng không phải là người bình thường. Sau chốc lát hần có vẻ như đi ra nhà xí, Bị nói với Lượng rằng : *Sắp được kỳ sĩ để giúp ích thêm cho ngài.* Lượng hỏi người ấy ở đâu ? Bị đáp : *Chính là người vừa gặp đó.* Lượng từ từ nói

(1) Chức vị thì có trách nhiệm và quyền hành.

(2) Phẩm tước thì không có nhiệm vụ.

ràng : Xem hần sắc thì chán động, thần thì sợ hãi, cúi đầu nhưng ngổ ngáo, vẻ gian trá lộ ra ngoài, bên trong chứa lòng tà, ắt là thích khách của họ Tào sai đến. Hãy đuổi bắt hần ! Nhưng kẻ kia đã vượt tường trốn mất.

NĂM KIẾN AN THỨ XX, ẤT MÙI : Huyền Đức nghe Tào Tháo sắp đánh Hán Trung, liền cầu hòa với Tôn Quyền và chia Kinh Châu lấy sông Tương làm giới hạn.

Theo **Biệt Truyện của Trương Thúc**, khi Huyền Đức đem quân ra Hán Trung, Lượng ở lại trấn thủ Thành Đô, lo tích trữ lương thực, tuyển mộ binh lính. Huyền Đức thường điều binh gấp rút. Lượng hỏi ý Dương Hồng giúp việc tại Thục Bộ. Hồng đáp : *Hán Trung là yết hầu của Ích Châu, công việc ngày nay là trãi lo việc chiến đấu, gái lo việc vận tải, vậy nên phát binh. sao lại còn nghi ngờ ?* Lượng bèn tâu lên xin cho Hồng làm thái thú Thục Quận lo điều độ mọi việc.

Lượng chỉ xét tài năng mà dùng người, không cù về lai lịch trước sau của họ. Hồng khi trước làm chức công tào cho Lý Bình. Đến khi Bình đổi về giữ đất Kiến thì Hồng về làm Thục Quận. Dưới tay Hồng có kẻ thư tá là Hà Kỳ có tài trí, đã được cử đi làm quận lại nhiều năm, nay lại được Lượng đề bạt đi trấn giữ Quảng Hán, thời ấy Hồng còn ở Thục Quận.

Tất cả miền tây đều phục Lượng ở chỗ *biết trọng dụng nhân tài* thời ấy, chẳng bỏ sót một ai, đại để như vài thí dụ đã kể trên.

NĂM KIẾN AN THỨ XXIII, MẬU TUẤT : Tào Tháo tự đem quân đánh Huyền Đức. Huyền Đức đem binh đóng tại Dương Bình.

NĂM KIẾN AN THỨ XXIV, KỶ HỢI : Huyền Đức từ phía nam Dương Bình, vượt sông Miện, sai Huỳnh Trung chém

Hạ Hầu Uyên, bình định Hán Trung. Lượng thống lĩnh quân thần tôn Huyền Đức làm *Hán Trung Vương* và làm biểu tâu lên Hán Đế Tôn Quyền xưng phiên thuộc với Tháo. Lục Tốn và Lữ Mông bày mưu lừa gạt lấy được Kinh Châu. Quan Vũ chết.

NĂM KIẾN AN THỨ XXV, CANH TÝ : Tào Tháo chết. Con là Tào Phi soán Hán, phong Hán Đế làm Sơn Dương Công.

CHƯƠNG VŨ NGUYÊN NIÊN (TÂN SỬU) : Nghe tin Hán Đế bị hại, Hán Trung Vương phát tang và để chế. Vào tháng tư hè, Khổng Minh và quân thần tôn Vương lên ngôi *Hoàng Đế*. Đế đổi kỷ nguyên là *Chương Vũ*, lấy đế hiệu là *Chiêu Liệt*, dùng Khổng Minh làm **Thừa Tướng**. Bấy giờ Chiêu Liệt Đế 61 tuổi, Thừa tướng 41 tuổi.

NĂM CHƯƠNG VŨ THỨ HAI (NHÂM DẦN) : Chiêu Liệt Đế then tức vì Quan Vũ bị hại, tự dẫn binh đánh Tôn Quyền bị Lục Tốn đánh bại. Đế dẫn binh vào thành Bạch Đế đổi tên ra thành Vinh An. Nghe tin Đế bị thua trận. Thừa tướng than rằng : *Nếu còn Pháp Hiếu Trục (1), ắt có thể can gián Đế đừng đem binh qua đông.*

Tôn Quyền xin hòa, Thục và Ngô lại giao hiếu như trước, Trương Phi chết.

NĂM CHƯƠNG VŨ THỨ BA HAY KIẾN HUNG NGUYÊN NIÊN (QUÝ MÃO) : Đế buồn bực không yên, bèn triệu Thừa tướng đến hội. Vào tháng 2, Thừa tướng đến Vinh An. Vào tháng 4, Đế bệnh nặng gọi Thừa tướng đến nói rằng : *Tài của khanh mười lần hơn Tào Phi, có thể trị yên nước, về sau có thể lo xong đại sự. Con nối dõi của ta, nếu khanh xem có thể giúp được thì hãy giúp, còn nếu nó quá bất tài thì khanh nên nắm lấy tất cả.* Thừa tướng khóc mà nói rằng : *Thần sẽ*

(1) Pháp Chánh.

hết sức phò tá, ráng giữ tiết trung trinh, tiếp tục mãi đến chết. Để lại xuống chiếu dạy con rằng : Người hãy làm việc noi theo Thừa tướng, thờ Người như Cha. Rồi Đế băng, hưởng thọ 63 tuổi. Thừa tướng nhận di chiếu, chịu tang và trở về Thành Đô.

Tháng 5, Thái Tử Thiện tức vị, bảy giờ 17 tuổi, dùng niên hiệu **Kiến Hưng**, phong Thừa tướng làm **Vô Hương Hầu**, kiêm lãnh Ích Châu Mục, và giao cho Hầu quyết định mọi công việc lớn nhỏ.

Thực Chí kể rằng : KHI Chiêu Liệt và Hậu Chúa vừa mới tước vị, đều có đại xá tội phạm. Có kẻ tiếc rẻ về sự đại xá ấy thì Hầu nói rằng :

Muốn trị thế, phải dùng đức lớn chứ không phải chỉ dùng ân huệ nhỏ. Như Lưu Cảnh Thăng và Quý Ngọc, hai cha con năm nào cũng tha thứ và ân xá, điều ấy có ích lợi gì cho sự trị an đâu ?

Theo **Biệt Truyện của Trương Thúc**, Hầu ra lời dạy quần thần như sau : *Phàm làm việc nước, nên gom góp tất cả những điều lo tính của mọi người, và ráng làm cho ích lợi thêm. Nếu lìa bỏ những kẻ chẳng làm vừa ý mình, mà sinh ngờ vực, thì không có sự tranh cãi nhau, chỉ trích nhau, như thế sẽ có chỗ thiếu sót tổn hại. Trong sự chống đối nhau, chỉ trích nhau mà lại có sự ngay thẳng, đúng đắn; trong cái vật xấu xí, hư hỏng mà lại có châu ngọc.*

Nhưng khó mà hiểu biết được hết lòng người. Chỉ có Từ Nguyên Trục là không hề sai lầm về điều ấy.

Lại xét **Đổng Áu Tế** coi việc nước trong bảy năm thế mà cũng có việc chẳng làm xong xuôi được, đến nỗi có việc phải làm đi làm lại tới mười lần, và phải tìm nhau, trình bày công việc cho nhau biết để mà cùng nhau bàn luận.

Nếu chỉ chuộng một phần mười tài trí sáng suốt của Nguyên Trục đức tính ân cần của Ấu Tế, đó là hết lòng với nước. Lượng mà được như thế ắt là sẽ ít lỗi lầm !

Hầu lại dạy thêm : Hồi ta mới giao kết với Châu Bình thường nghe các việc được, mất, sau giao kết với Nguyên Trục thường được nghe giảng dạy, khi trước chung lo công việc với Ấu Tế, mọi lời nói đều giảng giải tận tường, về sau đeo đuổi công việc với Vi Đế được nhiều lần can gián, tuy rằng ta có tư tánh quê mùa dân dòn chẳng có thể thấu nạp được hết, nhưng trước sau ta đều hòa hiệp với bốn người ấy, điều ấy đủ chứng tỏ rằng không nên nghi ngờ lời nói chính trực.

Hầu đem các danh sĩ một thời là Tưởng Uyển, Trương Duệ, v.v... vào làm việc trong mạc phủ của Thừa tướng, lại chọn lựa cẩn thận các bậc già cả, đức hạnh giúp việc Ích Châu, trong đó có Tân Mật làm biệt giá, Vương Lương làm công tào, Đỗ Vi làm chủ bộ, Tiểu Chu làm khuyết học tông sự, mấy người ấy đều sẵn làm việc nhân nghĩa rõ ràng trước, làng xóm đều kính trọng và hâm mộ. Đỗ Vi có tiết khí thanh cao khác thường. Từ ngày Tiên Chúa định yên đất Thục, Vi thường tự xưng là mình diếc lác, đóng cửa không ra khỏi nhà. Đến khi Hầu cầu hiền, dùng kiệu để mời đến thì Vi cũng đến nhưng lại hết sức thoái thác mà xin về. Hầu bèn viết thư cho Vi như sau : Tào Phi soạn nghịch thí Vua tự lập làm vua, chỉ là hạng rỗng đất, chó rom được danh mà thôi. Ta muốn cùng quân hiền, nhân lấy chính đạo mà dẹp tà nguy, chứ chẳng cần khởi dấy việc lao dịch như Ngô, Sở xưa kia. Nay nhân Phi bận nhiều việc, ta lại đóng quan ải để lo trông trọt, nuôi dưỡng dân vật, chuẩn bị giáp binh, để đợi chúng biến loạn mà đem quân đánh chúng. Như thế khiến binh khởi phải đánh, dân khởi phải nhọc mà thiên hạ được yên định. Ngài chỉ nên lấy đức mà giúp thời,

chàng ai bắt ngài phụ trách việc quân sự, vậy sao ngài cứ nhất định xin về ? Nhờ bức thư ấy mà Vi chịu ở lại giúp việc. Hầu bên tiến cử Vi làm gián nghị đại phu.

Sách Lượng Tập chép rằng : Năm ấy, Ngụy Tư Đồ là Hoa Hâm, Tư Không là Vương Lăng, Thượng Thư lĩnh là Trần Quần, Thái Sử lĩnh là Hứa Chi, cùng Yết Giả Bộc Đa là Gia Cát Chương, mọi người đều viết thư cho Lượng để trình bày việc thiên mệnh và nhân sự, muốn khuyên Lượng dâng đất Thục xin làm phiên thuộc.

Lượng chẳng đáp thư, làm bài **chánh nghị** sau này : *Xưa bới Hạng Vũ khỏi nghĩa chẳng vì đức hạnh, tuy ở một chốn Hoa Hạ, mà giữ thế để vương, rốt cuộc cũng chết chẳng toàn thân, đó là một việc để răn dạy người đời sau. Ngụy chẳng xét kỹ, nay tái diễn trò ấy thêm một lần nữa, mà may mắn giữ thân được vẹn toàn thì cũng nên răn đe con cháu mới phải ! Thế mà nay hai ba người cũng là bậc tuổi tác lại vâng chỉ táng nguy mà dâng thư, để tăng bớt chút công lao hèn hạ, rồi cũng sẽ vướng vào tai họa trước mà thôi, mong tránh khỏi được sao ? Ngày xưa vua Thế Tổ lúc mới khởi nghĩa chỉ dấy lên vài ngàn binh yếu đuối mà đánh được Mãng có quân lữ hùng mạnh hơn bốn mươi vạn binh tại đàn Côn Dương. Phàm dựa vào đạo đức mà đánh bọn tà dâm thì không cần biết nhiều hay ít. Đến khi Mạnh Đức dùng sức mạnh và trí xảo quyết hơn người, cầm binh mấy mươi vạn để cứu Trương Cáp tại Dương Bình, gặp lúc thế cùng thì hối tiếc chỉ mong thoát nạn mà thôi, thật là nhục về chỗ nhiều binh phong nhuệ, rốt cục cũng phải chịu chết tại đất Hán Trung. Như thế nên biết rõ rằng chẳng có thể làm xằng bậy mà dành được thân khí (vương nghiệp), chỉ quanh quẩn mà chẳng đi đến đâu cả, rồi tự nhiễm độc mà chết. Con là Hoàn bốn tánh dâm dật, cũng nối tiếp theo đó mà lo tính toán*

đoạt. Giá sứ hai, ba người kia có say mê các thuyết quý mị của Tô, Trương, có dùng lời lẽ khuấy trời chọc nước của Hoan, Đâu để vu cáo, hủy báng vua Đường, đem xâu tạc của vua Hạ Vũ ra mà đùa giỡn, thì đó chỉ là loại văn chương vô ích và phiền phức mà kẻ đại nhân, quân tử không bao giờ dùng. Vả lại sách **quân giới** có nói rằng : Có một vạn người cũng chết ! xưa kia hoành hành trong thiên hạ là họ **Hiên Viên**, chỉ cần chính đồn số binh vài vạn mà có thể chế ngự bốn phương, trị yên đất nước, hưởng hô là dùng số binh mười vạn, dựa vào đạo lý mà trừng phạt kẻ có tội, thì ai mà có thể ngăn cản được nữa !

NĂM KIẾN HUNG THỨ III, ẤT TÝ : Vào mùa xuân, Hưu dẫn quân nam chinh. **Lượng tập** chép rằng : Chiếu ban xuống cho Lượng một bộ phù việt bằng vàng, một lọng xếp, trước sau một bộ trống kèn kết tua ngũ sắc, hỏ bốn sáu mươi người.

Hưu chém Ung Khải, bảy lần bắt Mạnh Hoạch, mùa thu thì bình định xong.

Sách **Hán Tấn Xuân Thu** chép rằng :

Lượng ở tại Nam Trung, đánh dẹp xong chỗ ấy, nghe tin **Mạnh Hoạch** được người bản xứ phục lăm, bèn cho người mời đến. Khi đến rồi, khiến Hoạch xem dinh trận rồi hỏi rằng : *Nhà người xem quân đội ta như thế nào ?* Hoạch đáp rằng : *Vừa rồi không biết hư thực nên mới bại, nay được cho xem dinh trận, nếu yếu đuối như thế thì chúng tôi dễ thắng lắm !* Lượng cười cho Hoạch về, khiến lại đánh nữa. Rồi cứ như thế, bảy lần thả, bảy lần bắt. Thế mà Lượng còn đuổi Hoạch về. Hoạch ở lại không về mà nói rằng : *Ngài có uy lớn như trời đất, người phương nam không dám làm phản nữa.* Rồi Lượng đem quân đến Điển Trì, bình định Nam Trung xong, lại kén các thủ lãnh

cũ mà dùng để trị dân. Có người nghi ngờ đến can gián Lượng thì Lượng giảng giải như sau : Nếu để người ngoài ó lại mà trị dân, thì phải để binh lại. Để binh lại thì không có gì mà ăn, đó là điều khó khăn thứ nhất. Vả lại, người bản xứ vừa mới bại binh, cha anh bị chết nhiều, nếu để người ngoài ó lại cai trị mà không để binh lại, thì sẽ có họa xảy ra, đó là điều khó khăn thứ hai. Thêm nữa người bản xứ phần nhiều đều có dính dấp đến tội chém giết, nên có lòng hiểm nghi, nếu để người ngoài lại, thì rốt cuộc vẫn không tin cậy nhau, đó là điều khó khăn thứ ba. Nay ta chẳng muốn để binh lại, chẳng muốn vận lương mà cung kỵ cũng tạm định xong, người bản xứ cũng tạm trị yên được.

Theo **Biệt Truyện** của **Trương Thúc** thì Mạnh Hoạch cung các hào kiệt bản xứ được dùng làm quan thuộc như cũ. Hầu lệnh bỏ tiền ra mua sơn đồ, trâu cày, ngựa chiến để đem về dùng trong nước. Từ đó dân bản xứ chẳng dám làm phản nữa.

Trên đường về nước, có sông Lô chắn ngang. Tiến quân tới sông, lúc ấy vào tháng chín mùa thu, thì trên sông nổi sóng gió, thuyền không đi qua được. Thổ dân thuật rằng hằng đêm có tiếng ma kêu, quỷ khóc và cho rằng có lẽ đó là oan hồn của những binh Man chết trận. Mạnh Hoạch và thổ dân khuyên Hầu theo tục lệ xưa dùng 49 đầu người để làm lễ tế. Hầu sửa đổi lại tục lệ, chỉ sai giết trâu, dê, lấy bột mì nặn hình 49 đầu người, nhét thịt vào trong để thay đầu người Man. Đang đêm thiết hương án trên bờ sông, bày tế vật ra, thắp 49 ngọn đèn, treo cờ chiêu hồn rồi đến canh ba, Hầu mặc áo, đội mão thân hành đến tế, sai **Đổng Quyết** đọc tế văn (xem bài *Văn tế sông Lô* ở phần thi văn trong sách này). Bài văn tế đọc xong, sai quân ném tế vật xuống sông Lô. Sáng hôm sau, đại quân qua

sông được bình yên, gió im, sóng lặng. Do sự tích ấy mà ngày nay, người Trung Hoa thường ăn *bánh bao nhét thịt* gọi là *bánh man đầu*.

NĂM KIẾN HUNG THỨ V, ĐÌNH MÙI : Năm này con Hầu là Chiêm, được sinh ra đời. Bấy giờ Hầu 47 tuổi. Tháng 3, Hầu đem binh ra Hán Trung để đánh Ngụy. Hầu đặt Trương Duệ làm tham quân. *tướng Uyển* ở lại coi phủ sự, chọn Doãn Mặc, Lai Mẫn làm Quân Tế Tửu đem Hoắc Qua, Diêu Thân, v.v... vào mạc phủ, tiến cử nhiều kẻ sĩ văn, võ. Hầu khen Uyển mà nói rằng : *Hết lòng vì nước, chẳng có gì lớn lao bằng tiến cử nhân tài. Tiến cử nhân tài là việc quan trọng hơn mọi việc. Quan huyện họ Diêu giữ đủ cương nhu để gồm kiêm văn võ, đáng gọi là bậc bác nhĩ (uyên bác nho nhĩ). Mong rằng các viên chức phụ thuộc đều được tiến cử như vậy.*

Viên hiệu úy tại Trường Thủy là *Liêu Lập* thấy Hầu ra quân bèn nói với nhóm Tướng Uyển rằng việc ấy chẳng nên, thêm nữa lại phỉ báng Tiên Đế, nói xấu trăm quan. Hầu tâu lên rằng Lập loạn chánh rồi phế bỏ Lập thành thường dân và đày y đi Vấn Sơn.

Sợ rằng Hầu Đế khó phân biệt trung, nịnh, sớm tối chẳng biết cùng ai bàn bạc, ắt có lẽ phải tự mình tính toán hết thảy nên Hầu gửi sớ về dâng lên Hậu Đế để khuyên răn, dặn dò các việc (Trước khi đọc tiếp tiểu sử, xin đọc giả tìm đọc ngay bài *Tiến Xuất Sư Biếu* ở phần thi văn trong tập sách này, để hiểu rõ tư tưởng của Hầu).

Hầu đóng binh tại Miện Dương. **Quách Xung kể việc làm thứ ba** của Hầu như sau : Lượng đóng binh tại Dương Bình, khiến Ngụy Diên đem binh xuống miền đông. Lượng chỉ lưu lại một vạn người để giữ thành. Tấn Tuyền Đế dẫn 20 vạn

binh đến chống cự với Lượng. Vì lạc đường, Ngụy Diên không ngăn chặn được Tuyên Đế nên Tuyên Đế dẫn binh thẳng tới, chỉ cách Dương Bình 60 dặm. Quân trinh sát về báo với Tuyên Đế rằng có Lượng ở trong thành, binh lực yếu ớt lắm. Lượng cũng biết Tuyên Đế sắp tới đánh mình, muốn bỏ thành để theo Diên thì không kịp nữa. Tướng sĩ tái mặt, không biết tính kế gì, Lượng vẫn bình thản như thường, sai hạ cờ, nghỉ trống, không ai được ra khỏi lũy trại. Rồi lại sai mở bốn cửa thành lấy chổi quét đất mà dùng rải nước. Tuyên Đế khen Lượng dùng binh rất cẩn thận nay thấy thế lực của Lượng quá yếu, nên nghĩ rằng có phục binh, bèn dẫn binh về phía bắc Thú Sơn. Ngày hôm sau vào giờ án, Lượng gọi Tham Tá đến vỗ tay cười nói rằng : *Tư Mã Ý cho rằng ta khiếp nhược, chắc là sẽ có phục binh, nên đã dẫn binh theo đường núi mà chạy.*

NĂM KIẾN HUNG THỨ VI, MẬU THÂN : Vào mùa xuân, Hưu dẫn đại quân đánh Kỳ Sơn. Ba quận Nam An, Thiên Thủy, An Định phản Ngụy mà theo Lượng.

Sách **Ngụy Lược** chép rằng : Ngụy Minh Đế đang giữ Trường An sai Trương Cáp chống cự với Lượng. Lượng khiến Mã Tắc cầm quân ở đằng trước, đánh Cáp tại Nhai Đình. Tắc không theo lời khuyên dè dặt của Hưu, cử động không đúng phép nên bị Cáp đánh bại. Lượng bèn dành Tây Huyện có hơn ngàn nhà đem trả về Hán Trung.

Quách Xung kể việc thứ tư của Hưu như sau : Lượng ra Kỳ Sơn. Ở Lũng Tây, Nam An, ba quận hàng theo Lượng. Vây Thiên Thủy, đánh Ký thành, dành được Khương Duy, cướp trai gái vài ngàn người trả về đất Thục. Mọi người đều đến chúc mừng Lượng. Lượng có vẻ mặt thiếu não, lo buồn, bấy giờ cảm ơn mà nói rằng : *Trong khắp thiên hạ, chẳng có dân nào*

mà chẳng phải là dân Hán. Vì uy lực của quốc gia chưa đầy lên được, nên trăm họ phải lao khổn trong miệng bọn sai lang. Bất cứ người nào chết, đó là do tội của Lượng này mà ra cả. Vừa rồi chúc mừng tôi, thật là xấu hổ cho tôi !

Sách **Ngụy Lượng** kể rằng : Lượng giết Tắc để tạ tội với dân chúng, dâng số tâu lên Hậu Đế như sau : *Thần tài hèn, cô đơn chẳng biết nương tựa vào đâu, tự mình cầm cờ búa, để nghiêm trị ba quân, chẳng biết dạy dỗ, tập rèn đúng phép, thành thử gặp việc thì sợ hãi, đến nỗi ở Nhai Đình xảy ra việc trái lệnh, sự thất bại tại Kỳ Cốc chẳng có thể ngăn ngừa. Tất cả các lỗi lầm đều do ó thần thi hành chức vụ không đúng phép, rõ ràng là thần chẳng biết người, trông coi công việc thì tỏ ra ngu tối, đời đời sẽ trách lỗi thần. Vậy xin giáng chức thần xuống ba cấp để tự thân tự suy xét lỗi mình. Do đó Hậu Đế giáng chức Lượng xuống làm Hữu Tướng quân coi việc thừa tướng, quản lý mọi việc như trước.*

Sách **Hán Tấn Xuân Thu** kể rằng : Lượng xuất sư chỉ đem quân có 5 vạn, có người khuyên Lượng phát binh thêm. Lượng nói rằng : *Đại quân tại Kỳ Sơn, Kỳ Cốc cũng đông bằng giặc, chẳng có thể phá giặc mà lại bị giặc phá, như thế lỗi lầm chẳng do ít binh mà chỉ do một người. Nay ta muốn giảm binh, bớt tướng, trừng phạt cho nghiêm minh, suy xét các điều sai lầm, thay đổi đường lối về tương lai. Nếu chẳng làm được như thế thì nhiều binh cũng chẳng có ích gì. Từ nay trở về sau, những ai hết lòng lo việc nước nên thường xem khuyết điểm của ta mà tránh, như thế ắt là công việc có thể định yên, giặc sẽ bị trừ giết, sự thành công có thể kiểng chân mà mong chờ. Từ đây Lượng tìm tòi những công lao nhỏ nhặt để thưởng, cất nhắc các bậc liệt sĩ, tráng kiệt, trách lỗi ở chính mình bày tỏ khuyết điểm của mình cho thiên hạ biết, khuyến khích binh sĩ,*

giảng giải việc vô bị để mưu đồ việc về sau, chọn lựa và tập rèn nhưng sĩ rồi dần dần dần chúng quên sự thất bại vừa qua.

Lượng nghe Tôn quyền phá được Tào Hưu. Bình Ngụy đang xuống miền đông, ở Quan Trung binh ít, thế yếu. Vì thế vào tháng 11, Lượng dâng biểu xuất sư (Xin đọc giả tìm đọc ngay bài *Hậu Xuất Sư Biểu* ở phần thi văn trong sách này.)

Mùa đông, Hưu đem binh ra ngã Tán Quan, vây Trần Thương. Tào Chân đem binh chống cự. Hưu hết lương thực nên phải trở về. Tướng Ngụy là Vương Song đem quân ky đuổi theo. Hưu quay lại đánh, phá quân Ngụy, chém được Vương Song.

NĂM KIẾN HUNG THỨ VII, KỶ DẬU : Hưu khiến Trần Thúc đánh hai quận Võ Đô, Âm Bình. Bèn Ngụy, Thứ sử Ung Châu là Quách Hoài dẫn quân đánh Thúc để cứu hai quận. Hưu liền tự đem quân tới Kiến Uy, Hoài bèn chạy trốn. Như thế chiếm được hai quận. Hậu Chúa xuống chiếu *thăng* Hưu lên làm *Thừa tướng* trở lại.

Sách **Hán Tấn Xuân Thu** chép rằng : Cũng trong năm này, Tôn Quyền xưng tôn hiệu. Các quan đem việc hai vua đã được tôn lên, đem ra nói với Lượng. Những kẻ bàn luận đều muốn bãi bỏ sự giao hiếu với Ngô. Lượng nói : *Quyền có lòng tiếm nghịch đã lâu rồi ! Nước nhà sợ dĩ bỏ qua sự hiềm khích là để nhờ vào thế ý giốc mà cứu giúp nhau. Nay nếu tuyệt giao rõ ràng, thì phải đem binh qua phía đông mà phòng thủ, tranh mạnh yếu với họ, lo thôn tính đất đai của họ.*

Rồi Lượng lại bàn về Trung Nguyên : *Bên ấy, hiền tài rất nhiều, các tướng hòa mục với nhau, chưa thể một ngày mà định yền được. Phải chuẩn bị binh nhưng để chống nhau. Nếu chỉ ngồi mà đợi già, để cho giặc Bắc thành tựu kế hoạch của chúng, thì đó chẳng phải là điều mưu tính hay nhất. Ngày xưa Lý Văn*

Ty rời bỏ Hung Nô, còn Tiên Đế thì mong liên minh với Đông Ngô, hai việc đó đều là sự quyền biến hết thấy. Nghĩ tới sự ích lợi xa xăm về sau, đó chẳng phải là phần của kẻ thất phu. Nay các người bàn luận đều cho rằng Quyền được lợi ở thế chân vạc, chẳng ngang sức với người ta, vả lại, điều ước vọng đã được mãn nguyện nên chẳng muốn lên bờ nữa. Suy nghĩ điều ấy thì thấy cũng tương tự như vậy, nhưng chẳng phải đúng như vậy. Bối có sao ? Bối vì trí lực chẳng bằng người nên mới lấy sông làm giới hạn để tự giữ gìn. Quyền không thể vượt sông Giang, cũng giống như giặc Ngụy không thể qua sông Hán, không phải họ có dư sức để làm việc ấy, và thêm nữa họ không thấy được lợi gì về việc ấy. Nếu ta đem đại quân đánh dẹp Đông Ngô, thì Ngụy sẽ rảnh tay để mà trên thì chia cắt đất đai để mưu tính về sau, dưới thì cướp dân mở rộng biên cảnh, để phô bày uy vũ bên trong, chẳng chịu ngồi không vậy. Nếu bây giờ ta làm sao cho Đông Ngô ngồi yên nhìn ta đánh Bắc Ngụy, chẳng lo về mặt đông nữa, quân Hà Nam chẳng có thể dón hết về phía tây để chống cự ta, thì đó là cái lợi to tát vậy. Như thế tội tiếm nghịch của Quyền chẳng nên vạch rõ ra. Sau đó Lượng khiến vệ úy là Trần Chấn đi qua chúc mừng Quyền về việc tôn xưng chánh hiệu.

LỜI BÀN CỦA NGƯỜI BIÊN DỊCH : Từ nhỏ đến lớn, tôi thường được nghe nói tới cái thế chân vạc (tam đánh tấc) và cũng đã đọc Tam Quốc Chí nhưng chưa được nghe ai giảng giải rõ ràng về thế ấy, nên chỉ hiểu lơ mờ mà thôi. Khi Huyền Đức đến viếng Khổng Minh tại Long Trung, Khổng Minh chỉ giảng cho Huyền Đức hiểu kế lập nghiệp và thế chân vạc mà chưa giảng rõ cách vận dụng của thế ấy. Nay nhân dịp Tôn Quyền xưng tôn hiệu, mà các quan muốn tuyệt giao với nước Ngô, nên Khổng Minh mới giảng rõ cách vận dụng của thế chân vạc ấy

ra. Sợ rằng văn xưa thiếu mạch lạc, độc giả khó theo dõi, nên tôi xin *nương theo ý của Khổng Minh* mà trình bày lại thể chân vạc như sau.

Đỉnh hay *vạc* có ba chân, nên thể ba nước kềm giữ nhau thường được gọi là *thể chân vạc*. *Nguy* chiếm miền bắc, đất rộng, dân đông, nhiều nhân tài ; họ Tào lại dùng danh nghĩa phò Hán nên tạm thời yên được lòng người. *Ngô* chiếm miền đông nam, đất rộng, nhiều sông, nhưng ít dân cư, ít nhân tài ; sở dĩ Tôn Quyền giữ được sự nghiệp, đó là nhờ ân đức của cha, anh để lại nên lòng người quy phục. *Thục* chiếm miền tây, hẹp đất, ít dân, ít nhân tài, chỉ nhờ cậy vào núi non hiểm trở để giữ nước ; sở dĩ Thục nhỏ hẹp mà khá mạnh, đó là nhờ Huyền Đức và Khổng Minh là hai bậc anh hùng được nhận dân hâm mộ.

Trong ba nước, *Nguy* mạnh nhất, thứ đến là *Thục*, thứ ba là *Ngô*. Là nước yếu nhất, *Ngô* chỉ lo giữ mình mà thôi, không bao giờ tự dám đem quân đi đánh *Nguy* và *Thục*. Bởi lẽ ấy, các quan triều *Thục* chủ trương rằng *Thục* không nên đánh nước mạnh là *Nguy*, mà phải đánh nước yếu là *Ngô* trước đã !

Khổng Minh giải đáp vấn đề ấy như sau : Nếu xét riêng một mình, thì *Ngô* là nước yếu, nhưng nhờ *thể chân vạc*, *Ngô* không phải là yếu hẳn !

Thục vậy, nếu *Ngô* không thể đánh *Nguy* và *Thục* nổi thì *Thục* và *Nguy* cũng không đánh *Ngô* nổi. Nếu *Nguy* đánh *Ngô*, thì *Thục* phải giúp *Ngô*, bằng không *Ngô* mất rồi thì *Thục* cũng sẽ mất theo !

Nếu *Thục* đánh *Ngô*, thì *Nguy* được lợi thế rất nhiều : *Nguy* sẽ rảnh tay để thôn tính mặt bắc rồi ngồi chờ cho hai bên suy yếu mới nhảy vào tranh giành đất đai. *Nguy* sẽ đánh

lấy nước yếu trước, rồi tiếp liền theo đó, đánh lấy nước kia. Như thế chẳng tốn công, nhọc sức nhiều mà Ngụy có thể thống nhất Trung Quốc !

Vậy chỉ còn một cách là *Thục giao hiếu với Ngô để Ngụy ngờ vực Ngô mà phải giữ một số binh ở mặt nam để đề phòng Ngô đánh lên.*

Khi Ngụy không thể dồn hết binh qua mặt tây, thì binh lực của Ngụy bị chia xẻ, nhờ thế *Thục sẽ đánh Ngụy được dễ dàng hơn.*

Như vậy, đối với Thục muốn thống nhất Trung Quốc, không có kế nào ngoài kế *hòa hiếu với họ Tôn ở mặt đông, để đánh họ Tào ở mặt bắc.*

Theo **Biệt Truyện** của **Trương Thúc** thì đến mùa đông, Vô Hưu dời phủ dinh ra Nam Sơn Hạ. Nguyên Sơn xây Hán Thành tại Miện Dương, xây Lạc Thành tại Thành Cố.

NĂM KIẾN HUNG THỨ VIII (CANH TUẤT) : Theo **Biệt Truyện** của **Trương Thúc** : Mùa hè, Ngụy sai Đại Tư Mã Tào Chân từ Tà Cốc dẫn các tướng, theo nhiều đường mà cùng tiến lên. Đại Tướng quân là Tư Mã Ý đi ngược dòng sông Hán, từ Tây Thành đến hội ngộ với Tào Chân. Mùa thu, Vô Hưu đóng binh tại Thành Cố và Xích Phấn để đợi giặc, vời Tiền Tướng quân là Lý Bình đem binh 2 vạn về Hán Trung, dâng biểu xin cho con mình là Phong làm Giang Châu đô đốc, thay Bình để trông coi các việc về sau. Gặp trời mưa lớn hơn một tháng, đường sạn đạo bị cắt đứt, Ngụy Chúa là Duệ Sai Chân dẫn binh trở về. Hưu sai Tư Mã Ngụy Diên từ phía tây vào Khương Trung phá Ngụy tướng là Phí Diệu, Quách Hoài tại Dương Khê. Năm này Hưu đổi Tướng Uyển làm Trưởng Sử. Trong những lần Hưu ra ngoài thì Uyển ở thành Đô lo việc tích

trữ lương thực, tuyển mộ quân lính để cung cấp cho bên ngoài. Hầu thường nói : *Công Diễm (tức là Tướng Uyển) mang chí trung trinh cao nhấ, đáng cùng ta cộng tác để xây dựng vương nghiệp !*

NĂM KIẾN HUNG THỨ IX, TÂN HỘI : Tháng 2, Hầu lại đem quân ra Kỳ Sơn, dùng *trâu gỗ, ngựa máy, liên nổ* (nỏ bắn nhiều phát) do Hầu sáng chế.

Sách **Hán Tấn Xuân Thu** chép rằng : Lượng vây Kỳ Sơn, cho mời Tiên Ty Kha Tử Năng tới. Bọn Tử Năng đều tới nên Thạch Thành ở đất bắc thuận theo Lượng. Lúc ấy bên Ngụy, Đại Tư Mã Tào Chân mắc bệnh. Tư Mã Tuyên Vương (1) từ Kinh Châu về triều. Ngụy Minh Đế nói rằng : *Phía tây, việc xảy ra hệ trọng lắm. Nếu không có ngài thì chẳng biết giao trọng trách cho ai.* Bèn khiến qua miền tây đóng tại Trường An, đốc suất các tướng Trương Cáp, Phí Diêu, Đái Lăng, Quách Hoài, v.v... Tuyên Vương sai Diêu, Lăng, để 4 ngàn tinh binh giữ Thượng Khuê, binh còn lại bao nhiêu đem hết qua tây để cứu Kỳ Sơn. Cáp muốn chia binh đóng tại Ung Mi. Tuyên Vương nói rằng : *Liệu tiền quân một mình có thể chống cự nổi không ? Nếu không chống cự nổi mà chia binh trước sau, đó là trường hợp ba quân của Sở bị Kinh Bó bắt giữ đó !* Bèn cho tiến binh. Lượng chia binh ở lại đánh, và thân hành cầm binh đánh Tuyên Vương tại Thượng Khuê. Quách Hoài, Phí Diêu đến ngăn cản Lượng. Lượng bèn đánh chúng lui về và tiện dịp cho *cắt hết lúa* rồi tới gặp binh Tuyên Vương tại phía đông Thượng Khuê. Tuyên Vương thâu binh về cho đóng giữ các chỗ hiểm yếu mà không cho giao chiến. Lượng bèn dẫn quân trở về Tuyên Vương theo Lượng cho tới Lỗ Thành. Trương Cáp nói rằng : *Quân địch*

(1) Tư Mã Ý.

từ xa tới đánh tôi, tôi xin đánh mà không được phép, nói rằng tôi lại ở chỗ không đánh, muốn lấy đó làm kế lâu dài để chế ngự địch. Vả lại, Kỳ Sơn biết rằng đại quân đã tới gần, nên nhân dân đã yên tâm và giữ gìn vững chãi. Vậy nên đừng lại đóng đồn ở đây, chia một phần để làm kỳ binh rồi rút bớt ra đằng sau không được tới trước. Như thế địch không dám tới đánh ta. Nếu chỉ ngồi không thì mất lòng dân chúng đang trông đợi ở chúng ta. Nay quân của Lương đang lạc lõng thiếu ăn, ắt sẽ rút đi... Tuyên Vương không nghe lời Cáp, cứ tìm theo Lương. Khi tới rồi lại lên núi đóng dinh trại vững vàng mà chẳng chịu đánh. Giả Hủ, Ngụy Bình nhiều lần xin ra đánh, nói rằng : Ngài sợ Thục cũng như sợ cọp, chẳng sợ thiên hạ cười sao ? Tuyên Vương rất buồn bực về việc ấy. Tháng 5, vào ngày Tân Ty, Tuyên Vương sai Trương Cáp đánh Vô Đương, coi chừng Hà Bình tại Nam Vi, và đóng binh chặn ngang con đường đi đến Lương. Lương bèn khiến Ngụy Diên, Cao Tường, Ngô Ban đến chống cự, đánh phá Cáp, chặt được 3 ngàn thủ cấp, đoạt được 5 ngàn áo giáp đồng, 3 ngàn 1 trăm cung nỏ. Tuyên Vương bèn cho lui binh để giữ dinh trại. Vì hết lương thực, Hưu bèn lui binh, giao chiến với Trương Cáp đuổi theo, rồi bắn chết Cáp.

Trong **Biệt Truyện**, **Trương Thúc** kể rằng : Đến tháng 8, Hưu phế bỏ Trung Đô Hộ là Lý Bình, đổi Bình đi Quận Tử Đông. Khi Hưu còn tại Kỳ Sơn, Bình trông coi việc vận tải. Gặp lúc trời mưa dầm, lương thực vận tải không được liên tục. Bình khiến Tham Quân đến xin Hưu trở về. Nhân dịp đó Hưu cho lui quân. Bình nghe quân trở lui, lại nói với Dương Kinh rằng : Quân lương đầy đủ sao lại đi trở về ? Đàng khác, Bình lại viết biểu dâng lên Hậu Đế tâu rằng Hưu giả bộ đem binh trở lui để nhử địch. Về sau, Hưu lấy các thư, số viết bằng tay đưa

cho Bình xem. Bình bèn cúi đầu tạ tội. Do đó, Hấu dâng biểu vạch rõ tội ác của Bình : *Nay bọn giặc soán nghịch chưa bị trừ diệt, xã tắc gặp nhiều nỗi khó khăn. Việc nước cần phải hòa hiệp với nhau mới có thể vượt qua được. Một người không có thể làm hết mọi việc mà có thể dựng nên nghiệp cả. Tiếp theo đó, Hấu phết bỏ chức Trung Đô Hộ của Bình và đổi Bình đi. Con của Bình là Phong làm tham quân trong mạc phủ. Hấu viết thư cho Phong nói rằng : Ta cùng cha con nhà ngươi hết sức xây dựng Hán Thất, có thể nói là cảm động hết tấm lòng của mình. Vậy trước sau phải khá giữ gìn, sao lại tính việc trái ý nhau ? Nếu Đô Hộ có lòng phụ bạc, thì anh hãy suy lòng anh ra mà giúp việc, thì việc đã bế tắc sẽ được lưu thông trở lại, việc đã thất bại sẽ thành công trở lại.*

Quách Xung kể việc làm thứ năm của Hấu như sau : Ngụy Minh Đế tự thân chinh đánh Thục, đi đến Trường An, khiến Tuyên Vương (1) đốc suất Trương Cáp và binh Ung, Lương hơn 30 vạn người, âm thầm, kín đáo cho tiến binh về phía Kiếm Các. Bấy giờ Lương ở tại Kỳ Sơn, cò xí nghiêm chỉnh, khí giới sắc bén đầy đủ, binh giữ các chỗ hiểm yếu 12 vạn người rút xuống chỉ còn 8 vạn người ở lại mà thôi. Bấy giờ bên Ngụy bày phiên binh ra sửa soạn giao chiến. Viên Tham Tá bàn rằng quân giặc mạnh mẽ, nếu không dùng sức thì không chế ngự được, vậy nên tạm giữ binh lại một tháng mà không cho về nghỉ ngơi, để giữ thanh thế. Lương nói rằng : *Ta đây cầm binh ra trận, lấy sự tin thực làm căn bản. Mặc dầu được người tha thứ tội thất tín, người xưa cũng lấy làm hối tiếc. Kẻ sắp về đang bỏ áo quần để đợi kỳ về nghỉ, vợ con họ giương cổ hạc trông ngóng mà đếm từng ngày. Tuy gặp phải nạn chinh chiến, điều nghĩa chẳng khá bỏ được ! Bèn khiến thôi thúc họ ra về.* Bấy

(1) Tư Mã Ý

giờ những kẻ được về đều cảm động, tình nguyện ở lại quyết một đánh mà thôi. Những kẻ phải ở lại thấy thế lại càng phần khích háng hái thêm, đều quyết liều chết đánh giặc. Họ bảo nhau rằng : *On của Gia Cát Công dẫu có chết cũng không báo đền được !* Đến ngày giao chiến, chẳng ai mà không ráng sức đi trước, một người đánh được mười người, giết Trương Cáp, đuổi Tuyên Vương, một trận đánh mà đại thắng, đó là do sự tín thực mà được !

NĂM KIẾN HUNG THỨ X, NHÂM TÝ : Vì khi trước, năm nào cũng ra quân, nên năm nay để sĩ tốt và dân chúng nghỉ ngơi, khuyến khích việc trồng trọt, tập rèn vũ bị.

NĂM KIẾN HUNG THỨ XI, QUÝ SỬU : Năm này vận tải lúa gạo đến Tà Cốc, đem cất để dùng về sau.

Theo **Biệt Truyện** của **Trương Thúc** : Lượng dùng binh ra vào như tân khách, dẫm xéo đất địch coi địch như cỏ rác, chẳng lúc nào ngừng nghỉ. Hễ quân đội dừng lại thì yên lặng như núi non, tới lui thì nhanh như gió bão. Ngày ra quân, thiên hạ đều chấn động mà lòng người chẳng ưu phiền. Tuy chỉ 1 vạn binh mà công việc tạo tác bằng công việc của 10 vạn binh. Hễ đến chỗ nào thì dinh trại, đồn lũy, giếng, bếp, nhà xí, rào giậu, thành ụ, v.v... đều được xây dựng đúng khuôn phép. Dùng một tháng phá bỏ hết như lúc đầu. Trong các giáo lệnh về quân sự, lời lẽ chẳng cần văn hoa, mà chỉ có giọng khăng khăng mà thôi. Khi xem xét các việc, thì lòng thành thực biểu lộ ra trong lời nói hoặc lời văn. Ngày đêm thức ngủ đều luôn luôn chuyên cần, chăm lo. Những hình phạt từ 20 trượng trở lên đều có Lượng xem xét cẩn thận. Lượng thường tự kiểm soát các sổ sách kế toán. Chủ bộ (kế toán trưởng) là Dương Ngung khuyên can Lượng, nói rằng đó là việc nhỏ mọn, một trí không đáng

xem, nhưng Lượng vẫn không thôi. Đến khi Ngung chết, Lượng khóc Ngung đến ba ngày.

NĂM KIẾN HUNG THỨ XII, GIÁP DẦN : Theo **Biệt Truyện** của **Trương Thúc** : Lượng dẫn đại quân 10 vạn do ngã Tà Cốc mà đi ra, dùng ngựa máy để vận tải. Lại khiến sứ đi ước hẹn với Đông Ngô. Vào tháng 4, tới Ung Mi, đóng quân ở phía nam sông Vị Thủy, xây đắp vô công trên đất Ngũ Trượng. Từ Mã Ý vượt sông Vị, sông Bối, xây đắp đồn lũy để chống cự với Lượng. Lượng thường lo rằng lương thực không được vận tải liên tục, nhưng muốn giữ vững chí khí không thể buông lơi, bèn chia binh làm đồn điền (khai khẩn đất hoang để trồng lúa) để ở lại được lâu dài. Binh cày cấy lẫn lộn trong đám dân cư mà trăm họ vẫn yên tâm không phải lo sợ gì, bởi vì quân không làm việc gian tà.

Thục Chí kể rằng Hầu và Từ Mã Ý kèm giữ nhau hơn trăm ngày. Hầu nhiều lần khiêu chiến mà Ý không ra. Hầu bèn gửi biểu khẩn áo đàn bà cho Ý mặc.

Sách **Hán Tấn Xuân Thu** chép rằng : Lượng nhiều lần tới khiêu chiến. Tuyên Vương (Từ Mã Ý) cũng nhiều lần dâng biểu xin ra đánh, sai Vệ Úy là Tân Bì cầm phù tiết để chế ngự địch (1). Khương Duy nói với Lượng rằng : *Viên tá trị họ Tân dè dặt mà chu đáo. Như thế giặc sẽ không ra nữa !* Lượng nói : *Họ vốn không muốn đánh, sợ dĩ nhiều lần xin ra đánh như thế, là để thị uy với quân lính. Tướng ở giữa ba quân, có khi không tuân lệnh của nhà Vua. Nếu có thể chế ngự được ta mà họ lại từ ngàn dặm xa xôi gửi biểu về Triều xin ra đánh hay sao ?*

Sách **Ngụy Thị Xuân Thu** kể rằng : Lượng cho sứ tới.

(1) Trương Thúc kể rằng Ngụy Vương Tào Duệ sai Tân Bì cầm phù tiết đến giúp Từ Mã Ý.

Hỏi sứ về cách ăn ngủ cùng là các việc lớn nhỏ của Lượng, nhưng không hỏi về việc binh. Sứ đáp rằng : *Gia Cát Công ngày đêm thức ngủ đều siêng năng lo lắng, hình phạt từ 20 trượng trở lên đều có Công thân hành xem xét, ăn uống đạm bạc chẳng tới vài tháng. Tuyên Vương nói : Lượng sắp chết !*

Trong **Biệt Truyện**, **Trương Thúc** kể rằng : Hai bên kìm giữ nhau hơn 100 ngày. Gặp khi trời trở sang thu, Lượng lâm bệnh mỗi ngày một nặng thêm. Bèn bí mật dâng biểu lên Hậu Đế như sau : *Nếu thần không may mà chết đi thì các việc về sau nên giao phó cho Tưởng Uyển. Bấy giờ Hậu Đế cũng khiến Thượng thư Bộc Xạ là Lý Phúc đến thăm viếng, nhân hỏi đại kế về quốc gia. Phúc từ biệt đi về, rồi sau vài ngày quay trở lại. Lượng nói rằng : Ta biết người trở lại là có ý gì rồi. Dầu ở gần mà nói suốt ngày, cũng có điều chẳng có thể nói hết. Bây giờ trở lại yêu cầu ta quyết định. Về điều hỏi đó, thì Công Diêm (tức là Tưởng Uyển) là người xứng đáng. Phúc lại xin chỉ định thêm. Lượng nói : Văn Vĩ có thể nối nghiệp theo Tưởng Uyển. Lại hỏi thêm sau nữa là ai. Lượng không trả lời. Văn Vĩ tức là Phí Vĩ. Ngày trước Uyển làm Quảng Đô trưởng, Chiêu Liệt Đế đã từng thỉnh lĩnh đi tới Quảng Đô, thì thấy Uyển bỏ bê các việc chẳng trông nom gì cả, lại thêm say rượu túy lúy. Chiêu Liệt giận lắm, muốn đem ra giết, Lượng can rằng : Uyển là lợi khí của xã tắc, chẳng phải chỉ có tài coi trăm dặm (việc vụn vặt) mà thôi đâu. Chính sách của ông ta là lấy sự an dân làm gốc, chứ không cần lo việc bề ngoài, mong xét lại sẽ hiểu rõ ý. Còn Vĩ thì làm Huỳnh Môn Thị Lang. Khi Lượng đi đánh phương nam về, các quan ra đón Lượng cách xa mấy chục dặm ngoài. Có nhiều người lớn tuổi hơn Vĩ, thế mà Lượng chỉ mời Vĩ lên ngồi cùng xe mà về, mọi người đều lấy làm lạ. Đã thế Lượng lại thường khen nữa. Về sau Vĩ nối tiếp cầm nắm tất cả việc*

chính trị, được mọi người khen là bậc hiền tướng. Đến tháng 8, bệnh Lương nặng thêm, bèn trao quyền cho Trương Sở là Dương Nghi, Tư Mã là Phí Vi, Hộ Quân là Khương Duy, rồi cho lui quân có chừng mực. Người ta thấy có sao rơi vào giữa dinh trại. Rồi Lương từ trần, hưởng thọ 54 tuổi.

Trước khi từ trần, Hầu có gửi biểu về dâng lên Hậu Chúa như sau (xem di biểu trong phần thi văn) : *Nhà Thần tại Thành Đô có 800 gốc dâu, 15 khoảnh ruộng xấu, bấy tử đệ ăn mặc dư dả. Bây giờ thần giữ nhiệm vụ bên ngoài, riêng chống điều độ, tùy thời ăn mặc, đều trông nhờ ở của công, chẳng có thể lo riêng việc sinh kế để kiếm thêm được thuóc tấc nào. Ngày thần chết, chẳng khiến bên trong được dư lụa, bên ngoài được lợi của, thật là phụ lòng Bệ hạ vậy !*

Sách Ngụy Thu chép rằng : Lương thấy rằng lương thực hết, ở thế cùng khốn nên buồn bực mà thổ huyết. Một đêm kia, sai đốt dinh trại mà lên trốn về. Tới Cốc đạo phát bệnh ra mà chết ! (Thân Tùng Chi không thừa nhận điều ấy).

Sách Hán Tấn Xuân Thu nói là Lương chết ở Quách Thị Ổ.

Sách Hán Tấn Xuân Thu chép rằng : Nhóm Dương Nghi chinh đồn quân ngũ mà đi ra. Bách Tánh chạy tới báo với Tuyên Vương (T.M.Ý). Tuyên Vương cho quân đuổi theo. Khương Duy khiến Nghi phất cờ, đánh trống thúc quân xông vào hướng Tuyên Vương. Tuyên Vương bèn cho lui quân, không dám theo bức bách. Nghi bèn bày trận, dẫn quân đi vào Cốc, rồi sau mới phát tang. Về việc Tuyên Vương lui quân, bách tánh đặt ra câu ngạn ngữ sau này : *Một Gia Cát chết mà đuổi chạy một Trọng Đạt sống (Tử Gia Cát tẩu sinh Trọng Đạt)*. Khi nghe thuật lại việc

ấy, Tuyên Vương nói : *Ta tính rằng Lượng còn sống, ai dè đâu Lượng đã chết !*

Từ Mã Ý đi xem các dinh lũy còn để lại, phải than rằng : *Thật là bậc kỳ tài trong thiên hạ !*

Thục Chí kể rằng : Lượng để lại di mệnh dặn chôn ở núi *Định Quân Sơn* (1) tại Hán Trung, nhân lấy núi mà làm mộ, mộ chỉ vừa đủ lớn để chứa quan tài mà thôi, lấy áo quần đang mặc để liệm thi hài, không được dùng các đồ vật quý báu.

Hậu Đế xuống chiếu nói rằng : *Chỉ có Ông là đủ tư cách, gồm kiêm văn võ, sáng suốt, sâu sắc, chắc chắn, thành thực, thọ nhận di chiếu gửi gắm con côi, khuông phò thân Trẫm, nối tiếp nghiệp xưa, hưng khởi đời suy, chỉ còn dẹp loạn, tu chỉnh sáu sự, không năm nào mà không xuất chinh, thân vô hiên hách, uy danh chấn động tám cõi hoang vu, muốn kiến tạo công nghiệp to tát vào đời Hán mạt, chen dự vào hàng vĩ nhân Y Doãn, Châu Công, sao mà không thương cảm ? Trong cảnh gian nan lại thỉnh linh mang bệnh mà chết, Trẫm hết sức thương tiếc, gan ruột đau đớn, rã rời ! Phàm tôn sùng đạo đức, tướng nhớ công lao thì truy phong thêm phẩm tước để danh tiếng sáng lạng về sau, ghi khắc đời đời không hủy hoại. Nay Trẫm khiến sứ cầm phù tiết là quan Tả Trung Lang Tướng Đỗ Quỳnh tặng cho Ông ấn thụ Thừa tướng Võ Hương Hầu, truy tặng thêm cho Ông phẩm tước Trung Võ Hầu. Hồn có linh thiêng thì hãy vui vẻ nhận thêm điều vinh hạnh ấy ! Ô hô ! Thương thay ! Ô hô ! Thương thay !*

- (1) Định Quân Sơn ở cách xa huyện Miện Dương 10 dặm về phía đông nam, có hai đỉnh trơ trọi đối diện nhau. Trên núi có ngọn Gia Cát Nham chứa hộp binh thư. Núi dựng đứng cao vút, chẳng có dấu chân người leo trèo. Phía dưới có bát trận đồ và dốc quân dân. Khi từ trấn, Hầu có dân đứng đắp nấp. Bây giờ chỉ thấy cỏ từng bách tươi tốt, lau cỏ um tùm, suối, lạch ngang dọc, chẳng biết mộ ở đâu cả !

Ta để ý rằng Võ Hầu và vua Hán Hiến Đế cùng sinh vào năm Tân Dậu, cùng từ trần vào tháng 8 năm Giáp Dần. Khi Hầu còn sống thì nhà Hán chưa mất hẳn, mà khi Hầu chết thì nhà Hán thật là mất hẳn vậy (1).

Lý Bình, đã bị Lượng phế bỏ, thường mong mỗi được bổ dụng trở lại. Nghe Lượng chết rồi, Bình cho rằng người sau chẳng ai có tài năng nữa rồi bực tức mà chết.

Liêu Lập, đã bị Lượng cách chức, cũng chảy nước mắt mà than rằng :*Ta rốt cục cũng sẽ cài nút áo bên trái mà thôi !* (2).

Sách **Tương Dương Ký** kể rằng : Khi Lượng mới chết, dân sở tại đều xin lập miếu. Triều đình đem vấn đề lễ trật ra mà nghị luận rồi không cho bá tánh bèn theo thời tiết mà tế riêng trên bờ đường. Có kẻ bàn nên lập miếu tại Thành Đô nhưng Hậu Chủ cũng không chịu nghe theo. Bộ Binh Hiệu Úy là Tập Long, Trung Thư Lang là Hướng Sung, v.v... cùng dâng biểu tâu rằng : *Thần nghe người đời Chu nhớ công đức của Triệu Bách, nên không dám chặt cây cam đường* (3). *Việt Vương nhớ công lao của Phạm Lãi nên dùng vàng để đúc tượng cho họ Phạm. Từ đời Hán hưng khởi đến nay, các người làm việc thiện nhỏ, đức nhỏ mà được vẽ hình, lập miếu thì rất nhiều, huống hồ đức độ gương mẫu xa gần của Lượng, rất là to tát che trùm đời mạt thế, hưng thịnh Hán Thất chẳng để hủy hoại, thực là người ấy xứng đáng để ta tin cậy, nhưng mà chỉ được cúng tế tại nhà tư sao ? Miếu tượng thiếu sót chẳng được lập nên, khiến cho bá tánh phải tế lên lút trên các đường hẻm, đó là cách cúng tế mọi rợ, chẳng phải là cách tưởng nhớ công đức, truy điệu người xưa đâu ? Nay nếu chiếu theo lòng dân, thì lộn*

(1) Vì không có người nối dõi.

(2) Nghĩa là làm người dân mất nước.

(3) Cây cam đường ở chỗ họ Triệu ngồi xử kiện cho dân.

xộn, rắc rối mà không đúng phép tắc. Lập miếu tại kinh đô thì lấn áp cả tông miếu, đó chỉ là điều mà Thánh Thượng còn ngăn ngại trong lòng. Thần ngu muội nghĩ rằng nên lập miếu tại Miện Dương gần ngôi mộ, để thân thuộc có thể trông coi để dè dặt việc tế tự quanh năm.

Năm Cảnh Diệu thứ 6, mùa xuân, có chiếu cho lập miếu thờ Võ Hầu tại Miện Dương (1).

Thục Chí chép rằng : Về mùa thu, Ngụy tướng là Trần Tây Tướng Quân hội binh để đánh Thục, đi tới Hán Xuyên, xem xét miếu của Lượng, khiến quân sĩ không được lai vãng hai bên phần mộ để hái rau, cắt cỏ hay cho trâu, ngựa ăn cỏ tại đấy.

Xem như thế thì những kẻ thù của Võ Hầu (tướng Ngụy) hoặc những kẻ bị Võ Hầu trừng phạt (Lý bình, Liêu Lập) vẫn rất kính trọng Hầu, đó là điều hiếm có trên đời.

Võ Hầu có tài tính toán, sáng tạo. Hầu sáng chế được *liên nổ* bắn liên tiếp nhiều phát, *trâu gỗ*, *ngựa máy*, suy diễn binh pháp đặt ra *bát trận đồ*.

Sách **Ngụy Thị Xuân Thu** chép rằng : Lượng đặt ra *bát vụ* (tám việc), *thất giới* (bảy điều răn), *lục khủng* (sáu điều sợ), *ngũ cụ* (năm điều lo), tất cả chia ra chương, điều rõ ràng, để răn dạy, khuyến khích kẻ thần tử. Lại sáng chế ra *liên nổ*, gọi nổ ấy là *nguyên nhung*, lấy sắt làm tên, tên dài 8 tấc, mỗi nổ bắn một lần được 10 tên.

Sách **Lượng tập** kể rõ kích thước và cách làm trâu gỗ, ngựa máy. (Ai muốn nghiên cứu để làm, xin liên lạc với chúng tôi để lấy tài liệu).

(1) Theo Bảo Ninh Phủ Chí thì mộ Võ Hầu ở tại huyện Miện Dương cách 10 dặm về phía đông nam, còn cách 8 dặm về phía đông nam thì có miếu thờ.

Các lời răn dạy của Lượng rất hay, được đồn riêng trong một tập là *Lượng ngôn giáo thư tấu*.

Đời Tấn Trước Tác Tá Lang là Trần Thụ soạn lại văn tập của Lượng thành 24 thiên :

- | | |
|-----------------------|------------------------|
| 1) Khai phủ tác mục ; | 13) Truyền vận ; |
| 2) Quyển chế ; | 14) Dữ Tôn Quyền thư ; |
| 3) Nam chinh ; | 15) Dữ Gia Cát Cẩn ; |
| 4) Bắc xuất ; | 16) Dữ Mạnh Đạt thư ; |
| 5) Kế toán ; | 17) Phế Lý Bình ; |
| 6) Huấn lệ ; | 18) Pháp kiểm thương ; |
| 7) Tống hạch thượng ; | 19) Pháp kiểm hạ ; |
| 8) Tống hạch hạ ; | 20) Khoa lệnh thượng ; |
| 9) Tập ngôn thượng ; | 21) Khoa lệnh hạ ; |
| 10) Tập ngôn hạ ; | 22) Quân lệnh thượng ; |
| 11) Quý hòa ; | 23) Quân lệnh trung ; |
| 12) Bình yếu ; | 24) Quân lệnh hạ. |

Sau đây là lời tấu của *Trần Thụ* :

... Thần được đề cử ghi chép các việc của Thục Thừa tướng Gia Cát Lượng xưa kia.

Lượng phò tá nước nhà trong cảnh nguy nan, hết lòng gánh vác các việc nặng nhọc. Nhưng ghi chép lại các lời của Lượng, mà hối tiếc, xấu hổ về các điều hay đẹp đã để thiếu sót, thì đó là thật là việc rộng lượng sáng suốt của nhà Đại Tấn, là một ân trách bao la không bờ bến, từ xưa đến nay chưa hề có như vậy (1). Thải bỏ các chỗ trùng nhau và sắp xếp tùy theo loại thì được 24 thiên có tên như đã kể trên.

(1) Bởi vì Võ Hưu là kẻ thù của nhà Tấn, đáng lẽ ra nhà Tấn không cần ghi chép và đề cao sự nghiệp của Võ Hưu.

Lượng hồi còn trẻ đã có tài năng khác người, chí khí anh bá, thân dài tám thước, dung mạo siêu phàm, người thời ấy đều lấy làm lạ. Gặp đời Hán mạt nhiễu loạn, theo chú là Huyền đến tránh nạn tại Kinh Châu, thân hành cày cấy tại nơi hoang dã, chẳng mong được tiếng thành đạt với người đời. Bấy giờ Tả tướng quân là Lưu Bị biết Lượng có tài đặc biệt, bèn ba phen trở lại tìm Lượng tại chốn lều tranh. Lượng cũng phục Bị đáng bậc anh hùng hào kiệt. Hai bên bèn tỏ thật nỗi lòng và bắt đầu từ đấy giao du khăng khít với nhau.

Đến khi Ngụy Vũ Đế tiến về nam đánh Kinh Châu thì Lưu Tông dâng thành để thế mạng. Lưu Bị bèn thất thế, quân lính ít ỏi, thật là chẳng có đất để cắm dùi. Bấy giờ Lượng 27 tuổi, bèn nghĩ ra chước lạ, thân hành đi sứ qua gặp Tôn Quyền, cầu viện binh của Đông Ngô. Quyền vốn sẵn cảm phục và ngưỡng vọng Lưu Bị, nay lại thấy Lượng là bậc kỳ vĩ, cao nhã nên kính trọng Lượng lắm lắm, tức thì sai đem binh 3 vạn người đến giúp Bị. Bị được binh bèn giao chiến đánh tan quân của Vũ Đế, rồi thừa thế tiến lên bình định Giang Nam. Về sau Bị qua tây lấy Ích Châu. Bình định xong Ích Châu, Bị dùng Lượng làm quân sư tướng quân. Khi xưng tôn hiệu xong, Bị đem Lượng lên làm Thừa tướng, phẩm trật thượng thư. Khi Bị từ trần, con nối dõi thì nhỏ yếu, tất cả các việc lớn nhỏ đều do Lượng quyết định. Từ đó đặt ra pháp độ, chỉnh đốn quân lữ, chế tạo đồ dùng tinh xảo, nghiên cứu cùng cực các việc, răn dạy nghiêm mình, thưởng phạt tín thực, không có điều ác nào mà chẳng trừng phạt, không có điều thiện nào mà chẳng làm sáng tỏ ra. Cho đến cửa quan chẳng chứa kẻ gian tà, người người lo lắng khích lệ nhau, ngoài đường chẳng lượm của rơi, mạnh chẳng hiếp yếu, phong hóa thanh nghiêm. Trong thời ấy, Lượng đã sẵn có chí, tới thì muốn như rồng bay cộc nhảy, bao quát bốn

biển, lui thì muốn xâm lấn biên cương, khắp nơi chấn động. Từ đấy đến ngày chết, ắt chưa có thể đặt chân trên đất Trung Nguyên, chống chọi ngang ngửa với thượng quốc. Bởi phép dùng binh không thể cất dấu binh đi được, nên phải thường diệu võ, dương uy. Vả lại tài năng của Lượng thì hay giỏi về cách trị quân mà lại kém cỏi về mưu lạ, thông thạo về cách dạy dân hơn là về sách lược làm tướng (1). Thế mà khi cùng với người đối địch, hoặc gặp người tài giỏi, thêm nữa số binh nhiều ít chẳng bằng nhau, hoặc hai bên có thể công thủ khác nhau, thành thử ra quân liên tiếp trong mấy năm mà chưa có thể hơn người được. Ngày xưa Tiêu Hà tiến cử Hàn Tín, Quán Trọng tiến cử Vương Tử Thành Phụ, đều là xét kỹ cái sở trường của mỗi người, chứ không có ai có thể kiêm hết mọi việc. Lượng có tài về chính trị, nếu đề cao một chút thì có thể cho là gần ngang với Quán Trọng, Tiêu Hà, còn đem so sánh với các danh tướng thì không thể nào theo kịp Thành Phụ, Hàn Tín (2). Vì thế công nghiệp chậm trễ, đại nghĩa chẳng thi hành. Vả lại mạng trời đã có chỗ gom về, không thể dùng trí lực mà tranh dành được. Năm Thanh Long thứ 2, vào mùa xuân, Lượng đem binh ra Võ Công, chia binh làm đồn điền, để lập căn bản đồn trú lâu dài. Đến mùa thu năm ấy thì nhuốm bệnh mà mất. Dân chúng tưởng nhớ nên còn nhắc nhở mãi. Đến nay dân hai châu Lương và Ích thuật chuyện cũ về Lượng, lời nói còn vang vọng bên tai. Tuy rằng dân chúng chung quanh cây cam đường làm thơ vịnh để nhớ ơn Triệu Bá, dân chúng nước Trịnh ca hát để nhớ ơn Tử sản, đó chẳng phải là ví dụ xa xôi đâu ! Mạnh Kha có nói rằng : *Dùng đạo yên vui để sai khiến dân thì dẫu có nhọc mệt, dân cũng không oán hận ; dùng đạo mưu sinh để*

-
- (1) Trần Thụ làm tôi nhà Tấn nên chỉ khen Khổng Minh một cách vừa phải.
(2) Trần Thụ làm tôi nhà Tấn nên chỉ khen Khổng Minh một cách vừa phải.

giết người, thì dù có chết dần cũng không buồn giận : đó là nhờ sự tín thực mà được như thế. Nếu có kẻ bình luận ngạc nhiên về chỗ văn thể của Lượng chẳng có gì là điểm lệ cả (1) mà lại quá mực kháng kháng, chu đáo thì ngu thần lại cho đó là văn cách của bậc đại hiền Cửu Do, của bậc thánh nhân Châu Công đó. Xét lại kinh Thượng Thư, thì thấy rằng lời bàn tính của Cửu Do tuy sơ sài mà cao nhã, lời báo cáo của Châu Công tuy rườm rà mà đầy đủ, chu đáo. Nhờ vậy mà Cửu Do được cùng đàm luận với hai vua Thuấn Vũ, mà Châu Công có thể thể ước với quần chúng được. Lượng vì phải nói với quần chúng phạm tục cho nên lời văn không thể bóng gió xa xôi được, vả lại, các lời răn dạy cốt là để giải quyết các công việc, trong lòng thành thực như thế nào thì biểu lộ ra ngoài bằng bút mực như thế ấy, dù để cho người khác hiểu lý do và ý tưởng, sao cho bổ ích cho người đời ấy là được rồi. Cúi mong bề hạ nói gương cổ thánh, mở lòng rộng rãi, chẳng chút kỳ hiềm, mặc dầu có những lời phỉ báng của địch quốc mà cũng bao dung không hề phế bỏ, để cho minh đạo được lưu thông tự do. Khi sao chép đầy đủ các trước tác như trên, hạ thần là Thụ này thật là lo lắng, thật là sợ hãi, gục đầu, gục đầu, xin chịu tội chết, xin chịu tội chết.

(2)

Năm Thái Thủy thứ 10, tháng 2, mồng 1 Quý Ty, Bình Dương Hầu Tướng là hạ thần Trần Thụ kính dâng.

-
- (1) Đời xưa văn chương thường là hoa mỹ, bóng bẩy mà văn Khổng Minh chỉ có một giọng răn dạy tỉ mỉ, kháng kháng mà thôi.
- (2) Lo sợ và xin chịu tội chết bởi vì phải ghi chép những lời phỉ báng đối với Tư Mã Ý là ông tổ của nhà Tấn.

HẬU DUỆ

Gia Cát Kiều, tự là Bá Tòng là con thứ hai của Gia Cát Cẩn, anh của Võ Hưu. Khi trước Hưu chưa có con bèn xin Kiều về để làm con thừa tự. Bấy giờ Cẩn ở với Tôn Quyền, bèn sai Kiều đi qua Tây. Hưu dùng Kiều làm đích tử của mình, cho làm chức Phò Mã đô úy, đem Kiều theo tới Hán Trung. Hưu viết thư cho anh là Cẩn như sau : *Kiều vốn đáng được về Thành Đô. Nay chủ tướng và tử đệ đều coi việc truyền vận. Nghĩ rằng nên chia xẻ lao nhọc với người, nay sai Kiều coi năm, sáu trăm người cùng tử đệ coi việc truyền vận trong Cốc* (Thư này ở trong *Lượng tập*) (1). Năm Kiến Hưng nguyên niên, Kiều chết, mới 25 tuổi. Con của Kiều là **Phản** làm quan tới chức Hành Hộ Quân, Dục Vũ Tướng quân cũng chết sớm. **Gia Cát Khác** con đầu của Cẩn, anh của Kiều, bị giết ở Ngô, con cháu cũng chết hết cả. Từ khi Hưu được trụ duệ (con ruột) là **Chiêm**, thì Phản trở về Ngô để làm thừa tự cho Cẩn.

Gia Cát Chiêm tự là Tư Viễn, là đứa con độc nhất của Hưu, sinh ra vào năm Kiến Hưng thứ 5, Đinh Mùi, bấy giờ Hưu đã 47 tuổi. Năm Kiến Hưng thứ 12 Hưu đi ra Võ Công viết thư cho anh là Cẩn như sau : *"Chiêm nay được tám tuổi rất là thông minh, trí huệ, dễ thương lắm. Chỉ hiềm có một điều là sớm thành quá, sợ rằng về sau không có tài lớn"*. Năm Cảnh Diệm thứ 6 về mùa đông, Ngụy Chinh Tây tướng quân là Đặng Ngải đem binh đánh Thục, từ Âm Bình do đường Cảnh Cốc mà đi vào. Chiêm dẫn quân tới Phù Đình mà đồn trú. Khi quân tiền phong bị phá, Chiêm dẫn quân lui về đóng tại Miên Trúc.

(1) Con thừa tự của Thừa tướng mà cũng không được miễn quân dịch. Xem đó thì đủ hiểu công tâm của Khổng Minh như thế nào !

Ngãi sai viết thư dụ Chiêm như sau : Nếu hàng thì sẽ dâng biểu xin cho Chiêm làm Lang Nha Vương.

Chiêm giận lắm chém sứ của Ngãi, rồi đánh mà thua lớn, chết ngay trong trận, bấy giờ mới 37 tuổi. Con trưởng của Chiêm là **Thượng** cũng chết một lần với cha. Sách **Hoa Dương Quốc Chí** kể rằng : **Thượng** than rằng : "Cha con đều mang trọng ân của nước nhà, chẳng sớm giết **Huỳnh Hạo** để đến nỗi nghiêng ngửa thất bại như thế này, còn sống để làm gì ?" Nói rồi bèn đánh ngựa xông vào binh Ngụy mà chết.

Con thứ hai của Chiêm là **Kinh** tự là **Hành Tông**, vào năm **Hàm Hy** thứ nhất, dời qua ở Hà Đông. Dưới đời **Tấn** làm lệnh đoan ở huyện **Mi**, rồi bỏ làm đông cung xá nhân, về sau làm **Quảng Châu** thứ sử.

CÁC LỜI BÌNH LUẬN CỦA NGƯỜI XƯA

Sách **Hán Tấn Xuân Thu** chép rằng : **Phàn Kiến** làm chức **Cấp sự Trung**. **Tấn Vũ Đế** hỏi **Kiến** về phép trị quốc của **Gia Cát Lượng**. **Kiến** đáp rằng : "Nghe có điều ác thì lo mà sửa đổi, mà chẳng được kêu cớ. Sự thưởng phạt phải tin thực, đủ để cảm động thần linh". Đế nói rằng : "Tốt thay ! Nếu ta được người như thế để giúp ta thì đâu có mệt nhọc như ngày nay !" **Kiến** đập đầu xuống đất tâu rằng : "Thần trộm nghe thiên hạ bàn luận đều cho rằng **Đặng Ngải** làm điều tà vạy, bệ hạ biết mà không sửa trị, đó chẳng phải là **Phùng Đường** được **Pha Mục** mà chẳng biết dùng sao ? Đế cười : "Ta cũng muốn làm sáng tỏ việc ấy. Nhờ khanh nói mà ta nảy ra ý kiến." Liền đó Đế phát chiếu sửa trị **Ngải**.

Dưới đời **Tấn** người ta thường bình luận, nói rằng : **Gia Cát Lượng** làm tướng quốc, võ về bách tính đặt ra phép tắc,

ước định quan chức, tùy trường hợp mà chế biến cho thích nghi, mở lòng thành thực, thi hành công đạo, hết lòng trung trinh với vua, làm lợi ích cho nước nhà. Tuy là kẻ thù, cũng tưởng thưởng. Kẻ phạm pháp, kiêu mạn, dẫu là thân thiết cũng trừng phạt. Kẻ chịu phục tội, khai thực hết tình tiết, tuy nặng tội cũng tha. Kẻ nói năng bừa bãi, giả dối, khôn khéo ở bề ngoài, dẫu tội nhẹ cũng giết. Không có điều thiện nhỏ nào mà không thưởng. Không có điều ác nhỏ nào mà không biếm truất. Các việc tầm thường nhỏ nhặt cũng được luyện tập tinh thông, cần bản, sắp đặt vững vàng, bắt buộc trách nhiệm phải theo kịp danh nghĩa, các điều hư ngụy đều không được tôn trọng. Rốt cuộc tất cả mọi người đều kính sợ mà thương mến. Hình pháp tuy nghiêm khắc nhưng không ai oán thán đó là vì giữ lòng công bằng và khuyên răn sáng suốt. Có thể nói là có tài trị dân, đứng gần ngang hàng với Quản Trọng, Tiêu Hà. Nhưng liên tiếp ra quân trong mấy năm mà không thành công, đó là vì chẳng có sở trường về tướng lược và phép ứng biến.

Viên Tử nói rằng : Nếu có kẻ hỏi *Gia Cát Lượng* là người như thế nào, Viên Tử đáp là Trương Phi, Quan Vũ, đối với Lưu Bị chỉ là nanh vuốt, là võ quan tâm phúc mà thôi. Mãi về sau mới được Gia Cát Lượng dùng làm tả tướng mà quần thần cũng đều vui phục cả, đó là vì Bị đủ để người tin tưởng mà Lượng cũng đủ để người kính trọng. Đến lúc nhận phò 6 thước con côi (1), thay vua coi chính sự một nước, chuyên quyền mà không thất lễ đối với vị vua tầm thường, làm việc của vua mà người trong nước không ai nghi ngờ. Nhờ thế mà vua, quan trăm họ đều vui vẻ tôn kính. Thi hành pháp lệnh nghiêm khắc mà dân vui phục, dùng người cho đến kiệt sức mà kẻ dưới không oán. Đến lúc dùng binh ra vào như khách lạ, không hề trộm cắp,

(1) Không Minh 8 thước phò Hậu Chúa 6 thước

phá phách dân chúng, khi đi cắt cỏ không hề sản bắn súc vật, ở tại nước ngoài cũng như trong nước. Về phép dùng binh đứng nghỉ im lặng như núi đồi, tới lui như gió, ngày ra binh, thiên hạ chấn động mà lòng người không lo lắng. Từ ngày Lượng chết đến nay đã mấy chục năm, nhân dân nhắc nhở mãi trong lời ca, câu hát cũng như người đời Chu nhắc nhở Triệu Công. Khổng Tử nói rằng : *Ôn hòa thì có thể xây mặt về hướng Nam.* Gia Cát Lượng thật là người được như thế !

Gia Cát Lượng lúc đầu ra khỏi đất Lũng Hữu thì dân ba quận Nam An, Thiên Thủy, An Định làm phản mà theo Lượng. Nếu Lượng tiến mau át là ba quận ấy không còn thuộc về Trung Quốc nữa. Thế mà Lượng cứ đi từ từ không tiến lên, xong rồi quan quân trở lên đất Lũng thì ba quận lại trở về Trung Quốc. Như thế công lao của Lượng không được thước tấc nào ; *tại sao để mất cơ hội hiếm có ấy ?* Viên Tử đáp rằng : Thục binh nhanh nhẹn, sắc bén mà tướng tài thì ít ỏi. Lượng mới ra binh chưa biết Trung quốc mạnh yếu thế nào nên nghi ngờ mà chần chờ xem thử. Vả lại hội binh mà không sắp đặt các công tác gần đó, thế nghĩa là không muốn tiến binh vậy.

Hỏi vì sao mà biết rằng còn nghi ngờ ? Viên Tử đáp rằng : Lượng mới ra quân thì cẩn thận, chậm chạp, lập dinh, xây đồn thì phức tạp chắc chắn, về sau giúp đỡ kẻ đến hàng mà chẳng tiến lên. Binh lính thì muốn đánh, Lượng thì rất là gan dạ thế mà khi ba quân làm phản, Lượng lại không ứng biến cấp tốc, việc ấy chứng tỏ Lượng còn nghi ngại điều gì.

Hỏi vì sao mà biết rằng Lượng gan dạ và thiên chiến ? Viên Tử đáp rằng : Hồi trước khi Lượng ở Nhai Đình, tiền quân bị thua lớn, Lượng đóng binh ở xa vài mươi dặm mà không cầu cứu, quan binh chỉ tiếp ứng nhau mà đi từ từ, đó là tính gan dạ của Lượng.

Phép hành quân của Lượng là an tĩnh mà thận trọng, vững vàng. An tĩnh thì dễ chuyển động. Thận trọng, vững vàng để mà tiến thoái đúng qui củ. Lượng thì hành pháp lệnh sáng suốt, thưởng phạt tín thực. Sĩ tốt theo đúng mệnh lệnh, đi thẳng đến chỗ hiểm nguy mà không hề sợ hãi quay đầu về. Như thế là binh thiện chiến.

Hỏi rằng *Lượng dẫn vài vạn binh, mà công việc tạo tác bằng vài mươi vạn binh, điều ấy chẳng quái dị sao ?* Tới chỗ nào thì dinh lũy, giếng, bếp, nhà xí, rào dậu, thành ị được xây dựng đúng phép tắc, đi một tháng lại bỏ đi như mới đến, thế thì lao nhọc, tốn kém mà chỉ đẹp để bề ngoài có ích gì đâu ? Viên Tử đáp : Dân Thục nhẹ nhàng, mau mắn, nên Lượng dùng hết sức của họ được.

Hỏi vì lẽ gì mà làm như thế ? Viên Tử đáp : Lượng có tính thực tế chứ không ưa danh tiếng, có chí lớn mà muốn đi xa, chớ chẳng phải nghĩ gần mà mong cho chóng được việc đâu.

Hỏi rằng *Lượng thích coi việc sửa trị nơi quan phủ, rồi đến việc xây đắp đường sá, cầu cống, đó chẳng phải là việc gấp gáp, sao lại làm như thế ?* Viên Tử đáp : Ở nước nhỏ thiếu kẻ hiền tài (1), nên phải làm thế cho được tôn nghiêm. Lượng cai trị đất Thục, làm cho ruộng đất mở mang, kho lẫm đầy đủ, khí giới sắc bén, sức tích thừa thãi, triều đình hội nghị không có huyên náo, ngoài đường chẳng có người say rượu. Hễ gốc mà vững thì ngọn được yên, nên thừa sức để làm các việc nhỏ. Làm như thế để khuyến khích các công việc vậy.

Hỏi ông luận về Gia Cát Lượng như vậy chắc là có chứng cớ. *Lượng có tài năng mà ít tạo lập công nghiệp, tại sao thế ?* Viên Tử đáp : Lượng lo giữ cái gốc, còn về phép ứng biến thì

(1) Nên Lượng phải thân hành trông coi những việc ấy.

không được sở trường, cho nên chẳng dám dùng điều sở đoản của mình.

Hỏi làm như thế thì cái điều hay đẹp ở chỗ nào ? Viên Tử đáp rằng : Điều ấy vốn là trí cao xa của người hiền vậy. Khi yên ổn thì có thể hoàn bị việc bên trong, như thế làm tròn trách nhiệm. Biết sở đoản của mình mà không dùng đó là đức tính lớn lao của người hiền. Biết sở đoản của mình thì cũng biết sở trường của mình vậy. Biết trước nói ra mà không trúng, đó là điều mà Lượng chẳng bao giờ làm, vì thế ta cho là hay đẹp lắm !

Ngô Đại Hồng, bảo **Trương Nghiễm** viết mặc ký còn mình viết thêm một thiên phụ, bình luận về *Lượng* và *Tư Mã Tuyên Vương* như sau : Hán triều nghiêng ngửa, thiên hạ suy đồi, thần khí của các kẻ hào kiệt, kẻ ít người nhiều. Họ nguy danh miễn trung thổ, họ Lưu chiếm cứ Ích Châu, đều dấy binh tranh thế bá vương. Hai tướng là **Gia Cát** và **Tư Mã**, gặp được thời cơ, nương thân mình chúa, hoặc lập công nghiệp tại Thục Hán, hoặc nêu danh tại Y Lạc. Tào Phi và Lưu Bị khuất rồi, thì có con cái nối dõi, hai tướng đều thọ lãnh trách nhiệm phò tá chúa thơ, chẳng hề phụ bạc lời hứa trung thành. Như thế họ cũng là tôn thần của nước, hiền tá của bá vương.

Xem việc cũ, xét việc mới thì trong hai tướng, ai hơn ai kém, đều có thể biết rõ ràng.

Khổng Minh dấy từ Ba Thục, dựa vào một châu thổ, đem so với nước lớn cùng chiến sĩ và nhân dân của họ thì người được chín phần, mà mình chỉ được một phần mà thôi. Thế mà dùng cách giao kết với Đại Ngô, kháng cự với nước địch ở phía bắc, tổ chức việc cày cấy, đánh giặc có qui củ, chỉnh đốn hình pháp, cử bộ binh mấy vạn, tiến thẳng ra Kỳ Sơn, khảng khái nêu chí đem ngựa chiến tới uống nước sông Hà Lạc.

Trọng Đạt chiếm cứ đất đai trong thiên hạ mười lần rộng hơn, tự cậy mình nắm được nhiều dân chúng, đoạt được nhiều thành kiên cố, tay cầm sẵn binh tinh nhuệ, nên chẳng có ý muốn đánh nhau với nước địch, chỉ lo bảo thủ để cầu an toàn mà thôi.

Tình trạng ấy khiến cho **Khổng Minh** ra vào tự do mưu toan lo liệu để đạt chí cả của mình. Nếu người ấy nữa chừng chẳng chết thì sĩ tốt đất Lương, Ung không có thì giờ để côi giáp, lừa ngựa đất Trung Nguyên không có thì giờ để tháo yên, để hai bên cùng nhau quyết định cái thế hơn thua vậy.

Ngày xưa *Tư Sát* cai trị nước Trịnh, khiến cho chư hầu không dám thêm quân, tướng Thục cũng gần được như vậy, so với *Tư Mã*, chẳng phải là hơn sao ?

Hoặc nói rằng : Việc binh là việc hung ác, chiến tranh là việc nguy hiểm. Kể có nước, không lo bảo vệ phần đất của mình mà chỉ thích tranh giành trăm họ, mở rộng đất đai, chinh phạt thiên hạ, đó chưa phải là đặc kế đâu ! **Thừa tướng Gia Cát**, thực là có tài khuông tá, nhưng ở trong hoàn cảnh cô lập, chiến sĩ không đầy nam van, tự mình có thể đóng cửa, giữ gìn các chỗ hiểm yếu thì vua tôi đều được vô sự, nhưng trái lại làm cho quân lính lao nhọc một cách vô ích, không năm nào mà không chinh chiến, thế mà chưa hề tiến được thước tấc nào, muốn mở rộng cơ nghiệp để vương mà khiến cho trong nước phải chịu cảnh hoang tàn, đất miền tây phải chịu lao khổ về sự điều động binh mã sau này. Bên Ngụy, **Tư Mã Ý** tài đủ, binh nhiều, chưa dễ khinh khi, đo lường sức địch mà tiến, đó là điều mà binh gia phải thận trọng. Nếu Thừa tướng có sách lược để đối phó thì ta chưa thấy thành công ở chỗ nào, còn nếu không có sách lược nào để đối phó, thì chẳng đáng gọi là bậc

minh triết để trăm họ trong nước phải hướng quay về. Ta có thể trộm nghĩ mà tự hỏi như thế.

Xin đáp rằng : Từng nghe vua *Thang* chỉ có bảy mươi dặm đất, *Vân Vương* chỉ có trăm dặm đất mà lấy được thiên hạ, đều phải dùng sự chinh phạt để định yên. Còn nhân nhượng mà được lên vương vị thì chỉ có hai vua *Thuấn*, *Vũ* mà thôi. Nay *Nguy* và *Thục* là hai nước thù địch, chưa ai được thế bá vương. Vào thời *Tào Tháo* và *Lưu Bị* mạnh yếu khác nhau xa, mà *Bị* còn đem quân ra Dương Bình bát Hạ Hầu Uyên, Quan Vũ vây Tương Dương, hàng phục Tào Nhân, bắt sống Vu Cấm lúc bấy giờ các nước lớn nhỏ ở phía bắc đều lo sợ, Mạnh Đức phải thân hành đem quân ra Nam Dương, Lạc Tấn, Từ Hoảng phải đến cứu mà không thể tức khắc giải vây được. Cho nên *Tương Tử Thông* nói rằng : Lúc bấy giờ phải lập kế tiến binh về đất Hứa, vượt qua sông, hội binh các nước đánh lấy Nam Quận thì Quan Vũ mới chịu giải binh. Huyền Đức với Tào Tháo xét về trí lực thì kẻ thấp, người cao, xét về dân số thì kẻ ít người nhiều, vả lại về đạo dùng binh và hành quân, không thể cùng một năm mà nói đặng, nhưng còn có thể tạm thời mà thắng được, lúc ấy lại chưa liên kết với Đại Ngô để làm thế ỷ giốc.

Nay *Trọng Đạt*, tài năng không bằng *Khổng Minh*, cái thế bây giờ khác hẳn ngày xưa, lúc trước Huyền Đức còn dám kháng cự, thì tại sao nay Khổng Minh lại không ra quân mà mưu đồ đánh thắng địch ?

Ngày xưa *Nhạc Nghị* đem binh yếu ớt của nước Yên, cùng đi theo binh của năm nước, đánh thắng tay với nước Tề hùng mạnh, hạ được hơn bảy mươi thành. Ngày nay sĩ tốt của *Thục Hán* cũng chẳng kém binh nước Yên chút nào (1) Nhưng có

(1) Vậy thì việc Khổng Minh ra quân là việc dĩ nhiên vậy.

điều xưa nay khác nhau là hồi trước tất cả vua tôi (của 5 nước đều tin ở *Nhạc Nghi*, thêm nữa các nước đối với nhau như là môi với răng, cần phải viện trợ cho nhau, đông và tây tương ứng nhau, đầu đuôi tiếp ứng nhau như con rắn, hình thế các nước liên kết với nhau rất là lớn lao (còn bây giờ Thục Hán bị cô lập (1) thành thử binh của Thục Hán bây giờ không thể bằng binh của năm nước ngày xưa được).

Tuy thế, sao lại sợ hãi địch mà không thể ra quân ? Bởi vì trong sự dùng binh, có thể dùng phép kỳ diệu để thắng thế, dùng mưu trí để chế ngự quân địch, còn về việc đất đai rộng hẹp, người ngựa ít nhiều thì không thể trông cậy vào đấy được.

Ta xem cách thức mà Khổng Minh trị nước, bấy giờ rất là nghiêm chỉnh, để phép tắc giáo hóa lại đời sau, rồi đem tới sự từ khước của Người rất là khấn khiết (về việc nổi nghiệp Tiên chúa), xem cách tiến thủ của Người, chí trung nghĩa báo đền ơn Chúa, đầu là *Quản Trọng*, Án Tử đời xưa cũng không thể hơn Người được !

ĐÔI LỜI CỦA DỊCH GIẢ

Về tài đức của Võ Hấu người xưa đã bình luận nhiều rồi, dịch giả xin không nói tới nữa.

Đọc tiểu sử, ta thấy rằng có nhiều khi Hấu làm những việc khác thường và nói những lời khác thường. Đối với những độc giả sâu sắc, những lời và việc của Hấu sẽ là những đề tài quan trọng để suy nghĩ mà tìm hiểu tư tưởng của một bậc thánh nhân.

Sau đây dịch giả chỉ giải đáp vấn tất điều thắc mắc sau

(1) Vì nước Đông Ngô không tin cây Thục Hán lắm từ khi *Huyền Đức* cướp Kinh Châu và Tây Xuyên.

này của một số người đời sau : *Nếu Võ Hầu quả thực là thánh nhân, tại sao Hầu chẳng hưng phục được Hán thất, mà sáu lần đem quân ra Kỳ Sơn chẳng thu hoạch được kết quả nào ?*

Dịch giả xin trả lời như sau :

Cũng như Khổng Tử sinh ra vào thời Chu diệt, Khổng Minh sinh ra vào thời Hán diệt, đó là các bậc thánh nhân sinh không gặp thời nên khó dựng nên nghiệp cả.

Người thì chẳng gặp được Chúa nên phải nhọc thân đi vòng quanh các nước, kẻ thì chẳng gặp được thời nên Chúa sớm lìa đời làm đứt thiên mạng, dầu là bậc thánh nhân đi nữa thì cũng tốn công, phí sức mà chẳng có thể xoay ngược thời cơ.

Khi Khổng Minh gặp Huyền Đức, thì Thôi Châu Bình đã than rằng : *Tiếc thay Khổng Minh gặp được Chúa mà chẳng gặp được thời !*

Khổng Minh thường nói rằng trên đời chỉ có Thôi Châu Bình là hiểu rõ lòng mình thôi, vậy thì việc sinh không gặp thời là tâm sự chung của hai người đó !

Bởi thế, mặc dầu đã biết trước ai thành, ai bại, phe nào thịnh, phe nào suy, bậc thánh nhân vẫn không bỏ nghĩa tham giàu, không bỏ suy phò thịnh, không bỏ người thất bại để chạy theo kẻ thành công.

Chính vì lẽ ấy mà Thái sư Văn Trọng vẫn trung thành với Trụ Vương, Quân sư Phạm Tăng vẫn phò Hạng Võ, Võ Hầu chẳng bỏ Chúa thơ, một lòng giữ *tiết trung trình*, nêu danh thơm muôn thuở.

Chính vì lẽ ấy mà Võ Hầu tuy biết trước cơ nghiệp Lưu Bị không được lâu dài mà vẫn phò họ Lưu, tuy biết trước Quan Công sẽ tha Tào Tháo mà vẫn sai Quan Công đi bắt họ Tào.

Bởi thế, Sư Thủ Nguyên mới nói rằng : "*Ai sáng suốt thì xin tỵ hiếu, ai ngu tối thì xin cú ngu tối !*"

Cuộc đời có thể xem như một ván cờ. Khi tàn cuộc, đối thủ nào thua quân, kém thế mà vẫn giữ được tinh thần cao thượng, phong độ đầy đủ để đi những nước cờ tuyệt diệu, thì đấu thủ ấy vẫn luôn luôn chiếm được cảm tình của khán giả. Giá trị con người không tùy thuộc sự thành bại. Hai kẻ thất bại như *Khổng Minh* và *Quan Công* mà lại được người đời nhắc nhở và thờ cúng trải qua gần 2.000 năm cho đến ngày nay, đó chẳng phải là điều kỳ lạ đáng cho ta suy nghĩ hay sao ?

THƠ CẢM-TÁC CỦA CÁC DANH-GIA VỀ VÕ-HÀU,

懷

CẢM

感

HOÀI

李 白

Lý-Bạch

漢 道 昔 云 季

Hán đạo tích vân qui

羣 雄 方 戰 爭

Quần hùng phương chiến - tranh

霸 圖 各 未 立

Bá đồ các vị lập

割 據 資 豪 英

Cát cứ tư hào anh

赤 伏 起 頽 運

Xích phục khởi đỗi vận

臥 龍 得 孔 明

Ngọa - Long đắc Khổng - Minh

當 其 南 陽 時

Đương kỳ Nam - Dương thời

隴 畝 躬 自 耕

Lũng mẫu cung tự canh

魚 水 三 顧 合
Ngư thủy tam cố hiệp

風 雲 四 海 生
Phong vân tứ hải sinh

武 侯 立 岷 蜀
Vô Hầu lập Mân Thục

壯 志 吞 咸 京
Tráng chí thôn Hàm kinh

何 人 先 見 許
Hà nhân tiên kiến hứa

但 有 崔 州 平
Đàn hữu Thôi Châu Bình

余 亦 草 間 人
Dư diệc thảo gian nhân

頗 懷 極 物 情
Phả hoài cực vật tình

晚 途 值 子 玉
Vãn đồ trực Tử Ngọc

華 髮 同 衰 榮
Hoa phát đồng suy vinh

託	意	在	經	濟
Thác	ý	tại	kinh	tế
結	交	爲	弟	兄
Kết	giao	vi	đệ	huynh
毋	令	管	與	鮑
Vô	lệnh	Quản	dữ	Bào
千	載	獨	知	名
Thiên	tải	độc	tri	danh

CẨM HOÀI (Lý Bạch)

Nhớ đời Hán đang thời mạt vận
 Chúng anh hùng làm cảnh chiến tranh
 Bá đồ chưa dễ tạo thành
 Anh hào hùng cứ tranh dành thời cơ
 Một con đồ phất cờ xoay trở
 Đồi Ngọa Long gấp gỡ Khổng Minh
 Nam Dương thuở ấy ẩn mình
 Cày cày ruộng đất công danh chẳng màng
 Tình cá nước ba lần thăm viếng
 Hài gió mây bốn biển vẫy vùng
 Võ Hầu đã lập Thục Mân
 Còn nuôi chí lớn nuốt luôn kinh Hàm

Ai nhìn biết anh hùng đoan chắc
 Riêng Châu Bình có mắt tinh anh !
 Ta đây cũng ở lầu tranh
 Mến yêu nhân vật sinh tình nhớ nhung
 Đời về chiều gặp chàng Tử Ngạc
 Tóc hoa râm đồng ước nhục vinh,
 Đồng tâm thế tế, bang kinh,
 Thâm giao kết nghĩa đệ huynh một lòng
 Quyết chẳng nhượng Báo Nha, Quán Trọng
 Dành riêng mình danh vọng ngàn năm !

詠懷古迹二首 杜甫
 VỊNH HOÀI CỔ TÍCH NHỊ THỦ Đổ-Phủ

諸	葛	大	名	垂	宇	宙
Gia	Cát	dại	danh	thùy	vũ	trụ
宗	臣	遺	像	肅	清	高
Tôn	thần	di	tượng	túc	thanh	cao
三	分	割	據	紆	籌	策
Tam	phân	cát	cứ	u	trù	sách
萬	古	雲	霄	一	羽	毛
Vạn	cổ	vân	tiêu	nhất	vũ	mao

伯	仲	之	間	見	伊	呂
Bá	trọng	chí	gian	kiến	Y	Lữ
指	揮	若	定	失	蕭	曹
Chỉ	huy	nhược	định	thất	Tiêu	Tào
運	移	漢	祚	終	難	復
Vận	di	Hán	tộ	chung	nan	phục
志	決	身	殲	軍	務	榮
Chí	quyết	thân	tiêm	quân	vụ	lao

* * *

蜀	主	窺	吳	幸	三	峽
Thục	chúa	khuy	Ngô	hạnh	tam	hiệp
崩	年	亦	在	永	安	宮
Bàng	niên	diệc	tại	Vĩnh	An	cung
翠	華	想	像	空	山	裏
Thúy	hoa	tưởng	tượng	Không	Sơn	lý
玉	殿	虛	無	野	寺	中
Ngọc	diện	hư	vô	dã	tự	trung
古	廟	杉	松	巢	水	鶴
Cổ	miếu	sam	tùng	sào	thủy	hạc
歲	時	伏	臘	走	村	翁
Tuế	thời	phục	lạp	tẩu	thôn	ông
武	侯	祠	屋	長	鄰	近
Vũ	Hầu	từ	ốc	trường	lân	cận

一體君臣祭祀同

Nhất thể quân thần tế tự đồng

HAI BÀI HOÀI CỔ (Đỗ Phủ)

Gia Cát danh thơm trùm vũ trụ
Trung thần di tượng vẻ thanh cao
Chia ba thiên hạ thăm mưu tính
Vạn cổ trời mây một vũ mao (quạt lông)
Giữa đám anh em nhìn Y, Lữ
Chỉ huy ví thử thắng Tiêu, Tào
Hết thời nhà Hán khôn khôi phục
Chí quyết thần tàn mãi khổ lao !

*

* *

Thục Chúa dò Ngô đà ba hiệp
Năm băng cũng tại Vĩnh An Cung
Dung nhan tượng tượng đối hoang đại
Điện ngọc cô liêu giữa cánh đồng
Cổ miếu bách tùng cỏ xây tổ
Cung đường trong xóm mấy già ông
Chùa miếu Võ Hầu cũng gần đó
Một thể vua tôi tế tự cùng.

武 侯 祠 杜 甫
VÔ . HẦU . TỪ (Đỗ-Phủ)

丞 相 祠 堂 何 處 尋
Thừa . Tướng từ . đường hà xư tìm

錦 官 城 外 柏 森 森
Cẩm quan thành ngoại bách sâm sâm

映 堦 碧 草 自 春 色
Ánh dề bích thảo tự xuân sắc

隔 葉 黃 鸝 空 好 音
Cách diệp huỳnh ly không hảo âm

三 顧 頻 繁 天 下 計
Tam cố tần phiền thiên hạ kế

兩 朝 開 濟 老 臣 心
Lưỡng triều khai tế lão thần tâm

出 師 未 捷 身 先 死
Xuất sư vị tiếp thân tiên tử

長 使 英 雄 淚 滿 襟
Trường sử anh hùng lệ mãn khâm

MIẾU VÕ HẦU (Đỗ Phủ)

Từ đường Thừa tướng thấy đâu ?
 Cấm Thành từng bách một màu xanh xanh
 Nắng xuân cỏ biếc bên thành
 Con oanh học nói trên cành liú lo
 Ba lần thăm viếng thảo lư
 Hai triều gánh vác riêng tư lão thần
 Ra quân chưa thắng đã băng
 Khiến rơi châu lệ ướt khăn anh hùng !

諸

GIA

葛

CÁT

廟

杜 甫

MIẾU (Đỗ-Phủ)

久

Cửu

遊

du

巴

Ba

子

Tử

國

quốc

屢

Lũ

入

nhập

武

Võ

侯

Hầu

祠

từ

竹

Trúc

日

nhật

斜

tà

虛

hư

寢

tẩm

溪

Khê

風

phong

滿

mãn

薄

bạc

帷

duy

君 臣 當 共 濟
Quân thần đương cộng tế

賢 聖 亦 同 時
Hiền thánh diệc đồng thời

翊 戴 歸 先 主
Dực đãi qui tiên chúa

井 吞 更 出 師
Tỉnh thôn cánh xuất sư

蟲 蛇 穿 畫 壁
Trùng xà xuyên hoạ bích

巫 覡 醉 蛛 絲
Vu hích túy thù ty

欸 憶 吟 梁 父
Diễm ức ngâm Lương Phụ

躬 耕 起 未 遲
Cung canh khởi vị trì

MIẾU GIA CÁT (Đỗ Phủ)

Đất Ba Thục rong chơi nấn ná
Ta thường thăm miếu xã Võ Hầu
Chiều tà bóng trúc ngủ lâu

Suối khe gió mát thổi vào màn the
 Vua gặp tôi ra tài tế thể
 Thánh được hiển lập kế kinh bang
 Tôn thờ nhớ nghĩa tiên vương
 Quyết ra Trung Quốc nên thường xuất chinh.
 Nối đuôi nhau rần lẩn leo vách
 Đàn ru say đồng, khách, nhện tơ
 Nhớ bài Lương Phụ ngâm nga
 Cây cày thôn dã mà ra kịp thời !

武 侯 廟 杜甫
 VÕ HẦU MIẾU Đỗ-Phủ

遺 廟 丹 青 落

Di miếu đan thanh lạc

空 山 草 木 長

Không sơn thảo bản trường

猶 聞 辭 後 主

Do văn từ Hậu Chúa

不 復 臥 南 陽

Bất phục ngoạ Nam Dương

MIẾU VÔ HẦU (Đỗ Phủ)

Tòa cổ miếu đan thanh nằm ẩn bóng
Vùng cỏ hoang cây cỏ mọc xanh rờn
Lời giả từ Hậu chúa vắng trên không
Chẳng trở lại Nam Dương nằm mơ mộng.

夔 州 歌 杜甫
QUỲ CHÂU CA Đỗ-Phủ

武 侯 祠 堂 不 可 忘

Vô - Hầu từ - đường bất khả vong

中 有 松 柏 參 天 長

Trung hữu tùng bách tham thiên trường

干 戈 滿 地 客 愁 破

Thiên qua mãn địa khách sầu phá

雲 日 如 火 炎 天 涼

Vân nhật như hỏa viêm thiên lương

BÀI CA QUỲ CHÂU (Đỗ Phủ)

Vô Hầu miếu vũ mãi không quên
Tùng bách xanh xanh mọc bốn bên.

Gươm đao đầy đất tan sấu khách
Lửa nắng mây hồng, gió mát hiên.

古
CỔ

柏
BÁCH

行 杜甫
HÀNH (Đỗ-Phù)

孔	明	廟	前	有	老	柏
Khổng	Minh	miếu	tiền	hữu	lão	bách
柯	如	青	銅	根	如	石
Kha	như	thanh	đồng	căn	như	thạch
霜	皮	溜	雨	四	十	圍
Sương	bì	lưu	vũ	tứ	thập	vi
黛	色	參	天	二	千	尺
Đại	sắc	tham	thiên	nhị	thiên	xích
君	臣	已	與	時	際	會
Quân	thần	đi	dữ	thì	tế	hội
樹	木	猶	爲	人	愛	惜
Thụ	mộc	do	vi	nhân	ái	tích
雲	來	氣	接	巫	峽	長
Vân	lai	khí	tiếp	vu	hiệp	trường
月	出	寒	通	雪	山	白
Nguyệt	xuất	hàn	thông	tuyết	sơn	bạch

憶	昨	路	遠	錦	亭	東
Ức	tạc	lộ	nhĩều	cám	đình	đông
先	主	武	侯	同	悶	宮
Tiên	Chúa	Vũ	Hầu	đồng	lị	cung
崔	巍	枝	幹	郊	原	古
Tôi	nguy	chi	cán	giáo	nguyên	cổ
窈	窕	丹	青	戶	牖	空
Yểu	diệu	đan	thanh	hộ	dũ	không
落	落	盤	踞	雖	得	地
Lạc	lạc	bàn	cứ	tuy	đắc	địa
冥	冥	孤	高	多	烈	風
Minh	minh	cô	cao	đa	liệt	phong
扶	持	自	是	神	明	力
Phò	trì	tự	thị	thần	minh	lực
正	直	元	因	造	化	工
Chính	trực	nguyên	nhân	tạo	hóa	công
大	廈	如	傾	要	梁	棟
Đại	hạ	như	khuy nh	yếu	lượng	đống
萬	牛	回	首	丘	山	重
Vạn	ngưu	hồi	thủ	khưu	sơn	trọng

不	露	文	章	世	已	驚
Bất	lộ	văn	chương	thế	đi	kính
未	辭	剪	伐	誰	能	送
Vì	từ	tiễn	phạt	thùy	năng	tống
苦	心	豈	免	容	螻	蟻
Khổ	tâm	khởi	miễn	dung	lâu	ngự
香	葉	終	經	宿	鸞	鳳
Hương	diệp	chung	kính	túc	loan	phụng
志	士	幽	人	莫	怨	嗟
Chí	sĩ	u	nhân	mạc	oán	ta
古	來	材	大	難	爲	用
Cổ	lai	tài	dại	nan	vì	dụng

CÂY BÁCH GIÀ (Đỗ Phủ)

Miếu Khổng Minh có cây bách cổ
 Rẻ như cành, cứng tựa đá, đồng
 Da sừng, nước giọt, mưa đông
 Vòng ôm bốn chục, cao trông hai ngàn
 Nghĩa chúa tôi lều tranh hội ngộ
 Mong người xưa, cây cỏ nhớ thương
 Mây giăng, khói tỏa đồi sương
 Trắng vàng, tuyết bạc, núi non lạnh lùng

Đây đường bọc đình đồng thuở trước
 Đây bí cung vẹn ước chúa tôi
 Một cây cao ngất giữa trời
 Đan thanh yếu điệu cửa ngoài vắng tanh.
 Nơi hoang vắng chúa dành đất tốt.
 Chốn âm u cao vút gió reo
 Thần linh như giúp sức vào
 Một cây đứng sừng khác nao trời trống !
 Ruồng cột nghiêng, hoàng cung muốn đổ
 Muôn ngựa trâu quay cổ Tây Xuyên
 Văn chương chẳng lộ, người kiềng
 Chưa xong chinh chiến quân binh ai cầm ?
 Lòng sầu khổ, khôn dung sâu kiến
 Tim cảnh thom, loan phượng đầu liên
 Anh hùng chí sĩ chó phiến
 Xưa nay tài lớn thường riêng khó dùng !

武
VÔ

侯
HẦU

祠 朱熹
TỪ (Châu-Hy)

空 山 臥 龍 處
Không sơn Ngọa - Long xư

蒼	峭	神	所	鑿
Thương	tiểu	thần	sở	tạc

下	有	寒	潭	幽
Hạ	hữu	Hàn	- Đàm	u

上	有	明	河	落
Thượng	hữu	Minh	- Hà	lạc

我	來	愛	佳	名
Ngã	lai	ái	giai	danh

小	築	倚	幽	壑
Tiểu	trúc	ỷ	u	hác

永	念	千	載	人
Vĩnh	niệm	thiên	tải	nhân

丹	靑	豈	今	昨
Đan	thanh	khởi	kim	tạc

英	姿	儼	繪	事
Anh	tư	nghiêm	hội	sự

凜	若	九	原	作
Lâm	nhược	cửu	nguyên	tác

寒	藻	薦	芳	馨
Hàn	tảo	tiển	phương	hình

飛 泉 奉 明 酌

Phi tuyền phụng minh chúc

公 來 識 此 意

Công lai thức thử ý

願 步 慘 不 壽

Có bộ thảm bất lộc

抱 膝 一 長 吟

Bào tất nhất trường ngâm

神 交 付 冥 漠

Thần giao phó minh mạc

MIẾU VÔ HẦU (Châu Hy)

Ngoa Long Cương đối hoang vắng lặng
Khen thợ trời khéo nặn cao thanh !
Cúi xuống nhìn đầm lạnh vòng quanh
Ngước mắt thấy chênh vênh thác đổ
Từ xa đến, danh tài ái mộ
Tạm nghỉ nơi động cũ u huyền
Tưởng nhớ lại người xưa vịnh hiển
Nét đan thanh như hiện gần đây
Dáng oai nghiêm, nét họa đủ đây
Xem lẫn liệt tuyền đật kiệt tác !
Rêu cỏ lạnh, mùi hương bát ngát
Suối phun vòi rượu rót dâng ai
Hầu có vẻ chắc hiểu lòng tôi
Chân rảo bước, bụi ngùi cô quanh
Buồn ôm gối ca ngâm lạnh lạnh
Hồn cảm thông thần thánh u minh.

題 籌 筆 驛 社 牧
 ĐỀ TRÙ BÚT DỊCH (Đồ-Mục)

三 吳 列 葵 女

Tam Ngô liệt Vỹ Nữ

九 錫 欺 孤 兒

Cửu Tích khi cô nhi

霸 王 業 未 半

Bá vương nghiệp vị bán

本 朝 心 是 誰

Bôn triều tâm thị thùy

永 安 宮 受 詔

Vĩnh An cung thọ chiếu

籌 筆 驛 沉 思

Trù bút dịch trầm tư

畫 地 乾 坤 在

Họa địa càn khôn tại

濡 毫 勝 負 知

Nhu hào thắng phụ tri

艱 難 同 草 創

Gian nan đồng thảo sáng

得	失	計	毫	釐
Đắc	thất	kế	hào	ly

寂	嘿	經	千	慮
Tịch	mặc	kinh	thiên	lự

分	明	渾	一	期
Phân	minh	hồn	nhất	kỳ

川	流	縈	智	慮
Xuyên	lưu	oanh	trí	lự

山	聳	助	扶	持
Sơn	tủng	trợ	phò	trì

慷	慨	匡	時	略
Khàng - khái	khuông	thời	lược	

從	容	問	罪	師
Thung - dung	vấn	tội	sư	

褒	中	秋	鼓	角
Bao	trung	thu	cổ	dác

渭	曲	晚	旗	旌
Vị	khúc	vãn	sinh	kỳ

仗	義	懸	無	敵
Trượng nghĩa	huyền	vô	dịch	

鳴 攻 固 有 辭

Minh công cố hữu từ

若 非 天 奪 去

Nhược phi thiên đoạt khứ

豈 復 慮 能 支

Khởi phục lý năng chi

子 夜 星 纔 落

Tý dạ tinh tài lạc

鴻 毛 鼎 便 移

Hồng mao đỉnh tiện di

郵 亭 世 自 換

Bưu đình thế tự hoán

白 日 事 長 垂

Bạch nhật sự trường thùy

何 處 躬 耕 者

Hà xứ cung canh giả

猶 題 殄 瘁 詩

Do đề diên tụy thi

ĐỂ THƠ QUÂN DỊCH (Đỗ Mục)

Miền Tam Ngô khéo sinh Vụ Nữ
Đất Cửu Tích nở bỏ cô nhi !
Nghiep bá vương nửa đoạn chưa gì
Triều Mạt Hán về ai có hiểu ?
Cung Vinh An cúi đầu thọ chiếu,
Quán bút trừ lo liệu trăm tư,
Chia cần khôn vạch đất bù trừ,
Bút thấm mực hơn thua đã biết !
Cùng sáng nghiệp gian lao khôn xiết
Tinh mắt còn, chi tiết hào ly
Dạ âm thăm trăm xét ngàn suy
Phân ranh rẽ chung quy một bận
Trí miên viễn mưu toan tinh tấn
Nhớ núi đôi án trấn phò trì,
Bèn khẳng khái ra tay chính trị
Khi nhàn rồi xuất sư vấn tội
Khắp miền Bao, loa gọi, trống hồi
Dòng sông Vị, bóng cờ san sát.
Nêu nghĩa cả cao vời vô địch,
Đang thét gào xung kích bỗng nhường
Nếu ông xanh chưa hẳn cướp phần
Người đã kịp phục hưng nghiệp Hán !

Bỗng nửa đêm thỉnh linh sao giáng
Thế ba chân bỗng thoáng lung lay.
Để việc đời quán dịch đổi thay
Giữa ngày sáng việc rày dang dở...
Đâu còn nữa cây cày người cũ !
Quán bên đường nay gửi bài thơ...

隆 中 蘇 軾
LONG TRUNG Tô-Thức

諸 葛 來 西 國
Gia . Cát lai Tây - Quốc

千 年 愛 未 衰
Thiên niên ái vị suy

今 朝 遊 故 里
Kim triều du cố lý

蜀 客 不 勝 悲
Thục khách bất thắng bi

誰 言 襄 陽 野
Thùy ngôn Tương-Dương dã

生 此 萬 乘 師

Sinh thử vạn thặng sư

山 中 有 遺 貌

Sơn trung hữu di mạo

矯 矯 龍 之 姿

Kiểu kiêu long chi tư

龍 蟠 山 水 秀

Long bàn sơn thủy tú

龍 去 淵 潭 移

Long khứ uyên đàm di

空 餘 蜿 蜒 迹

Không dư uyển diêm tích

使 我 寒 涕 垂

Sử ngã hàn thĩ thùy

LONG TRUNG (Tô Thức)

Nhớ Khổng Minh về coi đất Thục
Dân miền tây mền phục ngàn năm
Hôm nay làng cũ về thăm
Buông chân Thục khách dạ thâm nhớ thương
Ai ngờ chốn Tương Dương đồng vắng

Mà xuất thân vạn thắng quân sư !
 Núi sâu tượng cũ còn ghi,
 Khôi ngô tướng mạo uy nghi vẻ rồng !
 Rổng uốn khúc, non hùng nước biếc,
 Rổng bay đi, hổ vực cũng dồi,
 Chỉ còn di tích chơi vơi,
 Khiến cho du khách bao người lệ sa !

原 武 侯 所 從 出 師 蘇 軾

NGUYÊN VŨ - HẦU SỞ TÔNG-XUẤT SƯ (Tô-Thức)

南 望 斜 谷 日

Nam vọng Tà - Cốc nhật

三 出 如 犬 牙

Tam xuất như khuyển nha

西 觀 五 丈 原

Tây quan Ngũ - Trượng nguyên

鬱 屈 如 長 蛇

Uất khuất như trường xà

有 懷 諸 葛 公

Hữu hoài Gia - Cát Công

萬 騎 出 漢 巴
Vạn kỵ xuất Hán Ba

吏 士 寂 如 水
Lại sĩ tịch như thủy

蕭 蕭 聞 馬 槌
Tiêu tiêu văn mã qua

公 才 與 曹 丕
Công tài dư Tào Phi

豈 止 十 倍 加
Khởi chi thập bội gia

顧 瞻 三 輔 間
Cố chiêm Tam Phụ gian

勢 若 風 卷 沙
Thế nhược phong quyển sa

一 朝 長 星 墜
Nhất triều trường tinh trụ

竟 使 蜀 婦 羸
Cánh sử Thục phụ troa

山 僧 豈 知 此
Sơn tăng khởi tri thử

一	室	老	煙	霞
Nhất	thất	lão	yên	hà

往	事	逐	雲	散
Vãng	sự	toại	vân	tán

故	山	依	渭	斜
Cố	sơn	y	vị	tà

客	來	空	弔	古
Khách	lai	không	điếu	cổ

清	淚	落	悲	笳
Thanh	lệ	lạc	bi	già

NOI VÕ HẦU RA QUÂN (Tô Thức)

Hang Tà Cốc trời nam thấy rõ
 Chia ba ngành như chó nhe răng.
 Phía tây Ngũ Trượng đồng bằng
 Nhấp nhô sóng lượn như trăn uốn mình.
 Nhớ thuở trước Khổng Minh Gia cát
 Muôn ngựa xe đột xuất Thục Ba
 Quan binh như nước lạng ra
 Trống hồi, ngựa hí, người la biên thùy.
 Tài của khanh, Tào Phi khôn sánh,
 Mười phần hơn, lời dặn còn nghe !

Nghe tin buồn, gái Thục khóc than
Sư già núi thẳm, biết chăng ?
Chùa xưa mây khói che ngăn việc đời
Bao việc cũ, mây trời tan rã !
Núi non còn, sông Vị, hang Tà,
Miền xưa, khách viếng lần la
Nghe kèn réo rắt lệ sa đầm đìa !

諸葛孔明詩文

GIA - CÁT KHÔNG-MINH THI - VĂN

黃陵廟記

(節文)

HUỲNH - LĂNG MIẾU KÝ

(tiết-văn)

僕躬耕南陽之畝，遂蒙劉氏

1. - Bộc cung canh Nam-Dương chi mầu toại mông Lưu thị

顧草廬。勢不可御，計事善

cố thảo-lư Thế bất khả ngự kế sự thiện

之。於是情好日密，相拉總

chi ư thị tình hảo nhật mật tương lạp tổng

帥。

súy

。趨蜀道，履黃牛，因覩江

- Xu Thục-đạo lý Huỳnh-Ngưu nhân đồ giang

山之勝。亂石排空驚濤拍岸

sơn chi thắng Loạn thạch bài không kinh dào phách ngạn

。歛巨石於江中，崔嵬巖峴

Liễm cự thạch ư giang trung tùi nguy tán cạm

THI VĂN CỦA GIA CÁT KHÔNG MINH

BÀI VĂN GHI TẠI MIẾU HUỲNH LĂNG (đoạn văn)

1- Tớ tự mình cày ruộng *Nam Dương*, bèn chịu ơn họ Lưu chiếu cố tới viếng lễu tranh. Thế không thể từ chối, nên tính việc để giúp cho khá hơn. Từ đấy cảm tình tốt đẹp càng ngày càng thêm khấn khất, dẫn tới việc cho làm Tế tướng cầm quyền Tổng soái.

2- Theo đường vào đất Thục vượt núi Huỳnh Ngu (1) nhân đó thấy được các thắng cảnh của giang sơn. Đá chập chồng bày trên cao, sóng kinh hải vỗ bên bờ. Đá lớn lượn giữa dòng sông, sắp bày ba ngọn núi, cao lớn vồ vọi (2) Thời bình trị nước chảy xuôi, thuận theo dòng (3). Nếu chẳng có thần phù trợ vua Hạ Vũ, sức người xây dựng được như thế sao ?

-
- (1) Trên núi Huỳnh Ngu có miếu Lạc Xuyên (tên một con sông) cũng gọi là miếu Huỳnh Lăng, sau được Không Minh đổi tên lại là miếu Huỳnh Ngu. Trên núi có dấu chân như chân bò, lại cũng có dấu chân đen như chân người dẫm nên người ta cho đó là chân của thần nhân. Miếu Huỳnh Ngu rất linh cảm ; thần miếu được phong là "Bảo An Hầu". Sách truyện có nói : Một vị thần giúp Vua Hạ Vũ trị nước lụt có công nên được thờ ở miếu ấy.
- (2) Đá ngổn ngang ở giữa lòng sông làm nghẽn giòng nước, do đó có nạn lụt. Đó là thời kỳ đại hồng thủy, nước tràn ngập gần hết đất đai. Sau nhờ có Vua Hạ Vũ khai thông sông ngòi để nước chảy ra biển. Công việc ấy rất vĩ đại cũng giống như việc dời non lấp biển, phải chín năm mới xong. Người ta cho rằng có thần giúp Vua Hạ Vũ.
- (3) Thời xưa người ta cho rằng các thiên tai (lụt bão, khô hạn, đói kém, mất mùa, bệnh thời khí...) thường xảy ra vào thời loạn, còn vào thời bình trị thì ít có thiên tai

列作三峯。平治泮水。順遵

liệt tác tam phong Bình trị giăng thủy thuận tuân

其道。非神扶助於禹，人力

kỳ đạo Phí thần phù trợ ư Vũ nhân lực

奚能致此耶？

hề năng trí thứ đa

僕縱步環覽，乃見江左大山

3. - Bộc tóng bộ hoàn lãm nãi kiến giang tả đại sơn

壁立。林麓峯巒如畫。熟視

bích lập Lâm lặc phong loan như họa Thục th

於大江重複石壁間，有神像

ư đại giang trùng phục thạch bích gian hữu thần tượng

影現焉。鬚髮鬚眉，冠裳宛

ảnh hiện yên mấn phát tu mi quan thường uyển

然如彩畫者。前豎一旌旗。

nhiên như thê họa giả Tiền thụ nhất tinh kỳ

右駐一黃犢，猶有董工開導

Hữu trú nhất hoàng độc do hữu đồng công khai đạo

之勢。古傳所載黃龍助禹，

chí thế Cổ truyền sở tải hoàng long trợ Vũ

開江治水，九載而功成，信

khai giang trị thủy cửu tải nhi công thành tín

3- Tổ thả bước nhìn quanh, bên thấy trên bờ sông bên trái có núi cao dựng đứng như bức vách. Rừng bao bọc dưới chân, ngọn núi uốn lượn chập chồng như trong bức họa. Nhìn kỹ vào dòng sông lớn, giữa nhiều lớp vách đá, có hình ảnh tượng thần hiện ra ở đó, đầy đủ mai, tóc, râu, mày, mũi, áo, giống hệt như một bức họa rực rỡ vậy. Trước cấm một cây cờ. Bên phải một con bò vàng nhỏ dừng lại, giống như là có công coi sóc, mở lối đem đường. Truyền cũ có chép rồng vàng giúp Vua Hạ Vũ, mở sông khơi nước, chín năm mà xong việc, đó là việc đáng tin, chẳng phải bịa đặt. Tiếc rằng mặt trước miếu đã hư nát, khiến cho người phải than thở không nguôi. Thần có công giúp Vua Hạ Vũ, mở thông sông ngòi mà không dùng rìu, đục, giúp cho ghe thuyền xuôi ngược thuận tiện nên được thờ phụng ở đất này.

4- Tổ trở lại trùng hưng cảnh miếu, lập lại miếu hiệu, đặt tên là miếu *Huỳnh Ngưu*, để công lao vị thần được hiển hách.

LỜI BÌNH PHẨM : Ý tứ lời văn thật là tuyệt diệu. Cũng như Khổng Minh được gọi là rồng năm (Phục Long), đoạn văn trên đây đúng là một vẩy rồng vậy !

不誣也。惜乎廟貌廢去，使
bất vu giả Tịch hồ miếu mạo phế khứ sử

人太息。神有助禹開江，
nhân thái tức Thần hữu công trợ Vũ khai giang

不事鑿斧，順濟舟航，當廟
bất sự tạc phủ thuận tế chu hàng đương miếu

食茲土。
thực tư thổ

僕復而興之，再建其廟號，
4.—Bộc phục nhi hưng chi tái kiến kỳ miếu hiệu

目之曰黃牛廟。以顯神功。
mục chi viêt Huỳnh-Ngưu-Miếu dĩ hiển thần công

梁 父 吟

LƯƠNG . PHỤ . NGÂM

1.— 步 出 齊 城 門
Bộ xuất Tề thành môn
遙 望 蕩 陰 里
Dao vọng đàng âm lý
里 中 有 三 墳
Lý trung hữu tam phần
壘 壘 正 相 似
Lũy lũy chánh tương tự

BÀI NGÂM LƯƠNG PHỤ

CHÚ DẪN : Nước Tề có ba dũng sĩ là *Trần Khai Cường*, *Cố Dã Tử*, *Công Tôn Tiệp*. Tề tướng là *Án Anh* đem ba người ấy với *Vua Cảnh Công* mà nói rằng : Nhà vua hãy chọn ba quả đào, tự ăn quả thứ nhất, khiến mỗi người kể công trạng của mình, ai nhiều công thì cho một quả. *Trần* và *Cố* hai người kể công xong thì được ăn đào. Còn *Công Tôn* thì tức giận nên tự cắt cổ mà chết. *Trần* và *Cố* suy nghĩ lại sinh hổ thẹn nên cũng tự vẫn mà chết theo. *Vô Hưu* đi ra khỏi thành nước Tề thấy ba ngôi mộ, xúc cảm mà đặt bài ngâm sau đây :

1- Bước lẫn ra cửa thành Tề

Xa trông làng xóm bốn bề vắng tanh

Trong làng ba mộ nằm gần

Nơi nơi giống hệt khó phân biệt nào !

2. —	問 Vấn	是 thị	誰 thùy	家 gia	冢 trũng
	田 Điền	疆 Cường	古 Cổ	治 Đả	氏 thị
	力 Lực	能 năng	排 bài	南 Nam	山 sơn
	文 Văn	能 năng	絕 tuyệt	地 địa	理 lý
3. —	一 Nhất	朝 triều	被 bị	讒 sàm	言 ngôn
	二 Nhị	桃 đào	殺 sát	三 tam	士 sĩ
	誰 Thùy	能 năng	爲 vi	此 thử	謀 mưu
	相 Tướng	國 Quốc	齊 Tề	晏 Án	子 Tư

白

鳩

篇

BẠCH

CƯU

THIÊN

1. —	翩 Phiển	翩 phiển	白 bạch	鳩 cưu
	再 Tái	飛 phi	再 tái	鳴 minh
	懷 Hoài	我 ngã	君 quân	德 đức
	來 Lai	集 tập	君 quân	庭 đình

2- Hỏi rằng mộ của ai đâu ?

Diễn Cương, Cổ Dã anh hào tiếng tăm

Sức người xô nổi núi Nam

Văn tài tuyệt địa khó tìm ai hơn !

3- Một mai bị kẻ tầu sàm

Hai đào giết nổi ba chàng dũng phu !

Hỏi ai bày đặt kế sâu ?

Tướng Quốc Ân Tử đứng đầu Tề Ban !

THƠ BỔ CÂU TRẮNG (1)

1- Chập chờn câu trắng một màu

Hót gù rộn rã, xạc xào lượn bay

Nhớ vua công đức cao dày

Chim bay về hợp đông đầy sân vua

(1) Bài thơ này có ý nghĩa tượng trưng : bổ câu trắng tượng trưng cho điểm lạnh, thái bình (nhớ công đức của Vua), cho sự thanh bạch, hiển hóa, vô tư lự của người dân (nhờ sự cai trị sáng suốt của Vua)

2. —	白 Bạch	雀 trước	呈 trình	瑞 thụy
	素 Tố	羽 vũ	明 minh	鮮 tiên
	翔 Tường	庭 đình	無 vô	翼 dực
3. —	以 Dĩ	應 ứng	仁 nhân	乾 càn
	皎 Hạo	皎 hạo	鳴 minh	鳩 cưu
	或 Hoặc	丹 đơn	或 hoặc	黃 huỳnh
	樂 Lạc	我 ngã	君 quân	惠 huệ
	振 Chấn	羽 vũ	來 lai	翔 tường
4. —	東 Đông	壁 bích	餘 dư	光 quang
	魚 Ngư	在 tại	江 giang	湖 hồ
	惠 Huệ	而 nhi	不 bất	費 phí
	敬 Kính	我 ngã	微 vi	軀 khu

- 2- Tin lành chim trắng tới đưa
Toàn thân sắc trắng lông tơ sáng ngời
Trước sân bay lượn vô tư
Như là bồi đắp lòng từ trời cao
- 3- Tai nghe riu rít chim kêu
Đon, Huỳnh (1), hai huyết không lời lúc nào.
Ta vui ân huệ Vua trao,
Rung lông, vỗ cánh lao xao bay vòng
- 4- Ánh đào còn nhuộm tường đông (1)
Sông hồ cá lội vầy vùng một phương (2)
Giữ gìn chút huệ Vua ban
Giữ gìn thân mọn bảo toàn quốc gia (3)

(1) Đon điển và huỳnh đình là hai huyết mà đạo gia chuyên trì

策 我 良 駟

5. — Sách ngã lương tứ

習 我 驅 馳

Tập ngã khu trì

與 君 周 旋

Dữ quân chu triền

樂 道 忘 饑

Lạc đạo vong cơ

我 心 虛 靜

6. — Ngã tâm hư tĩnh

我 志 霑 濡

Ngã chí triêm nhu

彈 琴 鼓 瑟

Dàn cầm cổ sất

聊 以 自 娛

Liêu dĩ tự ngu

- 5- Đánh roi ngựa tứ cho ta
 Để ta dong ruổi gần xa tung hoành
 Cùng Vua du ngoạn vòng quanh
 Đạo vui năm tháng, cơ hàn chẳng lo (4)
- 6- Giữ lòng thanh tịnh, hư vô (5)
 Chỉ ta đắm thắm như hồ chẳng voi (6)
 Đàn cầm, đàn sắt gảy chơi (7)
 Xuế xòa phóng túng tự vui một mình (8)
- 7- Lên đài cao vút mây xanh
 Ngao du khắp cõi thái thanh thỏa lòng (9)
 Vịn rồng, dựa phượng thung dung
 Tự trông, thần nổi làng làng nhẹ nhàng (10)

LỜI BÌNH PHẠM : Bài thơ trên thật là siêu phàm, bao hàm *thánh đạo* và *tiên đạo*. Bài thơ có tính cách rất tượng trưng, thêm nữa lại chứa những danh từ chuyên môn của đạo học. Cuộc đời của Khổng Minh có thể tóm tắt đầy đủ trong đó : *đưỡng thân* tức là *luyện đan, giữ đạo, thờ vua* (dưỡng sinh, bảo đạo, sự quân).

(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (10) Nhìn bức tường, nhìn cá, dưỡng thân, nhìn đối, hư tâm, quán tướng thân như nước, gảy đàn, xuế xòa, hồi quán đều là những phép tu tập của đạo gia.

(9) Thái Thanh là cảnh tiên trong ba cảnh Tam Thanh : Ngọc Thanh thánh cảnh, Thượng Thanh chơn cảnh và Thái Thanh tiên cảnh.

7.-

凌	雲	登	臺
Lăng	vân	dăng	dài
浮	游	太	清
Phù	du	thái	thanh
攀	龍	附	風
Phan	long	phụ	phượng
自	望	身	輕
Tự	vọng	thân	khinh

司	馬	季	主	碑	贊
TU	MÃ	QUÝ	CHỦ	BI	TÁN

玄	漠	太	寂
Huyền	mạc	thái	tịch
混	合	陰	陽
Hỗn	hiệp	âm	dương
天	地	交	汴
Thiên	Địa	giao	phán (bạn)
萬	品	滋	影
Vạn	phẩm	tư	chương
先	生	理	著
Tiên	sinh	lý	trú
分	別	柔	剛
Phân	biệt	nhu	cương
鬼	神	以	觀
Quỷ	thần	đi	quan
六	度	顯	明
Lục	độ	hiển	minh

BÀI TÁN TRÊN BIA TƯ MÃ QUÝ CHỦ

CHÚ THÍCH : *Tư Mã Quý Chủ* là người Hán đắc đạo thoát thân thành tiên, để lại gối và chiếu để thay thế cho thân thể của mình. Thây giả ấy gần giống như thây thiệt. Người nhà bèn đem thây giả ấy chôn ở đất *Thục Thăng* phía nam núi *Ban Sơn*. Võ Hầu nhân việc ấy làm bài tán để bia như trên.

Cô liễu tịch mịch, u huyền
Âm Dương hỗn hiệp, triển miên không rời
Chia lìa, giác cảm đất trời.
Vạn vật sinh trưởng vui tươi tung bùng
Tiên sinh sửa trị, vun trồng
Phân biệt mềm cứng gìn lòng chẳng sai
Quý thần thấy rõ hơn ai
Sáu phép sáng tỏ ấy tài chon nhon !

與 吳 主

DŨ NGÔ - CHÚA

所 送 白 帊 薄 少 。 重 見 辭 謝 。

Sở tặng bạch mào bạc thiếu Trùng kiến từ tạ

益 以 增 慚 。

ích dĩ tăng tàm

遺 表

DI BIỂU

伏 念 臣 賦 性 拙 直 ， 遭 時 艱 難

1. — Phục niệm thần phú tánh chuyết trực tao thời gian - nan

， 興 師 北 伐 ， 未 獲 全 功 。 何

hưng sư bắc phạt vị hoạch toàn công Hà

期 病 在 膏 肓 ， 命 垂 旦 夕 。

kỳ bệnh tại cao-hoang mạng thùy đán tịch

伏 願 陛 下 ， 清 心 寡 慾 ， 約 己

2. — Phục nguyện Bệ-Hạ thanh tâm quả dục ước kỷ

愛 民 ， 達 孝 道 於 先 君 ， 布 仁

ái dân đạt hiếu - đạo ư Tiên-quân bố nhân

心 於 寰 宇 ， 提 拔 逸 隱 以 進 賢

tâm ư hoàn - vũ đề - bạt đạt ẩn dĩ tấn hiền

良 ， 屏 黜 奸 讒 以 厚 風 俗 。

lưu binh truất gian - sàm dĩ hậu phong-tục

GỬI NGŨ CHÚA

Cách đưa khách của Ngài tỏ ra mù tối, lạt lẽo, sơ sài. Khi gặp lại, sẽ xin từ tạ. (Nghĩ lại) càng thêm hổ thẹn !

SỐ TẤU CÒN ĐỂ LẠI

1- Cúi xuống đất nghĩ rằng kẻ bề tôi này được trời phú tính vụng về ngay thẳng. Gặp buổi gian nan, dấy binh đánh phương bắc, chưa thành công hoàn toàn, không ngờ bệnh đã đến cao hoang từ lúc nào (1). Mạng treo trong khoảng khắc sớm tối.

2- Cúi xin Bệ hạ, *giữ lòng trong sạch, giám sát tham muốn, ước thúc lấy mình mà thương dân, thành tựu hiếu đạo với vua xưa, gieo rắc lòng nhân từ khắp thế giới, để bạt những kẻ ẩn dật, nâng đỡ người hiền lương, đuổi bỏ kẻ gian nịnh dèm pha, để phong tục được thuần hậu.*

3- Nhà của bề tôi này ở Thành Đô có tám trăm gốc dâu, mười lăm khoảnh ruộng xấu, con cháu ăn mặc, tự có dư nhiều. Thân bề tôi ở bên ngoài, *riêng chẳng điều độ,*

(1) Dưới trái tim là cao, trên trái tim là hoang. Cao hoang là chỗ trọng yếu, dễ bệnh ập tới đó thì không cứu chữa được nữa.

臣家成都，有桑八百株，薄
 3. - Thần gia Thành-Đô hữu tang bát bách châu bạc
 田十五頃，子孫衣食。自有
 điền thập ngũ khoảnh tử tôn y thực tự hữu
 餘饒。臣身在外，別無調度
 dư nhiêu Thần thân tại ngoại biệt vô điều độ.
 隨時衣食，悉仰於官，不
 tùy thời y thực tất ngưỡng ư quan bất
 別治生，以長尺寸。臣死之
 biệt trị sanh dĩ trường xích thốn Thần tử chi
 日，不使內有餘帛，外有贏
 nhật bất sử nội hữu dư bạch ngoại hữu doanh
 財，以負陛下也。
 tài dĩ phụ Bệ - Hạ giá

與兄子瑜書

DŨ HUYNH TỬ DU THƯ

既蒙東朝厚遇，依依於子弟
 1. - Kỳ mông Đông-Triều hậu ngộ y y ư tử đệ
 又子喬良器，爲之惻愴。
 hựu tử kiều, lương khí vi chí trắc thương
 見其所與亮器物，感用流涕
 2. - Kiến kỳ sở dĩ Lượng khí vật cảm dụng lưu lệ

tùy thời ăn mặc, đều trông nhờ vào của công, không thể sinh hoạt riêng, để thêm được thuốc tặc nào ! Ngày bể tôi chết, không khiến bên trong dư thừa, bên ngoài được lợi của, thành thử phụ lòng Bệ hạ vậy !

THƯ GỬI ANH TỬ DU (1)

1- đã chịu ơn Đông triều hậu đãi. (Bây giờ tôi) ở theo bầy tử đệ (của họ) thì cũng là *đạo chủ tớ* (như cây kiêu vươn lên, cây tử rủ xuống), (hay là) đồ dùng tốt (mà thôi), vì chỗ đó mà lòng đau đớn.

2- Thấy việc đối đãi Lượng như là đồ dùng quý đáng tin cậy, (tôi) cảm mến được dùng mà chảy nước mắt.

(1) Anh ruột của Khổng Minh là Gia Cát Cẩn có tên là Tử Du làm chức Trưởng Sử cho Tôn Quyền ở Đông Ngô

與張裔書

DŨ TRƯƠNG-DUỆ THU

去婦不顧門，萋菲不入園，

Khứ phụ bất cố môn lêu phi bất nhập viên

以婦人之性，草萊之情，猶

dĩ phụ-nhân chí tánh thảo thái chí tình do

有所恥，想忠壯者，意何所

hữu sở sĩ tưởng trung tráng giả ý hà sở

之。

chí ?

與陸遜書

DŨ LỤC - TÔN THU

家兄年老而恪性疎。今使

1. — Gia-huynh niên lão nhi khác tánh sơ Kim sử

典糧穀。

diển lương cốc

糧穀，軍之最要，僕雖在

2. — Lương cốc quân chí tối yếu bực tuy tại

遠，竊用不安。

viễn thiết dụng bất an

足下特爲啓至尊轉之。

3. — Túc hạ đặc vi khải Chí - Tôn chuyển chí

THƯ GỬI TRƯƠNG DUỆ (1)

Người đàn bà (bỏ nhà) ra đi chẳng quay đầu nhìn lại cửa ; rau lâu, rau phỉ (hoang dại) chẳng vào vườn, đó là tính đàn bà, tình cỏ rau còn biết xấu hổ, tướng (nhà người) là bậc trung can, tráng sĩ (vậy người) nghĩ sao ?

THƯ GỬI LỤC TỐN (2)

1- Anh tôi tuổi già mà kính cẩn, tính sơ sài lạt lẽo. Nay sai đến mượn lương thực, lúa gạo.

2- Lúa gạo là vật tối yếu của quân đội, tở tuy ở xa, (nếu) trộm lấy (để cho mượn) thì không yên lòng.

3- (Xin) túc hạ đặc biệt trình lại Chí Tôn mà chuyển lời giải bày của tố.

(1) Trương Duệ làm quan bên Thục, nay qua ở bên Ngô. Khổng Minh sai Đặng Chi đi sứ qua Ngô, đem Duệ về

(2) Tướng của Đông Ngô, về sau đánh bại quân của Lưu Bị.

戒 外 場

GIỚI NGOẠI SANH

夫志當存高遠，慕先賢，
 1. — Phò chí đương tồn cao viễn mộ tiên hiền
 情欲，棄凝滯；使庶幾之
 tuyệt tình - dục khí ngưng trệ sử thứ cơ chí
 情，揭然有所存，惻然有所
 tình yết nhiên hữu sở tồn trắc nhiên hữu sở
 感。
 cảm

忿屈伸，去細碎。廣咨問
 2. — Phẫn khuất thân khứ tuế - toái Quảng tư - vấn
 ，除嫌吝。何損於美趣。何
 trừ hiềm lận Hà tổn ư mỹ thú ? Hà
 患於不濟。
 loạn ư bất tế ?

若志不强毅。意不忤慨。
 3. — Nhược chí bất cường nghị ý bất ngoan khái
 徒碌碌滯於俗，默默束於情
 đồ lục lục trệ ư tục . mặc mặc thúc ư tình

KHUYẾN RĂN CHÁU NGOẠI

1- Nên giữ chí thật cao xa, miễn chuộng bậc hiền đời trước, dứt hẳn tình dục, phá tan sự ngưng trệ ; khiến cho cái lòng mong muốn có chỗ duy trì rõ ràng, có chỗ cảm động mà sinh ra thương mến.

2- Giận lắm thì co duỗi, bỏ qua sự nhỏ nhặt. Rộng thêm dò học hỏi, trừ bỏ tính nghi ngờ bốn xén. Sao lại dễ tổn hại về thú sắc đẹp làm gì ? Sao lại lo buồn về việc không thành ?

3- Ví bằng chí không mạnh mẽ, quả quyết, ý không rộng rãi (thì sẽ không bị làm) kẻ học trò khó rơi vào chốn phạm tục, suốt đời bị trói buộc trong cõi tình, ẩn nấp lâu ở chốn tầm thường, không ra khỏi chốn hạ lưu vậy.

戒 子

GIỚI TỬ

君子之行，靜以脩身，儉

1. — Quân - tử chi hạnh tĩnh dĩ tu thân kiệm

以養德。

dĩ dưỡng đức

非澹泊無以明志，非寧靜

2. — Phi đạm - bạc vô dĩ minh chí phi ninh tĩnh

無以致遠。

vô dĩ trí viễn

夫學須靜也。才須學也。

3. — Phù học tu tĩnh giả tài tu học giả

非學無以廣才，非靜無以

4. — Phi học vô dĩ quảng tài phi tĩnh vô dĩ

成學。慥慢則不能研精。

thành học Thao mạn tắc bất năng nghiên tinh

KHUYẾN CON

1- Hạnh của người quân tử là giữ lòng *thanh tĩnh* để sửa mình, giữ tính *cần kiệm* để dưỡng đức.

2- Không dạm bạc thì không thể làm sáng cái chí, không yên lặng thì không thể tới xa.

3- Muốn *học* thì cần phải *thanh tĩnh*, muốn có *tài năng* thì cần phải *học*.

Không học thì không thể mở rộng cái tài, không *thanh tĩnh* thì học không thành tựu.

4- Khinh thường giải đãi ắt là không thể nghiên cứu cho *tinh thông* được.

險躁則不能理性。

5.— Hiểm táo tắc bất năng lý tánh

年與時馳，意與歲去。遂

6.— Niên dư thời trì ý dư tuế khứ Toại

成枯落。悲嘆窮廬。將復何

thành khô - lạc Bi than cùng lư Tương phục hà

及也？

cập giã

又

HỮU

夫酒之設，合禮致情，適

1.— Phù tửu chi thiết hợp lễ trí tình thích

體歸性。

thể qui tánh

禮終而退，此和之至也。

2.— Lễ chung nhi thoái thứ hòa chí chí giã

主意未殫，賓有餘倦。可

3.— Chủ ý vị đàn tân hữu dư quện Khả

以至醉。無致迷亂。

đi chí túy vô trí mê loạn

5- Hiếm độc, bộp chộp, thì không thể sửa tính.

6- Năm tháng và thời cơ thì qua mau, ý chí và tuổi tác thì đi không trở lại. Không mấy lúc mà thân xác trở nên khô héo rã rời. Buồn rầu, than thở trong cảnh nhà nghèo nàn, hiu quạnh. Tới đó, nghĩ lại sao kịp nữa ?

CUNG KHUYẾN CON

1- Rượu đặt ra để cho cảm tình được thâu đáo, thân thể thanh thoi, tính trở về gốc.

2- Xong lễ thì trở lui, đó là đã tới được sự hòa nhã.

3- Ý sốt sắng của chủ chưa cạn mà khách thì hơi mệt mỏi. Đủ để cho say, nhưng đừng cho mê loạn.

教

GIÁO

始 出 營 ， 豎 矛 戟 ， 舒 旛 旗
1.— Thù, xuất dinh thụ mâu kích thư phiên kỳ

， 鳴 鼓 角 。

minh cổ dác

行 三 里 ， 辟 矛 戟 ， 結 旛 旗
2.— Hành tam lý tịch mâu kích kết phiên kỳ

， 鳴 鼓 角 。

minh cổ dác

未 至 營 三 里 ， 復 豎 矛 戟 ，
3.— Vị chí dinh tam lý phục thụ mâu kích

舒 旛 旗 ， 鳴 鼓 角 。

thư phiên kỳ minh cổ dác

至 營 ， 復 結 旛 旗 ， 上 鼓 角
4.— Chí dinh phục kết phiên kỳ thượng cổ dác

違 令 者 髡 。

5.— Vi lệnh giả khôn

LỜI DẠY

1- Lúc bắt đầu ra khỏi doanh trại, cầm đứng mâu kích, buông rỏ cờ xí, đánh trống, thổi tù và.

2- Đi được ba dặm, bỏ mâu kích, treo cờ xí, đánh trống, thổi tù và.

3- Chưa tới doanh trại ba dặm, lại cầm đứng mâu kích, rỏ cờ xí, đánh trống, thổi tù và.

4- Đến doanh trại, lại treo cờ xí, đánh trống, thổi tù và.

5- Ai trái lệnh sẽ bị cạo đầu.

格 言

CÁCH NGÔN

勢 利 之 交 ， 難 以 經 遠 。

1. — Thế - lợi chí giao nan dĩ kinh viễn

士 之 相 知 ， 溫 不 繁 華 ， 寒

2. — Sĩ chí tương tri ôn bất phiền hoa hàn

不 改 葉 ， 貫 四 時 而 不 衰 。

bất cải diệp quán tứ thời nhi bất suy

歷 坦 險 而 益 固 。

3. — Lịch坦然 hiểm nhi ích cố

遠 涉 帖

VIỄN THIỆP THIẾP

師 徒 遠 涉 ， 道 路 甚 艱 。 自

Sư đồ viễn thiệp đạo lộ thậm gian Tự

及 褒 斜 。 幸 皆 無 恙 。 使 還 馳

cập bao tà hạnh giai vô恙 Sứ hoàn trì

， 此 不 復 具 。

thử bất phục cụ

CÁCH NGÔN

1- Sự giao thiệp vì thế lợi, khó mà thấy được sâu xa,

2- Kẻ sĩ quen biết nhau, *khi nóng không đơm hoa* (ôn hòa mà không rườm rà, lẻo loẹt) *khi lạnh không đổi lá* (lạnh nhạt mà không đổi lòng trở mặt). Suốt bốn mùa mà *không suy giảm*.

3- Trải qua những lúc bình thản, hiểm nguy lại càng *thêm bên chặt*.

THIỆP TỪ XA GỬI ĐẾN

Quân đội lặn lội ở chốn xa xăm, đường đi thật là gian nan hiểm trở. Tự mình đã gặp biết bao điều khó khăn mà đều may mắn được vô sự. Khiến sứ đi ngựa trở về nơi cũ, (bấy giờ) không còn lo ngại nữa (1).

(1) Ở đây chữ *cụ* có nghĩa là sắp đặt, lo toan khác với *cụ* có nghĩa là sợ hãi (theo ý của Mã Tiên Sinh)

如 秤 帖

NHU XÚNG THIẾP

吾 心 如 秤 ， 不 能 爲 人 作 輕

Ngô tâm như xúng bất năng vì nhân tác khinh

重 。
trọng

與 張 魯

DŨ TRƯƠNG LỒ

靈 仙 養 命 ， 猶 節 松 霞 而

Linh tiên dưỡng mạng do tiết tùng hà nhi

享 身 嗜 味 ， 奚 能 尚 道 ？

hưởng thân thị vị hề năng thượng đạo

陰 符 經 解

ÂM PHỤ KINH GIẢI

(陳仲醇藏本)

(Trần-Trọng - Thuần tàng bản)

觀 天 之 道 ， 執 天 之 行 ， 盡

1. — Quan thiên chi đạo chấp thiên chí hành tận

矣 。

hý

天 有 五 賊 ， 見 之 者 昌 。 五

2. — Thiên hữu ngũ - tặc kiến chi giả xương Ngũ-

THIỆP "NHƯ CÂN"

Lòng ta như cái cân, chẳng có thể để cho người gây ra sự nặng nhẹ (mà khiến ta trở nên thiên lệch, bất công).

GỬI TRƯỞNG LỖ

Bạc linh tiên dương mạng như bóng dáng của cây thông già có nhiều đốt thế mà lại hưởng những thú vị về thân xác thì chuộng đạo sao được ?

LỜI CHÚ GIẢI ÂM PHÙ KINH (1)

(Bốn giữ bởi Trần Trọng Thuần)

1- xem *đạo trời*, chấp thuận hành động của trời, như thế là biết đầy đủ hết cả.

2- Trời có *ngũ tắc* (năm thứ giặc), thấy được là tốt. *Ngũ tắc* ở trong tâm, thì hành ở trời. *Vũ trụ* ở trong tay. Vạn vật sinh trong thân.

(1) Á.P.K. là một bốn kinh 477 chữ của Vua Hiến Viên Huỳnh Đế. Soạn giả chỉ dịch mà không giải thích. Lời giải thích là của Võ Hấu

賊在心，施行於天。宇宙在

tặc tại tâm thí hành ư thiên Vũ trụ tại

乎手。萬化生乎身。

hồ thủ Vạn hóa sinh hồ thân

天性人也。人心機也。立

3. — Thiên tánh nhân giá Nhân tâm cơ giá Lập

天之道，以定人也。

thiên chi đạo dĩ định nhân giá

侯曰：以爲立天定人，其在于五

Hầu viết : Dĩ vi lập thiên định nhân kỳ tại vu ngũ.

賊。

tặc

天發殺機，移星易宿。地

4. — Thiên phát sát cơ dĩ tinh dịch tú Địa

發殺機，龍蛇起陸。人發殺

phát sát cơ long xà khởi lục. Nhân phát sát

機，天地反覆。天人合發，

cơ thiên địa phản phúc Thiên nhân hợp phát

萬變定基

vạn biến định cơ

侯曰：按楚殺漢兵數萬。大風杳

Hầu viết : Án Sở sát Hán binh số vạn đại phong yểu

冥晝晦，有若天地反覆。

minh trú hối hữu nhược thiên địa phản phúc

3- *Tính của trời là người. Lòng người là máy. Lập đạo trời để định người.*

* *Hầu nói* : Việc lập đạo trời, định người, đều do ở ngũ tạng.

4- *Trời mở cơ giết, thì dời sao nhỏ, đổi sao lớn. Đất mở cơ giết, thì rồng rắn phát sinh trên đất cạn. Người mở cơ giết, thì trời đất tráo trở. Trời và người cùng mở, thì muôn biến cố định nên gốc.*

* *Hầu nói* : Xét việc nước Sở giết binh Hán tới số vạn, gió lớn mờ mịt, ngày u ám, như là có sự trời đất tráo trở.

5- *tánh có khéo vụng, có thể che dấu. Điều quấy của chín lỗ (mắt, tai, mũi, miệng, âm vật, đít) là ở ba chỗ quan yếu (mắt, miệng, âm vật), để mà động hay tĩnh.*

性有巧拙，可以伏藏。九

5. - Tánh hữu xảo chuyết khả dĩ phục tàng Cửu

窺之邪在三要。可以動靜。

khíêu chí tà tại tam yếu khả dĩ động tĩnh.

火生於木，禍發必剋。姦

6. - Hỏa sinh ư mộc, họa phát tất khắc. Gian

生於國，時動必潰。知之修

sinh ư quốc, thời động tất hoại. Tri chí tu

煉，謂之聖人。

luyện, vị chi thánh-nhân.

天生天殺，道之理也。

7. - Thiên sinh thiên sát, đạo chí lý giả.

天地，萬物之盜。萬物人

8. - Thiên địa, vạn vật chi đạo. Vạn vật nhân

之盜。人萬物之盜。三盜既

chi đạo. Nhân vạn vật chi đạo. Tam đạo ký

宜，三才既安。故曰：食共

ngihtam tài ký an, Cố viết: Thực ký

時，百骸理，動其機，萬化

thờibách hãilý; động kỳ cơ, vạn hóa

安。

an.

人知其神之神，不知不神

9. - Nhân tri kỳ thần chi thần bất tri bất thần

之所以神。

chí sở dĩ thần.

6- *Hỏa* sinh ở *mộc*, lúc *hỏa* phát ra thì *khắc* (*hỏa* khắc *mộc*). *Kẻ gian* sinh ra trong nước, gặp lúc biến động thì ùa ra quấy phá. Biết tu luyện cái đó, ấy gọi là *thánh nhân*.

7- Trời *sinh* trời *giết*, đó là cái lý của đạo.

8- Trời đất là *kẻ trộm* của muôn vật. Muôn vật là *kẻ trộm* của người. Người là *kẻ trộm* của muôn vật. Ba *kẻ trộm* đã thích hợp nhau, thì *tam tài* đã yên. Cho nên nói : Ân thời vật ấy thì trăm xương sắp đặt xong ; động máy ấy thì muôn vật yên ổn.

9- Người biết cái *thần* của *thần* mà chẳng biết cái *bất thần* của cái được gọi là *thần*.

10- Mặt trời, mặt trăng có số, lớn nhỏ đã định xong, thì việc *thánh* sinh ra, *thần* mình xuất hiện vậy.

10. — 日 月 有 數 ， 大 小 有 定 ， 聖
Nhật nguyệt hữu số, đại tiểu hữu định, thánh

功 生 焉 ， 神 明 出 焉 。
công sinh yên, thần minh xuất yên.

11. — 其 盜 機 也 ， 天 下 莫 能 見 ，
Kỳ đạo cơ giá, thiên hạ mạc năng kiến,
莫 能 知 。 君 子 得 之 固 躬 ， 小
mạc năng tri, Quân - tử đắc chi cố cùg, tiểu
人 得 之 輕 命 。
nhân đắc chi khinh mạng.

侯 曰 ： 夫 子 太 公 豈 不 賢 于 孫 吳 韓
Hầu viết : Phu - Tử Thái-Công, khời bất hiền vu Tôn, Ngô, Hàn,
白 ， 所 以 君 子 小 人 異 之 。 四 子 之
Bạch, sở dĩ quân - tử, tiểu-nhân - dị chi. Tứ tử chi
勇 ， 主 于 殺 身 。 固 不 得 其 主 而 見
dũng, chủ vu sát thân. Cố bất đắc kỳ chúa nhi kiến
殺 矣 。
sát hỹ

12. — 瞽 者 善 聽 ， 聵 者 善 視 。 絕
Cổ giả thiện thính, lũng giả thiện thị. Tuyệt
利 一 源 ， 用 師 十 倍 。 三 反 晝
lợi nhất nguyên, dụng sư thập bội. Tam phản trú
夜 ， 用 師 萬 倍 。
đạ, dụng sư vạn bội.

13. — 心 生 於 物 ， 死 於 物 機 在 目
Tâm sinh ư vật, tử ư vật, cơ tại mục.

11- Việc trộm cắp ấy là cơ (máy) ; thiên hạ không thấy được, không biết được. Quân tử được nó thì giữ thân vững bền, tiểu nhân được nó thì khinh rẻ mạng sống.

* *Hầu nói : Thái Công* là bậc Thầy, bày ra việc dữ là ở bốn nhà *Tôn, Ngô, Hàn, Bạch* (Tôn Vũ Tử, Ngô Khởi, Hàn Tín, Bạch Khởi) đó là lấy sự quân tử và tiêu nhân khác nhau. Cái dùng của bốn nhà (ruốt cuộc) chủ về sự tự sát, cho nên không gặp được chúa mà thấy sự chết vậy.

12- Người mù nghe rõ, người điếc thấy rõ. Dứt bỏ được một nguồn lợi của địch thì dùng quân mười lần hơn. Ngày đêm ba lần quay vào (tự xét), thì dùng quân muôn lần hơn.

13- *Tâm* sinh ở vật, chết ở vật, cơ ở mắt.

天之無恩而大恩生，迅雷
 14. — Thiên chi vô ân nhi đại ân sinh, tăn lôi
 烈風，莫不蠢然。
 liệt phong, mạc bất xuẩn nhiên.

至樂性餘，至靜性廉。天
 15. — Chí lạc, tánh dư, chí tĩnh tánh liêm. Thiên
 之至私，用之至公。禽之制
 chi chí tư, dụng chí chí công. Cầm chi chế
 在氣。
 tại khí.

生者死之根，死者生之根
 16. — Sinh giả tử chi căn, tử giả sinh chi căn.
 。恩生於害，害生於恩。
 Ân sinh ư hại, hại sinh ư ân.

愚人以天地文理聖，我以
 17. — Ngu nhân dĩ thiên địa văn lý thánh, ngã dĩ
 時物文理哲。
 thời vật văn lý triết.

人以愚虞聖，我以不愚虞
 18. — Nhân dĩ ngu ngu thánh, ngã dĩ bất ngu ngu
 聖。人以奇期聖，我以不奇
 thánh. Nhân dĩ kỳ kỳ thánh. Ngã dĩ bất kỳ
 期聖。故曰：沉水入火，自
 kỳ thánh. Cố viết: Trầm thủy nhập hỏa, tự
 取滅亡。
 thủ diệt vong.

14- Trời vô ơn mà có ơn lớn sinh ra, sấm sét xẹt nhanh vùn vụt, gió thổi dữ tợn, chẳng có cái gì là không xuẩn động vậy.

15- tính của sự *thỏa thích* cực độ là *du đã*, tính của sự *thanh tĩnh* hết mức là *liêm khiết*. Sự *chí tu* của trời, đem dùng thành ra *chí công*. Phép cầm giữ nó ở tại *khí*.

16- Sự *sống* là cội rễ của sự *chết*, sự *chết* là cội rễ của sự *sống*. *Ân tình* (1) sinh ra từ sự *tổn hại*, sự *tổn hại* sinh ra từ *ân tình*.

17- Kẻ *ngu* dùng cái lý xem trời đất tự cho là *thánh*, còn ta dùng cái lý xem thời vật, tự cho là *triết*.

18- Người lấy *điều ngu* mà đo lường thánh nhân, ta lấy *điều không ngu* mà đo lường thánh nhân. Người lấy *điều lạ lùng* mà trông chờ ở thánh nhân, ta lấy *điều không lạ* mà trông chờ ở thánh nhân. Cho nên nói : Lặn xuống nước, đi vào lửa, là tự nhận lấy sự diệt vong.

(1) Ân huệ và tình cảm

21. — 自然之道靜，故天地萬物
 Tự - nhiên chí đạo tĩnh, cố thiên địa vạn vật
 生。天地之道浸，故陰陽相勝
 sinh. Thiên địa chí đạo tẩm, cố âm dương tương thắng.
 陰陽相推，而變化順矣。
 Âm dương tương thôi, nhi biến hóa thuận hĩ.

是故聖人知自然之道不可違
 Thĩ cố thánh-nhân tri tự - nhiên chí đạo bất khả vi,
 ，因而制之。
 nhân nhi chế chí.

22. — 至靜之道，律曆所不能契
 Chí - tĩnh chí đạo, luật lịch sở bất năng khế,
 ，爰有奇器，是生萬象，八
 viên hữu kỳ khí, thĩ sinh vạn tượng, bát

卦甲子，神機鬼藏。
 quải giáp tý, thần cơ, quỷ tàng.

陰陽相勝之術，昭昭乎進
 Âm dương tương thắng chi thuật, chiêu chiêu hồ tấn
 乎象矣。
 hồ tượng hĩ.

候曰：奇器者，聖智也。天垂
 Hầu viêt : Kỳ khí giả, thánh trí giả. Thiên dĩ,
 象，聖人則之，推甲子，畫八卦
 lượng, thánh nhân tắc chí suy giáp. lý, họa bát quải
 ，考著龜，稽律曆，則鬼神之情
 khảo thí quy, kê luật - lịch, tắc quỷ thần chí tình,
 ，陰陽之理，昭著乎象無不盡矣
 âm dương chí lý chiêu trước hồ tượng, vô bất tận hĩ.

19- Đạo tự nhiên là *thanh tĩnh*, cho nên trời đất muôn vật sinh ra. Đạo của trời đất là thấm dần dần cho nên âm dương thắng nhau. Âm dương đẩy nhau mà biến hóa thuận. Ấy cho nên thánh nhân biết cái đạo tự nhiên chẳng thể xa lìa, nhận lấy đó mà chế ngự.

20- Đạo *chí tĩnh*, luật lịch có chỗ không hợp, bèn trở tài lạ, do đó sinh ra *muôn tượng, tám quẻ, giáp tý, máy của thân, điều che dấu của quý* ;

21- Thuật âm dương thắng nhau bày rõ ở sự tiến hóa nơi cái hình tượng.

* *Hầu nói* : Tài năng lạ lùng là thánh trí. Trời treo cái tượng, thánh nhân bắt chước theo đó, suy toán giáp tý, vẽ ra tám quẻ, khảo xét cổ thi và mu rùa, nghiên cứu luật và lịch, át là cái tình của quý thân, cái lý của âm dương, bày rõ ra ở cái tượng, không bao giờ hết.

又曰：八卦之象，申而用之，
Hựu viét : Bát quái chi tượng, thân nhi dụng chi,
六十甲子，轉而用之，神出鬼入
lục thập giáp tử, chuyển nhi dụng chi, thần xuất quỷ nhập
，萬明一矣。
vạn minh nhất hĩ.

前出師表

TIỀN XUẤT SƯ BIỂU

臣亮言：先帝創業未半，
1. — Thần Lượng ngôn : Tiên - Đế sáng nghiệp vị bán,
而中道崩殂，今天下三分，
nhi trung đạo băng tồ, kim thiên - hạ tam phân,
益州疲弊，此誠危急存亡之
ích - Châu bì tệ, - thử thành nguy cấp tồn vong chi
秋也。
thu giả.

然待衛之臣。不懈於內，
2. — Nhiên đãi vệ chi thần, bất giải ư nội,
忠志之士忘身於外者，蓋追
trung - chí chí sĩ vong thân ư ngoại giả, cái truy
先帝之殊遇，欲報之於陛下
也。
giả.

Lại nói : Cái tượng của tám quẻ, suy diễn ra mà dùng, sáu mươi giáp tý chuyển ra mà dùng, thật là thần diệu, vạn điều sáng tỏ như một vậy.

BIỂU XUẤT SƯ LẦN ĐẦU

Nhân vì *Tư Mã Ý* mắc kế của *Khổng Minh* nên bị truất chức Đại tướng quân Tổng Lãnh tại Ung Lương, do đó nước Ngụy không còn tướng giỏi nữa. *Khổng Minh* bèn muốn phát binh để lấy cõi Trung Nguyên nên dâng lên *Hậu Chúa* bài biểu xin xuất sư sau này.

1- Hạ thần là *Lượng* tâu rằng *Tiên đế* dựng sự nghiệp chưa được một nửa, mà giữa đường đã phải băng hà, nay thiên hạ chia ba, Ích Châu mỗi một, đó thực là giờ phút nguy cấp, còn mất vậy.

2- Nhưng bên trong các thần tôi hầu hạ, hộ vệ không hề biếng nhác, bên ngoài các chí sĩ trung kiên quên mình, bởi vì nhớ ơn tri ngộ đặc biệt của *Tiên đế*, nên muốn báo đáp ở *Bệ hạ* đó.

誠宜開張聖聽，以光先帝

3. — Thành nghi khai trương thánh thính, dĩ quang Tiên - Đế

遺德，恢宏志士之氣，不宜

dĩ đức, khôi hoành (1) chí-sĩ chí khí, bất nghi

妄自菲薄，引喻失義，以塞

vông tự phi bạc, dẫn dụ thất nghĩa, dĩ tắc

忠諫之路也。

trung-gián chí lộ giá.

宮中府中，俱爲一體，陟

4. — Cung trung, phủ trung, câu vi nhất thể, trắc

罰臧否，不宜異同。若有作

phạt tang bi, bất nghi dị đồng. Nhược hữu tác

奸犯科，及爲忠善者，宜付

gian phạm khoa, cập vi trung thiện giả, nghi phó

有司論其刑賞以昭陛下平明

hữu - tư luận kỳ hình thưởng, dĩ chiếu Bệ - Hạ bình minh

之治，不宜偏私，使內外異

chỉ trị, bất nghi thiên tư, sử nội ngoại dị

法也。

pháp giá.

侍中侍郎郭攸之費禕董允

5. — Thị-Trung thị - lang Quách-Du - Chi, Phí - Vi, Đồng-Doãn

(1) Đời Thanh viết húy thay chữ hoàng

3- Thành thực khuyên Thánh thượng nên mở rộng sự nghe thấy, để làm sáng tỏ di đức của Tiên đế, nâng cao khí tiết của các chí sĩ, chẳng nên sai lầm mà tự phí bạc (khinh rẻ) dẫn dụ điều thất nghĩa, làm bế tắc đường khuyên can của kẻ trung lương.

4- Trong cung, trong phủ đều là một thể, việc thưởng phạt các việc tốt xấu, chẳng nên khác nhau. Nếu có kẻ làm điều gian trá phạm tội, và kẻ làm việc tận tâm tốt lành, thì nên giao cho quan có trách nhiệm bình luận việc thưởng phạt để làm sáng tỏ phép chính trị công bình và sáng suốt của Bệ hạ, mà chẳng nên thiên lệch về tư tình khiến cho bên trong và bên ngoài có luật pháp khác nhau.

5- Các quan thị trung, thị lang như Quách Du Chi, Phí Vi, Đồng Doãn, v.v... họ đều là người trung thực,

等，此皆良實志慮忠純，是
 đẳng, thừ giai lương thực chí lý trung thuần, thị
 以先帝簡拔以遺陛下。愚以
 dĩ Tiên Đế giản bạt dĩ dĩ Bệ Hạ. Ngu dĩ
 爲宮中之事，事無大小悉以
 vi cung trung chi sự, sự vô đại tiểu tất dĩ
 諮之，然後施行，必得裨補
 tư chi, nhiên hậu thi hành, tất đắc tỳ bổ
 闕漏，有所廣益。
 khuyết lậu, hữu sở quảng ích.

將軍向寵性行淑均，曉暢

6. — Tướng quân Hưởng-Sùng tánh-hành thực quân, hiểu sường

軍事。試用之於昔日，先帝
 quân sự. Thí dụng chi ư tích nhật, Tiên Đế
 稱之曰能。是以衆議舉寵以
 xưng chi viết năng. Thị dĩ chúng nghị cử Sùng dĩ
 爲督，愚以爲營中之事，事
 vi đốc, ngu dĩ vi dinh trung chi sự, sự
 無大小悉以諮之，必能使行
 vô đại tiểu tất dĩ tư chi, tất năng cử hành
 陣和穆，優劣得所也。
 trận hòa mục, ưu liệt đắc sở giã.

親賢臣，遠小人，此先漢

7. — Thân hiền thần, viễn tiểu-nhân, thử Tiên - Hán

thuần lương, có chí khí, biết lo tính, cho nên Tiên đế chọn lựa, cất nhắc để trao lại cho Bệ hạ đó. Ngu thần cho rằng về các việc trong cung chẳng cứ việc lớn việc nhỏ, đều phải hỏi ý kiến các vị ấy, rồi sau mới thi hành, ắt được bồi bổ những chỗ thiếu sót, mà lại có lợi ích thêm nhiều.

6- Tướng quân Hương Sủng tính hạnh *hiền lành, công bằng, hiểu biết thông suốt về quân sự*. Đã thử dùng ông ta ngày xưa, Tiên Đế khen ông ta có khả năng. Cho nên phần đông người đề nghị cử ông làm quân đốc, còn Ngu thần xét rằng về các việc trong dinh, *bất cứ việc lớn, việc nhỏ đều hỏi ý kiến ông ta, ắt có thể khiến bày binh, bố trận được hòa thuận, các điều hay dở được đúng chỗ.*

7- Gân gửi *hiền thân, lánh xa tiểu nhân*, nhờ đó mà đời Tiên Hán được *hung thịnh*. *gân gửi tiểu nhân, xa*

所以興隆也。親小人，遠賢
sở dĩ hưng long giã. Thân tiểu nhân, viễn hiền.

臣，此後漢所以傾頽也。先
thần, thứ Hậu-Hán sở dĩ khuynh đổĩ giã. Tiên-

帝在時，每與臣論此事，未
Đế tại thời, mỗi dư thần luận thử sự, vị

嘗不歎息痛恨於桓靈也。
thường bất thán tức thống hận ư Hoàn-Linh giã.

侍中尚書長史參軍，此悉
8. - Thự-trung Thượng-Thư trưởng-sứ tham-quân, thử tất

貞亮死節之臣也。願陛下親
trình lượng tử - tiết chí thần giã. Nguyên Bệ - Hạ thân

之信之，則漢室之隆可計日
chí tín chí, tắc Hán - thất chí long khả kế nhật

而待也。
nhi đãi giã.

臣本布衣，躬耕於南陽，
9. - Thân bản bố y, cung canh ư Nam-Dương,

苟全性命於亂世，不求聞達
cầu toàn tánh-mạng ư loạn thế, bất cầu văn đạt

於諸侯，先帝不以臣卑鄙，
ư chư - hầu, Tiên - Đế bất dĩ thần ty bỉ,

猥自枉屈，三顧臣於草廬之
ôi tự uổng khuất, tam cố thần ư thảo - lư chi

lánh hiến thân vì thế mà đời Hậu Hán phải suy đồi. Thời Tiên Đế còn sống, thường cùng hạ thần bàn luận về việc ấy, chẳng khi nào mà không than thở, đau đớn, ân hận về việc Vua Hoàn Linh.

8- Các quan thị trung thượng thư, trưởng sử, tham quân, họ đều là hạng đại thần *chính trực, thanh cao, có thể chịu chết để giữ tiết tháo*, mong Bệ hạ gần gũi họ, tin cậy họ ắt là việc nhà Hán *hung thịnh* có thể tính ngày mà mong đợi được.

9- Thần vốn là người áo vải, *tự thân hành cày cấy* ở vùng Nam Dương, tạm thời mong *bảo toàn tính mạng giữa đời loạn lạc*, không mong cầu cái danh dự thành đạt cùng các chư hầu mà Tiên Đế không chê thần ty tiện bỉ ổi, ba lần hạ mình *đoái thăm thân tại chốn lều tranh*

中，諮臣以當世之事，由是
trung, tư thần dĩ đương thế chí sự, do thị
感激，遂許先帝以馳驅，後
cảm kích, toại hứa Tiên - Đế dĩ tri khu, hậu
值傾覆，受任於敗軍之際，
trị khuynh phúc, thọ nhậm ư bại quân chi tế,
奉命於危難之間，爾來二十
phụng mệnh ư nguy - nan chi gian, nhĩ lai nhị thập
有一年矣。

hữu nhất niên hĩ.

先帝知臣謹慎，故臨崩寄
10. - Tiên - Đế tri thần cẩn - thận, cố lâm băng ký
臣以大事也。受命以來，夙
thần dĩ đại sự giá. Thọ mệnh dĩ lai, túc
夜憂慮，恐付託不效，以傷
đạ ưu lự, khủng phó-thác bất hiệu, dĩ thương
先帝之明。故五月渡瀘，深
Tiên - Đế chi minh. Cố ngũ nguyệt độ Lô, thâm
入不毛。

nhập Bất - Mao.

今南方已定，甲兵已足，
11. - Kim nam phương dĩ định, giáp binh dĩ túc,
當獎率三軍，北定中原，庶
đương tướng suất tam quân, bắc định Trung-Nguyên, thứ

đem những việc đương thời mà hỏi ý kiến hạ thần, do đó thần lấy làm cảm kích bèn vui lòng chịu theo Tiên Đế rong duỗi, sau gặp phải lúc ngã nghiêng, thọ nhậm phận sự trong lúc bại quân, vâng mệnh bề trên trong buổi nguy nan, từ bấy đến nay đã được hai mươi một năm rồi.

10- Tiên Đế biết thần có tính cẩn thận nên trong lúc băng hà đem các việc to tát mà phó thác cho thần. Từ khi thọ mệnh đến nay, sớm tối lo toan, sợ rằng sự phó thác của Tiên đế không có hiệu quả tốt, mà làm tổn hại tới cái tiếng sáng suốt của Tiên Đế. Cho nên đến tháng năm, vượt qua sông Lô, đi sâu vào đất Bất Mao.

11- Nay phương nam đã định yên, giáp bình đã đầy đủ, vậy nên tâu thưởng, khuyến khích ba quân, bình định trung nguyên ở phương bắc, ngõ hầu dùng hết tài

竭 鰲 鈍，攘 除 姦 凶，興 復 漢
kiết nô dộn, nhượng trừ gian hung, hưng phục Hán.

室，還 於 舊 都，此 臣 所 以 報
thất, hoàn ư cựu đô, thử thần sở dĩ báo

先 帝 而 忠 陛 下 之 職 分 也。
Tiên - Đế nhi trung Bệ - Hạ chi chức-phận giả,

至 於 斟 酌 損 益 進 盡 忠 言，
12. - Chí ư châm-chước tổn ích tấn tận trung ngôn,

則 攸 之 禕 允 之 任 也。
tắc Du - Chi Vi - Doãn chi nhậm giả.

願 陛 下 託 臣 以 討 賊 興 復 之
13. - Nguyên Bệ - Hạ thác thần dĩ thảo tặc hưng phục chi

效，不 效 則 治 臣 之 罪，以 告
hiệu, bất hiệu tắc trị thần chi tội, dĩ cáo

先 帝 之 靈。
Tiên - Đế chi linh.

若 無 興 復 之 言 則 責 攸 之，
14. - Nhược vô hưng phục chi ngôn tắc trách Du - Chi,

禕 允 等 之 慢，以 彰 其 咎。
Vi - Doãn đẳng chi mạn, dĩ chương kỳ cữu.

陛 下 亦 宜 自 謀，以 諮 諷 善
15. - Bệ - Hạ diệc nghi tự mưu, dĩ tư tư (trâu) thiện

道，察 納 雅 言。
đạo, sát nạp nhã ngôn.

sức hèn kém của thần, dẹp trừ bọn gian hung, hưng phục nhà Hán, trở về cố đô, đó là để hạ thần báo đáp Tiên Đế mà được trung thành với chức phận đối với Bệ hạ.

12- Còn về việc đo lường sự lợi hại, dâng hết những lời báo cáo trung lương, ắt đó là trách nhiệm của Du Chi và Vi Doãn.

13- Mong rằng Bệ hạ phó thác cho thần việc dẹp giặc, hưng phục sao cho có hiệu quả, nếu vô hiệu thì xin trị tội của thần để cáo lên anh linh của Tiên Đế.

14- Nếu chẳng có lời đem lại sự hưng phục, ắt là phải tránh lỗi của Du Chi và Vi Doãn, v.v... để tỏ rõ sự khinh mạn ấy.

15- Bệ hạ cũng nên tự mưu toan để hỏi han việc lành, nhận xét mà thu nạp các lời tâu nhả.

深 追 先 帝 遺 詔 ， 臣 不 勝 受
16.— Thâm truy Tiên Đế di - chiếu, thần bất thắng thụ

恩 感 激 。

ân cảm kích.

今 當 遠 離 ， 臨 表 涕 零 ， 不
17.— Kim đương viễn ly, lâm biểu thể linh, bất

知 所 云 。

tri sở vân.

後 出 師 表

HẬU XUẤT SƯ BIỂU

先 帝 慮 漢 賊 不 兩 立 ， 王 業
1.— Tiên - Đế lự Hán, tặc bất lưỡng lập, vương nghiệp

不 偏 安 ， 故 託 臣 以 討 賊 也 。

bất thiên an, cố thác thân dĩ thảo tặc giả.

以 先 帝 之 明 ， 量 臣 之 才 ， 故

Dĩ Tiên - Đế chí minh, lượng thân chi tài, cố

知 臣 伐 賊 ， 才 弱 敵 強 也 ， 然

tri thân phạt tặc, tài nhược địch cường giả, nhiên

不 伐 賊 ， 王 業 亦 亡 ， 惟 坐 而

bất phạt tặc, vương nghiệp diệt vong, duy tọa nhi

待 亡 ， 孰 與 伐 之 ， 是 故 託 臣

đãi vong, thực dư phạt chi, thị cố thác thân

16- Suy nghĩ sâu xa về di chiếu của Tiên Đế, thần không kềm chế nổi cảm kích ghi ơn.

17- Nay đang đi xa, lúc làm biểu tự nhiên nước mắt chảy đầm đìa chẳng biết nói sao bây giờ !

BIỂU XUẤT SƯ LẦN SAU

Đô Đốc *Tào Duệ* của nước Ngụy bị Đông Ngô đánh cho thảm bại tại Thạch Đình, rút lui về tới Lạc Dương thì chết. *Tư Mã Ý* cũng dẫn quân triệt thoái. *Khổng Minh* nhận được thư thông hòa của Đông Ngô và nghe tin đại bại của quân Ngụy, bèn muốn nhân dịp ấy để phát binh lấy Trường An nên dâng lên cho *Hậu Chủ* tờ biểu xin xuất sư sau này.

1- Tiên đế lo rằng nhà Hán và kẻ giặc không thể cùng sống, vương nghiệp không thể chỉ yên ổn một nửa mà thôi, cho nên phó thác cho hạ thần công việc dẹp giặc. Tiên đế lấy trí sáng suốt mà đo lường tài năng của hạ thần nên biết rằng hạ thần mà dẹp giặc thì tài kém mà địch mạnh, *nhưng nếu không dẹp giặc, thì vương nghiệp cũng mất, nếu chỉ ngồi mà chờ chết thì thà đánh dẹp*

而弗疑也。

nhi phát nghi giã.

臣受命之日，寢不安席，

2. — Thần thụ mệnh chi nhật, tẩm bất an tịch,

食不甘味，思惟北征，宜先

thực bất cam vị, tư duy bắc chinh, nghi tiên

入南，故五月渡瀘，深入不

nhập nam, cố ngũ nguyệt độ Lô, thâm nhập Bất-

毛，并日而食，臣非不自惜

Mao, tính nhật nhi thực, thần phi bất tự tích

也，顧王業不可得偏安於蜀

giã, cố vương nghiệp bất khả đắc thiên an ư Thục-

都，故冒危難以奉先帝之遺

đô, cố mạo nguy nan dĩ phụng Tiên - Đế chi di

意也，而議者謂爲非計。

ý giã, nhi nghị giả vị vi phi kế.

今賊適疲於西，又務於東

3. — Kim tặc thích bì ư tây, hựu vụ ư đông,

，兵法乘勞，此進趨之時也

bình pháp thừa lao, thử tấn xu chi thời giã.

。謹陳其事如左。

Cẩn trần kỳ sự như tả.

高帝明並日月，謀臣淵深

4. — Cao - Đế minh tính nhật nguyệt, mưu thần uyên thâm,

chúng còn hơn, vì thế cho nên phó thác việc ấy cho hạ thần mà chẳng nghi ngại điều gì.

2- Từ ngày chịu mệnh, hạ thần ngủ chẳng yên giấc, ăn chẳng biết mùi ngon, nghĩ rằng muốn đánh phương bắc thì trước hết phải tiến vào phía nam. Cho nên tháng năm vượt sông Lô, tiến sâu vào đất Bắc Mao (không cây cỏ), hai ngày mới ăn một lần, không phải thần chẳng biết tiếc thân, nhưng vì nghĩ lại rằng *vương nghiệp không thể đặt yên một nửa tại Thục Đô mà thôi*, cho nên liều lĩnh xông pha nguy nan để vâng theo di ý của Tiên Đế, mà kẻ nghị luận thì cho là kẻ chẳng hay.

3- Nay giặc đang mỗi một ở phía tây, lại chuyên chú về phía đông, thế mà binh pháp dạy rằng *phải thừa dịp địch mới một*, vậy đó là thời tiến binh gấp. Hạ Thần kính can trình bày vài việc như sau :

4- Cao Đế (1) sáng suốt như mặt trời, mặt trăng, mưu thần có trí não sâu rộng, nhưng phải xông pha hiểm

(1) Vua Hán Cao Tổ (Luu Bang)

， 然 涉 險 被 創 ， 危 然 後 安 。

nhiên thiệp hiểm bị sáng, nguy nhiên hậu an.

今 陛 下 未 及 高 帝 ， 謀 臣 不 如

Kim Bệ - Hạ vị cập Cao - Đế, mưu thần bất như

良 平 ， 而 欲 以 長 策 取 勝 ， 坐

Lương Bình, nhi dục dĩ trường sách thủ thắng, tọa

定 天 下 ， 此 臣 之 未 解 一 也 。

định thiên hạ, thử thần chi vị giải nhất giả.

劉 繇 王 朗 各 據 州 郡 ， 論 安

5. - Lưu - Do Vương - Lăng các cứ châu quận, luận an

言 計 ， 動 引 聖 人 ， 羣 疑 滿 腹

ngôn kế, động dẫn thánh nhân, quần nghi mãn phúc,

， 衆 難 塞 胸 ， 今 歲 不 戰 ， 明

chúng nan tắc hung, kim tuế bất chiến, minh

年 不 征 ， 使 孫 權 坐 大 遂 并 江

niên bất chinh, sử Tôn - Quyền tọa đại toại tỉnh Giang -

東 ， 此 臣 之 未 解 二 也 。

Đông, thử thần chi vị giải nhị giả.

曹 操 智 計 殊 絕 於 人 ， 其 用

6. - Tào - Tháo trí kế thù tuyệt ư nhân, kỳ dụng

兵 也 ， 彷彿 孫 吳 ， 然 困 於 南

bình giả, phỏng phát Tôn Ngô, nhiên khốn ư Nam -

陽 ， 險 於 烏 巢 ， 危 於 祁 連 ，

Dương, hiểm ư Ô Sào, nguy ư Kỳ - Liên,

trở, bị thương nguy rồi sau mới được yên ổn. Nay bề hạ chẳng bằng Cao Đế mưu thần chẳng bằng *Trương Lương*, *Trần Bình*, mà muốn dùng trường kế để thủ thắng, ngồi một chỗ mà định yên thiên hạ, đó là điều thứ nhất mà hạ thần chưa có thể giải được.

5- Lưu Do, Vương Lăng (1) đều dựa vào châu, quận nghị luận pháp yên dân, bàn tính mưu kế, động mỗi chút mỗi dẫn hung thánh hiển, quần chúng nghi ngờ đầy bụng, thắc mắc uất cả ngực, năm nay không chiến, sang năm không chinh, khiến cho Tôn Quyền thỏa lòng ngồi yên thôn tín Giang Đông, đó là điều thứ hai mà hạ thần không giải được.

6- Tào Tháo có trí thức mưu kế hơn người, dùng binh phóng phát như Tôn Vũ, Ngô Khởi, mà còn bị khốn ở Nam Dương, mắc hiểm nạn tại Ô Sào, gặp nguy ở Kỳ

(1) Hai người ấy đã từng viết thư xui giục Khổng Minh đem dâng đất Thục để làm phiên thuộc cho Bắc Ngụy (xem tiểu sử)

逼於黎陽，幾敗伯山，殆死

bức ở Lê - Dương, kỳ bại Bá - Sơn, dài từ

潼關，然後僞定一時耳，況

Đông-Quan, nhiên hậu ngụy định nhất thời nhĩ, huống

臣才弱而欲以不危而定之，

thần tài nhược nhi dục dĩ bất nguy nhi định chi,

此臣之未解三也。

thử thần chi vị giải tam giã.

曹操五攻昌霸不下，四越

7. - Tào - Tháo ngũ công Xương-Bá bất hạ, tứ việt

巢湖不成，任用李服而李服

Sào - Hồ bất thành, nhậm dụng Lý - Phục nhi Lý - Phục

圖之，委任夏侯而夏侯敗亡

đồ chi, ủy - nhiệm Hạ - Hâu nhi Hạ - Hâu bại vong.

。先帝每稱操爲能猶有此失

Tiên - Đế mỗi xưng Tháo vì năng do hữu thử thất,

，況臣驚下，何能必勝，此

huống thần nã hạ, hà năng tất thắng thử

臣之未解四也。

thần chi vị giải tứ giã.

自臣到漢中，中間期年耳

8. - Tự thần đáo Hán - Trung, trung gian kỳ niên nhĩ,

Liêm, bị bức hiếp ở Lê Dương, suýt nữa bị bại tại Bá Sơn, gần chết tại Đồng Quan rồi sau mới được yên định giả tạm một thời gian đó, hướng chỉ là hạ thần tài năng kém cỏi, mà muốn dùng phương tiện không nguy hiểm để yên định, thì đó là điều thứ ba mà hạ thần chưa giải được.

7- Tào Tháo năm lần đánh Xương Bá mà không hạ được, bốn lần vượt Sào Hồ mà không thành, nhậm dụng Lý Phục mà hấn mưu phản, ủy nhiệm Hạ Hầu mà Hạ Hầu bại vong. *Tiên Đế thường khen Tháo có tài năng, thế mà còn thất bại như thế*, hướng hồ là hạ thần tài năng kém cỏi làm sao có thể ắt thắng được, đó là điều thứ tư mà hạ thần chưa giải được.

8- Từ ngày hạ thần đến Hán Trung, trong thời gian

，然喪趙雲，楊羣，馬玉，
nhiên táng Triệu-Vân, Dương-Quân, Mã-Ngọc,

閻芝，丁立，白壽，劉邵，
Diêm-Chi, Đinh-Lập, Bạch-Thọ, Lưu-Thái,

鄭銅等，及曲長屯將七十餘
Trịnh-Đồng đẳng, cập Khúc-Trường đồn tướng thất thập dư

人，突將無前審叟，青光散
nhân, đột tướng vô tiền Tung-Tẩu, Thanh-Khương tán-

騎，武騎一千餘人，此皆數
kỵ, vũ-kỵ nhất thiên dư nhân, thử giai số

十年之內，所糾合四方之精
thập niên chi nội, sở củ hợp tứ phương chi tinh-

銳，非一州之所有。若復數
nhuệ, phi nhất châu chi sở hữu, Nhược phục số

年，則損三分之二也，當何
niên, tắc tổn tam phân chi nhị giả, đương hà

以圖敵，此臣之未解五也。
dĩ đồ địch, thử thần chi vị giải ngũ giả,

今民窮兵疲而事不可息，
9. Kim dân cùng binh bì nhi sự bất khả tức,

則住與行，勞費正等，而不
tác trú dư hành, lao phí chính đẳng, nhi bất

早圖之，欲以一州之地，與
tảo đồ chi, dục dĩ nhất châu chi địa, dư

vừa được một năm đó, mà tổn mất Triệu Vân, Dương Quân, Mã Ngọc, Diêm Chi, Đinh Lập, Bạch Thọ, Lưu Thai, Trình Đồng v.v... tới đồn Khúc Trường tướng hơn bảy mươi người, đột tướng là dân miền Tung Tẩu, Thanh Khương, tiến không dừng bước, tán kỵ, vũ kỵ hơn một ngàn người đó là số người tinh nhuệ kết hợp từ bốn phương trong mười năm, chẳng phải là người ở một châu mà thôi. Nếu lại để qua mấy năm nữa, ắt sẽ tổn mất hai phần ba, thì sẽ lấy gì mà đối phó với bên địch, đó là điều thứ năm mà hạ thần chưa giải được.

9- Nay dân nghèo, lính mệt, mà việc không thể đình trệ. Việc không thể đình trệ, ắt là ó hay đi, sự nhọc mệt phi tổn cũng giống nhau, mà không kịp lo liệu, muốn lấy đất một châu để đổi co với địch được lâu dài, đó là điều thứ sáu mà hạ thần chưa giải được.

賊持久，此臣之未解六也。

tặc trì cửu, thử thân chi vị giải lục giã.

10. - 未難平者，事也。昔先帝

Vị nan bình giả, sự giã. Tích Tiên - Đế

軍敗於楚，當此時曹操拊手

quân bại ư Sở, đương thử thời Tào - Tháo phó thủ

謂天下已定。然後先帝東連

vị thiên hạ dĩ định. Nhiên hậu Tiên - Đế đông liên

吳越，西取巴蜀，舉兵北征

Ngô - Việt, tây thủ Ba - Thục, cử binh bắc chinh,

夏侯授首，此操之失計，

Hạ - Hầu thụ thủ, thử Tháo chi thất kế,

而漢事將成也。然後吳更違

nhì Hán sự tương thành giã. Nhiên hậu Ngô cánh vi

盟，關羽毀敗，祗歸蹉跌，

minh, Quan - Vũ hủy bại, Tỳ - Quí tha diệt,

曹丕稱帝，凡事如是，難可

Tào - Phi xưng đế, phạm sự như thị, nan khả

逆料。

ngịch liệu.

臣鞠躬盡瘁，死而後已，

11. - Thân cúc cung tận tụy, tử nhi hậu dĩ,

至於成敗利鈍，非臣之明所

chí ư thành - bại lợi钝, phi thân - chí minh sở

10- Chưa bình định hay khó bình định, đó là công việc phải giải quyết. Ngày xưa Tiên Đế thua quân tại Sở, giữa lúc ấy, Tào Tháo vỗ tay cho rằng thiên hạ đã bình định. Nhưng về sau, Tiên Đế về phía đông thì kết liên với Ngô Việt, về phía tây thì giữ Ba thực, cử binh đánh phương bắc, Hạ Hầu dăng đầu, đó là Tháo thất sách, mà việc nhà Hán sắp thành đó. Về sau nước Ngô vi phạm minh ước, Quan Vũ thua lớn, vấp ngã tại Tỳ qui, Tào Phi tự xưng làm Hoàng đế, phạm những công việc như thế, khó có thể lo liệu trước.

11- Hạ thân ráng công kiệt sức, dầu có chết thì thôi, cho đến việc thành bại, lợi hại, hạ thân chẳng có thể sáng suốt mà trông thấy trước được.

能逆觀也。

năng nghịch đồi giã.

廬文祭水

LƯ - THỦY TẾ - VĂN

維大漢建興三年秋九月一

1. - Duy Đại - Hán Kiến - Hưng tam niên thu cửu nguyệt nhất

日，武鄉侯領益州牧丞相諸

nhật, Vũ-Hương-Hầu lĩnh Ích-Châu - Mục, Thừa-Tướng Gia-

葛亮謹陳祭儀，於故殷王

Cát-Lượng cẩn trần tế nghi, hương ư cố một vương

事蜀中將校及南人亡者陰魂

sự Thực trung tướng giáo, cập Nam-nhân vong giả âm - hồn

曰：

viết：

我大漢皇帝威勝五霸，明

2. - Ngã Đại - Hán Hoàng-Đế, uy thắng Ngũ - Bá, minh

繼三王，昨自遠方侵境，異

kế Tam-Vương, tác tự viễn phương xâm cảnh, dị

俗起兵，縱蠶尾以興妖，恣

tục khởi binh, tung sái vĩ dĩ hưng yêu tứ

狼心而逞亂

lang tâm nhi sinh loạn.

VĂN TẾ SÔNG LÔ

Sau khi bình định Nam Man xong, Võ Hầu ra lệnh ban su. Trên đường về, có sông Lô chắn ngang. Tiễn quân tới sông, lúc ấy vào tháng 9 mùa thu thì trên sông nổi sóng gió, thuyền không đi qua được. Thỏ dân thuật rằng hàng đêm có tiếng ma kêu, quí khóc và cho rằng có lẽ đó là oan hồn những binh Man chết trận. Mạnh Hoạch và thỏ dân khuyên Hầu theo tục lệ xưa dùng 49 đầu người để làm lễ tế. Hầu sửa đổi lại tục lệ, chỉ sai giết trâu, dê, lấy bột mì nặn hình 49 đầu người Man. Đang đêm Hầu thân hành đến bờ sông làm lễ tế, sai Đồng Quyết đọc tế văn :

1- Triều Đại Hán, năm Kiến Hưng thứ 3 mùa thu, tháng chín, ngày mồng một, ta là Võ Hương Hầu lĩnh chức Ích Châu Mục, Thừa Tướng Gia Cát Lượng, kính cẩn bày lễ vật dâng lên vong hồn các tướng tá đất Thục đã chết vì phò Vua, cùng là vong hồn người Nam mà tế rằng :

2- Hoàng đế nhà Đại Hán của ta, oai hùng hơn Ngũ bá, sáng suốt nổi Tam Vương, (thế mà) mới gần đây, người khác tục từ phương xa đến xâm lăng biên cảnh, dấy binh phun nọc độc, bày trò yêu nghiệt, tổ dạ sài lang mà gây việc rối loạn.

我奉王命，問罪遐荒，大

3. - Ngã phụng vương-mệnh, vấn tội hà hoang, đại

舉貔貅，悉除虯蟻。雄軍雲

cử tì - hươu, tất trừ lâu nghị. Hùng quân vân

集，狂寇冰消，纔聞破竹之

tập, cuồng khấu băng tiêu, tài văn phá trúc chi

聲，便是失猿之勢

thanh, tiệt thị thất viên chi thế.

但士卒兒郎，盡是九州豪

4. - Đản sĩ - tốt nhi lang, tận thị Cửu-Châu hào-

傑，官僚將校皆爲四海英雄

kiệt, quan - liêu tướng giáo giai vi tứ hải anh-hùng,

，習武從戎，投明事主，莫

tập vũ tông nhung, đầu minh sự chúa, mạc

不同申三令，共展七擒，齊

bất đồng thân tam lệnh, cộng triển thất cầm, tề

堅奉國之誠，並效忠君之志

kiên phụng quốc chí thành, tịnh hiệu trung quân chí chí.

。何期汝等偶失兵機，緣落

Hà kỳ như đẳng ngẫu thất binh cơ, duyên lạc

奸計，或爲流矢所中，魂掩

gian kế, hoặc vì lưu thi sở trúng, hồn yểm

泉臺，或爲刀劍所傷，魄歸

tuyền đài, hoặc vì đao kiếm sở thương, phách qui

3- Ta vâng chịu lệnh vua hỏi tội bọn man rợ xa xăm, cử quân dũng mãnh, trừ diệt bọn sâu kiến. Hùng binh tới như mây cuộn, bọn giặc điên rồ tiêu tan như băng tuyết, mới nghe tiếng chẽ tre, tức thì thất thế mà nhảy trốn như bầy khỉ vượn.

4- Nhưng (thiết tướng) sĩ tốt trai trẻ đều là hào kiệt trong chín châu, quan liêu tướng tá đều là anh hùng trong bốn bể, tập võ, tòng quân, thờ chúa theo thầy, chẳng ai mà không tuân ba lệnh, cùng nhau bảy lần bắt giặc, cùng bên lòng giúp nước, cùng vững chí thờ Vua. Chẳng ngờ đâu các người rủi ro bị sa cơ thất thế, kẻ thì mắc lầm gian kế, kẻ thì bị tên lạc trúng nhằm, nên hồn phải xiêu về âm phủ, hoặc bị gươm, đao chém trúng nên phách phải

長夜，生則有勇，死者成名
trường dạ, sinh tắc hữu dũng, tử tắc thành danh.

。

今凱歌欲還，獻俘將及。

5. — Kim khai ca dục hoàn, hiến-phù - tương cập,

汝等英靈尚在，祈禱必聞，

như đẳng anh - linh thượng tại, kỳ đảo tất văn,

隨我旌旗，逐我部曲，同回

tùy ngã sinh kỳ, trục ngã bộ khúc, đồng hồi

上國，各認本鄉，受骨肉之

thượng-quốc, các nhận bản hương, thọ cốt - nhục chi

蒸嘗，領家人之祭祀，莫作

chưng thường, lĩnh gia nhân chi tế - tự, mạc tác

他鄉之鬼，徒爲異域之魂。

tha hương chi quỷ, đồ vi dị vực chi hồn.

我當奏之天子使汝等各家

6. — Ngã dương tấu chi Thiên-Tử sứ như đẳng các gia

盡霽恩，年給衣糧，月賜

tận triêm ân lộc, niên cấp y lương, nguyệt tứ

廩祿，用茲酬答，以慰汝心

lãm lộc, dụng tư thù đáp, dĩ ủy như tâm,

至於本境土神，南方亡鬼

chí ư bản cảnh thổ - thần, nam phương vong-quỷ,

lạc theo đêm dài, sinh ra vốn dưng cảm, chết ắt được danh thơm.

5- Nay mừng ca chiến thắng, sắp được trở về, giải nạp tù binh, chúng ngươi anh linh còn đó, khi cầu khẩn ắt là nghe rõ, hãy nương theo cờ xí, theo dõi khúc nhạc bộ ngũ của ta, mà cùng về thượng quốc, để thừa nhận quê nhà, thọ hưởng hương khói quanh năm của người cắt ruột, lãnh nhận sự cúng tế của người nhà, chớ ở lại làm quỷ chốn xa nhà, lưu lạc làm hồn ma nơi đất khách.

6- Ta sẽ tấu lên Thiên Tử khiến cho chúng ngươi mọi nhà đều được thấm nhuần ơn trên mưa móc, hàng nam được cấp áo quần, lương thực, hàng tháng được ban hồng lộc, dùng các vật ấy để mà đền đáp, an ủi lòng dạ

， 血 食 有 常 ， 憑 依 不 遠 ， 生
huyết thực hữu thường, bằng y bất viễn, sinh

者 既 凜 天 威 ， 死 者 亦 歸 王 化
giả ký lâm thiên uy, tử giả diệc quy vương hóa

， 想 宜 甯 帖 ， 毋 致 號 咷
tưởng nghi ninh thiếp, vô trí hào - dào.

聊 表 丹 忱 ， 敬 陳 祭 祀 ， 鳴
7.- Liâu biểu đơn tâm, kính trần tế - tự. Ô

呼 哀 哉 ， 伏 惟 尙 饗 ！
hô ! Ai tai ! Phục duy thượng hưởng !

các người, còn các thổ thần bốn xứ các vong quỷ phương nam, cũng được thường cúng huyết, chỗ nương tựa không xa, kẻ sống đã kính cẩn vâng chịu thiên uy, người chết cũng được quay về vương hóa, tưởng rằng cũng nên yên vui, không đến nỗi phải gào khóc.

7- Gọi là bày tỏ lòng thành kính dâng lễ cúng, ô hô ! Thương thay ! Cúi dâng lên để trên thọ hưởng !

BINH PHÁP

MỤC LỤC PHẦN BÌNH PHÁP

ĐIỀU CHÚ Ý :

1) Theo quan niệm người xưa thì *bình pháp* bao gồm *chính trị* và *quân sự*.

2) Thiên nào nói về :

- *Chính trị* thì sau tên thiên ấy có ghi chữ (C)

- *Quân sự* (Q)

- *Chính trị và quân sự* (CQ)

I. BÌNH YẾU (Đỗ Thi Bình điển) (Q)

II. TIỆN NGHI THẬP LỤC SÁCH

1) Trị quốc (C)

2) Quân Thân (C)

3) Thi Thỉnh (C)

4) Nạp ngôn (C)

5) Sát nghị (C)

6) Trị nhân (C)

7) Cử thố (C)

8) Khảo truất (C)

9) Trị quân (Q)

10) Thưởng phạt (CQ)

11) Hỉ nô (CQ)

12) Trị loạn (CQ)

13) Giáo lệnh (CQ)

14) Trảm đoạn (Q)

15) Tư lự (CQ)

16) Âm Sát (CQ)

III TƯỚNG UYỂN NGŨ THẬP NIÊN

- | | |
|----------------------|----------------------|
| 1) Tướng quyền (Q) | 2) Trục ác (CQ) |
| 3) Tri nhân (CQ) | 4) Tướng tài (Q) |
| 5) Tướng khí (Q) | 6) Tướng tề (CQ) |
| 7) Tướng trung (Q) | 8) Tướng thiện (Q) |
| 9) Tướng cương (CQ) | 10) Tướng kiêu (CQ) |
| 11) Tướng cường (CQ) | 12) Xuất sư (Q) |
| 13) Trạch tài (Q) | 14) Trí dụng (CQ) |
| 15) Bất trận (Q) | 16) Tướng thành (CQ) |
| 17) Nhung bị (Q) | 18) Tập luyện (Q) |
| 19) Quân đồ (Q) | 20) Phúc tâm (CQ) |
| 21) Cẩn hậu (CQ) | 22) Cơ hình (CQ) |
| 23) Trọng hình (Q) | 24) Thiện tướng (CQ) |
| 25) Thẩm nhân (CQ) | 26) Thiên thế (Q) |
| 27) Thắng bại (Q) | 28) Dã quyền (Q) |
| 29) Ai tử (CQ) | 30) Tam tâm (Q) |
| 31) Thiết ứng (Q) | 32) Tiện lợi (Q) |
| 33) Ứng cơ (Q) | 34) Sủy năng (QC) |
| 35) Khinh chiến (Q) | 36) Địa thế (Q) |
| 37) Tình thế (Q) | 38) Kích thế (Q) |
| 39) Chinh sư (Q) | 40) Lệ sĩ (CQ) |
| 41) Tự miễn (CQ) | 42) Chiến đạo (Q) |
| 43) Hòa nhân (CQ) | 44) Sát tình (Q) |
| 45) Tướng tình (CQ) | 46) Uy lệnh (Q) |
| 47) Đông Di (CQ) | 48) Tây Nhung (CQ) |
| 49) Nam Man (CQ) | 50) Khương Dịch (CQ) |

兵法

BINH . PHÁP

兵要 杜氏兵典

BINH . YÉU (Đỗ Thị Binh - Điển)

軍已近敵羅落常平明以先發

1. - Quân dĩ cận địch la lạc, thường bình - minh dĩ tiên phát.

絕軍前十里內。各按左右

2. - Tuyệt quân tiền thập lý nội. các án tả hữu;

下道亦十里之內。

hạ đạo diệc thập lý chi nội.

數里之外。五人爲部。人

3. - Số lý chi ngoai, ngũ nhân vi bộ. Nhân

持一白幡。登高外向。明看

tri nhất bạch phiên, đăng cao ngoai hướng, minh khán

應蔽之處。

ưng tế chi xứ.

軍主轉尋高而前。

4. - Quân chủ chuyển tìm cao nhi tiền.

第一見賊。轉語後第二。

5. - Đệ nhất kiến tặc, chuyển ngữ hậu đệ nhị.

第三詣主者白之。

Đệ tam nghệ chủ giả bạch chi.

凡候見賊百人以下。但舉

6. - Phàm hậu kiến tặc bách nhân dĩ hạ, dàn cử

幡指。百人以上。便舉幡大

phiên chỉ. Bách nhân dĩ thượng, tiện cử phiên đại

呼。主者遣疾馬往視察之。

hô. Chủ giả khiển tặc mã vãng thị sát chi.

BINH PHÁP

ĐIỀU BÍ YẾU VỀ BINH PHÁP (BINH ĐIỂN CỦA HỌ ĐỖ) (1)

1- Khi quân đã đến gần lều trại (2) của địch thì thường nên ra đi lúc trời mới sáng (3).

2- Rút quân phía trước trong vòng mười dặm, đều cho án giữ vào hai bên phải và trái (4); ở các đường thấp cũng rút quân hết trong vòng mười dặm (5).

3- Vài dặm ngoài thì năm người hợp thành một đội (đội ngũ). Người cầm một lá cờ trắng, treo lên cao, hướng ra phía ngoài, nhìn cho kỹ để tìm xem nơi nào nên dùng làm chỗ ẩn nấp.

4- Người chủ tướng cầm quân nên dời chuyển tìm chỗ cao và ở đằng trước.

5- Người thứ nhất gặp giặc thì chuyển lời ra đằng sau cho người thứ hai. Người thứ ba đến gặp người chủ tướng để trình lại.

6- Phàm người lính thám sát (6) khi gặp giặc từ trăm người trở xuống thì chỉ đưa cờ lên mà ra hiệu; nếu gặp từ trăm người trở lên thì liền đưa cờ lên và la lớn. Người chủ tướng sai lính cỡi ngựa mau chạy đi xem xét đám quân địch ấy.

-
- (1) Đây là một đoạn rất quan trọng nói về cách dò đường của quân hướng đạo vào cách sắp đặt quân đội khi tới gần địch quân.
(2) là lều trại; lạc là nơi tụ tập đông người, tức là thôn lạc, dinh trại (camp, campement).
(3) Đến gần địch vào ban ngày thì dễ dò xét hơn.
(4) Rút quân phía trước là để tránh khỏi bị đánh bất ngờ; sắp quân vào hai bên phải và trái là để bảo vệ trung quân.
(5) Quân ở đường thấp thì thất thế, dễ bị đánh úp nên phải rút đi.
(6) Hầu ở đây có nghĩa là đội chờ, dò xét, thám sát.

便宜十六策

TIỆN - NGHI THẬP LỤC SÁCH

治國第一

TRỊ QUỐC ĐỆ NHẤT

治國之政，其猶治家。

1. - Trị quốc chi chính, kỳ do trị gia.

治家者，務立其本。本立

2. - Trị gia giả, vụ lập kỳ bản. Bản lập

則未正矣。夫本者倡始也。

tắc mặt chính hỷ. Phù bản giả xướng thủy giả.

末者應和也。

Mạt giả ứng hòa giả.

倡始者，天地也。應和者

3. - Xướng thủy giả, thiên - địa giả. Ứng hòa giả,

，萬物也。

vạn - vật giả.

萬物之事，非天不生。非

4. - Vạn - vật chi sự, phi thiên bất sinh, phi

地不長。非人不成。

địa bất trường, phi nhân bất thành.

MƯỜI SÁU KẾ HOẠCH TIỆN NGHỊ

THỨ NHẤT : YÊN NƯỚC

1- Phép yên nước là do ở phép *yên nhà*.

2- Phép yên nhà là cốt xây cái *gốc*. Cái gốc mà xây được thì át là cái ngọn phải ngay thẳng vậy. Thế mà gốc là cái phải nói trước. Ngọn là cái ứng hòa theo.

3- Cái phải nói trước hết là *Trời Đất*. Cái ứng hòa theo là vạn vật.

4- Về vạn vật thì không thể sinh ra nếu không có Trời, không thể lớn lên nếu không có Đất, không thể thành hình nếu không có tay người.

庠序之禮。八佾之樂。明
 1. - Trường-tự chí lễ, bát - dật chí nhạc, minh-
 堂辟雍，高墻宗廟。所以務
 đường tịch - ung, cao tường tôn-miếu, sở dĩ vụ

人之本也。
 nhân chí bản giả.

故本者經常之法。規矩之
 2. - Cố bản giả, kinh-thường chí pháp, quy - củ chí

要。圓鑿不可以方枘。鉛刀
 yếu. Viên tạc bất khả dĩ phương nhuế, diên đao

不可以斫伐。此非常用之事
 bất khả dĩ khảm phạt. Thứ phi thường dụng chí sự,

。不可成其功。非常用之器
 bất năng thành kỳ công, phi thường dụng chí khí,

，不可成其巧。
 bất khả thành kỳ xảo.

故天失其常，則有逆氣。
 3. - Cố thiên thất kỳ thường, tắc hữu nghịch-khí,

地失其常，則有枯敗。人失
 địa thất kỳ thường, tắc hữu khô - bại, nhân thất

其常，則有患害。
 kỳ thường, tắc hữu hoạn - hại.

425 186

1- Lễ học ở nhà trường, nhạc bát dật, (1) minh đường (cửa quan) rộng rãi hòa nhã, tôn miếu cao lớn, cốt là để lo về cái gốc của con người (2).

2- Cho nên cái gốc là phép thông thường, là qui củ chính yếu. Đục tròn không thể đục được lỗ mộng vuông, dao chày không thể chặt chém. Đó chẳng phải là việc thường dùng, nên không làm được xong công việc. Chẳng phải là khí cụ thường dùng thì không thể đạt tới sự tinh xảo.

3- Cho nên Trời mà thất thường ắt là có nghịch khí. Đất mà thất thường ắt là có sự khô bại. Người mà thất thường ắt là có hoạn hại.

(1) Nhạc bát dật là một loại nhạc dùng tại triều đình của Vua

(2) Minh đường (cửa quan) tượng trưng cho hình pháp, chính trị, Tôn miếu tượng trưng cho sự thờ cúng tổ tiên. Lễ nhạc, chính trị, hình pháp, tôn giáo có mục đích là gìn giữ lòng người cho được điều hòa

君 臣 第 二

QUÂN-THẦN ĐỆ NHỊ

君 臣 之 政 。 其 猶 天 地 之 象

1. — Quân thần chi chính, kỳ do thiên địa chi tượng.

天 地 之 象 明 。 則 君 臣 之 道

2. — Thiên địa chi tượng minh, tắc quân-thần chi đạo

備 矣 。 君 以 施 下 爲 仁 。 臣 以

bị hỷ. Quân dĩ thi hạ vi nhân, thần dĩ

事 上 爲 義 。

sự thượng vi nghĩa.

二 心 不 可 以 事 君 。 疑 政 不

3. — Nhị tâm bất khả dĩ sự quân, nghi chính bất

可 以 授 臣 。

khả dĩ thụ thần.

上 下 好 禮 。 則 民 易 使 。 上

4. — Thượng hạ hiếu lễ, tắc dân dị sử. Thượng

下 和 順 。 則 君 臣 之 道 備 矣 。

hạ hòa thuận, tắc quân - thần chi đạo bị hỷ.

君 以 禮 使 臣 。 臣 以 忠 事 君 。

Quân dĩ lễ sử thần, thần dĩ trung sự quân.

THỨ HAI : ĐẠO VUA TÔI

1- *Mối quan hệ giữa Vua và Tôi là do cái tượng của Trời Đất mà hiện ra (1).*

2- *Tượng của Trời mà sáng, ắt là đạo Vua Tôi được đầy đủ. Vua ban ơn xuống dưới để làm điều nhân, bề tôi thờ người trên để làm điều nghĩa.*

3- *Bề tôi mà hai lòng thì không thể thờ Vua. Vua mà nghi ngờ phép tắc của bề tôi thì không thể trao trách nhiệm cho bề tôi.*

4- *Trên dưới đều mến lễ nghi, ắt là dân dễ sai khiến. Trên dưới mà hòa thuận ắt là đạo Vua tôi được đầy đủ. Vua dùng lễ để sai khiến bề tôi, bề tôi đem lòng trung để thờ Vua.*

(1) Theo quan niệm cổ xưa thì mối quan hệ giữa Vua và Tôi tùy thuộc mối quan hệ thiên văn giữa sao Bắc Thần và các sao Thai, Phụ, Nhị Thập Bát Tú. Như thế đạo Vua Tôi không phải là một vấn đề luân lý mà là một vấn đề thiên văn học (vật lý học)

君謀其政。臣謀其事。政
 5.- Quân mưu kỳ chính, thần mưu kỳ sự, Chính
 者，正名也，事者，勸功也
 giả, chính - danh giả, sự giả, khuyến công giả.
 君勸其政。臣勸其事。則
 Quân khuyến kỳ chính, thần khuyến kỳ sự, tắc

功名之道俱立矣。
 công danh chi đạo câu lập hĩ.

是故君南面向陽。著其聲
 6.- Thị cố quân nam diện hướng dương, trước kỳ thanh
 響。臣北面向陰。見其形影
 hưởng, thần bắc diện hướng âm, kiến kỳ hình - ảnh.

聲響者，教令也。形影者
 Thanh-hưởng giả, giáo - lệnh giả, hình - ảnh giả,
 功效也。教令得中則功立
 công hiệu giả, Giáo - lệnh đắc trung tắc công lập ;

功立則萬物蒙其福
 công lập tắc vạn - vật mông kỳ phúc.

是以三綱，六紀。有上中
 7.- Thị dĩ tam cương, lục kỷ, hữu thượng trung

下。上者爲君臣。中者爲父
 hạ. Thượng giả vi quân thần, trung giả vi phụ
 子。下則爲夫婦。各修其道
 tử, hạ tắc vi phu phụ, các tu kỳ đạo,

福祚至矣。
 phúc tộ chí hĩ.

5- Vua sắp đặt nên *chính trị*, bề tôi lo *phụng sự* Vua. Việc *chính trị* là việc *chính danh* (1), *phụng sự* là khuyến khích *thi hành các công tác*. Vua khuyến khích việc *chính trị*, bề tôi khuyến khích việc thờ Vua, ắt là cái đạo công danh được thành tựu đối với mọi người.

6- Bởi thế cho nên, Vua quay mặt về *phía nam*, *hướng dương* phát ra các âm thính (2), bề tôi quay mặt về *phía bắc*, *hướng âm*, nhìn hình ảnh (của công việc ; xem tiếp ở sau thì rõ). Âm thính vang dội ra là cái mệnh lệnh dạy xuống, hình ảnh là sự công hiệu của việc thi hành. Lệnh dạy xuống mà vừa phải thì công việc sẽ thành tựu ; công việc mà thành tựu ắt là vạn vật hưởng được phúc ban xuống.

7- Đó là lấy *ba giếng*, *sáu phép* (3) có trên, giữa và dưới. Trên hết là *Vua Tôi*, ở giữa là *cha con*, ở dưới hết là *chồng vợ*, đều răn mình theo đạo thì phúc may sẽ đến.

(1) Việc *chính danh* là dùng cái danh cho hợp với cái nghĩa, rồi sắp đặt người và việc theo một tôn ti, trật tự đúng với danh nghĩa

(2) Lời của Vua có một uy lực huyền bí mãnh liệt

(3) Ba giếng là ba mối quan hệ Vua tôi, Cha Con, Chồng Vợ.

Sáu phép là sáu đạo làm vua, làm tôi, làm cha, làm con, làm chồng, làm vợ.

君臣上下，以禮爲本。父

8. — Quân thần thượng hạ, dĩ lễ vi bản; phụ

子上下，以恩爲親。夫婦上

tử thượng hạ, dĩ ân vi thân; phu phụ thượng

下，以和爲安。

hạ, dĩ hòa vi an.

上不可以不正。下不可以

9. — Thượng bất khả dĩ bất chính, hạ bất khả dĩ

不端。上柱不曲。下辭不逆

bất đoan. Thượng trụ bất khúc, hạ từ bất nghịch

。

故君惟其政。臣惟其事。

10. — Cố quân duy kỳ chính, thần duy kỳ sự.

是以明君之政修。則忠臣之

Thị dĩ minh quân chi chính tu, tắc trung thần chi

事舉。學者思明師。仕者思

sự cử. Học - giả tư minh - sư, sĩ - giả tư

明君。

minh quân.

故設官職之全。序爵祿之

11. — Cố thiết quan chức chi toàn, tự tước lộc chi

位。陳璇璣之政。建台輔之

vị, trần huyền - ky chi chính, kiến thai - phụ chí

8- Vua tôi trên dưới lấy *lễ* làm gốc, cha con trên dưới lấy *ân* làm thân, chồng vợ trên dưới lấy *hòa* làm vốn.

9- Trên không thể không ngay thẳng, dưới không thể không đúng đắn. Người chủ chốt ở bên trên không được cong vạy, lời nói của kẻ dưới không được phản nghịch.

10- Cho nên nhà Vua chỉ nghĩ đến việc *chính trị*, bề tôi chỉ nghĩ đến việc *phụng sự*. Ấy nên Vua *sáng* mà *sửa mình ngay thẳng*, thì việc làm của tôi trung sẽ được thành tựu. Kẻ học trò thì mong được *Thầy sáng*, kẻ sĩ thì mong được *Vua sáng*.

11- Cho nên đặt ra toàn bộ *quan chức*, chia ngôi thứ *tước lộc*, bày ra *ngghi khí* để xem thiên văn, lập ra chức

佐。私不亂公。邪不干正。
 tá. Tư bất loạn công, tà bất can chính,
 此治國之道備矣。
 thử trị quốc chi đạo bị hĩ.

視聽第三

THỊ THÍNH ĐỆ TAM

- 視聽之政。謂視微形。聽
 1. — Thị thính chi chính, vị thị vị hình, thính
 細聲。形微而不見。聲細而
 tế thanh, hình vi nhi bất kiến, thanh tế nhi
 不聞。
 bất văn.
- 故明君視微之幾。聽細之
 2. — Cổ minh quân thị vi chi kỳ, thính tế chi
 大。以內和外。以外和內。
 đại, dĩ nội hòa ngoại, dĩ ngoại hòa nội,
 故爲政之道。務於多聞。
 3. — Cổ vi chính chi đạo, vụ ư đa văn,
 是以聽察採納衆下之言。謀
 thị dĩ thính sát thál nạp chúng hạ chi ngôn. Mưu
 及庶仕，則萬物當其目。衆
 cập thứ sĩ, tắc vạn vật đương kỳ mục, chúng
 音佐其耳。
 âm tá kỳ nhi.

thai phụ để phò tá. Tu không được làm *loạn công*, kẻ *sai quấy* không được xúc phạm người *đoan chính*, ấy là đạo trị quốc đầy đủ.

THỨ BA : XEM NGHE

1- Phép *xem xét và nghe ngóng* (1) là xem xét cái hình nhỏ, nghe ngóng cái tiếng nhỏ, hình nhỏ mà không *thấy được*, tiếng nhỏ mà không *nghe được*.

2- Cho nên bậc Vua sáng suốt xem xét cái "*nhiều nhận*" ở trong cái *vật nhỏ nhất*, nghe ngóng cái "*vang âm*" ở trong cái *tiếng nhỏ nhẹ*, lấy trong hòa với ngoài, lấy ngoài hòa với trong.

3- Cho nên đạo làm chính trị cốt ở *nghe ngóng nhiều*, để mà lượm lặt và thấu nạp lời tâu của kẻ dưới. Khi sắp đặt mưu kế mà dùng tới cả *kẻ sĩ bậc thấp*, ắt vạn vật sẽ giúp cho mắt thấy rõ, các âm thanh sẽ giúp cho tai nghe rõ.

(1) Vì muốn tôn trọng ý tứ của người xưa muốn phân biệt thị với kiến, thính với văn nên dịch giả phải dịch : thị : xem xét ; kiến : thấy được ; thính : nghe ngóng ; văn : nghe được

故經云：聖人無常心。以
 4.— Cổ kinh vân : Thánh-nhân vô thường tâm, dĩ
 百姓爲心。目爲心視。口爲
 bách tánh vi tâm, mục vi tâm thị, khẩu vi
 心言。耳爲心聽。身爲心安
 tâm ngôn, nhi vi tâm thính, thân vi tâm an.
 。

故身之有心。若國之有君
 5.— Cổ thân chi hữu tâm, nhược quốc chi hữu quân.
 以內和外。萬物昭然。
 Dĩ nội hòa ngoại, vạn vật chiêu nhiên.

觀日月之形。不足以爲明
 6.— Quan nhật nguyệt chi hình, bất túc dĩ vi minh ;
 聞雷霆之聲。不足以爲聰
 văn lôi đình chi thanh, bất túc dĩ vi thông.
 故人君以多見爲智。多聞
 Cổ nhân quân dĩ đa kiến vi trí, đa văn
 爲神。夫五音不聞。無以別
 vi thần. Phù ngũ âm bất văn, vô dĩ biệt
 宮商。五色不見。無以別玄
 cung thương, ngũ sắc bất kiến, vô dĩ biệt huyền
 黃。
 huỳnh.

4- Cho nên kinh sách có nói : *Thánh nhân không có tâm ý bình thường (nhất định)* (1) mà lấy tâm ý của trăm họ làm tâm ý của mình, dùng mắt của trăm họ để cho tâm xem xét, dùng miệng của trăm họ để tâm nói năng, dùng tai của trăm họ để tâm nghe ngóng, lấy thân của trăm họ để tâm yên ổn.

5- Cho nên thân có *tâm* (2) cũng như nước có Vua. Dùng trong để hòa ngoài thì vạn vật sáng tỏ ra.

6- Thấy được cái hình của mặt trời thì mặt trăng không đủ để gọi là sáng mắt ; nghe được tiếng sấm sét không đủ để gọi là rõ tai. Cho nên bậc Vua trong loài người, lấy *thấy nhiều* làm trí, lấy *nghe nhiều* làm thần. Thế mà năm âm không nghe thì không biết lấy gì mà phân biệt cung thương (3) năm sắc không thấy thì không biết lấy gì mà phân biệt đen vàng.

(1) sách Luận Ngữ, thiên Tử Hân có nói : Tử tuyệt tư : vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã nghĩ là Đức Khổng Tử không hề có bốn điều lỗi : không có ý riêng, không có thành kiến, không cố chấp, không có tính riêng.

(2) Tâm làm chủ đời sống

(3) Cung, thương là hai trong năm âm = cung, thương, giác, chủy, vũ.

蓋聞明君者。常若晝夜。
 7.- Cái văn minh-quân giả, thường nhược trú dạ.
 晝則公事行。夜則私事興。
 Trú tắc công sự hành, dạ tắc tư sự hưng.
 或有吁嗟之怨。而不得聞。
 Hoặc hữu hu ta chí oán, nhi bất đắc văn,
 或有進善之忠。而不得信。
 hoặc hữu tiến thiện chí trung, nhi bất đắc tín;
 怨聲不聞。則枉者不得伸。
 Oán thanh bất văn, tắc uổng giả bất đắc thân;
 進善不納。則忠者不得信。
 tiến thiện bất nạp, tắc trung giả bất đắc tín,
 邪者容其姦。
 tà giả dung kỳ gian.

故書云：天視自我民視。
 8.- Cổ Thư vân : Thiên thị tự ngã dân thị.
 天聽自我民聽。此之謂也。
 thiên thính tự ngã dân thính, thứ chi vị giả.

納言第四

NẠP NGÔN ĐỆ TỬ

納言之政。謂爲諫諍。所
 1.- Nạp ngôn chí chính, vị vị gián trính, sở
 以採衆下之謀也。
 dĩ thái chúng hạ chí mưu giả.

7- Bởi vì được nghe bậc Vua sáng thường giống như ngày đêm. Ngày thì *việc công* thi hành, đêm thì *việc tư* phần phát. Hoặc có *điều oan ức* trong tiếng kêu than mà lại không nghe được, hoặc có *điều thành thực* trong sự tiến cử việc lành mà lại không được tin cậy : tiếng kêu oan mà không nghe ắt là kẻ bị oan khuất không thể giải thoát được ; tiến cử việc lành mà không thâu nạp ắt là người trung thành không được tin cậy, kẻ tà sẽ dung dưỡng việc gian trá.

8- Cho nên *Kinh thư* nói rằng : *Sự xem xét của Trời là sự xem xét của dân nơi ta, sự nghe ngóng của Trời là sự nghe ngóng của dân nơi ta ;* đó gọi là xem xét và nghe ngóng.

THỨ TƯ : THẤU NẠP LỜI KHUYÊN

1- Phép nghe lời khuyên gọi là phép *can gián* để lựa chọn những mưu kế của kẻ dưới.

故君有諍臣。父有諍子。

2.— Cỗ quân hữu tránh-thần, phụ hữu tránh - tử,

當其不義則諍之。將順其美

đương kỳ bất nghĩa tác tránh chi, tương thuận kỳ mỹ,

。匡救其惡。惡不可順。美

khuông cứu kỳ ác. Ác bất khả thuận, mỹ

不可逆。順惡逆美，其國必

bất khả nghịch. Thuận ác nghịch mỹ, kỳ quốc tất

危。

nguy.

夫人君拒諫，則忠臣不敢

3.— Phò nhân-quân cự gián, tặc trung-thần bất cảm

進其謀。而邪臣專行其政。

tiến kỳ mưu, nhi tà thần chuyên hành kỳ chính,

此爲國之害也。

thử vi quốc chi hại giả.

故有道之國。危言危行。

4.— Cỗ hữu đạo chí quốc, nguy ngôn nguy hành;

無道之國。危行言遜。上無

vô đạo chí quốc, nguy hành ngôn tổn; thượng vô

所聞。下無所說。

sở văn, hạ vô sở thuyết.

2- Cho nên Vua có Tôi khuyên can, gặp việc bất nghĩa ấy là can ngăn, chiều theo việc tốt đẹp, cứu vớt khỏi việc hung xấu. Việc hung xấu chẳng nên chiều theo, việc tốt đẹp chẳng nên chống đối. Nước nào mà chiều theo việc hung xấu, chống đối việc tốt đẹp, ắt phải gặp nguy biến.

3- Bậc Vua trong loài người chống đối sự khuyên can ắt là Tôi trung không dám dâng mưu kế, còn quan lại gian tà thì chuyên quyền nắm giữ tất cả giếng mối chính trị, đó là điều nguy hại của nước.

4- Cho nên ở nước có đạo thì nói mạnh, làm mạnh (1), ở nước vô đạo thì làm mạnh, nói yếu (nói lời khiêm tốn), trên chẳng có chỗ nào được nghe, dưới chẳng có chỗ nào được nói. (2).

(1) Nếu dịch là lời nói cao xa, việc làm cao xa thì không đúng ý tứ. Đúng ra phải dịch là dám nói lời khó nói, dám làm việc khó làm.

(2) Có thể hiểu là : Người trên chẳng có ai được nghe lời nói phải, người dưới chẳng có ai được dâng lên lời nói phải (dưới chẳng dám nói, trên chẳng được nghe). Hoặc cũng có thể hiểu là : Ở trên chẳng ai nói điều phải, ở dưới chẳng có thể giảng cho ai nghe được điều phải

故孔子不恥下問。周公不
 5.- Cổ Khổng-Tử bất si hạ vấn, Chu-Công bất
 恥下賤。故行成名著。後世
 si hạ tiện, cổ hành thành danh, trứ, hậu thế
 以爲聖。是以屋漏在下止之
 dĩ vi thánh, Thị dĩ ốc lậu tại hạ, chi chi
 在上。上漏不止，下不可居
 tại thượng. Thượng lậu bất chi, hạ bất khả cư
 矣。
 hỷ.

察疑第五

SÁT NGHỊ ĐỀ NGŨ

察疑之政。謂察朱紫之色
 1.- Sát nghị chí chính, vị sát châu tử chi sắc,
 。別宮商之音。故紅紫亂朱
 biệt cung thương chi âm. Cổ hồng tử loạn châu
 色。淫聲亂正樂。亂生於遠
 sắc, dâm thanh loạn chính nhạc, Loạn sinh ư viễn,
 。疑生於惑
 nghi sinh ư hoặc.

物有異類。形有同色。白
 2.- Vật hữu dị loại, hình hữu đồng sắc. Bạch
 石如玉。愚者寶之。魚目似
 thạch như ngọc, ngu giả bảo chi, Ngư mục tợ

5- Cho nên **Khổng Tử** không hề xấu hổ khi học hỏi kẻ dưới, **Chu Công** không hề xấu hổ khi hạ mình làm việc nhỏ nhặt nên làm việc thành công, nêu cao danh tiếng, được đời sau xem là bậc thánh nhân. Đó là nhà hớ ở dưới, kín ở trên. Nếu trên mà đột không kín, thì dưới không thể ở được.

THỨ NĂM : XÉT VIỆC ĐÁNG NGHĨ

1- Phép xét điều đáng nghĩ, là xét các màu đỏ tím, phân biệt các âm cung, thương. Cho nên các màu hồng, tím làm loạn màu đỏ, tiếng dâm làm nhiễu loạn loại âm nhạc đúng đắn. *Loạn sinh ở xa, nghĩ sinh ở gần.*

2- Các vật có nhiều loại khác nhau, các hình có sắc giống nhau. Đá trắng như ngọc, kẻ ngu cũng quý. Mắt cá

珠。愚者取之。狐貉似犬。
châu, ngu - giả thù chi, Hồ lạc tợ khuyến,

愚者蓄之。栝萁似瓜。愚者
ngu - giả súc chi, Quát lâu tợ qua, ngu - giả

食之。故趙高指鹿爲馬。秦
thực chi, Cố Triệu-Cao chỉ lộc vi mã, Tần-

王不以爲疑。范蠡貢越美女
Vương bất dĩ vi nghi; Phạm-Lễ (Lãi) cống Việt mỹ - nữ,

。吳王不以爲惑。

Ngô-Vương bất dĩ vi hoặc.

計疑無定事。事疑無成功
3.- Kế nghi vô định sự, sự nghi vô thành-công.

。故聖人不可以意說爲明。
Cố thánh-nhân bất khả dĩ ý thuyết vi minh,

必信夫卜。占其吉凶。
tất tín phu bốc, chiêm kỳ cát hung.

書曰：三人占，必從二人
4.- Thư viết: Tam nhân chiêm, tất tòng nhị nhân

之言。而有大疑者。謀及庶
chí ngôn, nhi hữu đại nghi giả, mưu cập thứ-

人。
nhân.

故孔子云：明君之治。不
5.- Cố Khổng - Tử vân: Minh-quân chi trị, bất

giống như hạt châu, kẻ ngu cũng lấy. Giống chôn, lạc giống như chó, kẻ ngu cũng nuôi. Cây quất, cây lâu giống như dưa, kẻ ngu cũng ăn. cho nên *Triệu Cao* chỉ con nai cho là ngựa mà *Tân Vương* chẳng lấy làm nghi ; *Phạm Lãi* cống gái đẹp nước Việt, mà *Ngô Vương* chẳng lấy làm ngờ.

3- Mưu kế mà nghi ngờ thì việc khôn định yên, việc mà nghi ngờ thì không thành công. Cho nên thánh nhân không thể lấy sự thuyết trình ý kiến làm rõ ràng, thì ắt là tin cậy ở sự *bói toán*, để xem việc lành dữ.

4- **Kinh Thư** nói rằng : *Ba người chiêm đoán thì ắt là theo lời hai người* (1) *nếu còn nghi nhiều, thì dùng tới mưu kế của đông người.*

5- Cho nên **Khổng Tử** nói rằng : *Phép trị nước của bậc Vua sáng suốt là không lo rằng người chẳng biết mình*

(1) Nếu ý hai người giống nhau thì tin được

患人之不知己知。患不知人也。
 hoạn nhân chi bất kỳ tri, hoạn bất tri nhân giả;
 。不患外不知內。惟患內不
 bất hoạn ngoại bất tri nội, duy hoạn nội bất
 知外。不患下不知上。惟患
 tri ngoại; bất hoạn hạ bất tri thượng, duy hoạn
 上不知下。不患賤不知貴。
 thượng bất tri hạ; bất hoạn tiếm bất tri quý,
 惟患貴不知賤。
 duy hoạn quý bất tri tiếm.

故士爲知己者死。女爲悅
 6.— Cố sĩ vị tri-kỷ giả tử, nữ vị duyệt
 己者容。馬爲策己者馳。神
 kỷ giả dung, mã vị sách kỷ giả trì, thần
 爲通己者明。
 vị thông kỷ giả minh.

故人君決獄行刑。患其不
 7.— Cố nhân-quân quyết ngục hành hình, hoạn kỳ bất
 明。或無罪被辜。或有罪蒙
 minh, hoặc vô tội bị cô, hoặc hữu tội mông
 恕。或彊者專辭。或弱者侵
 thứ, hoặc cường giả chuyên từ, hoặc nhược giả xâm
 怨。或直者被枉。屈者不伸
 oán, hoặc trực giả bị uổng, khuất giả bất thân,

mà chỉ lo mình chẳng biết người, không lo ngoài chẳng biết trong, mà chỉ lo chẳng biết ngoài ; không lo dưới chẳng biết trên, mà chỉ lo trên chẳng biết dưới, không lo hèn chẳng biết sang, mà chỉ lo sang chẳng biết hèn.

6- Cho nên kẻ sĩ chết cho người biết mình, gái đón nhận người mến quý mình, ngựa chạy mau vì người biết cưỡi (đánh) nó, thần linh hiện ra cho người thông cảm họ.

7- cho nên bậc Vua trong loài người khi xử án hành hình (tử hình), chỉ lo rằng mình không sáng suốt, hoặc kẻ vô tội bị kết án, hoặc kẻ có tội được tha thứ, hoặc kẻ mạnh được nhường nhịn, hoặc kẻ yếu bị xâm phạm, thù oán, hoặc kẻ ngay thật bị oan uổng, hoặc kẻ oan khuất chẳng được tháo gỡ, hoặc kẻ tín thực bị nghi oan,

或有信而見疑。或有忠而
 hoặc hữu tín nhi kiến nghi, hoặc hữu trung nhi
 被害此皆天之逆氣。災暴
 bị hại. thữ giai thiên chi nghịch-khí, tai bạo
 之患。禍亂之變。
 chi hoạn, họa loạn chi biến.

惟明君治獄案刑。問其情
 8.— Duy minh quân trị ngục án hình, vấn kỳ tình
 辭。如不虛不匿。不枉不弊
 từ, như bất hư bất nặc, bất uổng bất tệ,
 。觀其往來。察其進退。聽
 quan kỳ vãng lai, sát kỳ tấn thoái, thính
 其聲響。瞻其看視。形懼聲
 kỳ thanh hưởng, chiêm kỳ khán thị, hình cụ thanh
 哀。來疾去遲。還顧吁嗟。
 ai, lai tật khư trì, hoàn cổ hu ta :
 此怨結之情不得伸也。
 thữ oán kết chi tình bất đắc thân giã.

下瞻盜視。見怯退還。喘
 9.— Hạ chiêm đạo thị, kiến khiếp thoái hoàn, suyễn

息却聽。沉吟腹計。語言失
 tức khước thính, trầm ngâm phúc kế, ngữ ngôn thất
 度。來遲去速。不敢反顧。
 độ, lai trì khư tốc, bất cảm phản cố :

hoặc người trung nghĩa bị hãm hại. Đó là do *ngịch khí* của Trời, nạn tai ách bạo ngược, và họa ương rối loạn.

8- Chỉ có bậc Vua sáng suốt xử án, kết tội, *tìm hỏi tình tiết*, nếu không hư dối, không giấu giếm, không cong vạy, không che đậy, xem sự qua lại, xét sự tới lui, nghe tiếng đồn đãi, xem cách trông nhìn, vẻ mặt sợ hãi, tiếng kêu thảm thương, sự đến mau đi chậm, quay về thở than : đó là *kẻ bị kết tội oan uổng không được tháo gỡ*.

9- Còn kẻ cúi mặt nhìn trộm, thấy mà sợ, lui về, hơi thở hổn hển, chẳng dám nghe ngóng, trầm ngâm tính kế trong bụng, nói năng trái phép, đến chậm đi mau, không dám quay nhìn : đó là *tội nhân muốn lẫn tránh*.

此罪人欲自免也。

thử tội nhân dục tự miễn giã.

孔子曰：視其所以。觀其
10. — Khổng-Tử viết : Thị kỳ sở dĩ, quan kỳ
所由。察其所安。人焉廋哉
sở do, sát kỳ sở an, nhân yên sừ tai !

。人焉廋哉。

nhân yên sừ tai !

治 人 第 六

TRỊ NHÂN ĐỆ LỤC

治人之政。謂道之風化。

1. — Trị nhân chi chính, vị đạo chi phong hóa,

陳示所以也。

trần thị sở dĩ giã.

故經云：陳之以德義而民

2. — Cổ kinh vân : Trần chi dĩ đức nghĩa nhi dân

興行。示之以好惡。而民知

hưng hành ; thị chi dĩ hiếu ố, nhi dân tri

禁。

cấm.

日月之明。衆下仰之。乾

3. — Nhật nguyệt chi minh, chúng hạ ngưỡng chi, cần

10- **Khổng Tử** nói rằng : *Coi thử để làm gì, xem thử do đâu mà ra, xét thử an vui ở chỗ nào, người ta có thể giấu giếm được sao ? Người ta có thể giấu giếm được sao ?*

THỨ SÁU : TRỊ NGƯỜI

1- Phép trị người là phong hóa của đạo, nhờ sự bày tỏ ra ngoài mà thi hành được (xem tiếp theo).

2- Cho nên kinh sách nói rằng : Bày tỏ đức và nghĩ ra thì dân hưng thịnh và hành thiện ; bày tỏ sự thương ghét ra thì dân biết điều cấm đoán.

3- Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng được dân chúng ngẩng mặt lên xem, đó là trường hợp các Vua *Nghiêu Thuấn* được các giống rợ ở chốn xa xôi đến cống hiến.

坤之廣。萬物順之。是以堯
khôn chi quàng, vạn - vật thuận chi, thị dĩ Nghiêu

舜之君。遠夷貢獻。
Thuần chi quân, viễn di cống - hiến.

桀紂之君。諸夏背叛。非
4.- Kiệt Trụ chi quân, chư hạ bội bán, phi
天移動其人。是乃上化使然
thiên di động kỳ nhân, thị nãi thượng hóa sử nhiên
也。
giã.

故治人猶如養苗。先去其
5.- Cố trị nhân do như dưỡng miêu, tiên khứ kỳ
穢
vấ.

明君之治。務知人之所患
6.- Minh quân chi trị, vụ tri nhân chi sở hoạn,
。皂服之吏。小國之臣。
tạo phục chi lại, tiểu quốc chi thần.

故曰皂服無所不尅。莫知
7.- Cố viết : Tạo phục vô sở bất khắc, mạc tri

4- Đối với các Vua *Kiệt Tru*, thì thuộc hạ bội phản, không phải là do Trời làm cho lòng người thay đổi, mà là do người trên khiến sinh ra như vậy.

5- Cho nên trị người còn giống như *trồng lúa*, trước hết phải *nhớ cò*.

6- Phép chính trị của bậc Vua sáng suốt cốt là hiểu biết điều lo âu của người, hiểu biết các *chức lại nhỏ hầu* hạ tay chân, hiểu biết các *chức quan lớn của nước nhỏ*.

7- Cho nên có nói : Kẻ tay chân hầu hạ khắc hại dân chúng không chừa nơi nào, chẳng biết tới đâu là cùng

其極。尅食於民。而人有飢
kỳ cực. Khắc thực ư dân, nhi nhân hữu cơ

乏之變。則生亂逆。
phạp chi biến, tắc sinh loạn nghịch.

唯勸農業。無奪其時。唯
8. — Duy khuyến nông nghiệp, vô đoạt kỳ thời, duy

薄賦歛。無盡民財。如此，
bạc phú liễm, vô tận dân tài, như thử,

富國安家。不亦宜乎。夫有
phú quốc an gia, bất diệc nghi hử ! Phù hữu

國有家者。不患貧而患不安
quốc hữu gia gia, bất hoạn bần nhi hoạn bất an,

。

故唐虞之政。利人相逢。
9. — Cổ Đường Ngu chí chính, lợi nhân tương phùng,

用天之時。分地之利。以備
dụng thiên chi thời, phân địa chi lợi, dĩ bị

凶年。秋有餘糧。以給不足
hung niên, thu hữu dư lương, dĩ cấp bất túc,

。天下通財。路不拾遺。民
thiên hạ thông tài, lộ bất thập di, dân

無去就。
vô khứ tựu,

cực. Khắc hại miếng ăn (lợi lộc) của nhân dân, mà nhân dân chịu nạn đói kém, ắt là sinh ra loạn nghịch.

8- Chỉ khuyến khích nghề nông mà không đoạt thì giờ của nông dân, chỉ góp thuế má mà không lấy hết của cải của dân chúng như thế nước giàu nhà yên, chẳng phải là thích đáng hay sao ? Có nước, có nhà, thì không lo nghèo mà chỉ lo không yên.

9- Cho nên nền chính trị của đời Đường và đời Ngu gặp nhau ở chỗ lợi người, dùng thời trời, chia lợi đất, để chuẩn bị các năm xấu. Mùa thu dư lương thực để bù thêm vào các mùa thiếu lương. Của cải trong thiên hạ thông thương với nhau, ngoài đường không lượm của rơi và công việc của dân không hề khi thì bỏ, khi thì làm (1).

(1) Nghĩa là người dân được an cư lạc nghiệp, không có bốn ba vô định.

故五霸之世。不足者奉於
 10. - Cồ Ngũ - Bá chí thế, bát túc giả phụng ư
 有餘。故今諸侯好利。利興
 hữu dư, cồ kim chư - hầu hiếu lợi. Lợi hưng
 民爭。災害並起。強弱相侵
 dân tranh, tai hại tịnh khởi, cường nhược tương xâm,
 。躬耕者少。末作者多。民
 cung canh giả thiểu, mạt tác giả đa, dân
 如浮雲。手足不安。

經云：不貴難得之貨。使
 11. - Kinh vân : Bất quý nan đắc chí hóa, sử
 民不爲盜。不貴無用之物。
 dân bất vi đạo; bất quý vô dụng chí vật,
 使民心不亂。各理其職。是
 sử dân tâm bất loạn, các lý kỳ chức, thị
 以聖人之政治也。

古者齊景公之時。病民不
 12. - Cồ giả Tề Cảnh-Công chí thời, bệnh dân bất
 奢侈。不遂禮制。周秦之宜
 xa - xỉ, bất toại lễ - chế, Chu Tần chi nghi,

10- Cho nên theo cái thế của đời *Ngũ Bá* thì người không có đủ lại hiển dưng cho kẻ có dư, do đó ngày nay các chư hầu đều tham lợi. Điều lợi sinh ra thì dân chúng tranh nhau, các điều tai hại cùng xảy ra, kẻ mạnh người yếu xâm phạm nhau, việc tự sức cây cối thì ít ỏi, mà việc công thương thì nhiều (1) đời sống của dân trôi nổi như mây trời, tay chân không được yên ổn.

11- Kinh sách nói rằng : *Không quý vật khó được*, khiến dân không trộm cắp ; *không quý vật vô dụng*, khiến lòng dân chẳng loạn, tất cả chỉ chăm lo, coi sóc phận sự của mình mà thôi, đó là *phép chính trị của thánh nhân*.

12- ngày xưa vào thời *Tế cánh Công*, chỉ lo dân không *tiêu pha xa xỉ* và không thỏa lòng về *lễ chế*, còn nghĩ

(1) Ngày xưa nghề nông gọi là bốn nghiệp (nghề gốc). nghề công thương gọi là mặt tấc (nghề ngọn)

。去文就質。而勸民之有利
khử văn tựu chất, nhĩ khuyến dân chi hữu lợi

也。

giã.

夫作無用之器。聚無益之
13. - Phù tác vô dụng chi khí, tụ vô ích chi
貨。金銀璧玉。珠璣翡翠。
hóa, kim ngân bích ngọc, châu ky phi thủy,
奇珍異寶。遠方所出。此非
kỳ trân dị bảo, viễn phương sở xuất, thử phi
庶人之所用也。錦綉纂組。
thứ - nhân chi sở dụng giả. Cẩm tú soạn tổ,
綺羅綾縠。玄黃衣帛。此非
ý la lăng hộc, huyền huỳnh y bạch, thử phi
庶人之所服也。雕文刻鏤。
thứ nhân chi sở phục giả. Điêu văn khắc lậu,
伎作之巧。難成之功。妨害
kỹ tác chi xảo, nan thành chi công, phương hại
農事。輜輶出入。袍裘索襍
nông sự. Truy bình xuất nhập, bào cầu sách dịch,
。此非庶人之所飾也。宮室
thử phi thứ nhân chi sở sức giả. Cung thất
堂殿。重門畫獸。蕭牆數仞
dương điện, trùng môn họa thú, tiêu tường số nhĩn,

chế đời *Chu Tần* thì bỏ van về bề ngoài, chỉ giữ *thực chất* và khuyên dân trọng *điều ích lợi*.

13- Chế ra những *vật vô dụng*, chứa những *hàng hóa vô ích*, vàng, bạc, ngọc bích, ngọc trai, chim phỉ thúy, các vật quý báu lạ lùng, sản xuất từ phương xa, đó chẳng phải là đồ dùng của hạng thường dân. Gấm vóc, thoa đùi, lụa là, the sa, áo lụa bạch đen vàng, đó chẳng phải là thứ mà thường dân mặc. Đồ chạm khắc tô vẽ, các vật tinh xảo khéo léo, các việc khó thành đều có trở ngại cho *nghề nông*. Xe kiệu ra vào, áo bào, áo dạ, áo tơ, đó chẳng phải là thứ mà thường dân chung diện. Cung, thất, đường, điện, cửa lầu, tranh ảnh, thú vật, thành lũy dài rộng (dài

。冢墓過度。竭財高尚。此
trùng mộ quá độ, kiệt tài cao thượng, thử

非庶人之所居也。
phi thứ-nhân chi sở cư giả,

經云：庶人之所好者，唯

14.— Kinh vân : Thứ-nhân chi sở hiếu giả, duy

躬耕勤苦。謹身節用。以養
cung canh cần khổ, cẩn thân tiết dụng, dĩ dưỡng

父母。制之以財。用之以禮
phụ mẫu ; chế chi dĩ tài, dụng chi dĩ lễ,

。豐年不奢。凶年不儉。素
phong niên bất xa, hung niên bất kiệm, tố

有蓄積。以備其後。此治人
hữu súc tích, dĩ bị kỳ hậu, thử trị nhân

之道。不亦合於四時之氣乎
chi đạo, bất diệc hợp ư tứ thời chi khí hồ ?

。

舉措第七

CỬ THÓ ĐỆ THẤT

舉措之政。謂舉直措諸枉
1.— Cử thố chi chính, vị cử trực thố chư uổng

也。
giả,

nhiều nhẩn ; một nhẩn là 8 thước) mỗ mả quá mức, *tiêu phí hết của cái để tỏ vẻ cao thượng, đó chẳng phải là nơi ở của thường dân.*

14- Kinh sách có nói : Điều mà kẻ thường dân yêu mến chỉ là sự siêng năng khổ sở về việc *cày cấy, trồng trọt, là sự cẩn thận giữ mình, tiêu dùng dè dặt, để nuôi cha mẹ ; lấy của cái để chế ngự sai khiến họ, lấy lễ nghi để sử dụng họ, năm tốt được mùa mà không xa xỉ, năm xấu mất mùa mà không tàn tiện, chứa trữ sẵn sàng để phòng bị về sau, đó là đạo trị dân, chẳng hợp với tiết khí của bốn mùa hay sao ?*

THỨ BẢY : CẤT NHẮC, SẮP ĐẶT

1- Phép cất nhắc, sắp đặt có nghĩa là *cất nhắc người ngay thẳng, đặt yên các người cong vạy.*

夫治國猶於治身。治身之道。
 2.- Phù trị quốc do ư trị thân, Trị thân chi
 道。務在養神。治國之道。
 đạo, vụ tại dưỡng thần, trị quốc chi đạo,
 務在舉賢。是以養神求生。
 vụ tại cử hiền, Thị dĩ dưỡng thần cầu sinh,
 舉賢求安。
 cử hiền cầu an.

故國之有輔。如屋之有柱。
 3.- Cố quốc chi hữu phụ, như ốc chi hữu trụ.
 柱不可細。輔不可弱。柱
 Trụ bất khả tế, phụ bất khả nhược. Trụ
 細則害。輔弱則傾。
 tế tắc hại, phụ nhược tắc khuynh.

故治國之道。舉直措諸枉。
 4.- Cố trị quốc chi đạo, cử trực thố chư uổng,
 其國乃安。
 kỳ quốc nãi an.

夫柱以直木爲堅。輔以直
 5.- Phù trụ dĩ trực mộc vi kiên, phụ dĩ trực
 士爲賢。直木出於幽林。直
 sĩ vi hiền Trụ mộc xuất ư u lâm, trực
 士出於衆下。
 sĩ xuất ư chúng hạ.

2- Phép trị nước giống như phép *trị mình*. Phép trị mình là cốt ở *nuôi thân* (một trong tam bửu tinh, khí, thần của đạo gia), đạo trị nước cốt ở *cất nhắc các bậc hiền tài*. Đó là nuôi thân để cầu sống, cất nhắc hiền tài để cầu yên.

3- Cho nên nước có bậc đại thần *phò tá* cũng như nhà có cây cột cái. Cột cái không thể nhỏ, *bậc phò tá không thể yếu*. Cột cái mà nhỏ thì có hại, bậc phò tá mà yếu thì nước nghiêng đổ.

4- Cho nên đạo trị nước là cất nhắc người *ngay thẳng*, sắp đặt các người *cong vạy*, thì nước ấy *bền yên ổn*.

5- Về cột cái thì dùng cây thẳng làm vững chắc, về kẻ phò tá thì dùng *kẻ sĩ ngay thẳng* làm hiền tài. Cây thẳng lấy từ rừng sâu, kẻ sĩ ngay thẳng lấy từ *hạ dân* (dân đen).

故 人 君 選 舉 。 必 求 隱 處 。

6. - Cổ nhân-quân tuyển - cử, tất cầu ẩn xứ.

。 或 有 懷 寶 迷 邦 。 匹 夫 同 位

Hoặc hữu hoài bảo mê bang, thất phu đồng vị ;

。 或 有 高 才 卓 絕 。 不 見 招 求

Hoặc hữu cao tài trác tuyệt, bất kiến chiêu cầu ;

。 或 有 忠 賢 孝 義 。 鄉 里 不 舉

Hoặc hữu trung hiền hiếu nghĩa, hương lý bất cử ;

。 或 有 隱 居 以 求 其 志 。 行 義

Hoặc hữu ẩn cư dĩ cầu kỳ chí, hành nghĩa

以 達 其 道 。

dĩ đạt kỳ đạo ;

或 有 忠 直 於 君 。 朋 黨 相 讒

Hoặc hữu trung trực ư quân, bằng đảng tương sàm.

。

堯 舉 逸 人 。 湯 招 有 莘 。 周

7. - Nghiêu cử dật nhân, Thang chiêu hữu tân, Chu-

公 采 賤 。 皆 得 其 人 。 以 致 太

Công thái tiện, giai đắc kỳ nhân, dĩ trí thái-

平 。

bình.

故 人 君 懸 賞 以 待 功 。 設 位

8. - Cổ nhân-quân huyền thưởng dĩ đãi công, thiết vị

以 待 士 。 不 曠 庶 官 。 闢 四 門

dĩ đãi sĩ, bất khoáng thứ quan, tịch tứ môn

6- Cho nên bậc Vua trong loài người khi chọn lựa cất nhắc, ắt là phải mời *kẻ ở ẩn* :

- Hoạc là *kẻ ôm giấu của quý* trong thời nước loạn, phải ở cùng thứ vị với kẻ thất phu (1).

- Hoạc *kẻ tài cao trác tuyệt*, không được thấy mặt ;

- Hoạc *kẻ trung, hiền, hiếu, nghĩa*, mà làng xóm không cất nhắc ;

- Hoạc *kẻ ẩn cư cầu chí* làm việc nghĩa để đạt đạo ;

- Hoạc *kẻ trung trực* đối với vua mà bị bè đảng đem pha.

7- Vua Nghiêu cất nhắc *kẻ ở ẩn*, vua Thành Thang mời *kẻ đã nếm trái nhiều cay đắng*, Ông Châu Công chọn lựa *kẻ hèn để dùng*, đều được người vừa ý để đem lại thái bình.

8- Cho nên bậc Vua trong loài người *treo thưởng* để đãi công lao, đặt ra các *chức vị* để đãi kẻ sĩ, nên không bỏ sót chức quan nào, mở bốn cửa để mà hưng trị, chuyên

(1) Chương Dương Hóa trong sách Luận Ngữ kể rằng Dương Hóa trách Không Tử như sau : "Hoái kỳ bửu nhi mê kỳ bang, khả vị nhân hồ ?" nghĩa là : ôm giấu của quý trong khi nước loạn, có thể gọi là kẻ có nhận hay sao ?

以興治。務立繡以聘幽隱。

dī hưng trị, vụ huyền-huân dĩ sinh u ẩn,

天下歸心。而不仁者遠矣。

thiên hạ qui tâm, nhi bất nhân giả viễn hĩ.

夫所用者非所養。所養者

9.- Phò sở dụng giả phi sở dưỡng, sở dưỡng giả

非所用。貧陋爲下。財色爲

phi sở dụng; bần lậu vi hạ, tài sắc vi

上。讒邪得志。忠直遠放。

thượng; sàm tà đắc chí, trung-trực viễn phóng;

立繡不行。焉得賢輔哉。

huyền huân bất hành, yên đắc hiền phụ tai!

若夫國危不治。民不安居

10.- Nhưc phò quốc nguy bất trị, dân bất an cư,

。此失賢之過也。夫失賢而

thử thất hiền chi quá giả. Phò thất hiền nhi

不危。得賢而不安。未之有

bất nguy, đắc hiền nhi bất an, vị chi hữu

也。

giả.

爲人擇官者亂。爲官擇人

11.- Vi nhân trạch quan giả loạn, vi quan trạch nhân

者治。是以聘賢求士。猶嫁

giả trị. Thị dĩ sinh hiền cầu sĩ, do giá.

việc *biển lựa huyền* (lựa quý) để mời kẻ ẩn dật ở chốn thâm sâu, nhờ thế mà thiên hạ có lòng trở về và kẻ bất nhân phải rời xa.

9- Kẻ được dùng không phải là kẻ được nuôi, kẻ được nuôi không phải là kẻ được dùng ; kẻ nghèo hèn thô lậu ở dưới, kẻ tài sắc ở trên ; kẻ gian tà dèm pha được đắc chí, kẻ trung trực phải đi xa ; *phép biển lựa huyền không được thi hành*, mà cầu được kẻ hiền tài đến phò tá hay sao ?

10- Ví bằng nước Ngụy không được trị yên, dân không được ở yên, đó là vì cái *lỗi lầm bỏ mất kẻ hiền tài đó*. Mất bậc nhân hiền mà không nguy, được bậc nhon hiền mà không yên, điều ấy chưa từng có.

11- Vì *người mà chọn chức quan là loạn*, vì *chức quan mà chọn người là trị*. Ấy là mời hiền, đón sĩ, giống

娶之道也。未有自嫁之女。
 thú chi đạo giá. Vĩ hữu tự giá chi nữ,
 出財爲婦。故女慕財聘而達
 xuất tài vi phụ. Cố nữ mộ tài sinh nhi đạt
 其貞。士慕立纁而達其名。
 kỳ trinh, sĩ mộ huyền-huân nhi đạt kỳ danh,
 以禮聘士。而其國乃寧矣。
 dĩ lễ sinh sĩ, nhi kỳ quốc nãi ninh hĩ.

考 黜 第 八

KHẢO TRUẤT ĐỆ BÁT

- 考黜之政。謂遷善黜惡。
1. — Khảo truất chi chính, vị thiên thiện truất ác.
- 明主在上。心昭於天。察
2. — Minh - chủ tại thượng, tâm chiếu ư thiên, sát
- 知善惡。廣及四海。不敢遺
- tri thiện ác, quảng cập tứ hải, bất cảm di
- 小國之臣。下及庶人。進用
- tiểu - quốc chí thần, hạ cập thứ - nhân, tấn dụng
- 賢良。退去貪懦。明良上下
- hiền lương, thoái khứ tham nọa, minh lương thượng hạ,
- 。企及國理。衆賢兩集此所
- xí cập quốc lý, chúng hiền vũ tập, thử sở
- 以勸善黜惡。陳之休咎。
- dĩ khuyến thiện truất ác, trần chi hưu cữu.

như việc *giả thú*. Chưa từng có gái tự gã, bỏ tiên của ra để làm vợ. Cho nên gái mướn lễ vật đi hỏi mà được chữ *trình* ; kẻ sĩ chọn phép *biếu lựa huyện* mà được cái *đanh* ; dùng lễ để mời kẻ sĩ mà nước được yên lành vậy.

THỨ TÁM : TRA XÉT, TRUẤT PHẾ

1- Phép tra xét, truất phế có nghĩa là **sửa thành tốt (cải thiện), bỏ điều xấu.**

2- Bậc Vua sáng suốt ở trên, lòng dạ sáng rực như trời, xét biết việc tốt xấu, rộng khắp bốn biển, không dám bỏ sót các quan lớn ở nước nhỏ, soi xuống tới thường dân, cử dùng bậc hiền lương, đuổi bỏ kẻ tham lam biếng nhác, khiến cho trên dưới được sáng sửa tốt lành và chờ đến khi sửa trị nước xong thì các bậc hiền tài đến tụ tập như mưa. Đó là khuyên làm điều tốt, lìa bỏ điều xấu, bày tỏ điều hay, việc dở.

故考黜之政。務知人之所

3.- Cỗ khảo truất chí chính, vụ tri nhân chí sở

苦。其苦有五：

khó. Kỳ khó hữu ngũ :

或有小吏。因公爲私。乘

Hoặc hữu tiểu lại, nhân công vi tư, thừa

姦作權。左手執戈。右手治

quyền tác gian, tả thủ chấp qua, hữu thủ trị

生。內侵於官。外採於民。

sinh, nội xâm ư quan, ngoại thái ư dân,

此所苦一也。

thử sở khó nhất giả.

或有過重罰輕。法令不均

Hoặc hữu quá trọng phạt khinh, pháp lệnh bất quân,

。無罪被辜。以致滅身。或

vô tội bị cô, dĩ trí diệt thân, Hoặc

有重罪得寬。扶強抑弱。加

hữu trọng tội đắc khoan, phù cường ức nhược, gia

以嚴刑。枉責其情。此所苦

dĩ nghiêm hình, uổng trách kỳ tình, thử sở khó

二也。

nhị giả.

或有妄罪惡之吏。害告訴

Hoặc hữu vông tội ác chí lại, hại cáo tố

3- Cho nên phép tra xét, truất phế cốt là **biết cái khổ của người**. Những cái khổ ấy có năm thứ :

1) Hoặc có viên chức nhỏ, nhân việc công mà làm việc tư, thừa dịp được quyền hành mà làm việc gian tà, tay trái cầm binh khí, tay mặt làm việc để sinh lợi riêng, bên trong xâm phạm tới quan trên, bên ngoài bòn rút của dân, đó là **cái khổ thứ nhất** đó ;

2) Hoặc có kẻ làm lỗi nặng mà chỉ bị phạt nhẹ, pháp lệnh không công bằng, vô tội mà phải chịu tội, đến nỗi thân thể bị tàn diệt. Hoặc có kẻ có tội nặng mà được khoan dung, giúp mạnh hiếp yếu, lại thêm hình phạt nghiêm khắc, trách cứ tình lý không đúng, đó là **cái khổ thứ hai**.

3) Hoặc có viên chức nhỏ có tội làm bảy ba, gặp trường hợp người bị tố cáo oan uổng, mà không chịu nghe

之 人 。 斷 絕 語 辭 。 蔽 藏 其 情
chi nhân, đoạn tuyệt ngữ từ, tế tàng kỳ tình,
。 掠 劫 亡 命 。 其 枉 不 常 。 此
lược kiếp vong mạng, kỳ uổng bất thường, thử
所 苦 三 也 。

或 有 長 吏 數 易 。 守 宰 兼 佐
Hoặc hữu trường lại số di, thủ tể kiêm tá,
。 爲 政 阿 私 。 所 親 枉 尅 。 所
vi chính a tư, sở thân uổng khác, sở-
恨 逼 切 , 爲 行 偏 頗 。 不 承 法
hận bức - thiết, vi hành thiên phá, bất thừa pháp
制 。 更 因 賦 歛 。 傍 課 採 利 。
chế, cánh nhân phú liễm, bàng khóa thái lợi,
送 故 待 新 。 賁 緣 徵 發 。 詐 僞
tống cố đãi tân, dãn duyên trưng phát, trá ngụy
儲 備 。 以 成 家 產 。 此 所 苦 四
trù - bị, dĩ thành gia - sản, thử sở khổ tứ
也 。

或 有 縣 官 慕 功 。 賞 罰 之 際
Hoặc hữu huyện - quan mộ công, thưởng phạt chi tế,
。 利 人 之 事 。 買 賣 之 費 。 多
lợi nhân chí sự, mại mại chí phí, đa

người ấy nói năng giải bày, lại *che đậy tình tiết*, *bất bớ bóc lột* làm cho kẻ ấy phải vong mạng, việc oan uổng ấy bất thường, đó là **cái khổ thứ ba**.

4) Hoặc có *nhiều quan lớn* giữ chức trọng yếu, *kiêm* việc phò Vua, trông coi việc chính trị mà *tính lợi riêng*, *đối với người thân thì cư xử công way* (thiên lệch) *đối với người thù thì bức thiết* (bức bách hành hạ), làm việc quan thì *so sài cấu thả*, không theo pháp chế, lại nhân việc *thâu thuế má* mà lấy lợi riêng, *đuổi cũ dãi mới*, *kết bè đảng với người cùng việc để chi thu tùy ý*, làm việc giả dối sắp đặt sẵn sàng để *đối thành của nhà*, đó là **cái khổ thứ tư**.

5) Hoặc có quan huyện tham công, khi coi việc thưởng phạt, việc công ích, sự phí tổn mua bán, nhiều việc đo

所裁量。專其價數。民失其
sở tài lượng, chuyên kỳ giá số, dân thất kỳ

職。此所苦五也。
chức; thử sở khổ ngũ giã.

凡此五事。民之五害。有
4. — Phàm thử ngũ sự, dân chi ngũ hại, hữu

如此者，不可不黜。無此五
như thử giã, bất khả bất truất, vô thử ngũ

者，不可不遷。
giã, bất khả bất thiên.

故書云：三載考績，三考
5. — Cổ Thư vân : Tam tải khảo tích, tam khảo

黜陟幽明。
truất trắc u minh.

治軍第九

TRỊ QUÂN ĐỆ CỬU

治軍之政。謂治邊境之事
1. — Trị quân chi chính, vị trị biên cảnh chi sự,

。匡救大亂之道。以威武爲
khương cứu đại loạn chi đạo, dĩ uy vũ vi

政。誅暴討逆。所以存國家
chính, tru bạo thảo nghịch, sở dĩ tồn quốc gia,

，安社稷之計。
an xã tắc chi kế.

hùng, thì tự chuyên về giá cả và số lượng, làm cho dân thất nghiệp, do là **cái khổ thứ năm**.

4- Nam việc ấy là năm điều hại dân, có việc xảy ra như thế thì không thể không phế bỏ, nếu không có như thế thì không thể không thăng thưởng.

5- Cho nên **Kinh Thu** có nói : Ba lần xét công lao, ba lần xét để truất phế, thăng thưởng, thì sự sáng tối bày ra rõ ràng.

THỨ CHÍN : TRỊ QUÂN

1- Việc **trị quân** là việc coi biên cảnh, là đạo cứu nước trong cơn loạn lộn, lấy uy vũ làm phép tắc, đánh dẹp kẻ bạo nghịch để giữ nước nhà bền vững, là kế trị yên xã tắc.

是以有文事必有武備。故
 2.- Thì dĩ hữu văn sự, tất hữu vũ bị. Cố
 含血之蟲。必有爪牙之用。
 hàm huyết chi trùng, tất hữu trảo nha chi dụng,
 喜則共戲。怒則相害。人無
 hỷ tắc cộng hý, nộ tắc tương hại. Nhân vô
 爪牙。故設兵革之器。以自
 trảo nha, cố thiết binh-cách chi khí, dĩ tự
 輔衛。故國以軍爲輔。君以
 phụ vệ. Cố quốc dĩ quân vi phụ, quân dĩ
 臣爲佐。
 thần vi tể.

輔強則國安。輔弱則國危
 3.- Phụ cường tắc quốc an, phụ nhược tắc quốc nguy,
 。在於所任之將也。
 tại ư sở nhiệm chi tướng giả.
 非民之將。非國之輔。非
 4.- Phi dân chi tướng, phi quốc chi phụ, phi
 軍之主。
 quân chí chủ.

故治國以文爲政。治軍以
 5.- Cố trị quốc dĩ văn vi chính, trị quân dĩ
 武爲計。
 vũ vi kế.

治國不可以不從外。治軍
 6.- Trị quốc bất khả dĩ bất tùng ngoại, trị quân

2- Đó là đã có văn thì phải có võ. Cho nên con vật uống máu át phải có nanh vuốt, vui thì cùng chơi, giận thì hại nhau. Con người không có nanh vuốt nên mới bày ra *bình khí* để mà tự vệ. Cho nên nước nhà dùng *quân đội* để phụ trợ, Vua dùng *bê tôi* để phò tá.

3- Kẻ phụ trợ mạnh thì nước yên, kẻ phụ trợ yếu thì nước nguy, đó là do cách bổ nhiệm tướng sứ.

4- Chẳng có dân nào mà không có *tướng*, chẳng có nước nào mà không có *bê tôi phò tá*, chẳng có quân đội nào mà không có *chủ*.

5- Cho nên muốn trị nước thì lấy *văn* làm phép tắc, muốn trị quân thì lấy *vô* làm mưu kế.

6- Trị nước không thể không theo ngoài, trị quân

不 可 以 不 從 內 。 內 謂 諸 夏 。

bất khả dĩ bất tùng nội. Nội vị chư hạ,

外 謂 戎 狄 。 戎 狄 之 人 。 難 以

ngoại vị nhưng địch, Nhưng địch chi nhân, nan dĩ

禮 化 。 易 以 威 服 。

lễ hóa, dĩ dĩ uy phục.

禮 有 所 任 。 威 有 所 施 。 是

7.- Lễ hữu sở nhiệm, uy hữu sở thi: Thị

以 黃 帝 戰 於 涿 鹿 之 野 。 唐 堯

dĩ Huỳnh-Đế chiến ư Trác-Lạc chi dã, Đường Nghiêu

戰 於 丹 浦 之 水 。 舜 伐 有 苗 。

chiến ư Đan-Phủ chi thủy, Thuần phạt Hữu-Miêu,

禹 討 有 扈 。

Vũ thảo Hữu-Hỗ.

自 五 帝 三 王 至 聖 之 主 。 德

8.- Tự Ngũ - Đế, Tam-Vương chí thánh chí chúa, đức

化 如 斯 。 尚 加 之 以 威 武 。 故

hóa như tư, thượng gia chi dĩ uy - vũ, Cố

兵 者 凶 器 。 不 得 已 而 用 之 。

bình giả hung khí, bất đắc dĩ nhi dụng chi,

夫 用 兵 之 道 。 先 定 其 謀 。

9.- Phù dụng binh chi đạo, tiên định kỳ mưu,

然 後 乃 施 其 事 。 審 天 地 之 道

nhĩên hậu nãi thi kỳ sự, thẩm thiên địa chi đạo,

。 察 衆 人 之 心 。 習 兵 革 之 器

sát chúng nhân chi tâm, tập binh - cách chí khí,

không thể không theo trong. Trong là *trầm họ* trong nước (1), ngoài là *rợ nhung* (phía tây) và *rợ địch* (phía bắc). Rợ nhung, rợ địch khó lấy lễ mà giáo hóa, dễ lấy uy vũ mà khác phục.

7- *Lễ nghi* áp dụng tùy nơi, *uy vũ* thì thố tùy chỗ : đó là trường hợp Vua *Huỳnh Đế* đánh dẹp tại vùng Trác Lộc, Vua *Nghiêu* đời Đường đánh dẹp tại sông Đan Phố, Vua *Thuấn* đánh rợ *Hữu Miêu*, Vua *Vũ* dẹp rợ *Hữu Hồ*.

8- Các Chúa Thánh từ đời *Ngũ Đế*, *Tam Vương*, đều dùng đức mà cảm hóa như vậy, ngoài ra mới dùng uy vũ. Cho nên việc binh là *việc dữ*, cực chẳng đã mới dùng.

9- Về **đạo dùng binh** thì trước hết *định mưu kế*, rồi sau mới thi hành việc binh, tìm hiểu đạo trời đất, xét

(1) Hạ trong nước

。 明 賞 罰 之 理 。 觀 敵 衆 之 謀
minh thưởng phạt chí lý, quan địch chúng chí mưu,

。 視 道 路 之 險 。 別 安 危 之 處
thị đạo lộ chí hiểm, biệt an nguy chí xứ,

。 占 主 客 之 情 。 知 進 退 之 宜
chiếm chủ khách chí tình, tri tấn thoái chí nghi,

。 順 機 會 之 時 。 設 守 禦 之 備
thuận cơ hội chí thời, thiết thủ ngự chí bị,

。 強 征 伐 之 勢 。 揚 士 卒 之 能
cường chinh phạt chí thế, dương sĩ tốt chí năng,

。 圖 成 敗 之 計 。 慮 生 死 之 事
đồ thành bại chí kế, lự sinh tử chí sự,

。 然 後 乃 可 出 軍 任 將 。 張 擒
nhiên hậu nãi khả xuất quân nhiệm tướng, trường cầm

敵 之 勢 。 此 爲 軍 之 大 略 也 。
địch chí thế, thử vi quân chí đại lược giã,

夫 將 者 。 人 之 司 命 。 國 之
10. - Phù tướng giã, nhân chi tư mệnh, quốc chi

利 器 。 先 定 其 計 。 然 後 乃 行
lợi khí, tiên định kỳ kế, nhiên hậu nãi hành

其 令 。 若 漂 水 暴 流 。 其 獲 若
kỳ lệnh, nhược phiêu thủy bạo lưu, kỳ hoạch nhược

鷹 隼 之 擊 物 。 靜 若 弓 弩 之 張
ưng chuồn chi kích vật, tĩnh nhược cung nỏ chí trương,

。 動 如 機 關 之 發 。 所 向 者 破
động như cơ - quan chí phát, sở hướng giả phá,

*lòng người, tập sức dụng binh khí, hiểu rõ lý thưởng phạt, quan sát mưu kế của địch, xét các chỗ đường sá hiểm trở, phân biệt các nơi an nguy, xem tình thế chủ khách, biết khi nào nên tới, nên lui, thuận theo cơ hội, sắp đặt chuẩn bị việc phòng ngự, tăng cường cái thế chinh phạt, nâng cao năng lực của sĩ tốt, lo toan việc sống chết, rồi sau mới ra quân dùng tướng, mở rộng cái thế bất địch, đó là tóm tắt sơ lược **phép cầm binh**.*

10. Bậc **tuớng** **súy** cầm vận mệnh của nhân dân, là khu cù sào bên của nước nhà, *trước hết hoạch định mưu kế, rồi sau ban hành mệnh lệnh, giống như là chim ưng, chum chuẩn chụp mồi, lạng lẽ giống như cung nỏ trương*

。而勁敵自滅。
nhí kình địch tự diệt.

11. - 將無思慮。士無氣勢，不
Tướng vô tư lự, sĩ vô khí thế, bất
齊其心，而專其謀。雖有百
lẽ kỳ tâm, nhi chuyên kỳ mưu, tuy hữu bách

萬之衆。而敵不懼矣。
vạn chi chúng, nhi địch bất cù hỹ.

12. - 非讐不怨。非敵不戰。
Phi thù bất oán, phi địch bất chiến.

13. - 工非魯般之目。無以見其
Công phi Lỗ Ban chi mục, vô dĩ kiến kỳ
功巧。戰非孫武之謀。無以
công xảo; chiến phi Tôn Vũ chi mưu, vô dĩ

出其計運。
xuất kỳ kế vận.

14. - 夫計謀欲密。攻敵欲疾。
Phù kế mưu dục mật, công địch dục tấp.

獲若鷹擊。戰如河決。則兵
hoạch nhưc ưng kích, chiến như hà quyết, tắc binh
未勞而敵自散。此用兵之勢
vì lao nhi địch tự tán, thử dụng binh chi thế

也。
giã.

15. - 故善戰者不怒。善勝者不
Cố thiện chiến giả bất nộ, thiện thắng giả bất
懼。是以智者先勝。而後求
cù. Thĩ dĩ trí giả tiên thắng, nhi hậu cầu

sẵn, chuyển động như máy móc phát chạy, hướng vào chỗ nào thì phá hủy chỗ ấy mà kẻ kinh địch phải tự diệt.

11- *Tướng không lo nghĩ, sĩ tốt không có thể mạnh và không đồng lòng, mà chỉ chuyên dùng mưu kế, dầu có binh trăm vạn, cũng không làm cho địch sợ hãi.*

12- *Không thù nghịch thì chẳng oán hận, không phải mưu địch thì chẳng nên đánh.*

13- Xét về **công trình** nếu chẳng có *mắt của Lỗ ban* thì không biết lấy gì để trông thấy sự tinh xảo ; xét về **chiến đấu** nếu không có *mưu trí của Tôn Vũ* thì không biết lấy gì để thi thố, vận dụng kế hoạch.

14- Mưu kế cần phải *mật nhem*, đánh địch cần phải *mau chóng*, bắt địch như chim ưng chụp mồi, đánh phá như nước vỡ bờ, ắt là binh lính chưa mệt mà quân địch phải tự tan vỡ, đó là *thế dùng binh*.

15- Cho nên kẻ giỏi đánh thì *không giận*, kẻ giỏi thắng thì *không sợ*. Vì thế cho nên *bậc trí thức trước đã thắng rồi sau mới mong đánh, kẻ ngu độn trước phải đánh rồi sau mới mong thắng*.

- 戰。聞者先戰。而後求勝。
chiến, am giả tiên chiến, nhi hậu cầu thắng.
- 勝者隨道而修途。敗者斜
16. - Thắng giả tùy đạo nhi tu đồ, bại giả tà
行而失路。此送順之計也。
hành nhi thất lộ, thử nghịch thuận chi kế giả.
- 將服其威。士專其力。
17. - Tướng phục kỳ uy, sĩ chuyên kỳ lực.
- 勢不虛動。運如圓石。從
18. - Thế bất hư động, vận như viên thạch, tông
- 高墮下。所向者碎。不可救
cao đoạ hạ, sở hướng giả toái, bất khả cứu
- 止。是以無敵於前。無敵於
chi, thị dĩ vô địch ư tiền, vô địch ư
- 後。此用兵之勢也。
hậu, thử dụng binh chi thế giả.
- 故軍以奇計爲謀。以絕智
19. - Cố quân dĩ kỳ - kế vi mưu, dĩ tuyệt trí
爲主。
vi chủ.
- 能柔能剛。能弱能強。能
20. - Năng nhu năng cương, năng nhược năng cường, năng
- 存能亡。
tồn năng vong.
- 疾如風雨。舒如江海。不
21. - Tật như phong vũ, thư như giang hải, bất
- 動如泰山。難知如陰陽。無
động như Thái-Sơn, nan tri như âm dương, vô

16- Người thắng theo đạo lý mà sửa chữa đường lối, kẻ bại hành động tà vạy nên lạc lối, đó là kế thuận lý hay nghịch lý đó.

17- Bạc tướng sỹ phải làm cho người phục uy vũ của mình, kẻ sĩ tốt phải chuyên cần tập luyện cho mạnh mẽ.

18- Binh thế chẳng nên chấn động vô ích, phải vận chuyển như đá tròn từ cao rơi xuống, hướng vào chỗ nào thì phá vỡ chỗ ấy, không thể cứu ngăn được. Như thế dễ mà trước mặt không ai địch lại, sau lưng không ai địch lại, đó là thế dùng binh.

19- Cho nên việc quân lấy kế hoạch lạ lùng làm mưu mô, lấy trí thức tuyệt diệu làm chủ chốt.

20- Mềm được cứng được, yếu được mạnh được, còn được mất được.

窮如地。充實如天。不竭如
 cùng như địa, sung thực như thiên, bất kiệt như
 江河。終始如三光。生死如
 giang hà, chung thủy như tam quang, sinh tử như
 四時。衰旺如五行。奇正相
 tứ thời, suy vượng như ngũ hành, kỳ chính tương
 生而不可窮。
 sinh nhi bất khả cùng.

22. - 故軍以糧食爲本。兵以奇
 Cổ quân dĩ lương thực vi bản, binh dĩ kỳ
 正爲始。器械爲用。委積爲
 chính vi thủy, khí giới vi dụng, ủy tích vi
 備。
 bị.

23. - 故國困於貴買。貧於遠輸
 Cổ quốc khốn ư quý mãi, bần ư viễn du,
 。攻不可再。戰不可三。量
 công bất khả tái, chiến bất khả tam, lượng

力而用。用多則費罷。
 lực nhi dụng, dụng đa tắc phí bãi.
 24. - 去無益則國可寧也。罷去
 Khử vô ích tắc quốc khả ninh giả, bãi khứ
 無能。則國可利也。
 vô năng, tắc quốc khả lợi giả.

25. - 夫善攻者。敵不知其所守
 Phù thiện công giả, địch bất tri kỳ sở thủ

21- *Mau chóng như gió như mưa, thư thả như sông như biển, yên lặng như Thái Sơn, khô hiểu như âm dương, vô cùng như đất đai, đầy đủ như trời, không bao giờ hết như nước sông ngòi, có đầu có đuôi như tam quang (mặt trời, trăng, sao), sống chết như bốn mùa, suy vượng như ngũ hành, phép kỳ (bất thường, lạ lùng) và phép chính (thường dùng) sinh nhau mà không bao giờ hết.*

22- Cho nên quân đội lấy *lượng thực* làm gốc, binh pháp lấy *kỳ, chính* làm đầu, lấy khí giới để áp dụng, lo tích trữ để phòng bị.

23- Cho nên nước nhà khốn đốn vì vật dụng đắt đỏ, nghèo nàn vì chuyển quân đi xa. *Không thể công phá hai lần, không thể chiến đấu ba lần.* Đo lường sức mạnh mà dùng, dùng nhiều ắt là tổn kém, mau hết.

24- *Trừ khử cái vô ích* thì nước nhà trở nên tốt lành, *đuổi bỏ kẻ bất tài*, ắt là nước nhà được lợi ích.

善守者。敵不知其所攻。
thiện thủ giả, địch bất tri kỳ sở công.
 故善攻者。不以兵革。善守
Cố thiện công giả, bất dĩ binh cách, thiện thủ
 者。不以城郭。是以高城深
giả, bất dĩ thành quách. Thị dĩ cao thành thâm
 池。不足以為固。堅甲銳兵
trì, bất túc dĩ vi cố, kiên giáp nhuệ binh
 不足以為強。
bất túc dĩ vi cường.
 敵欲固守。攻其無備。敵
26.- Địch dục cố thủ, công kỳ vô bị, địch
 欲興陣。出其不意。
dục hưng trận, xuất kỳ bất ý.
 我往敵來。謹設所居。我
27.- Ngã vãng địch lai, cẩn thiết sở cư, Ngã
 起敵止。攻其左右。
khởi địch chí, công kỳ tả hữu,
 量其合敵。先擊其實。不
28.- Lượng kỳ hợp địch, tiên kích kỳ thực, bất
 知守地。不知戰日。
trì thủ địa, bất tri chiến nhật.
 可備者衆。則專備者寡。
29.- Khả bị giả chúng, tác chuyên bị giả quả.
 以慮相備。強弱相攻。勇怯
Dĩ lự tương bị, cường nhược tương công, dũng khiếp
 相助。前後相赴。左右相趨
tương trợ, tiền hậu tương phó, tả hữu tương xu,

25- Kẻ đánh phá giỏi thì quân địch *không biết nơi nào mà giữ, kẻ giữ gìn giỏi thì quân địch không biết nơi nào mà đánh*. Cho nên kẻ đánh phá giỏi *không cần dùng binh khi, kẻ giữ gìn giỏi không cần dùng thành quách*. Đó là thành cao, hào sâu không đủ làm vững chắc, giáp cứng binh giỏi không đủ làm mạnh mẽ.

26- Địch muốn giữ vững thì ta đánh chúng *lúc không phòng bị, địch lập trận thì ta đánh chúng lúc bất ngờ*.

27- Ta đi thì địch đến, cẩn thận sắp đặt chỗ ở. Ta khởi đánh thì địch dừng lại, *ta bèn đánh ở hai bên hông phải và trái*.

28- Ta *tình (trước) người gặp địch, đánh trước vào chỗ có thực của chúng* thì chúng không biết đất giữ, không biết ngày đánh.

29- *Biết phòng bị, (tức là cũng như) có nhiều người, ắt là chuyên chỉ phòng bị thì sẽ thiếu người*. Lấy điều lo lắng để phòng bị cho nhau, xét sự mạnh yếu để cùng đánh, xét sự dũng khiếp để giúp nhau, *đăng trước và đăng sau phải cùng đi theo một hướng, hai bên phải và*

。如常山之蛇。首尾俱到。
như Thường-Sơn chi xà, thủ vĩ câu đáo,

此救兵之道也。
thử cứu binh chi đạo giã,

故勝者全威，謀之於身。
30.— Cổ thắng giả toàn uy, mưu chi ư thân,

知地形勢。不可豫言。議之
tri địa hình thế bất khả dự ngôn, nghị chi

知其得失。詐之知其安危。
tri kỳ đắc thất, trá chi tri kỳ an nguy,

計之知其多寡。形之知其生
kế chi tri kỳ đa quả, hình chi tri kỳ sinh

死。慮之知其苦樂。謀之知
tử, lự chi tri kỳ khổ lạc, mưu chi tri

其善備。
kỳ thiện bị.

故兵從生擊死。避實擊虛。
31.— Cổ binh tùng sinh kích tử, ty thực kích hư,

山陵之戰。不仰其高。
32.— Sơn lăng chi chiến, bất ngưỡng kỳ cao,

水上之戰。不逆其流。
Thủy thượng chi chiến, bất nghịch kỳ lưu,

草上之戰。不涉其深。
Thảo thượng chi chiến, bất thiệp kỳ thâm,

平地之戰。不逆其虛。
Bình địa chi chiến, bất nghịch kỳ hư,

道上之戰。不逆其孤。
Đạo thượng chi chiến, bất nghịch kỳ cô,

trái, cùng đi theo một chiều như rắn Thường Sơn, đầu đuôi cùng đến, đó là phép tiếp cứu của quân đội.

30- Cho nên *ké thắng thế*, ắt phải có uy vũ hoàn toàn, *tự riêng mình lập mưu kế*, biết hình thế đất đai, *không thể nói trước cho người biết*, bàn luận mà biết hơn thua, *địch giả dối mà mình cũng biết chúng yên hay nguy*, tính toán mà *biết quân địch nhiều hay ít*, xem hình trạng của địch mà *biết địch có thể sống hay chết*, xem cách địch lo liệu mà *biết chúng sướng hay khổ*, xem cách địch mưu đồ mà biết chúng tài giỏi sung túc như thế nào.

31- Cho nên phép cầm binh là *theo sống mà đánh chết, tránh thực mà đánh hư* (1).

- 32- 1) Đánh tại núi đồi thì *không đánh lên*,
2) Đánh dưới nước thì *không đi ngược dòng*,
3) Đánh trong vùng lau cỏ thì *không lợi qua chỗ sâu*,
4) Đánh tại đất bằng thì *không đi ngược vào chỗ trống trái*,

5) Đánh trên đường thì *không đi ngược vào chỗ đường chéo* (độc đạo).

- (1) Ta ở thế sống mà đánh địch ở thế chết, ta tránh chỗ mạnh của địch mà đánh vào chỗ yếu của địch

此五者，兵之利，地之所
Thử ngũ giả, binh chí lợi, địa chí sở

助也。

trợ giả.

33. — 夫軍成於用勢。敗於謀漏
Phù quân thành ư dụng thế, bại ư mưu lậu

飢於遠輸。渴於躬井。

Cơ ư viễn du, khát ư cung tỉnh,

勞於煩擾。佚於安靜。

Lao ư phiền nhiễu, dật ư an tĩnh,

疑於不戰。惑於見利。

Nghi ư bất chiến, hoặc ư kiến lợi,

退於刑罰。進於賞賜。

Thoái ư hình phạt, tấn ư thưởng túc,

弱於見逼。強於用勢。

Nhược ư kiến bức, cường ư dụng thế,

困於見圍。懼於先至。

Khốn ư kiến vi, cụ ư tiên chí,

驚於夜呼。亂於闇昧。

Kinh ư dạ hô, loạn ư ám muội,

迷於失道。窮於絕地。

Mê ư thất đạo, cùng ư tuyệt địa,

失於暴卒。得於預計。

Thất ư bạo thốt, đắc ư dự kế,

故立旌旗以視其目。

34. — Cố lập tinh kỳ dĩ thị kỳ mục,

Năm điều ấy là những chỗ *lợi ích của binh pháp*,
chỗ hỗ trợ của đất đai.

33- Việc quân :

- Thành công nhờ *cách dùng thế*, bại vong vì *muu*
kế tiết lậu.

- Đói vì *đi xa*, khát vì *hết giếng*,
- Mệt vì *phiên nhiều*, nhàn rồi nhờ *yên tĩnh*,
- Nghi vì *không đánh*, ngờ vì *thấy lợi*,
- Lui vì *sợ hình phạt*, tới vì *được ban thưởng*,
- Yếu vì *thấy bị hiếp bức*, mạnh nhờ *dùng thế*,
- Khốn vì *bị vây*, lo vì *tới trước*,
- Sợ vì *đêm nghe tiếng la*, loạn vì *sự ám muội*,
- Mê mờ vì **trái đạo**, cùng khốn vì vào **đất chết**.
- Thua vì *hung ác*, được nhờ *tình trước*.

34- Cho nên :

- Đặt ra cớ *xí để* **mắt thấy rõ** :

擊金鼓以鳴其耳。

Kích kim cổ dĩ minh kỳ nhĩ,

設斧鉞以齊其心。

Thiết phủ việt dĩ tề kỳ tâm,

陳教令以同其道。

Trần giáo-lệnh dĩ đồng kỳ đạo,

興賞賜以勸其功。

Hưng thưởng tứ dĩ khuyến kỳ công,

行誅伐以防其僞。

Hành tru phạt dĩ phòng kỳ ngụy,

晝戰不相聞。旌旗爲之舉

35. - Trú chiến bất tương văn, tinh kỳ vi chi cử,

夜戰不相見。火鼓爲之起

Đạ chiến bất tương kiến, hỏa cổ vi chi khởi,

教令有不從。斧鉞爲之使

Giáo lệnh hữu bất tòng, phủ việt vi chi sử,

不知九地之便。則不知九

36. - Bất tri cửu địa chi tiện, tắc bất tri cửu

變之道。

biến chi đạo,

天之陰陽。地之形名。人

37. - Thiên chi âm dương, địa chi hình danh, nhân

之腹心。知此三者。獲處其

chi phúc tâm, tri thử tam giả, hoạch xử kỳ

功。

công

- Đánh *chiêng trống* để tai nghe rõ ;
- Đặt ra *riêu búa* để lòng người đồng nhất ;
- Bày rõ *giáo lệnh* để mọi người cùng theo một đạo lý chung ;

- Nêu cao sự *ban thưởng* để khuyến khích công lao,
- Thi hành việc *trừ giết* để phòng sự giả dối,

35- Đánh ngày mà không nghe nhau thì *dơ cờ xí* làm dấu hiệu.

- Đánh đêm không thấy nhau thì *nối lửa, đánh trống*.

Lệnh dạy không nghe theo thì sử dụng *búa riêu* để trừng phạt.

36- Không biết điều tiện lợi của *chín thế đất* (1) ắt không biết *chín cách biến hóa* (2).

37- *Tính chất âm dương của trời, hình tên của đất đai, lòng dạ của con người*, biết được ba điều ấy thì *thâu hoạch thành công*.

(1) Chín thế đất (cửu địa) là :

- Tấn địa : đất mà binh nhà dễ tan vỡ ;
- Khinh địa : đất gần với nước mình ;
- Tranh địa : đất lợi, hai bên đều tranh chiếm ;
- Giao địa : đất mà hai bên đều đến được ;
- Cử địa : đất yết hầu dính với nhiều nước ;
- Trọng địa : đất ở sâu vào nước địch ;
- Ty địa : đất lối lõm, hiểm trở ;
- Vĩ địa : đất dễ bị vây đánh úp ;
- Tử địa : đất danh lâu thì chết

(2) Chín cách biến hóa (cửu biến) là : Mưu có lúc không dùng ; Lợi, có lúc không lấy ; Quân địch, có lúc không đánh ; Đất đai, có lúc không tranh ; Binh pháp, có lúc không giữ đúng ; Giao chiến có lúc không hợp ; Đường, có lúc không đi theo ; Thánh, có lúc không phá ; Lệnh vua, có lúc không tuân

38. — 知 其 士 乃 知 其 敵 • 不 知 其 其
 Trī kỳ sĩ nāi trī kỳ địch. Bất trī kỳ
 士 則 不 知 其 敵 。 不 知 其 敵 ,
 sĩ tắc bất trī kỳ địch. Bất trī kỳ địch,
 每 戰 必 殆 。 故 軍 之 所 擊 。 必
 mỗi chiến tất dãi. Cố quân chi sở kích, tất
 先 知 其 左 右 士 卒 之 心 。 五 間
 tiên trī kỳ tả hữu sĩ tốt chi tâm, ngũ gián
 之 道 。
 chí đạo.

39. — 軍 之 所 親 。 將 之 所 厚 。 非
 Quân chi sở thân, tướng chi sở hậu, phi
 聖 智 不 能 用 。 非 人 賢 不 能 使
 thánh trí bất năng dụng, phi nhân hiên bất năng sử,
 五 間 得 其 情 。 則 民 可 用 。
 Ngũ gián đắc kỳ tình, tắc dân khả dụng,

40. — 國 可 長 保 。
 quốc khả trường bảo.

41. — 故 兵 求 生 則 備 。 不 得 已 則
 Cố binh cầu sinh tắc bị, bất đắc dĩ tắc
 闕 。 靜 以 理 安 。 動 以 理 威 。
 dấu, tĩnh dĩ lý an, động dĩ lý uy,
 無 恃 敵 之 不 至 。 恃 吾 之 不 可
 vô恃 địch chi bất chí,恃 ngô chi bất khả
 擊 。 以 近 待 遠 。 以 逸 待 勞 。
 kích, dĩ cận dãi viễn, dĩ dật dãi lao,
 以 飽 待 飢 。 以 實 待 虛 。 以 生
 dĩ bảo dãi cơ, dĩ thực dãi hư, dĩ sinh

38- *Biết được sĩ tốt của mình thì biết được quân địch. Không biết sĩ tốt của mình thì không biết quân địch. Không biết quân địch, mỗi lần đánh ắt thiệt hại. Cho nên khi đem quân đánh phá, trước hết phải biết lòng dạ của sĩ tốt và biết năm cách dùng gián điệp.* (1)

39- Điều mà quân sĩ yêu mến, mà tướng sùỵ coi xem trọng hậu, nếu không có thánh trí thì không dùng được, nếu không phải nhân hiền thì không thể sai khiến.

40- *Phép ngũ gián* mà được hợp tình ắt là dân chúng có thể sử dụng, nước nhà có thể bảo tồn lâu dài.

41- Cho nên binh muốn sống thì phải *chuẩn bị, bất đắc dĩ mới đánh nhau, cần lặng lẽ để được yên ổn, cần hoạt động để tỏ uy vũ, không cậy vào sự địch không đến, mà nên cậy vào sự địch không thể đánh ta được, dùng binh gần để chờ đánh binh xa, dùng binh an nhàn để chờ đánh binh nhọc mệt, dùng binh no để chờ đánh binh đói, dùng chỗ thực có của mình để đánh vào chỗ khiếm*

(1) *Năm cách dùng gián điệp (ngũ gián) là :*

Dùng người trong hàng ngũ của địch, hoặc đồng hương với quân địch (nhân gián)

Dùng quan viên thất thế của địch (nội gián)

Dùng lại gián điệp của địch (phản gián)

Dùng gián điệp quyết chết (tử gián)

Dùng gián điệp có địa vị, thế lực không thể lâm nguy mà chết (sinh gián)

待死。以衆待寡。以旺待衰。
 dai tử, dĩ chúng dai quǎ dĩ vượng dai suy,
 。以伏待來。整整之旌。堂
 dĩ phục dĩ lai, chỉnh chỉnh chi tinh, đường
 堂之鼓。當順其前。而覆其
 đường chi cổ, đương thuận kỳ tiền, nhi phục kỳ
 後。固其險阻。而營其表。
 hậu, cố kỳ hiểm trở, nhi doanh kỳ biểu,
 委之以利。柔之以害。此治
 ủy chi dĩ lợi, nhu chi dĩ hại, thử trị
 軍之道備矣。
 quân chi đạo bị hĩ.

賞 罰 第 十

THƯỜNG PHẠT ĐỆ THẬP

- 賞 罰 之 政 。 謂 賞 善 罰 惡 也
 1. — Thường phạt chi chính, vị thưởng thiện phạt ác giả.
 。 賞 以 興 功 。 罰 以 禁 姦 。
 Thường dĩ ưng công, phạt dĩ cấm gian.
 賞 不 可 不 平 。 罰 不 可 不 均
 2. — Thường bất khả bất bình, phạt bất khả bất quân.
 賞 賜 知 其 所 施 。 則 勇 士 知
 3. — Thường tứ tri kỳ sở thi, tắc dũng sĩ tri
 其 所 死 。 刑 罰 知 其 所 加 。 則
 kỳ sở tử. Hình - phạt tri kỳ sở gia, tắc
 邪 惡 知 其 所 畏
 tà ác tri kỳ sở úy.

khuyết của người, dùng binh sống để chờ đánh binh chết (1) dùng binh nhiều để chờ đánh binh ít, dùng binh vượng để chờ đánh binh suy, dùng binh ẩn nấp để chờ đánh binh đang đến, chờ xí ngay ngắn, chiêm trống chừng chạc, đang theo ở đằng trước mà lật ngược ra đằng sau, giữ vững các chỗ hiểm trở để xây dựng bề thế bên ngoài, lấy điều lợi để khuyến dụ địch, lấy điều hại để làm cho địch mềm yếu (thoái nhượng) đó là phép trị quân đầy đủ.

THỨ MƯỜI : THƯỜNG PHẠT

1- Phép tác của sự thưởng phạt là *thưởng điều thiện, phạt điều ác*. Thưởng để nêu cao công lao, phạt để ngăn cản điều gian tà.

2- Thưởng thì không thể không công bằng, phạt thì không thể không đồng đều.

3- Sự ban thưởng biết chỗ mà thi hành ắt là dùng sĩ biết nơi mà liêu chết. Hình phạt biết chỗ mà áp dụng ắt là kẻ tà ác biết nơi mà kiêng sợ.

(1) Dùng binh ở thế sống để chờ đánh binh ở thế chết

故賞不可虛施。罰不可妄
 4.- Cỗ thưởng bất khả hư thi, phạt bất khả vông
 加。賞虛施則勞臣怨。罰妄
 gia, Thưởng hư thi tắc lao thần oán, phạt vông
 加則直士恨。是以羊羹有不
 gia tắc trực sĩ hận. Thi dĩ Dương-Canh hữu bất
 均之害。楚王有信讒之敗。
 quân chi hại, Sở-Vương hữu tín sàm chi bại.

夫將專持生殺之威。必生
 5.- Phủ tướng chuyên trì sinh sát chi uy, tất sinh
 可殺。必殺可生。忿怒不詳
 khả sát, tất sát khả sinh, phẫn nộ bất tường,
 。罰賞不明。教令不常。以
 phạt thưởng bất minh, giáo lệnh bất thường, dĩ
 私爲公。此國之五危也。
 tư vi công, thử quốc chi ngũ nguy giả.

賞罰不明。教令有不從。
 6.- Thưởng phạt bất minh, giáo lệnh hữu bất tòng,
 必殺可生。衆姦不禁。必生
 tất sát khả sinh, Chúng gian bất cấm, tất sinh
 可殺。
 khả sát.

士卒散亡。忿怒不詳。威
 7.- Sĩ tốt tán vong, phẫn nộ bất tường, uy
 武不行。賞罰不明。下不勸
 vũ bất hành, thưởng phạt bất minh, hạ bất khuyến

4- Cho nên thường không thể thi hành sai lầm, phạt không thể áp dụng bừa bãi. Thường sai lầm ắt là kẻ bề tôi có công lao sẽ oán thán, phạt bừa bãi ắt là kẻ sĩ phu ngay thẳng sẽ hờn giận. Đó là trường hợp *Dương Canh* phải chịu thiệt hại vì đã xử đoán bất công, *Sở Vương* phải bại trận vì đã tin lời dèm pha.

5- Người tương chuyên dùng uy quyền sinh sát, ắt là kẻ đang giết thú cho sống, kẻ đang sống thì đem giết đi, giận dữ không có lý do rõ ràng, phạt thường không sáng suốt, lệnh dạy không thường, lấy việc riêng làm việc chung, đó là *năm điều nguy hại của quốc gia*.

6- Thường phạt không sáng suốt, lệnh dạy có khi không theo đúng, ắt là kẻ đáng sống thì đem giết chết. Bon giận tà không ngăn cấm ắt là kẻ đáng chết, thì cho sống.

7- Sĩ tốt tan vỡ, giận dữ không có lý do rõ ràng, uy vũ không thi hành, thường phạt không sáng suốt, không khuyến khích công việc của kẻ dưới, phép chính trị và giáo

功。政教不當。法令不從。
công, chính giáo bất dương, pháp lệnh bất tòng,

以私爲公。人有二心。
dĩ tư vi công, nhân hữu nhị tâm.

故衆姦不禁則不可久。
8. - Cố chúng gian bất cấm tắc bất khả cửu ;

士卒散亡其衆必寡。
9. - Sĩ - tốt tán vong kỳ chúng tất quả ;

威武不行。見敵不起。
10. - Uy - vũ bất hành, kiến địch bất khởi ;

下不勸功。上無強輔。
11. - Hạ bất khuyến công, thượng vô cường-phụ ;

法令不從。事亂不理。
12. - Pháp lệnh bất tòng, sự loạn bất lý ;

人有二心。其國危殆。
13. - Nhân hữu nhị tâm, kỳ quốc nguy殆.

故防姦以政。救奢以儉。
14. - Cố phòng gian dĩ chính, cứu xa dĩ kiệm,

忠直可使理獄。廉平可使賞
trung trực khả sử lý ngục, liêm bình khả sử thưởng

罰。賞罰不曲。則人死服。
phạt. Thưởng phạt bất khúc, tắc nhân tử phục.

路有饑人。廐有肥馬。可謂
Lộ hữu cơ nhân, cứu hữu phì mã, khả vị

亡人而自存。薄人而自厚。
vong nhân nhi tự tồn, bạc nhân nhi tự hậu.

hou không thích hợp, pháp lệnh không được tuân theo, lấy việc riêng làm việc chung, thì người sẽ sinh *hai lòng*.

8- Cho nên bọn gian tà mà không ngăn cấm được thì sự nghiệp không tồn tại lâu dài.

9- Sĩ tốt tan vỡ, thì người sẽ ít ỏi ;

10- Uy vũ không thi hành thì khi thấy quân địch, binh sẽ không muốn đánh ;

11- Không khuyến khích công lao của kẻ dưới thì bề trên sẽ không được giúp đỡ mạnh mẽ.

12- Pháp lệnh không được theo đúng thì công việc sẽ lộn xộn không chỉnh đốn được ;

13- Người có *hai lòng* thì nước nhà chịu nguy hại.

14- Cho nên dùng *chính pháp* để phòng ngừa kẻ gian tà, lấy sự *kiêm ước* để cứu chữa việc xa xỉ, người *trung thực* có thể cử coi ngục tù, người *liêm khiết* công bình có thể cử coi việc *thuống phạt*. *Thuống phạt* không tà *khúc ắt* là người ta dẫu chết cũng cảm phục. Trên đường có người đói, mà trong chuồng có ngựa béo, điều ấy có thể gọi là giết người ta chết để mình được sống, xir mỏng với người mà dày với mình.

故 人 君 先 募 而 後 賞 。 先 令
 15. — Cồ nhân quân tiên mộ nhi hậu thưởng, tiên lệnh
 而 後 誅 。 則 人 親 附 。 畏 而 愛
 nhi hậu tru, tắc nhân thân phụ, úy nhi ái
 之
 chi.

不 令 而 行 。 賞 罰 不 正 。 則
 16. — Bất lệnh nhi hành, thưởng phạt bất chính, tắc
 忠 臣 死 於 非 罪 。 而 邪 臣 起 於
 trung thần tử ư phi tội, nhi tà thần khởi ư
 非 功 。
 phi công.

賞 賜 不 避 怨 讐 。 則 齊 桓 得
 17. — Thưởng tứ bất ty oán thù, tắc Tề Hoàn đắc
 管 仲 之 力 。 誅 罰 不 避 親 疎 。
 Quản-Trọng chi lực, tru phạt bất ty thân sơ,
 則 周 公 有 殺 弟 之 名 。
 tắc Chu-Công hữu sát đệ chi danh.
 故 書 云 :
 18. — Cổ Thư văn :

無 偏 無 黨 。
 Vô thiên vô đảng,

王 道 蕩 蕩 。
 Vương đạo dăng dăng,

無 黨 無 偏 。
 Vô đảng vô thiên,

王 道 平 平 。
 Vương đạo bình bình,

15- Cho nên bậc Vua của loài người *trước hết mới tìm rồi sau mới ban thưởng trước kết ra giáo lệnh rồi sau mới trừng phạt*, ắt là có người thân cận phụ họa theo, kính sợ mà thương mến.

16- Không ra lệnh mà thi hành, thưởng phạt không thích đáng, ắt là trung thần sẽ chết vì việc không đáng tội, mà gian thần sẽ được thăng thưởng nhờ việc không đáng công.

17- Ban thưởng mà *không ty hiêm người có thù oán với mình*, nhờ đó mà *Tể Hoàn Công* được sự giúp sức của *Quán Trọng* ; trừng phạt mà *không miễn cho thân nhân họ hàng gần xa*, đó là trường hợp *Chu Công* giết em mà nổi tiếng.

18- Cho nên **Kinh Thư** nói rằng :

Không thiên lệch, không bè đảng,

Vương đạo rộng rãi ;

Không bè đảng, không thiên lệch,

Vương đạo công bằng.

Đó là điều đã nói ở trên.

此 之 謂 也 。
Thử chi vị giã.

喜 怒 第 十 一 HỈ NỘ ĐỆ THẬP NHẤT

- 喜 怒 之 政 , 謂 喜 不 應 喜 無
1.- Hỉ nộ chi chính, vị hi bất ưng hi vô
喜 之 事 。 怒 不 應 怒 無 怒 之 物
hi chi sự, nộ bất ưng nộ vô nộ chi vật.
喜 怒 之 間 。 必 明 其 類 。 怒
2.- Hỉ nộ chi gian, tất minh kỳ loại. Nộ
不 犯 無 罪 之 人 。 喜 不 從 可 戮
bất phạm vô tội chi nhân, hi bất tòng khả lục
之 士 。
chi sĩ.
喜 怒 之 際 不 可 不 詳 。 喜 不
3.- Hỉ nộ chi tế bất khả bất tường, hi bất
可 縱 有 罪 。 怒 不 可 戮 無 辜 。
khả túng hữu tội, nộ bất khả lục vô cô.
喜 怒 之 事 。 不 可 妄 行 。 行
4.- Hỉ nộ chi sự, bất khả vọng hành, hành
其 私 而 廢 其 公 。 將 不 可 發 私
kỳ tư nhi phế kỳ công. Tướng bất khả phát tư
怒 而 興 戰 。 必 用 衆 心 。 苟 或
nộ nhi hưng chiến, tất dụng chúng tâm, câu hoặc
以 私 忿 而 合 戰 則 用 衆 必 敗
đi tư phản nhi hợp chiến tắc dụng chúng tất bại

THỨ MƯỜI MỘT : MỪNG GIẬN

1- Phép mừng giận là khi mừng thì chẳng nên mừng về việc không đáng mừng, khi giận thì chẳng nên giận về điều không đáng giận.

2- Trong khi mừng giận phải hiểu rõ vào loại nào. Khi giận *không nên làm hại kẻ vô tội, khi mừng không nên nghe theo lời kẻ sĩ đáng trừ bỏ.*

3- Lúc mừng giận không thể không hiểu rõ lý do. Khi mừng *không nên tha cho kẻ có tội, khi giận không nên giết kẻ vô tội.*

4- Trong việc mừng giận, *không nên làm bậy bạ, làm việc tu mà bỏ việc công.* Người tướng *không thể giận việc riêng mà gây việc chiến tranh, mà phải lợi dụng tâm chí của quân chúng,* còn nếu lấy sự giận việc riêng mà gây chiến ắt là việc sử dụng quân chúng phải thất bại.

怒 不 可 以 復 悅 。 喜 不 可 以
5.- Nộ bất khả dĩ phục duyệt, hi bất khả dĩ

復 怒 。

phục nộ.

故 以 文 爲 先 。 以 武 爲 後 。
6.- Cố dĩ văn vi tiên, dĩ võ vi hậu.

先 勝 則 必 後 負 。 先 怒 則 必 後
Tiên thắng tác tất hậu phụ, tiên nộ tác tất hậu

悔 。 一 朝 之 忿 而 亡 其 身 。
hối, nhất triều chi phẫn nhi vong kỳ thân.

故 君 子 威 而 不 猛 。 忿 而 不
7.- Cố quân tử uy nhi bất mãnh, phẫn nhi bất

怒 。 憂 而 不 懼 。 悅 而 不 喜 。
nộ, ưu nhi bất cù, duyệt nhi bất hi,

可 忿 之 事 。 然 後 加 之 威 武 。
khả phẫn chi sự, nhiên hậu gia chi uy vũ.

威 武 加 則 刑 罰 施 。 刑 罰 施
8.- Uy vũ gia tác hình-phạt thi, hình phạt thi

則 衆 姦 塞 。 不 加 威 武 則 刑 罰
tác chúng gian tác. Bất gia uy vũ tác hình-phạt

不 中 。 刑 罰 不 中 則 衆 惡 不 理
bất trúng, hình-phạt bất trúng tác chúng ác bất lý,

。 其 國 亡 。

kỳ quốc vong.

5- Đã giận rồi không thể vui trở lại, đã mừng rồi không thể lại giận.

6- Cho nên trước hết dùng vắn rồi sau mới dùng võ. Trước hơn ắt là sau thua, trước giận ắt là sau hối tiếc, một sáng giận dữ để thân thể phải tiêu vong.

7- Cho nên người quân tử uy nghiêm mà không dữ tợn, bức tức mà không giận dữ, lo mà không sợ, vui mà không mừng, phải có việc đáng bức tức rồi sau mới dùng uy vũ thêm vào.

8- Dùng uy vũ thêm vào ắt là hình phạt được thi hành, hình phạt thi hành ắt là bọn gian tà bị ngăn cản. Không dùng uy vũ thêm vào ắt là hình phạt không đúng ; hình phạt không đúng ắt là các việc xấu không được sửa chữa, nước ấy phải mất.

治亂第十二

TRỊ LOẠN ĐỀ THẬP NHỊ

治亂之政。謂省官并職。

1. — Trị loạn chí chính, vị tỉnh quan títch chức,

去文就質也。

khử văn tựu chất giã.

夫綿綿不絕。必有亂結。

2. — Phù miên miên bất tuyệt, tất hữu loạn kết,

纖纖不伐。必成妖孽。

tiêm tiêm bất phạt, tất thành yêu-nghiệt.

夫三綱不正。六紀不理。

3. — Phù tam cương, bất chính, lục kỷ bất lý,

則大亂生矣。

tắc đại loạn sinh hĩ.

故治國者。圓不失規。方

4. — Cổ trị quốc giả, viên bất thất qui, phương

不失矩。本不失末。爲政不

bất thất cú, bản bất thất mạt, vi chính bất

失其道。萬事可成。其功可

thất kỳ đạo, vạn sự khả thành, kỳ công khả

保。

bảo.

夫三軍之亂。紛紛擾擾。

5. — Phù tam quân chí loạn, phân phân nhiễu nhiễu,

各惟其理。

các duy kỳ lý.

THỨ MƯỜI HAI : DỆT LOẠN

1- Phép trừ rối loạn là khảo sát quan lại, kiêm gồm các chức vụ , *dẹp bỏ cái văn vẻ giả dối ở bên ngoài, giữ lại cái thực chất phác tố ở bên trong.*

2- Nếu các việc làng nhàng không dứt ắt là có mầm loạn sinh ra, nếu các việc nhỏ nhen hèn hạ không trừ ắt là trở nên tai họa quái gở.

3- Nếu **ba giếng** (1) không ngay thẳng, **sáu mối** (2) không chỉnh đốn ắt là loạn lớn sinh ra.

4- Cho nên *phép trị nước* là giống như vẽ hình tròn thì đừng cho sai với thước qui (compa), vẽ hình vuông thì đừng cho sai với thước củ (équerre), có gốc đừng để mất ngọn, làm chính trị thì đừng để cho mất đạo lý, như thế muôn việc có thể thành công, công nghiệp có thể bảo tồn.

5- Ba quân loạn lạc, lộn xộn rối ren, đều phải tìm hiểu lý do.

(1) Ba giếng (tam cương) là ba mối quan hệ Vua tôi, cha con, chồng vợ

(2) Sáu mối (lục kỷ) là sự liên lạc với hàng cha, hàng anh em, họ hàng, hàng cậu, hàng sư trưởng, bạn bè

明君治其綱紀，政治當有
6. — *Mính quân trị kỳ cương kỷ, chính trị đương hữu*

先後。

tiên hậu :

先理綱。後理紀。

Tiên lý cương, hậu lý kỷ.

先理令。後理罰。

Tiên lý lệnh, hậu lý phạt,

先理近。後理遠。

Tiên lý cận, hậu lý viễn,

先理內。後理外。

Tiên lý nội, hậu lý ngoại,

先理本。後理末。

Tiên lý bản, hậu lý mạt,

先理強。後理弱。

Tiên lý cường, hậu lý nhược,

先理大。後理小。

Tiên lý đại, hậu lý tiểu,

先理身。後理人。

Tiên lý thân, hậu lý nhân.

是以理綱則紀張。

7. — *Thị dĩ lý cương tắc kỷ trương,*

理令則罰行。

Lý lệnh tắc phạt hành,

理近則遠安。

Lý cận tắc viễn an,

理內則外端。

Lý nội tắc ngoại đoan,

6- Khi bậc vua sáng suốt sắp đặt giếng mối (phép tắc), thì nền chính trị nên có việc trước, việc sau :

- Trước sửa giếng, sau sửa mối,
- Trước sắp đặt mệnh lệnh, sau sắp đặt hình phạt,
- Trước lo gần, sau lo xa,
- Trước lo trong, sau lo ngoài,
- Trước lo gốc, sau lo ngọn,
- Trước lo việc mạnh, sau lo việc yếu,
- Trước lo việc lớn, sau lo việc nhỏ,
- Trước lo sửa mình, sau lo sửa người,

7- Đó là *sửa giếng* thì *mối* được *tháo gỡ* ;

- Sắp đặt *mệnh lệnh* thì *hình phạt* thi hành ;
- Lo việc *gần* thì việc *xa* yên ;
- Lo việc *trong* thì việc *ngoài* ngay thẳng ;

理本則末通。

Lý bản tắc mạt thông,

理強則弱伸。

Lý cường tắc nhược thân,

理大則小行。

Lý đại tắc tiểu hành,

理上則下正。

Lý thượng tắc hạ chính,

理身則人敬。

Lý thân tắc nhân kính,

此乃理亂之道也。

Thử nãi lý loạn chí đạo giã.

教令第十三

GIÁO-LỆNH ĐỆ THẬP TAM

教令之政。謂上爲下教也。

1.- Giáo lệnh chí chính, vị thượng vi hạ giáo giã.

。非。法。不。言。非。道。不。行。上。

Phi pháp bất ngôn, phi đạo bất hành; thượng

之。所。爲。人。之。所。瞻。也。

chí sở vi, nhân chí sở chiêm giã.

夫。釋。已。教。人。是。爲。道。政。

2.- Phù thích kỳ giáo nhân, thị vi nghich chính;

正。已。教。人。是。爲。順。政。

chính kỳ giáo nhân, thị vi thuận chính.

故。人。君。先。正。其。身。然。後。乃。

3.- Cố nhân quân tiên chính kỳ thân, nhiên hậu nãi

行。其。令。身。不。正。則。令。不。從。

hành kỳ lệnh. Thân bất chính, tắc lệnh bất tòng;

- Sửa *gốc* thì *ngọn* được thông ;
- Lo việc *mạnh* thì việc *yếu* cũng bành trướng ;
- Lo việc *lớn* thì việc *nhỏ* cũng thi hành ;
- Sửa *phần trên* thì *phần dưới* cũng được ngay thẳng ;
- Sửa *mình* thì được *người kính* ;

(Đó là **đạo trừ rối loạn** vậy).

THỨ MƯỜI BA : LỆNH DẠY

1- Phép ra lệnh dạy có nghĩa là *trên dạy dưới*. Lời trái lẽ đừng nói, việc trái đạo đừng làm ; các việc mà người trên làm là chỗ mà người ta ngược mắt trông vào.

2- Tha thứ cho mình mà đi dạy người đó là phép tác trái ngược ; sửa mình cho ngay thẳng để dạy người, đó là phép tác hợp lý.

3- Cho nên bậc Vua của loài người trước hết *sửa mình* rồi sau mới ban hành mệnh lệnh. Mình không ngay

令 不 從 則 生 變 亂 。
 lệnh bất tòng, tắc sinh biến loạn.
 故 爲 君 之 道 以 教 令 爲 先
 Cổ vi quân chi đạo, dĩ giáo lệnh vi tiên,
 誅 罰 爲 後 。 不 教 而 戰 。 是
 tru phạt vi hậu. Bất giáo nhi chiến, thị
 謂 棄 之 先 習 士 卒 用 兵 之 道
 vị khì chi. Tiên tập sĩ tốt, dụng binh chi đạo,
 其 法 有 五 。
 kỳ pháp hữu ngũ.
 一 曰 使 目 。 習 其 旌 旗 指 麾
 Nhất viết sử mục ; Tập kỳ tinh kỳ chỉ huy
 之 變 。 縱 橫 之 意 。
 chi biến, tung hoành chi ý.
 二 曰 使 耳 。 習 聞 金 鼓 之 聲
 Nhị viết sử nhĩ ; Tập văn kim cô chi thanh,
 動 靜 行 止 。
 động tĩnh hành chí.
 三 曰 使 心 。 習 刑 罰 之 嚴 。
 Tam viết sử tâm ; Tập hình phạt chi nghiêm,
 爵 賞 之 利 。
 tước thưởng chi lợi.
 四 曰 使 手 。 習 知 五 兵 之 便
 Tứ viết sử thủ ; Tập tri ngũ binh chi tiện,
 鬪 戰 之 備 。
 đấu chiến chi bị.
 五 曰 使 足 。 習 知 周 旋 走 趨
 Ngũ viết sử túc ; Tập tri chu toàn tẩu xu

thăng thì mệnh lệnh không được nghe theo, mệnh lệnh không được nghe theo ắt là sinh ra biến loạn.

4- Cho nên đạo làm vua trước hết là ban lệnh dạy dỗ, rồi sau mới trách phạt. Không dạy dỗ, tập luyện quân sĩ mà đem đi đánh dẹp thì cũng như đem chúng vứt bỏ đi. Trước hết tập luyện sĩ tốt về phép dùng binh, thì có năm phép tắc.

Thứ nhất là sai khiến **con mắt** : Tập luyện cách biến động theo sự chỉ huy (1) cờ xí, chạy dọc chạy ngang theo ý muốn.

Thứ hai là sai khiến **lỗ tai** : Tập nghe tiếng chiêng trống, cách động tĩnh đi đứng.

Thứ ba là sai khiến **lòng dạ** : Tập chịu nghiêm cách của hình phạt, hưởng điều lợi ích của tước lộc, thưởng tử.

Thứ tư là sai khiến **cái tay** : Tập cho biết phương tiện của năm binh, chuẩn bị việc chiến đấu.

Thứ năm là sai khiến **cái chân** : Tập các phép xông vào hay chạy trốn và các cách tới lui cho được chu toàn.

(1) Chỉ : tró, huy : phát, vẫy

之 列 。 進 退 之 宜 。
chi liệt, tấn thoái chi nghi.

5.- 故 號 爲 五 教 。 教 令 軍 陣 。
Cố hiệu vi ngũ giáo ; giáo lệnh quân trận,

各 有 其 道 。
các hữu kỳ đạo.

左 教 青 龍 。
Tả giáo Thanh-Long.

右 教 白 虎 。
Hữu giáo Bạch-Hổ.

前 教 朱 雀 。
Tiền giáo Chu-Tước.

後 教 玄 武 。
Hậu giáo Huyền-Vô.

中 央 軒 轅 大 將 軍 之 所 處 。
Trung-ương Hiên-Viên đại tướng-quân chi sở xử.

6.- 左 矛 右 戟 。 前 楯 後 弩 。 中
Tả mâu hữu kích, tiền thuẫn hậu nỏ, trung-

央 旗 鼓 。 與 動 俱 起 。 聞 鼓 則
ương kỳ cổ, dư động câu khởi, văn cổ tác

進 。 聞 金 則 止 。 隨 其 指 揮 。
tấn, văn kim tác chí, tùy kỳ chỉ huy,

五 陣 乃 理 。
ngũ trận nãi lý.

7.- 正 陣 之 法 。 鼓 旗 爲 之 主 。
Chính trận chi pháp, cổ kỳ vi chi chủ.

一 鼓 舉 其 青 旗 。 則 爲 直 陣
Nhất cổ cử kỳ thanh kỳ, tác vi trực trận.

5- Cho nên gọi là *năm cách dạy* : lệnh dạy về quân trận đều có phép tắc.

Bên trái dạy **Thanh Long**,

Bên phải dạy **Bạch Hổ**,

Đàng trước dạy **Chu tước**,

Đàng sau dạy **Huyền Vũ**,

Ở giữa là chỗ ở của **Hiên Viên Đại Tướng Quân**.

6- Bên trái là **mâu** (giáo) bên phải là **kích**, đàng trước là **thuần** (mộc) đàng sau là **nỏ**, ở giữa là **cờ trống**; lúc động cùng dấy, nghe trống thì tới, nghe chiêng thì lui, tùy theo sự chỉ huy, *năm trận* bên có thể sắp bày.

7- Theo trận pháp chính cách thì *cờ trống* là chủ chốt.

- Một tiếng trống, đưa **cờ xanh** lên, ắt là bày **trận thẳng** (trục trận).

二鼓舉其赤旗。則爲銳陣。
Nhị có cử kỳ xích kỳ, tác vi nhuệ-trận.

三鼓舉其黃旗。則爲方陣。
Tam có cử kỳ huỳnh kỳ, tác vi phương-trận.

四鼓舉其白旗。則爲圓陣。
Tứ có cử kỳ bạch kỳ, tác vi viên-trận.

五鼓舉其黑旗。則爲曲陣。
Ngũ có cử kỳ hắc kỳ, tác vi khúc-trận.

直陣者。木陣也。

8. - Trực trận giả, mộc-trận giả.

銳陣者。火陣也。

Nhuệ trận giả, hỏa trận giả.

方陣者。土陣也。

Phương trận giả, thổ trận giả.

圓陣者。金陣也。

Viên trận giả, kim trận giả.

曲陣者。水陣也。

Khúc trận giả, thủy trận giả.

此五行之陣。展轉相生。

9. - Thứ ngũ-hành chi trận, triển chuyển tương sinh,

衝對相勝。相生爲救。相勝

xung-đối tương thắng, tương sinh vi cứu, tương thắng

爲戰。相生爲助。相勝爲敵

vi chiến, tương sinh vi trợ, tương thắng vi địch.

Hai tiếng trống, đưa **cờ đỏ** lên, ắt là bày **trận bén** (nhuệ trận).

Ba tiếng trống, đưa **cờ vàng** lên, ắt là bày **trận vuông** (phương trận).

Bốn tiếng trống, đưa **cờ trắng**, lên ắt là bày **trận tròn** (viên trận).

Năm tiếng trống, đưa **cờ đen** lên, ắt là bày **trận cong** (khúc trận).

8- **Trận thẳng** là **mộc trận** (trận cây).

Trận bén là **hỏa trận** (trận lửa)

Trận Vuông là **thổ trận** (trận đất)

Trận tròn là **kim trận** (trận loài kim)

Trận cong là **thủy trận** (trận nước)

9- **Trận ngũ hành** ấy biến hóa mà sinh nhau, xung đối mà hơn nhau, sinh nhau để cứu nhau, hơn nhau để mà đánh phá, sinh nhau để giúp nhau, hơn nhau để mà đối địch.

凡結五陣之法。五五相保

10. — Phàm kết ngũ trận chi pháp, ngũ ngũ tương bảo :

五人爲一長。

Ngũ nhân vi nhất trường,

五長爲一師。

Ngũ trường vi nhất sư,

五師爲一枝。

Ngũ sư vi nhất chi,

五枝爲一火。

Ngũ chi vi nhất hỏa,

五火爲一撞。

Ngũ hỏa vi nhất tràng,

五撞爲一軍。

Ngũ tràng vi nhất quân,

則軍士備矣。

tắc quân sĩ bị hỷ.

夫兵利之所便。務知節度

11. — Phù binh lợi chi sở tiện, vụ tri tiết độ :

短者持矛戟。

Đoàn giả trì mâu kích,

長者持弓弩。

Trường giả trì cung nỏ,

壯者持旌旗。

Tráng giả trì tinh kỳ,

勇者持金鼓。

Dũng giả trì kim cổ,

弱者給糧牧。

Nhược giả cấp lương mục,

10- Phàm *phép lập năm trậ* là năm năm giữ nhau :

Năm người hợp thành một **trưởng** ;

Năm trưởng hợp thành một **su** ;

Năm su hợp thành một **chi** ;

Năm chi hợp thành một **hỏa** ;

Năm hỏa hợp thành một **tràng** ;

Năm tràng hợp thành một **quân**.

Như thế ắt là quân sĩ hoàn bị.

11- Về việc binh, điều tiện lợi cốt là **biết tiết độ** :

Kẻ **thấp** cầm **mâu kích** ;

Kẻ **cao** cầm **cung nỏ** ;

Kẻ **mạnh** cầm **cờ xí** ;

Kẻ **bạo dạn** cầm **chiêng trống** ;

Kẻ **yếu** chu cấp **luong thực và súc vật** ;

智 者 爲 謀 主

Trí giả vi mưu chủ,

鄉 里 相 比 。

Hương lý tương tỷ,

五 五 相 保 。

Ngũ ngũ tương bảo.

一 鼓 整 行 。

Nhất cổ chỉnh hành.

二 鼓 習 陣 。

Nhị cổ tập trận.

三 鼓 起 食 。

Tam cổ khởi thực.

四 鼓 嚴 辦 。

Tứ cổ nghiêm biện.

五 鼓 就 行 。

Ngũ cổ tựu hành.

聞 鼓 聽 金 。

Văn cổ thính kim,

然 後 舉 旗 。

nhiên hậu cử kỳ,

出

xuất

兵 以 次 第 。

bính dĩ thứ đệ.

一 鳴 鼓 三 通 。

Nhất minh cổ tam thông,

旌 旗 發 揚 。

tinh kỳ phát dương,

舉 兵 先 攻 者 賞 。

cử binh tiên công giả thưởng,

卻 退 者 斬 。

khước thoái giả trảm,

此 教 令 也 。

thử giáo - lệnh giả.

Kẻ **trí thức** lo lập **mưu kế** làm chủ chốt ;

Làng xóm liên kết với nhau,

Năm năm giữ cho nhau.

12- Nghe **một** tiếng trống thì **đi ngay ngắn** ;

- Nghe **hai** tiếng trống thì **tập trận** ;

- Nghe **ba** tiếng trống thì **khởi ăn** ;

- Nghe **bốn** tiếng trống thì **làm việc nghiêm chỉnh** ;

- Nghe **năm** tiếng trống thì **khởi hành** ;

- Nghe tiếng **chiêng trống**, rồi sau mới **đưa cờ lên** ;
đem binh ra có thứ lớp ;

Một lần đánh trống **ba hồi**, **duyơng cờ xí lên**, ai
đẩy binh đánh trước thì thường, ai rút lui thì chém, đó
là lệnh day.

斬斷第十四

TRÂM ĐOẠN ĐỆ THẬP TỨ

斬斷之政。謂不從教令之
1. - Trâm đoạn chi chính, vị bất tòng giáo lệnh chi.
法也。其法有七。
pháp giã. Kỳ pháp hữu thất :

一曰盜。

Nhất viết đạo.

二曰輕。

Nhị viết khinh.

三曰慢。

Tam viết mạn.

四曰欺。

Tứ viết khi.

五曰背。

Ngũ viết bội.

六曰亂。

Lục viết loạn.

七曰誤。

Thất viết ngộ.

此治軍之禁也。

thử trị quân chi cấm giã.

當斷不斷，必受其亂。故
2. - Dương đoạn bất đoạn, tất thọ kỳ loạn, cố
設斧鉞之威。以待不從令者
thiết phủ việt chi uy dĩ đãi bất tòng lệnh giã

THỨ MƯỜI BỐN : CHÉM ĐÚT

1- Phép chém đứt là phép chém những kẻ không làm theo lệnh dạy. Phép chém ấy có bảy trường hợp :

- Thứ nhất là **trộm cắp** ;
- Thứ nhì là **khinh thường** ;
- Thứ ba là **ngạo mạn** ;
- Thứ tư là **lừa dối** ;
- Thứ năm là **bội nghịch** ;
- Thứ sáu là **lộn xộn** ;
- Thứ bảy là **lầm lạc** ; (làm bậy).

Đó là những *điều cấm đoán* trong phép trị quân.

2- Đáng chém mà không chém thì phải chịu cảnh lộn xộn. Cho nên bày ra *riêu búa* uy nghiêm để chờ có những kẻ trái lệnh mà đem giết đi.

誅 之 。

tru chí.

軍 法 異 等 。

3. - Quân - pháp dị đẳng : quá khinh phạt trọng.

令 不 可 犯 。

Lệnh bất khả phạm, phạm lệnh giá trảm

期 會 不 到 。

4. - Kỳ hội bất đáo, văn cổ bất hành, thừa

寬 自 留 。

khoan tự lưu, tự hồi tự chí, sơ cận hậu

遠 。

喚 名 不 應 。

viễn, hoán danh bất ứng, xa giáp bất cự,

兵 器 不 備 。

bính khí bất bị, thử vị khinh quân, khinh quân

者 斬 。

già trảm.

受 令 不 傳 。

5. - Thọ lệnh bất truyền, truyền lệnh bất thẩm, mê

惑 吏 士 。

hoặc lại sĩ, kim cổ bất văn, tinh kỳ bất

觀 。

此 謂 慢 軍 。

đó, thử vị mạn quân, mạn quân giá trảm.

慢 軍 者 斬 。

食 不 稟 糧 。

6. - Thực bất bẩm lương, quân bất tỉnh binh, phú

賜 不 均 。

tứ bất quân, a tư ,sở thân, thú phi kỳ

物 。

借 貸 不 還 。

vật, tá thái bất hoàn, đoạt nhân đầu mục,

3- Luật pháp của quân đội *thuộc đẳng cấp khác thường* :

- **Lỗi nhẹ mà phạt nặng ;**
- **Mệnh lệnh không thể làm trái, làm trái thì phải chém.**

4- Việc hội họp đã định trước mà lại không tới ; nghe trống mà không đi ; thừa lúc khoan thai mà tự ý dừng lại ; khi cần tránh lui mà tự ý đứng lại ; ban đầu thì ở gần, về sau thì ở xa ; gọi tên không ứng đáp ; xe giáp không đầy đủ ; binh khí không chuẩn bị ; đó ta **quân có tính khinh thường** ; quân khinh thường thì phải **chém**.

5- Nhận được lệnh mà không truyền đi ; truyền lệnh không cẩn thận, h lẫn hoi ; làm mê hoặc các lại sĩ ; không nghe chiêng trống ; không nhìn cờ xí ; đó là **quân ngạo mạn**, quân ngạo mạn thì phải **chém**.

6- An phần lương không cho ăn (cấm ăn) ; làm việc quân mà không tiết kiệm số lính (1) ; chu cấp cho kẻ dưới không đồng đều, chỉ a dua riêng theo người thân ;

(1) Dùng số lính quá nhiều vào một công việc nhỏ nhặt, phung phí sức lính

以獲其功。此爲盜軍。盜軍
đi hoạch kỳ công, thử vi đạo quân, đạo quân

者斬。

già trăm.

變改姓名。衣服不鮮。旌
7.- Biến cải tính danh, y phục bất tiên, tinh

旗裂壞。金鼓不具。兵刃不
kỳ liệt hoại, kim cổ bất cụ, binh nhữn bất

磨。器仗不堅。矢不著羽。
ma, khí trượng bất kiên, thi bất trứ vũ,

弓弩無弦。法令不行。此爲
cung nỏ vô huyền, pháp lệnh bất hành, thử vi

欺軍。欺軍者斬。
khi quân, khi quân già trăm.

聞鼓不進，金聞不止，按
8.- Văn cổ bất tiến, văn kim bất chí, án

旗不伏，舉旗不起，指揮不
kỳ bất phục, cử kỳ bất khởi, chỉ huy bất

隨，避前向後，縱發亂行，
tùy, ty tiền hướng-hậu, túng phát loạn hành,

折其弓弩之勢，却退不鬪，
chiết kỳ cung nỏ chi thế, khước thoái bất đấu

或左或右，扶傷舉死，自托
hoặc tả hoặc hữu, phù thương cử tử, tự thác

而歸，此謂背軍，背軍者斬
nhĩ qui thử vị bội quân, bội quân già trăm

出軍行將，士卒爭先，紛
9.- Xuất quân hành tướng, sĩ tốt tranh tiên, phân

lấy đồ vật chẳng phải của mình ; vay mượn mà không trả ; đoạt đầu mục của người, để chiếm công lao ; đó là **quân trộm cắp** ; quân trộm cắp thì phải **chém**.

7- Thay đổi tên họ ; y phục không hẳn hoi (lành sạch) ; cờ xí rách nát ; chiêng trống không củ ; dáo mác không mài ; binh khí không chắc chắn ; tên không gắn lông ; cung nỏ không có dây ; pháp lệnh không thi hành ; đó là **quân lừa dối**, quân lừa dối thì phải **chém**.

8- Nghe trống mà không tiến ; nghe chiêng mà không dừng ; cờ hạ xuống mà không núp ; cờ giơ lên mà không đứng dậy ; không theo lệnh chỉ huy ; tránh đằng trước ra đằng sau ; đi ra lộn xộn không có hàng ngũ ; làm hỏng cái thế cung nỏ ; tránh lui mà không đánh ; hoặc chạy qua trái hoặc chạy qua phải ; nâng đỡ người bị thương ; khiêng vác xác chết ; tự nâng đỡ mà về ; đó là **quân bội nghịch**, quân bội nghịch thì phải **chém**.

9- Khi tướng mang quân ra đi, sĩ tốt tranh nhau đi trước, rối loạn lộn xộn, xe ngựa liên nhau, bít nghẽn

紛擾擾，車騎相連，咽塞道
 phân nhiễu nhiễu, xa kỵ tương liên, yết tắc đạo
 路，後不得先，呼喚喧譁，
 lộ, hậu bất đắc tiên, hô hoán huyên-hoa,
 無所聽聞，失亂行次，兵小
 vô sở thính văn, thất loạn hàng thứ, binh nhàn
 中傷，長短不理，上下縱橫
 trúng thương, trường đoản bất lý, thượng hạ tung hoành,
 ，此謂亂軍，亂軍者斬。
 thử vị loạn quân, loạn quân giả trảm.
 屯營所止，問其鄉里，親
 10.— Đồn dinh sở chỉ, vấn kỳ hương lý, thân
 近相隨，其食相保，不得越
 cận tương tùy, kỳ thực tương bảo, bất đắc việt
 次，強入他伍，干誤次第，
 thứ, cường nhập tha ngũ, can ngộ thứ đệ,
 不可呵止，度營出入，不由
 bất khả ha chỉ, độ dinh xuất nhập, bất do
 門戶，不自起曰，姦邪所起
 môn hộ, bất tự khởi bạch, gian tà sở khởi
 ，知者不告，罪同一等，合
 tri giả bất cáo, tội đồng nhất đẳng, hợp
 人飲酒，阿私取受，大言警
 nhân ẩm tửu, ư tư thủ thọ, đại ngôn cảnh
 語。疑惑吏士。此謂誤軍，
 ngữ, nghi hoặc lại sĩ, thử vị ngộ quân,
 誤軍者斬。
 ngộ quân giả trảm.

đường đi, đằng sau không thể tới trước được, kêu gọi ồn ào, nói không nghe được, hàng ngũ rối loạn mất hết thứ tự ; binh khí bị tổn hại, dài ngắn không sắp đặt gọn gàng, trên dưới dọc ngang ; đó là **quân lộn xộn**, quân lộn xộn thì phải **chém**.

10- Nơi quân đội dừng lại đóng đồn lập dinh, hỏi tham xóm làng, gần gũi nương nhau, giữ gìn lương thực cho nhau, không được vượt hàng ngũ của mình ; miễn cưỡng nhập vào hàng ngũ của toán khác, làm sai lạc thứ tự, bị quở trách mà không chịu thôi ; ở chốn dinh trại, không chịu theo cửa ngõ mà ra vào (chui, leo hàng rào) không chịu tự mình thưa trình ; chỗ nào có kẻ gian tà dấy lên làm bậy bạ, những ai biết được mà không báo cáo thì cũng đồng tội một hạng như nhau ; hội họp cùng người uống rượu ; a dua nhau làm các việc tư tà, lấy hoặc nhận đồ vật của người ; lớn tiếng hăm dọa, nghi hoặc lại sĩ, đó là **quân làm bậy**, quân làm bậy thì phải **chém**.

11- Chém bọn ấy xong, mọi việc mới được chỉnh đốn.

斬斷之後，此萬事乃理也。
11.— Trảm đoạn chi hậu, thử vạn sự nãi lý giả.

思慮第十五

TƯ - LỰ ĐỆ THẬP NGŨ

- 思慮之政。謂思近慮遠也。
1.— Tư lự chi chính, vi tư cận lự viễn giả.
夫。人無遠慮，必有近憂。
2.— Phu nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu.
故君子思不出其位。思者，計也。
3.— Cố quân tử tư bất xuất kỳ vị. Tư giả, kế chi.
。正謀也。非其位，不慮其計。
。 chính mưu giả; kỳ vị, bất lự kỳ kế.
也。非其位，不慮其計。
giả. Phi kỳ vị, bất lự kỳ kế.
其事，不慮其計。
kỳ sự, bất lự kỳ kế.
大事起於難。小事起於易。
4.— Đại sự khởi ư nan, tiểu sự khởi ư dị.
故欲思其利，必慮其害。
5.— Cố dục tư kỳ lợi, tất lự kỳ hại;
欲思其成，必慮其敗。是以
dục tư kỳ thành, tất lự kỳ bại. Thị dĩ
九重之台，雖高必壞。
cửu trùng chi đài, tuy cao tất hoại.
故仰高者，不可忽其下，
6.— Cố ngưỡng cao giả, bất khả hốt kỳ hạ,

THỨ MƯỜI LĂM : LO TÍNH

1- Phép lo tính là **lo gần, tính xa**.

2- Người không lo xa ắt phải rầu gần.

3- Cho nên người quân tử không lo toan ngoài địa vị của mình. **Lo** là sắp đặt mưu mô, **tính** là sắp đặt kế hoạch để làm việc. Không được địa vị thì **chẳng** nên **mưu tính việc chính trị** ; không có việc làm thì **chẳng** nên **sắp đặt kế hoạch**.

4- Việc **lớn** bắt đầu từ chỗ **khó**, việc **nhỏ** bắt đầu từ chỗ **dễ**.

5- Cho nên muốn tính điều **lợi** ắt phải lo điều **hại** ; muốn tính việc **thành** ắt phải lo việc **bại**. Đó là trường hợp Cửu Trùng Đài tuy **cao lớn**, nhưng ắt có ngày **hu hoại**.

6- Cho nên ngưỡng mặt trông lên thì **không** nên **sơ ý phía dưới** ; nhìn dằng trước thì **không** nên **sơ ý ở đằng sau**. Đó là trường hợp *Tấn Mục Công* đánh nước

瞻前者，不可忽其後，是以
 chiêm tiền giả, bất khả hốt kỳ hậu. Thị dĩ
 秦穆公伐鄭，二子知其害，
 Tân - Mục - Công phạt Trịnh, nhị tử tri kỳ hại;
 吳王受越女，子胥知其敗，
 Ngô-Vương thọ Việt nữ, Tử Tư tri kỳ bại.
 虞受晉璧馬，宮之奇知其害，
 Ngu thọ tân bích mã, Cung - Chi - Kỳ tri kỳ hại;
 宋襄公練兵車，目夷知其
 Tống-Tương-Công luyện binh - xa, Mục - Di tri kỳ
 負。凡此之智，思慮之至，
 phụ. Phàm thử chi trí, tư - lự chí chí.

可謂明矣。
 khả vị minh hĩ.
 夫隨覆陣之軌，追陷溺之
 7.- Phù tùy phúc trận chi qui, truy hãm nịch chí
 後，以赴其前，何及之有。
 hậu, dĩ dĩ phó kỳ tiền, hà cập chí hữu;
 故秦承霸業，不及堯舜之道。
 Cố Tân thừa bá nghiệp, bất cập Nghiêu Thuấn chí đạo.
 夫危生於安，亡生於存。
 8.- Phù nguy sinh ư an, vong sinh ư tồn,
 害生於利，亂生於治。
 hại sinh ư lợi, loạn sinh ư trị.
 君視微知著，見始知終。
 9.- Quân - tử thị vi tri trú, kiến thủy tri chung,
 禍無從起，此思慮之政也。
 họa vô tông khởi, thử tư - lự chí chính giả.

Trình mà *hai con* biết sẽ bị thiệt hại ; *Vua Ngô* nhận gái Việt mà *Tử Tư* biết sẽ thất bại ; *nước Ngụ* nhận ngựa bằng ngọc bích mà *Cung Chi Kỳ* biết sẽ bị thiệt hại ; *Tổng Tương Công* tập luyện binh xa mà *Mục Di* biết rằng sẽ thua. Trí thức như thế, lo tính chu đáo như thế, có thể gọi là **sáng suốt** vậy.

7- Nương theo dấu vết của trận đổ vỡ, đi theo đuôi các việc suy sụp, chìm đắm, để tiến tới trước, thì làm sao mà tới kịp được. Cho nên nhà Tần nổi nghiệp bá chủ mà không theo kịp đạo của Nghiêu, Thuấn.

8- Sự **nguy biến** sinh ra từ sự **yên ổn**,

Sự **mất** sinh ra do sự **còn**,

Điều **hại** sinh ra từ điều **lợi**,

Sự **rối loạn** sinh ra từ sự **yên trị**.

9- Bậc quân tử xem điều **nhỏ nhặt** mà biết **rõ ràng**, thấy **đầu** mà biết **đuôi**, nên tai họa không thể theo đầu mà dấy lên được, đó là **phép lo tính**.

陰察第十六

ÂM - SÁT ĐỆ THẬP LỤC

- 陰察之政，譬如物類，以
1. - Âm sát chí chính, thí như vật loại, dĩ
覺悟其意也。
giác ngộ kỳ ý giả.
- 外傷則內孤，上惑則下疑
2. - Ngoại thương tắc nội cô, thượng hoặc tắc hạ nghi,
，疑則親者不用，惑則視者
nghi tắc thân giả bất dụng, hoặc tắc thị giả
失度，失度則亂謀，亂謀則
thất độ, thất độ tắc loạn mưu, loạn mưu tắc
國危。國危則不安。
quốc nguy, quốc nguy tắc bất an.
- 是以思者慮遠，遠慮者安
3. - Thị dĩ tư giả lý viễn, viễn lý giả an,
，無慮者危。
vô lý giả nguy.
- 富者得志，貧者失時。
4. - Phú giả đắc chí, bần giả thất thời ;
甚愛大費，多藏厚亡。
5. - Thâm ái đại phí, đa tàng hậu vong ;
竭財相買。無功自專。
6. - Kiệt tài tương mai, vô công tự chuyên ;
憂事衆者煩，煩生於怠。
7. - Ưu sự chúng giả phiền, phiền sinh ư dãi ;

THỨ MƯỜI SÁU : XEM XÉT ÂM THẨM

1- Phép xem xét âm thẩm cũng giống như **phân loại các đồ vật để hiểu rõ ý nghĩa của mỗi vật**.

2- Ngoài bị tổn thương ắt là trong bị cô độc ; trên ngò ắt là dưới nghi ; nghi ắt là người thân không dùng ; **ngò ắt là người xem xét không đúng phép** ; không đúng phép thì mưu kế rối loạn ; mưu kế rối loạn thì nước gặp cảnh nguy nan ; nước nguy nan thì không yên ổn.

3- Đó là kẻ thường suy nghĩ thì **lo xa** ; lo xa thì **yên ổn** ; không lo nghĩ thì sẽ gặp **nguy nan**.

4- Kẻ **giàu** thì được **thỏa chí** ; kẻ **nghèo** thì **không gặp thời**.

5- **Ham thích** nhiều thì **tiêu phí** nhiều ; chứa trữ nhiều thì **mất mát** nhiều.

6- Dua nhau **mua sắm** thì **hết tiền của** ; **chuyên quyền** thì **không thành công**.

7- **Nhiều người** cùng lo một việc thì **phiến phức** ; sự **phiến phức** sinh ra do sự **lười biếng** (ỷ lại vào nhau).

- 船漏則水入，囊穿則內空
8.— *Thuyền lậu tắc thủy nhập, nang xuyên tắc nội không ;*
- 山小無獸，水淺無魚，樹
9.— *Sơn tiểu vô thú, thủy thiển vô ngư, thụ*
弱無巢。
nhược vô sào ;
- 墻壞屋傾。堤決水漾。
10.— *Tường hoại ốc khuynh, đê quyết thủy dặng ;*
- 疾走者仆，安行者遲。
11.— *Tật tẩu giả phó, an hành giả trì ;*
- 乘淺者危，履冰者懼。
12.— *Thừa thiển giả nguy, lý băng giả cự ;*
- 涉泉者溺，遇水者渡。
13.— *Thiệp tuyền giả nịch, ngộ thủy giả độ ;*
- 無械者不濟，失侶者遠顧。
14.— *Vô tiếp giả bất tế, thất lữ giả viễn cổ.*
- 賞罰者省功，不誠者無信。
15.— *Thưởng phạt giả tỉnh công, bất thành giả vô tín.*
- 唇亡齒寒，毛落皮單。
16.— *Thần vong xỉ hàn, mao lạc bì đơn.*
- 阿私亂言，偏聽者生患。
17.— *A tư loạn ngôn, thiên thính giả sinh hoạn ;*
- 善謀者勝，惡謀者分，
18.— *Thiện mưu giả thắng, ác mưu giả phân ;*
- 善之勸惡。如春雨澤。
19.— *Thiện chí khuyến ác, như xuân vũ trạch ;*
- 騏驥易乘，駑駘難習。
20.— *Kỳ kỳ dị thừa, nô dãi nan tập ;*

8- Thuyền **hở** (đáy) thì **nước vào** ; túi **thủng** (đáy) thì ở trong **chẳng** còn vật gì.

9- **Núi nhỏ** thì **không** có thú vật ; nước **cạn** (nông) thì **không** cá ; cây yếu thì **không** có ổ chim.

10- **Tường hư** thì **nhà nghiêng** ; **đê vỡ** thì **nước tràn ngập** ;

11- Chạy **mau** thì **ngã** ; đi **thong thả** thì **chậm trễ**.

12- Đi thuyền trên chỗ **cạn** thì **nguy** ; đi trên **nước đá** thì **sợ** ;

13- **Lội suối** thì **chết đuối** ; **gấp nước** thì **vượt bằng** thuyền ;

14- **Không mái chèo** thì **không thể** qua sông ; **mất bạn** thì phải **mong chờ** người xa.

15- **Thuởng phạt** thì **xét công** ; **không thành thực** thì **không tin cậy** ;

16- **Môi nứt** (mất) thì **răng lạnh** ; **lông rụng** thì **da yếu** ;

17- **Kể nịnh nọt** thì **lời nói rối loạn** ; chỉ **nghe một bên** thì sẽ có **tai hại**.

18- Mưu đồ việc **lành** thì **thắng** ; mưu đồ việc **ác** thì **chia rẽ**.

不視者盲，不聽者聾。

21.- Bất thị giả manh, bất thính giả lung.

根傷則葉枯，葉枯則花落。

22.- Căn thương tác diệp khô, diệp khô tác hoa lạc.

，花落則實亡。

hoa lạc tác thực vong.

柱細則屋傾，本細則末撓。

23.- Trụ tế tác ốc khuynh, bản tế tác mạt náo.

下小則上崩。

24.- Hạ tiểu tác thượng băng.

不辯黑白，棄上取石，虎

25.- Bất biện hắc bạch, khí thượng thủ thạch, hổ

羊同群。

dương đồng quần.

衣破者補，帶短者續。

26.- Y phá giả bổ, đới đoản giả tục.

弄刀者傷手，打跳者傷足。

27.- Lộng đao giả thương thủ, đánh nhảy giả thương túc

洗不必江河，要之却垢。

28.- Tẩy bất tất giang hà, yếu chi khước cấu ;

馬不必騏驥。要之疾足。賢

mã bất tất kỳ kỳ, yếu chi tạt túc ; hiền

不必聖人。要之智通。總之

bất tất thánh nhân, yếu chi trí thông, tổng chi

有五德：

hữu ngũ đức ;

19- Người **thiện** khuyên người **ác** cũng như **mua móc về mùa xuân**.

20- Ngựa **kỳ** và ngựa **ký** thì **đễ cỡi**, ngựa **nô** và ngựa **đài** thì **khó tập**.

21- Không nhìn là **đui**, không nghe là **điếc**.

22- **rễ hu** thì **lá khô** ; lá khô thì **hoa rụng** ; hoa rụng thì **quả thối**.

23- Trụ **nhỏ** thì **nhà nghiêng ngả** ; góc **nhỏ** thì **ngọn lung lay**.

24- Dưới **nhỏ** thì trên phải **đổ**.

25- Không phân biệt đen trắng, bỏ đồ cao quý mà dùng đá thì cạp và dê ở cùng bấy.

26- Áo rách thì vá, đai ngắn thì nối dài ;

27- **Chơi dao** thì (có ngày) đứt tay, **nhảy nhót** thì (có ngày) trật chân.

28- Giặt rửa không cần tới sông ngòi, cốt yếu là gột tẩy chất dơ ; cỡi ngựa không cần tới ngựa kỳ và ngựa ký, cốt yếu là lẹ chân ; dùng **hiền tài** chẳng cần phải là thánh nhân cốt yếu là có **trí thức thông suốt**, gồm có **năm đức** :

一 曰 禁 暴 止 兵 。

Nhất viết cấm bạo, chỉ binh ;

二 曰 賞 賢 罰 罪 。

Nhị viết thưởng hiền, phạt tội ;

三 曰 安 仁 和 衆 。

Tam viết an nhân, hòa chúng ;

四 曰 保 人 定 功 。

Tứ viết bảo nhân, định công ;

五 曰 撓 豐 拒 讒 。

Ngũ viết náo phong, cự sàm ;

此 之 謂 五 德 。

Thử chi vị ngũ đức.

將 苑 五 十 篇

TƯỚNG-UYỂN NGŨ THẬP THIÊN

將 權

TƯỚNG QUYỀN

夫 兵 之 權 也 ， 是 三 軍 之 司

1.- Phò binh chi quyền giả, thị tam quân chi tư

命 ， 主 將 之 威 勢 。

mệnh, chủ - tướng chi uy - thế.

將 能 執 兵 之 權 ， 操 兵 之 勢

2.- Tướng năng chấp binh chi quyền, thao binh chi thế,

， 以 臨 其 下 ， 譬 如 猛 虎 。

dĩ lâm kỳ hạ, thí như mãnh hổ, gia

Thứ nhất là ngăn cấm việc hung bạo, dứt bỏ việc binh đao ;

Thứ hai là tưởng thưởng bậc hiền tài, trừng phạt kẻ phạm tội ác ;

Thứ ba là làm cho dân chúng yên ổn, nhân ái, hòa hiệp ;

Thứ tư là che chở, bảo bọc cho người khác, xét định công lao ;

Thứ năm là ngăn chặn sự phong hoa, xa xỉ, phản đối việc dèm pha.

Đó gọi là năm đức.

LƯỢM LẶT NĂM MƯƠI THIÊN VỀ PHÉP LÀM TƯỚNG

I QUYỀN BÌNH CỦA TƯỚNG SÚY

1- **Quyền cầm binh** là quyền nắm giữ vận mệnh của ba quân, là **uy thế** của bậc chủ tướng.

2- bậc tướng súy **cầm binh quyền**, giữ binh thế, để coi sóc tay chân bộ hạ, cũng giống như **cọc dũ, mang**

之兩翼，翱翔四海，隨所遇
chi lưỡng dực, cao trường tứ hải, tùy sở ngộ

而施之。
nhĩ thi chí.

若將失其權，不操其勢，
3.- Nhưc tướng thất kỳ quyền, bất thao kỳ thế,
亦如魚龍脫於江湖中，欲求
diệc như ngư long thoát ư giang hồ trung, dục cầu
游泳之勢。濤濤戲浪，何可
du vịnh chí thế, mịch dào hí lãng, hà khả
得也。
đắc giá ?

逐惡

TRỤC ÁC

夫國軍之弊。有五害焉。
Phù quốc quân chi tệ, hữu ngũ hại yên.

一者結黨相連，毀譖賢良
Nhất giả kết đảng tương liên, hủy tiếm hiền lương

二者侈其衣服，異其冠帶
Nhị giả xỉ kỳ y phục, dị kỳ quan đới.

三者虛誇妖說，詭言神道
Tam giả hư khoa yêu thuyết, quái ngôn thần đạo.

四者專察是非。私以動衆
Tứ giả chuyên sát thị phi, tư dĩ động chúng.

五者伺候得失，陰結敵人
Ngũ giả tỳ hậu đắc thất, âm kết địch nhân.

thêm đôi cánh, bay lượn ngao du nơi bốn biển, tùy cảnh ngộ mà thi thố.

3- Ví bằng tướng sếu **mất binh quyền**, không còn nắm giữ uy thế, cũng giống như cá, **rồng bị đem ra khỏi sông hồ**, có muốn được thế ngao du bơi lượn, cõ nước giỡn sóng, sao có thể được nữa ?

II DUỐI BỎ KẺ ÁC

Xét các điều hư tệ của việc binh trong nước thì thấy có năm điều hại sau này :

Thứ nhất là **kết bè đảng** liên lạc với nhau, hủ báng và che dấu kẻ hiền lương ;

Thứ hai là dùng áo quần **xa xỉ**, mũ đai đặc biệt, khác thường ;

Thứ ba là khoe khoang những **việc yêu quái hu đối**, bày đặt ra việc **thờ quỷ thần** ;

Thứ tư là chuyên xét bàn các **việc phải trái**, ngầm có tà ý làm náo động quần chúng.

Thứ năm là xem xét **dò la sự được thua**, âm thầm liên kết với kẻ địch.

此所謂爲奸悖德之人，可
Thử sở vi vi gian bội đức chi nhân, khả

遠而不可親也。
viễn nhi bất khả thân giá.

知 人

TRI NHÂN

夫知人之性，莫難察焉，
1.- Phò tri nhân chi tính, mạc nan sát yên,

善惡雖殊。情貌不一。
thiện ác tuy thù, tình mạo bất nhất :

有溫良而爲盜者。
Hữu ôn lương nhi vi đạo giả ;

有外恭而內欺者。
Hữu ngoại cung nhi nội khi giả ;

有外勇而內怯者。
Hữu ngoại dũng nhi nội khiếp giả ;

有盡力而不忠者。
Hữu tận lực nhi bất trung giả.

然知人之道有七：

2.- Nhiên tri nhân chi đạo hữu thất :

一曰問之以是非而觀其志
Nhất viết vấn chi dĩ thị phi nhi quan kỳ chí ;

二曰窮之以詞而觀其變。
Nhị viết cùng chi dĩ từ nhi quan kỳ biến ;

三曰咨之以謀而觀其識。
Tam viết tư chi dĩ mưu nhi quan kỳ thức ;

Đó là những kẻ làm điều gian tà, trái ngược với đạo đức, nên lìa xa mà chẳng có thể gần gũi được.

III BIẾT NGƯỜI

1- Biết tính tình của người, chẳng gì khó bằng xem xét, (bởi vì) lành dữ tuy khác nhau (nhưng) tính tình và vẻ mặt chẳng phải như một :

- Có kẻ thì **ôn hòa, hiền lành** nhưng làm việc **trộm cắp** ;

- Có kẻ bề ngoài thì **cung kính** nhưng trong bụng thì **vô lễ, dối trá** ;

- Có kẻ bề ngoài thì **mạnh dạn** nhưng trong bụng thì **khấp sợ** ;

- Có kẻ làm việc **tận lực** nhưng **không trung thành**.

2- Tuy nhiên có *bảy phép* để biết người :

Thứ nhất là lấy **việc phải trái** mà hỏi họ để xem chí hướng của họ ;

Thứ hai là lấy lời **cật vấn** đến kỳ cùng để xem cách ứng biến của họ ;

四 曰 告 之 以 難 而 觀 其 勇 。
 Tứ viết cáo chi dĩ nan nhi quan kỳ dũng ;
 五 曰 醉 之 以 酒 而 觀 其 性 。
 Ngũ viết túy chi dĩ tửu nhi quan kỳ tính ;
 六 曰 臨 之 以 利 而 觀 其 廉 。
 Lục viết lâm chi dĩ lợi nhi quan kỳ liêm ;
 七 曰 期 之 以 事 而 觀 其 信 。
 Thất viết kỳ chi dĩ sự nhi quan kỳ tín .

將 材

TUỞNG TÀI

夫 將 材 有 八 ：

Phò tướng tài hữu bát :

道 之 以 德 ， 齊 之 以 禮 ， 知

Đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, tri

其 饑 寒 ， 察 其 勞 苦 ， 此 之 謂

kỳ cơ hàn, sát kỳ lao khổ, thử chi vị

仁 將 。

nhân-tướng ;

事 無 苟 免 ， 不 爲 利 撓 ， 有

Sự vô câu miễn, bất vi lợi náo, hữu

死 之 榮 ， 無 生 之 辱 ， 此 之 謂

tử chi vinh, vô sinh chi nhục, thử chi vị

義 將 。

nghĩa tướng.

貴 而 不 驕 ， 勝 而 不 恃 ， 賢

Quý nhi bất kiêu, thắng nhi bất thị, hiên

Thứ ba là đem **muu kế** mà hỏi ý kiến của họ để xem kiến thức của họ ;

Thứ tư là lấy **việc khó** mà báo cáo cho họ biết để xem tính dũng cảm của họ ;

Thứ năm là đem **ruợu** cho họ **uống say** để xem tính tình của họ ;

Thứ sáu là đưa **việc lợi** cho họ coi ngó để xét tính liêm khiết của họ ;

Thứ bảy là đem việc để **nhờ cậy** họ để xét sự tin thật của họ.

IV TÀI NĂNG CỦA TƯỚNG SÚY

Tài năng của tướng súy có *tám hạng* :

1) Dùng **đức** để đem đường cho người, dùng **lễ nghi** để sắp đặt yên ổn cho người, hiểu biết việc đói rét của họ, xem xét việc lao khổ của họ, đó gọi là hạng **nhân tướng** (tướng có lòng nhân ái) ;

2) *Không làm việc cầu thả* lấy rồi, *không vì lợi mà náo động*, có thể chết vinh mà *không thể sống nhục*, đó gọi là hạng **nghĩa tướng** (tướng có lòng nghĩa hiệp) ;

而能下，剛而能忍，此之謂
nhì năng hạ, cương nhì năng nhẫn, thử chí vị

禮將。

lễ-tướng ;

奇變莫測，動應多端，轉

Kỳ biến mạc trắc, động ứng đa đoan, chuyển

禍爲福，因危制勝，此之謂

họa vi phúc, nhân nguy chế thắng, thử chí vị

智將。

trí-tướng ;

進有厚賞，退有嚴刑，賞

Tấn hữu hậu thưởng, thoái hữu nghiêm hình, thưởng

不逾時，刑不擇貴，此之謂

bất du thời, hình bất trạch quý, thử chí vị

信將。

tín-tướng ;

足輕戎馬，氣蓋百夫，善

Túc khinh nhung mã, khí cái bách phu, thiện

用短兵，長於劍戟，此之謂

dụng đoản-binh, trường ư kiếm kích, thử chí vị

步將。

bộ-tướng ;

臨高歷險，馳射若飛，進

Lâm cao lịch hiểm, trì xạ nhược phi, tấn

則先行，退則後殿，此之謂

tác tiên hành, thoái tác hậu điện, thử chí vị

騎將。

kỵ-tướng ;

3) Ở địa vị cao quý mà không kiêu căng, hơn người mà không cậy công, có tài năng mà có thể **hạ mình**, cứng cỏi mà có thể **nhấn nhin**, đó là hạng **lễ tướng** (tướng có lễ nhượng) ;

4) Gặp biến cố bất ngờ mà *chẳng lay chuyển*, biết hành động ứng phó với các việc *khó khăn*, đối họa thành phước, gặp cơn nguy biến mà sắp đặt thành thắng thế, đó gọi là hạng **trí tướng** (tướng có mưu trí) ;

5) Bình tới thì thưởng lớn, bình lui thì phạt nặng, *khen thưởng không chậm trễ*, khi trừng phạt không buông tha cho kẻ cao quý, đó gọi là hạng **tín tướng** (tướng có lòng tin thực) ;

6) Tay chân *lẹ làng*, cỡi ngựa *dữ mạnh*, *khỏe hơn cá trăm người*, giỏi dùng đoàn binh (di chuyển mau lẹ) *thông thạo kiếm kích*, đó gọi là **bộ tướng** (tướng thủ hạ của bậc đại tướng).

7) Có thể vượt núi non cheo leo, từng trải các việc nguy hiểm, cỡi ngựa *bắn tên mau lẹ* như chim bay, tới thì đi trước, lui thì đi sau, đó gọi là **ky tướng** (tướng cỡi ngựa).

氣凌三軍，志輕強敵，怯
Khí lǎng tam quân, chí khinh cường địch, khiếp
於小戰，勇於大鬪，此之謂
ư tiểu chiến, dũng ư đại đấu, thử chi vị
猛將。

mãnh-tướng ;

見賢若不及，從諫若順流
Kiến hiền nhược bất cập, tòng gián nhược thuận lưu,
，寬而能剛，簡而多計，此
khoan nhi năng cương, giản nhi đa kế, thử
之謂大將。
chí vị đại - tướng.

將器

TƯỚNG KHÍ

夫將之器，大小不同，若
1 - Phù tướng chí khí, đại tiểu bất đồng, nhược
乃察其奸，伺其禍，爲衆心
nãi sát kỳ gian, ty kỳ họa, vi chúng tâm
所服，此十夫之將。
sở phục, thử thập phu chí tướng.

夙興夜寐，言詞密察，此
2 - Túc hưng dạ mi, ngôn từ mật sát, thử
百夫之將。
bách phu chí tướng.

直而有慮，勇而能鬪，此
3 - Trực nhi hữu lý, dũng nhi năng đấu, thử

8) Khí thế vượt hẳn ba quân, có ý coi thường địch mạnh, gặp đánh nhỏ thì nhát sợ, gặp đánh lớn thì mạnh, đó gọi là **mãnh tướng** (tướng mạnh dạn) ;

* Khi thấy bậc hiền tài thì mình tỏ ra vẻ không kịp người, nghe lời can ngăn như là thuận trôi theo dòng nước, có bụng rộng rãi nhưng có chí cương quyết, giản dị nhưng có nhiều mưu kế, đó là bậc **đại tướng**, (vượt hẳn tám hạng tướng kể trên).

V KHÍ CÁCH CỦA TƯỚNG SÚY

1- Về khí cách của tướng sủy, thì có kẻ nhiều, người ít chẳng giống nhau, ví bằng xét họ lúc phạm tội, xem họ lúc gặp tai họa mà cũng làm cho mọi người kính phục, đó là hạng **tướng coi được mười người**.

2- Sáng dậy tối ngủ (làm việc đều đặn), lời lẽ kín đáo rõ ràng, đó là **tướng coi được trăm người**.

3- Ngay thẳng mà biết lo tính, mạnh dạn mà thường chiến đấu, đó là **tướng coi được ngàn người**.

千夫之將。

thiên phu chi tướng.

外貌恆恆，中心烈烈，知
4.- Ngoại mạo hằng hằng, trung tâm liệt liệt, tri
人艱難，惜人饑寒，此萬人
nhân gian nan, tích nhân cơ hàn, thử vạn nhân
之將。

chi tướng.

近賢進能，日慎一日，誠
5.- Cận hiền tấn năng, nhật thận nhất nhật, thành
信寬大，閑於理亂，此十萬
tín khoan đại, nhàn ư lý loạn, thử thập vạn
人之將。

nhân chi tướng.

仁愛治於下，信義服鄰國
6.- Nhân ái trị ư hạ, tín nghĩa phục lân quốc,
，上曉天文，下察地理，中
thượng hiểu thiên văn, hạ sát địa lý, trung
悉人事，四海之內。親如室
tất nhân sự, tứ hải chi nội, thân như thất
家。此天下雄將。不可敵也
gia, thử thiên hạ hùng-tướng, bất khả địch giả.

將 弊

TƯỚNG TỆ

夫爲將之道。有八弊焉。

Phù vi tướng chi đạo, hữu bát tệ yên.

4- Ngoài mặt *điềm đạm*, trong lòng *cứng cỏi* mạnh mẽ, hiểu biết sự *gian nan* của người, nhớ nghĩ đến sự *đòi rết* của người, đó là **tuớng coi được muôn người**.

5- *Gần gũi* bậc *hiên tài*, *tiến dẫn* kẻ có tài năng, được một ngày, cẩn thận một ngày, *khoan dung* đại lượng, lo sửa trị việc rối loạn mà vẫn *thanh nhàn*, đó là **tuớng coi được mười vạn người**.

6- *Đem* lòng *nhân ái* mà trị kẻ dưới, có lòng *tín nghĩa* làm cho các nước ở gần phải kính phục, trên hiểu *thiên văn*, dưới xét *địa lý*, ở giữa biết rõ *nhân sự*, đối với người *trong bốn biển* thì thân mến gần gũi như *trong nhà*, đó là bậc **hùng tuớng** trong thiên hạ, không thể chống cự được.

VI CÁC NÉT XẤU CỦA TƯỚNG SÚY

Về đạo làm tướng có tám nét xấu :

- 1.— 一 日 貪 而 無 厭 。
Nhất viết tham nhi vô yếm ;
- 2.— 二 日 妒 賢 嫉 能 。
Nhị viết đố hiên, tật năng ;
- 3.— 三 日 信 讒 好 佞 。
Tam viết tín sàm, hiếu nịnh ;
- 4.— 四 日 料 彼 不 自 料 。
Tứ viết liệu bì, bất tự liệu ;
- 5.— 五 日 猶 豫 不 自 決 。
Ngũ viết do dự, bất tự quyết ;
- 6.— 六 日 荒 淫 於 酒 色 。
Lục viết hoang dâm ư tửu sắc ;
- 7.— 七 日 奸 詐 而 心 怯 。
Thất viết gian trá nhi tâm khiếp ;
- 8.— 八 日 狂 言 不 以 禮 。
Bát viết cuồng ngôn bất dĩ lễ .

將 忠

TƯỚNG TRUNG

- 1.— 兵 者 凶 器 。 將 者 危 任 ， 是
Binh giả hung khí, tướng giả nguy nhiệm ; thị
以 氣 剛 則 缺 。 任 重 則 危 。
dĩ khí cương tắc khuyết, nhiệm trọng tắc nguy.
- 2.— 故 善 將 者 不 恃 強 。 不 怙 勢
Cố thiện-tướng giả bất thị cường, bất hủ thế,
。 寵 之 不 喜 ， 辱 之 不 懼 。 見
sùng chi bất hỉ, nhục chi bất cự, kiến

- 1) *Thứ nhất* là **tham lam** mà không biết nhàm chán;
- 2) *Thứ hai* là **ghen ghét** người hiền lương hoặc có tài năng ;
- 3) *Thứ ba* là tin lời **dèm pha**, thích lời **nịnh hót** ;
- 4) *Thứ tư* là lo sửa cho người mà **chẳng lo sửa cho mình** ;
- 5) *Thứ năm* là **do dự** (chần chừ), không tự quyết định ;
- 6) *Thứ sáu* là **hoang dâm** về việc tử sắc ;
- 7) *Thứ bảy* là **gian trá** mà trong lòng **nhát sợ** ;
- 8) *Thứ tám* là nói lời **viển vông** mà không giữ lễ nghi.

VII LÒNG TRUNG NGHĨA CỦA TƯỚNG SÚY

1- Việc binh là *việc dữ*, tướng súy là người giữ *nhiệm vụ nguy hiểm*, đó là vì chí khí *cứng cỏi* thì phải *thiếu thốn lâm lỗi* ; nhiệm vụ quan trọng thì **nguy hại đến thân thể**.

2- Cho nên **tướng giỏi** *không ý mạnh, không cậy thế*, được yêu mến mà *không vui mừng*, bị nhục nhã mà *không*

利不貪。見色不淫。以身殉
lợi bất tham, kiến sắc bất dâm, dĩ thân tuân

國，一意而已。
quốc, nhất ý nhi dĩ.

將 善

TƯỞNG THIỆN

夫將有五善，四欲。
Phù tướng hữu ngũ thiện, tứ dục.

五善者，謂：

1.— Ngũ thiện giả vi :

善知敵之形勢

Thiện tri địch chi hình - thế ;

善知進退之道，

Thiện tri tiến thoái chi đạo ;

善知國之虛實，

Thiện tri quốc chi hư thực ;

善知天時人事，

Thiện tri thiên (thời) nhân sự ;

善知山川坦險。

Thiện tri sơn xuyên thán hiểm.

四欲者，議欲奇，

2.— Tứ dục giả : Nghị dục kỳ.

謀欲密，

Mưu dục mật,

lo sợ, thấy lợi mà không tham muốn, thấy sắc đẹp mà không mê đắm, đem thân quyết chết vì nước, chỉ có một tâm ý mà thôi.

VIII ĐIỀU HAY GIỎI CỦA TƯỚNG SÚY (1)

Tướng súy có năm điều hay giỏi, bốn điều mong muốn.

1- Năm điều hay giỏi là :

- 1) Giỏi biết hình thế của quân địch ;
- 2) Giỏi biết phép tới lui ;
- 3) Giỏi biết tình trạng hư thực của nước nhà ;
- 4) Giỏi biết thời trời, việc người ;
- 5) Giỏi biết các chỗ bằng phẳng hay hiểm trở của núi sông.

2- Bốn điều mong muốn là :

- 1) Bàn tính thì muốn cho kỳ diệu (hay ho khác thường)
- 2) Mưu kế thì muốn cho mật nhiệm ;

(1) Thiên tướng thiện (điều hay giỏi của tướng súy) khác với thiên thứ 24 là Thiên tướng (tướng giỏi)

衆欲靜，
Chúng dục tĩnh ;
心欲一。
Tâm dục nhất.

將 剛

TƯỚNG CƯƠNG

善將者，至剛不可折，至
1.- Thiện tướng giả, chí cương bất khả chiết, chí

柔不可卷。
nhu bất khả quyển.

故以弱制強，以柔制剛。
2.- Cố dĩ nhược chế cường, dĩ nhu chế cương.

純柔純弱，其勢必削，純
3.- Thuần nhu thuần nhược, kỳ thế tất tước, thuần

剛純強，其勢必亡，
cương thuần cường, kỳ thế tất vong.

不柔不剛，合道之常。
4.- Bất nhu bất cương, hợp đạo chí thường.

將 驕

TƯỚNG KIÊU

將不可驕，將驕則失禮，
1.- Tướng bất khả kiêu, tướng kiêu tác thất lễ,

失禮則人離，人離則衆叛。
thất lễ tác nhân ly, nhân ly tác chúng b叛.

3) Đồng người thì muốn được *yên tĩnh* ;

4) Tâm trí thì muốn cho *chuyên nhất*.

IX

TÍNH CỨNG CỎI CỦA TƯỚNG SÚY

1- Tướng giỏi rất *cứng cỏi* mà *không thể bé gãy*, rất *mềm* mà *không thể cuộn lại* (uốn cong).

2- Cho nên lấy *yếu* mà trị *mạnh*, lấy *mềm* mà trị *cứng*.

3- Toàn là *mềm*, toàn là *yếu* ắt là thế sẽ bị *tước đoạt*, toàn là *cứng*, toàn là *mạnh* ắt là thế sẽ bị *nguy vong*.

4- *Không mềm*, *không cứng* là hợp với *lẽ thường* của đạo lý.

X

TÍNH KIÊU CĂNG CỦA TƯỚNG SÚY

1- Tướng **chẳng nên kiêu căng**, tướng mà kiêu căng ắt là *thất lễ*, nếu *thất lễ* thì người sẽ *lìa bỏ*, nếu người *lìa bỏ* thì kẻ dưới sẽ *làm phản*.

- 將 不 可 怯 ， 怯 則 賞 信 不 行
 2. — Tướng bất khả lạn, lạn tắc thưởng tín bất hành,
 , 賞 信 不 行 , 則 士 不 致 命 ,
 thưởng tín bất hành, tắc sĩ bất trí mệnh,
 士 不 致 命 , 則 軍 無 功 , 軍 無
 sĩ bất trí mệnh, tắc quân vô công, quân vô
 功 , 則 國 虛 , 國 虛 則 寇 實 。
 công, tắc quốc hư, quốc hư tắc khấu thực.
 孔 子 曰 : 如 有 周 公 之 才 之
 3. — Khổng - Tử viết : Như hữu Chu-Công chi tài chi
 美 , 使 驕 且 吝 , 其 餘 不 足 觀
 mỹ, sử kiêu thà lạn, kỳ dư bất túc quan
 也 已 。
 giả dĩ.

將 强

TƯỚNG CƯỜNG

- 將 有 五 强 , 八 惡 。
 Tướng hữu ngũ cường, bát ác :
 高 節 可 以 勵 俗 ,
 Cao tiết khả dĩ lệ tục ;
 孝 弟 可 以 揚 名 ,
 Hiếu đễ khả dĩ dương danh ;
 信 義 可 以 交 友 ,
 Tín nghĩa khả dĩ giao hữu ;
 汎 愛 可 以 容 衆 ,
 Phiếm - ái khả dĩ dung chúng ;

2- Tướng **chẳng nên bủn xỉn hẹp hòi**, nếu hẹp hòi ắt là sự tướng thưởng và tin cậy chẳng thi hành, nếu sự tin thưởng chẳng thi hành ắt là kẻ sĩ chẳng hết lòng tuân mệnh, nếu kẻ sĩ không hết lòng tuân mệnh ắt là quân đội không lập nên chiến công, nếu quân đội không có chiến công thì nước sẽ hư hao, nếu nước hư hao thì trộm cướp sẽ đầy rẫy.

3- **Khổng Tử** nói rằng : Như có kẻ có tài năng và nghề hay như **Ông Châu Công** mà lại có tính kiêu căng và biếng lận thì tài nghề ấy không đủ để người ta xem xét mà kính trọng nữa (Luận Ngữ : Chương Thái Bá, tiết 12)

XI ĐIỀU MẠNH CỦA TƯỚNG SÚY

Tướng có **năm điều mạnh, tám điều ác**.

- 1) *Thanh cao* và *tiết tháo* để có thể khuyên đời ;
- 2) *Hiếu để* để có thể nêu danh ;
- 3) *Tín nghĩa* để có thể giao thiệp với bạn hữu ;
- 4) Có lòng *thương yêu rộng rãi* để có thể bao dung cho người ;

力行可以建功，

Lực hành khả dĩ kiến công.

此將之五強也。

Thử tướng chi ngũ cường giả.

謀不能料是非，

Mưu bất năng liệu thị phi；

理不能任賢良，

Lý bất năng nhiệm hiền lương；

亂不能正刑法，

Loạn bất năng chính hình-pháp；

富不能濟貧乏，

Phú bất năng tế bần phạp；

智不能備未形，

Trí bất năng bị vị hình；

慮不能防微密，

Lự bất năng phòng vi mật；

達不能舉所知，

Đạt bất năng cử sở tri；

敗不能無毀謗，

Bại bất năng vô hủy báng；

此之謂八惡也。

Thử chi vị bát ác giả.

出師

XUẤT SƯ

古者，國有難，君簡賢而

1.- Có giả, quốc hữu nan, quân giản hiền nhi

5) *Hết sức làm việc để có thể lập công ;*

Đó là **năm điều mạnh** của tướng sủy.

1) Sắp đặt mưu kế mà chẳng thể tính việc phải trái ;

2) Sửa trị mà chẳng thể bỏ nhiệm người hiền lương ;

3) Gặp loạn mà chẳng có thể sửa hình pháp cho đúng
dân ;

4) Giàu mà chẳng có thể giúp kẻ nghèo túng ;

5) Có tri thức mà chẳng có thể chuẩn bị khi việc
chưa thành hình ;

6) Lo tính mà chẳng có thể giữ gìn công việc cho
được kín đáo ;

7) Khi thành đạt mà chẳng có thể tiến cử kẻ mà
minh biết khả năng ;

8) Khi thất bại mà chẳng có thể tự ngăn giữ mình
đừng hủy báng người.

Đó gọi là **tám điều ác**.

XII RA QUÂN

1- Ngày xưa, khi nước nhà gặp nguy nan, nhà Vua

使 之 ， 齋 三 日 ， 入 廟 門 ， 而
sử chi, trai tam nhật, nhập miếu môn, diện
南 立 ， 將 北 面 ， 太 師 進 斧 鉞
nam lập, tướng bắc diện, Thái - Sư tiến phủ việt
於 君 ，
ư quân.

君 持 斧 鉞 ， 以 柄 授 於 將 曰
2.- Quân trì phủ việt, dĩ binh thụ ư tướng viết :
： 闔 外 ， 將 軍 裁 之 ，
khôn ngoại, tướng-quân tài chí.

復 命 曰 ：
3.- Phục mệnh viết :

見 其 虛 則 進 ，
Kiến kỳ hư tác tiến ;
見 其 實 則 止 ，
Kiến kỳ thực tác chí ;
勿 以 身 貴 而 賤 人 ，
Vật dĩ thân quý nhi tiệt nhân ;
勿 以 獨 見 而 違 衆 ，
Vật dĩ độc kiến nhi vi chúng ;
勿 以 巧 佞 而 違 忠 信 。
Vật dĩ xảo nịnh nhi vi trung tín .
士 未 坐 勿 坐 ，
Sĩ vị tọa vật tọa ,
士 未 食 勿 食 ，
Sĩ vị thực vật thực ,
同 寒 暑 ， 等 勞 逸 ，
Đồng hàn thử, đẳng lao dật ,

chọn kẻ hiền tài để dùng, giữ **trai giới ba ngày**, vào cửa **Thái Miếu**, đứng xoay mặt về hướng **nam**, còn **Tướng Sứ** xoay mặt về hướng **bắc**, quan **Thái sư** bèn dâng **riêu**, **búa** lên cho vua.

2- Nhà vua cầm lấy **riêu búa** trao đầu *cán* cho **Tướng** mà nói rằng : "**Từ cửa thành trở ra, do Tướng quân quyết đoán**".

3- Lại **ban mệnh** dạy rằng :

- Thấy **hư** (không trở ngại) thì tiến ;
- Thấy **thực** (có trở ngại) thì dừng ;
- Chẳng nên quý mình mà khinh người ;
- Chẳng nên giữ riêng ý kiến của mình mà vứt bỏ ý kiến của mọi người ;
- Đừng nên dùng bọn xảo nịnh mà rời bỏ người trung tín ;
- Sĩ tốt chưa ngồi thì mình chẳng nên ngồi ;
- Sĩ tốt chưa ăn thì mình chẳng nên ăn ;
- Cùng chịu lạnh, nắng với nhau, cùng chịu mệt nhọc, hưởng an nhàn với nhau ;

齊甘苦，均危患，

Tề cam khổ, quân nguy hoạn,

此則士必盡命，敵必可亡

Thử tắc sĩ tất tận mệnh, địch tất khả vong.

將受詞訖，鑿凶門引軍而

3.— Tướng thọ từ ngật (cật), tạc hung môn, dẫn quân nhi

出，

xuất.

君送之，跪而捧轂曰：進

4.— Quân tống chi, quy nhi bồng cốc viết : Tấn

退維時，軍中之事，不聞君

thoái duy thời, quân trung chi sự, bất văn quân

命，皆由將出，

mệnh, giai do tướng xuất.

若此，則無天於上，無地

5.— Nhược thử, tắc vô thiên ư thượng, vô địa

於下，無敵於前，無主於後

ư hạ, vô địch ư tiền, vô chủ ư hậu,

，是以智者爲之慮，勇者爲

thị dĩ trí giả vi chí lự, dũng giả vi

之圖。故戰勝於外，立功於

chi đấu, cổ chiến thắng ư ngoại, lập công ư

內，揚名於後代，福延及於

nội, dương danh ư hậu đại, phúc diên cập ư

子孫。

tử tôn.

- Đều ném ngọt đắng với nhau, đều chịu cảnh nguy nan, lo lắng với nhau ;

Như thế ắt là sĩ tốt phải hy sinh tính mệnh, và quân địch phải thua.

3- Tướng nghe lời dạy xong, luôn quan **cửa dữ (xấu)** (1), dẫn quân mà đi ra.

4- Nhà vua tiễn đưa, **quý xuống** hai tay cầm trục bánh xe nói rằng : **"Tối lui hãy giữ đúng thời nghi, việc trong quân đội không còn nghe tuân mệnh Vua, tất cả đều do Tướng quyết đoán đưa ra"**.

5- Được như thế, ắt là ở **trên không còn có Trời, ở dưới không còn có Đất, ở trước không sợ quân địch, ở sau không biết có Chúa**, nhờ đó mà kẻ trí thức thì lo toan, kẻ mạnh dạn thì chiến đấu, cho nên đánh thắng đối với bên ngoài, lập công đối với bên trong, nêu danh tới đời sau, phước được hưởng tới con cháu.

(1) Cửa dữ ở đây là phương hướng xấu tùy theo ngày giờ (Bát Môn độn học

擇材

TRACH TÀI

- 夫師之行也，有好鬪樂戰
1.- Phò sư chi hành giã, hữu hiếu đấu, lạc chiến,
，獨取強敵者，聚爲一徒，
độc thù cường địch giã, tụ vi nhất đồ,
名曰報國之士。
danh viết báo - quốc chí sĩ.
- 有氣蓋三軍，材力勇捷者
2.- Hữu khí cái tam quân, tài lực dũng tiệp giã,
，聚爲一徒，名曰突陣之士
tụ vi nhất đồ, danh viết đột - trận chí sĩ,
有足輕善步，走如奔馬者
3.- Hữu túc khinh thiện bộ, tẩu như bên mã giã,
，聚爲一徒，名曰擐旗之士
tụ vi nhất đồ, danh viết khiên - kỳ chí sĩ.
- 有騎射若飛，發無不中者
4.- Hữu kỵ xạ nhưc phi, phát vô bất trúng giã,
，聚爲一徒，名曰爭鋒之士
tụ vi nhất đồ, danh viết tranh-phong chí sĩ.
- 有射必中，中必死者，聚
5.- Hữu xạ tất trúng, trúng tất tử giã, tụ
爲一徒，名曰飛馳之士。
vi nhất đồ, danh viết phi - trì chí sĩ.
- 有善發強弩，遠而必中者
6.- Hữu thiện phát cường nỏ, viễn nhi tất trúng giã,

XIII CHỌN LỰA NHÂN TÀI

1) Khi quân đội đang đi đường, nếu có những kẻ ham thích việc chiến đấu, có thể một mình bắt được địch mạnh, thì gom họ lại thành một toán, gọi là **binh báo quốc** (*đến ơn nước*).

2) Nếu có những kẻ có khí lực bao trùm ba quân, tài sức mạnh dạn mau mắn, thì gom họ lại thành một toán gọi là **binh đột trận** (*xông trận*).

3) Nếu có những kẻ lẹ chân, giỏi đi bộ, chạy như ngựa phi, thì gom họ lại thành một toán gọi là **binh khiên kỳ** (*giữ cờ*).

4) Nếu có những kẻ cỡi ngựa, bắn tên như bay, chẳng phát nào không trúng, thì gom họ lại thành một toán gọi là **binh tranh phong** (*giành đi trước*).

5) Nếu có những kẻ bắt ắt là trúng, nếu trúng ắt là chết, thì gom họ lại thành một toán, gọi là **binh phi trì** (*bay chạy*).

，聚爲一徒，名曰摧鋒之士
 tụ vi nhất đồ, danh viết tòi-phong chí sĩ.
 此六軍之善士，各因其能
 Thử lục quân chí thiện sĩ, các nhân kỳ năng
 而用之。
 nhi dụng chí.

智 用

TRÍ DỤNG

- 夫爲將之道，必順天因時
 1.- Phò vi tướng chi đạo, tất thuận thiên, nhân thời,
 ，依人以立勝也。
 y nhân dĩ lập thắng giã.
- 故天作時不作而人作，謂
 2.- Cổ thiên tác, thời bất tác, nhi nhân tác, vị
 之逆時。
 chi nghịch thời ;
- 時作天不作而人作，謂之
 3.- Thời tác, thiên bất tác, nhi nhân tác, vị chi
 逆天。
 nghịch thiên ;
- 天作時作而人不作，謂之
 4.- Thiên tác, thời tác, nhi nhân bất tác, vị chi
 逆人。
 nghịch nhân.
- 智者不逆天，不逆時，不
 5.- Trí giả bất nghịch thiên, bất nghịch thời, bất

6- Có những kẻ giỏi bắn nỏ mạnh, tuy từ xa mà đều trúng cả, thì gom họ lại thành một toán, gọi là **binh tối phong** (*bé gãy mũi nhọn*).

Đó là hạng lính giỏi của sáu đội binh, đều nhân tài năng của họ mà dùng họ.

XIV CÁCH DÙNG CƠ TRÍ

1- Đạo làm tướng là thuận theo ý trời, nhân thời cơ, dựa vào sức người để sắp đặt cho được **thắng thế**.

2- Cho nên trời làm, thời chẳng làm, mà người làm, đó gọi là **ngịch trời**.

3- Thời làm, trời chẳng làm, mà người làm, đó gọi là **ngịch trời** ;

4- Trời làm, thời làm, mà người chẳng làm, đó gọi là **ngịch với người**.

5- Bậc trí thức chẳng nghịch với ý trời, chẳng nghịch với thời cơ, chẳng nghịch với lòng người.

逆人也。
nghịch nhân giá.

不 陣 BÁT TRẬN

- 古 之 善 理 者 不 師 , 善 師 者
1. - Cổ chi thiện lý giả bất sư, thiện sư giả
不 陣 , 善 陣 者 不 戰 , 善 戰 者
bất trận, thiện trận giả bất chiến, thiện chiến giả
不 敗 , 善 敗 者 不 亡 。
bất bại, thiện bại giả bất vong.
- 昔 者 聖 人 之 致 理 也 , 安 其
2. - Tích giả, thánh-nhân chí trí lý giả, an kỳ
居 , 樂 其 業 , 人 至 老 不 相 攻
cư, lạc kỳ nghiệp, nhân chí lão bất tương công
伐 , 可 謂 善 理 者 不 師 ,
phạt, khả vị thiện lý giả bất sư,
若 舜 修 典 刑 , 咎 繇 作 士 ,
3. - Nhược Thuấn tu điển - hình, Cửu-Đo (Điêu) tác sĩ,
人 不 犯 令 , 刑 無 所 施 , 可 謂
nhân bất phạm lệnh, hình vô sở thi, khả vị
善 師 者 不 陣 ,
thiện sư giả bất trận.
若 禹 伐 有 苗 , 舞 干 羽 而 苗
4. - Nhược Vũ phạt Hưu-Miêu, vũ can vũ nhi Miêu.
民 格 , 可 謂 善 陣 者 不 戰 。
dân cách, khả vị thiện trận giả bất chiến.
若 湯 武 誓 師 , 一 戎 衣 而 天
5. - Nhược Thang Vũ thệ - sư, nhất nhung - y nhi thiên

XV KHÔNG BÀY CHIẾN TRẬN

1- Ngày xưa, người sửa trị giỏi **không cần dùng binh**, kẻ giỏi dùng binh **không cần bày trận**, kẻ bày trận giỏi **không cần đánh**, kẻ giỏi đánh thì **không để thua**, kẻ giỏi thua **không để mất**.

2- Ngày xưa, bậc thánh nhân sửa trị tới nơi tới chốn làm cho dân **an cư** (yên ổn về chỗ ở), **lạc nghiệp** (vui về nghề nghiệp) người người từ trẻ đến già không đánh nhau, như thế đáng gọi là **người sửa trị giỏi thì không cần dùng binh**.

3- Như **Vua Thuấn** sửa lại phép tắc, pháp luật, **Cửu Do** dạy nhân sĩ, người người chẳng trái lệnh trên nên hình phạt không có chỗ mà áp dụng, như thế đáng gọi là **kẻ giỏi dùng binh thì không cần bày trận**.

4- Như **Vua Hạ Vũ** đánh rợ Hữu Miêu, cho múa mộc và múa quạt làm cảm động được dân Miêu, như thế đáng gọi là **người giỏi bày trận mà không cần đánh** (Theo kinh *Thượng Thư*, thiên *Đại Vũ Mô*, thì Hạ Vũ ra quân mà không đánh, chỉ cho múa mộc mà múa quạt ở hai bên thêm, chỉ sau bảy tuần mà chúa Hữu Miêu đến châu) (1).

(1) Vua Hạ Vũ không dùng võ đức mà dùng văn đức.

下大定，可謂善戰者不敗。

hạ đại định, khả vị thiện chiến giả bất bại.

若楚昭王遭禍，奔秦請救

6.- Nhược Sở-Chiêu-Vương tao họa, bôn Tần thỉnh cứu,

，卒能返其國，可謂善敗者

thốt năng phản kỳ quốc, khả vị thiện bại giả

不亡也。

bất vong giả.

將 誠

TƯỚNG THÀNH

書 曰：

A.- Thư viết:

狎侮君子，罔以盡人心。

Hiệp vũ quân-tử, vãng dĩ tận nhân-tâm.

狎侮小人，罔以盡人力。

Hiệp vũ tiểu-nhân, vãng dĩ tận nhân-lực.

行兵之要，

B.- Hành binh chí yếu:

務挐英雄之心，

1.- Vụ lăm anh-hùng chí tâm;

嚴賞罰之科，

2.- Nghiêm thưởng phạt chí khoa;

總文武之道，

3.- Tổng văn võ chí đạo;

兼剛柔之術。

4.- Kiểm cương-nhu chí thuật;

5- Như **Vua Thành Thang** nhà **Thương** và **Vua Võ Vương** nhà **Chu** làm lễ thệ sư (cùng thệ với quân đội), chỉ dùng nhưng y một lần mà thiên hạ đại định, như thế đáng gọi là **kẻ giỏi đánh thì không thua**.

6- Như **Vua Chiêu Vương** nước **Sở**, gặp nạn, trốn qua nước **Tấn** để xin binh cứu viện, chẳng bao lâu lại có thể trở về nước mình, như thế đáng gọi là **kẻ giỏi thua thì không mất** (1).

XVI LÒNG THÀNH CỦA TƯỚNG SÚY

A- **Kinh Thu** nói rằng :

- Khinh thường người *quân tử* thì không thể dùng hết lòng người ;

- Khinh thường kẻ *tiểu nhân* thì không thể dùng hết sức người.

B- Các điều trọng yếu của **phép chỉ huy** quân đội là :

- 1- Nắm giữ lòng dạ của các bậc *anh hùng* ;
- 2- Sắp đặt việc *thưởng phạt* cho được nghiêm nhặt ;
- 3- Gom góp được cả hai nghề *văn võ* ;
- 4- Gồm kiêm được cả hai thuật *cứng mềm* ;

(1) Nhờ có tôi trung là **Thần Bao Tử**, qua cầu cứu với ông ngoại **Sở Vương** là **Tấn Hạo**, đứng giữa sân triều la khóc bảy ngày đêm, không chịu ăn uống để xin viện binh

說禮樂而敦詩書，

5.- *Thuyết lễ nhạc nhi đôn thi thư ;*

先仁義而後智勇。

6.- *Tiên nhân nghĩa nhi hậu trí dũng ;*

靜若潛魚，動若奔獺。

7.- *Tĩnh nhưc tiềm ngư, động nhưc bôn thát ;*

散其所連，折其所強。

8.- *Tán kỳ sở liên, chiết kỳ sở cường ;*

耀以旌旗，戒以金鼓。

9.- *Diệu dĩ tinh kỳ, giới dĩ kim cổ ;*

退若山移，進如風雨。

10.- *Thoái nhưc sơn di, tấn như phong vũ ;*

擊崩若摧，合戰如虎。

11.- *Kích băng nhưc tài, hiệp chiến như hổ ;*

迫而容之，利而誘之。

12.- *Bách nhi dung chi, lợi nhi dụ chi ;*

亂而取之，卑而驕之。

13.- *Loạn nhi thủ chi, ty nhi kiêu chi ;*

親而離之，強而弱之。

14.- *Thân nhi ly chi, cường nhi nhưc chi ;*

有危者安之，有懼者悅之

15.- *Hữu nguy giả an chi, hữu cụ giả duyệt chi ;*

有叛者懷之，有冤者伸之

16.- *Hữu bện giả hoài chi, hữu oan giả thân chi ;*

有強者抑之，有弱者扶之

17.- *Hữu cường giả ức chi, hữu nhưc giả phò chi ;*

- 5- Giảng dạy lễ, nhạc và trau dồi thơ, sách ;
- 6- Đua nhân nghi ra trước, để trí dũng ra sau ;
- 7- Lặng lẽ như cá lặn, hành động như rái (cá) bơi ;
- 8- Phá tan thế liên kết của địch, bẻ gãy thế mạnh của địch;
- 9- Dùng cờ xí để thấy rõ, dùng chiêng trống để báo hiệu ;
- 10- Lui giống như núi dời chỗ, tới giống như gió mưa;
- 11- Đánh ngã giống như phá đổ, hợp đánh như cợp bầy ;
- 12- Bức bách địch để mà dung nạp chúng, lấy điều lợi ích mà dân dụ chúng ;
- 13- Gây rối loạn để bắt địch, tự hạ mình để cho địch trở nên kiêu căng ;
- 14- Tổ ý thân mật với địch để ly gián chúng, tỏ ra mạnh mẽ để làm chúng nhụt nhuệ khí ;
- 15- Có ai gặp nguy nan thì làm cho họ yên ổn, có ai lo sợ thì làm cho họ vui lòng ;
- 16- Có ai phản trắc thì kêu họ quay về, có ai bị oan khuất thì giải thoát cho họ ;
- 17- Có ai cường bạo thì kiềm chế chúng lại, có ai yếu đuối thì giúp đỡ họ ;

- 有謀者親之。有讒者覆之。
 18.- Hữu mưu giả thân chi, hữu sàm giả phúc chi;
 有獲財者與之。
 19.- Hữu hoạch tài giả dữ chi;
 不恃力而輕敵，
 20.- Bất thị lực nhi khinh địch;
 不傲才而輕下。
 21.- Bất ngạo tài nhi khinh hạ;
 不固寵而作威。
 22.- Bất cố sủng nhi tác uy;
 先計而後動，知勝而後戰。
 23.- Tiên kế nhi hậu động, tri thắng nhi hậu chiến;
 得其財帛不自寶，得其子女
 24.- Đắc kỳ tài bạch bất tự bảo; đắc kỳ tử
 女不自使。
 nữ bất tự sử.
 將能若此，發號施令，而
 C.- Tướng năng nhưc thử, phát hiệu thi lệnh, nhi
 人願鬪，兵不刃血，而敵自
 nhân nguyện đấu, binh bất sang huyết, nhi địch tự
 敗矣。
 bại hĩ.

戎備

NHUNG BỊ

- 夫國之大務，莫大於戎事。
 1.- Phù quốc chi đại vụ, mạc đại ư nhung sự

18- Có ai nhiều mưu thì *gần gũi* họ, có ai dèm pha thì *xét lại* cho kỹ càng ;

19- Có ai được tiền của thì lấy của ấy *cấp cho* họ ;

20- Không nên ý mạnh mà khinh địch ;

21- Chớ nên tự kiêu vì có tài mà khinh kẻ dưới.

22- Chớ nên cậy được thương yêu mà làm oai ;

23- Trước hết phải *tính toán* rồi sau mới động binh, phải *biết chắc thắng* rồi sau mới đánh ;

24- Được tiền của, lựa là, chớ nên giữ làm của quý, được con trai, con gái, chớ nên tự sử dụng ;

C- Người tướng có thể xử trí được như thế, chỉ cần ra hiệu, ban lệnh là người người quyết đánh giặc, binh sĩ chẳng phải đổ máu mà địch quân sẽ tự thất bại.

XVII CHUẨN BỊ BÌNH NHUNG

1- Việc lớn của nước, chẳng có gì lớn bằng **chuẩn bị việc binh nhung**. Ví bằng để mất đi một việc nhỏ như hào ly thì sẽ sai tới muôn dặm, để cho quân chết,

備。若乃失之毫釐，差之萬
bị. Nhưc nãi thất chi hào ly, sai chi vạn
里，殺軍獲將，勢不逾息，
lý, sát quân hoạch tướng, thế bất du tức,
可不懼哉。
khả bất cù tai!

2.- 故國有難，君臣肝食而謀
Cổ quốc hữu nan, quân thần can thực nhi mưu
之，簡賢料能而任之。
chi, giản hiên liệu năng nhi nhiệm chi.

3.- 若乃居安而不思危，寇至
Nhưc nãi cư an nhi bất tư nguy, khấu chí
而不知懼，此謂燕巢於幕，
nhi bất tri cù, thử vị yến - sào ư mạc,
魚游於鼎，亡不待夕矣。
ngư du ư đỉnh, vong bất đãi tịch hỹ.

4.- 傳曰：不備不可以師。
Truyện viết : Bất bị bất khả dĩ sư.

5.- 又曰：國無小，有備故也。
Hựu viết : Quốc vô tiếu, hữu bị cố giả.

6.- 又曰：預備無虞，善政之
Hựu viết : Dự - bị vô ngu, thiện chính chi

道。
đạo.

7.- 又曰：蜂蠆尚有毒，而況
Hựu viết : Phong sái thượng hữu độc, nhi huống
國乎？無備雖衆，不可恃也。
quốc hử ? Vô bị tuy chúng, bất khả恃 giả.

tướng bị bắt, thế nguy chẳng vượt qua cho yên ổn được, thì chẳng đáng lo sợ hay sao ?

2- Cho nên khi nước gặp nguy nan, Vua Tôi phải ăn **tối mặc đêm** (1) để mà **muu tính**, chọn người **hiển tài**, liệu lường năng lực của họ để bổ nhiệm họ.

3- Ví bằng cứ ở yên mà chẳng lo nguy, giặc đến mà không biết lo sợ, đó là chim én xây tổ ở trong màn, cá lội trong vác, ắt là phải mất chẳng cần chờ hết ngày vậy.

Sách truyện nói rằng : Không chuẩn bị thì không đáng gọi là quân đội.

5- Lại nói rằng : Việc nước chẳng có việc gì là việc nhỏ, có **chuẩn bị** đó là nền gốc.

6- Lại nói rằng : Có **dự bị** thì khỏi lo lắng, đó là phép chính trị tốt đẹp.

7- Lại nói rằng : Con ong và con bò cạp còn có **nọc độc** của chúng, huống là nước nhà sao ? Không phòng bị thì dầu có đông dân, cũng không thể cậy vào đó được.

(1) Cán thực, tiêu y : ăn tối, mặc đêm ; ngày lo việc nước là việc chung, không kịp nghĩ tới việc ăn mặc là việc riêng

書曰：惟事事乃其有備，
8.- Thư viết : Duy sự, sự nãi kỳ hữu bị,

有備無患。
hữu bị vô hoạn.

故三軍之行，不可不備也。
9.- Cổ tam quân chi hành, bất khả bất bị giá.

習 練

TẬP LUYỆN

夫卒不習練，百不當一，
1.- Phù tốt bất tập - luyện, bách bất đương nhất.

習而用之，一以當百。
Tập nhi dụng chi, nhất dĩ đương bách.

故仲尼曰：不教而戰，是
2.- Cổ Trọng - Ni viết : Bất giáo nhi chiến, thị

謂棄之。
vị khí chi.

又曰：善人教民七年，亦
Hựu viết : Thiện-nhân giáo dân thất niên, diệc

可以即戎矣。然則士不可不
khả dĩ tức nhung hỹ, Nhiên tắc sĩ bất khả bất

教。
giáo.

先訓之以禮義，
3.- Tiên huấn chí dĩ lễ nghĩa,

誨之以忠信，
Hối chí dĩ trung tín,

8- **Kinh Thu** nói rằng : Chỉ suy nghĩ về công việc thì công việc sẽ được **hoàn bị**, hoàn bị rồi thì khỏi phải lo lắng.

9- Cho nên khi ba quân ra đi đánh giặc, không thể không lo **chuẩn bị** trước.

XVIII TẬP LUYỆN

1- Quân lính mà không tập luyện thì **một trăm** người không bằng **một** người có tập luyện. Tập luyện rồi mà đem dùng thì **một** người có thể bằng **trăm** người (không tập luyện).

2- Cho nên **Trọng Ni** nói rằng : **Không dạy mà đem đi đánh nhau, đó gọi là đem đi vứt bỏ.** (Luận Ngữ, chương Tử Lộ, tiết 30).

Lại nói rằng : **Bậc tài giỏi dạy dân bảy năm cũng có thể khiến họ gần trở nên những chiến sĩ hoàn toàn rồi.** (Luận Ngữ, chương Tử Lộ, tiết 29).

Như thế ắt là sĩ tốt không thể không thay.

3- Trước kết lấy **lễ nghĩa** mà dạy bảo chúng.

Lấy điều **trung tín** mà khuyên răn chúng,

誠之以典刑，

Giới chí dĩ điển hình,

威之以賞罰，

Uy chí dĩ thưởng phạt,

人知其勸矣，

Nhân tri kỳ khuyến hỹ,

然後習之。

Nhiên hậu tập chí.

或陣而分之。

Hoặc trận nhi phân chí,

坐而起之，

Tọa nhi khởi chí,

行而止之，

Hành nhi chí chí,

別而合之，

Biệt nhi hợp chí,

前而卻之，

Tiền nhi khước chí,

散而聚之。

Tán nhi tụ chí.

一人可教十人，十人可教

5. - Nhất nhân khả giáo thập nhân, thập nhân khả giáo

百人，百人可教千人，千人

bách nhân, bách nhân khả giáo thiên nhân, thiên nhân

可教萬人，以成三軍。如此

khả giáo vạn nhân, dĩ thành tam quân. Như thử

練之，敵必敗矣。

luyện chí, địch tất bại hỹ.

Dùng **pháp luật** mà răn đe chúng,

Dùng **thuởng phạt** mà làm cho chúng sợ uy,

- Người ta phải biết **khuyến khích** chúng,

Rồi sau mới **luyện tập** chúng.

4- Hoặc **bày trận** mà **phân bố** chúng.

- Chúng đang **ngồi** mà bắt đứng **dậy đi**.

- Chúng đang **đi** mà bắt **dừng lại**.

- Chúng đang ở **xa nhau** mà bắt **hợp lại**,

- Chúng đang **tiến lên trước** mà bắt **đi lui lại đằng sau**,

- Chúng đang bị **phân tán** mà bắt **tụ lại một nơi**.

5- **Một** người có thể dạy **mười** người, mười người có thể dạy **trăm** người, trăm người có thể dạy **ngàn** người, ngàn người có thể dạy **vạn** người, để lập thành **ba quân**.
Cứ như thế mà luyện tập thì địch ắt phải thua vậy.

軍 臺

QUÂN ĐÓ

夫 三 軍 之 行 ,
Phù tam quân chi hành ;

- 1.- 有 探 候 不 謹 , 烽 火 失 度 ,
Hữu thám hậu bất cẩn, phong hỏa thất độ ;
- 2.- 後 期 犯 令 , 不 應 時 機 , 阻
Hậu kỳ phạm lệnh, bất ứng thời cơ, trở
亂 師 徒 ,
loạn sư đồ ;

- 3.- 乍 前 乍 後 , 不 合 金 鼓 。
Sạ tiền sạ hậu, bất hợp kim cổ ;

- 4.- 上 不 恤 下 , 削 刻 無 厭 ,
Thượng bất tuất hạ, tước khắc vô yếm ;

- 5.- 營 私 徇 己 , 不 恤 饑 寒 ,
Doanh tư tuần kỷ, bất tuất cơ hàn ;

- 6.- 非 言 妖 詞 , 妄 陳 禍 福 ,
Phi ngôn yêu từ, vọng trần họa phúc ;

- 7.- 喧 雜 驚 亂 , 眩 惑 將 吏 ,
Huyên tạp kinh loạn, huyền hoặc tướng lại ;

- 8.- 勇 不 受 制 , 專 邪 凌 上 ,
Dũng bất thọ chế, chuyên tà lăng thượng ;

- 9.- 虛 竭 軍 庫 , 以 給 其 身 。
Hư kiệt quân khố, dĩ cấp kỳ thân .

- 此 九 者 , 三 軍 之 蠹 , 有 之
Thử cửu giả, tam quân chi đố, hữu chi

必 敗 矣 。
tất bại hĩ .

XIX

QUÂN SÂU MỌT (ĂN HẠI)

Khi ba quân ra đi để đánh giặc :

1) Có quân thám thính không cẩn thận, dùng lửa ra hiệu không đúng qui củ ;

2- Trễ kỳ hạn, vi phạm lệnh trên, không kịp thời cơ, làm trở ngại và phá rối quân đội ;

3- Khi thì ở đằng trước, khi thì ở đằng sau, không theo hiệu lệnh chiêng trống ;

4) Làm người trên mà chẳng đoái nghĩ đến kẻ dưới, cướp bóc phá hoại không nhằm chán ;

5) Chỉ lo tính làm lợi riêng, chỉ biết thân mình, không cứu giúp kẻ đói lạnh ;

6) Nói lời trái lẽ, quái gở, lừa dối bày ra chuyện họa phúc ;

7) Gây ra sự huyền não, lộn xộn, làm cho quân đội sợ hãi rối loạn, lừa dối các tướng tá và các lại sĩ ;

8) Mạnh dạn mà không chịu kiểm chế, chuyên làm những việc tà vạy, xúc phạm tới người trên ;

9) Làm cho kho lương của quân đội phải hư hao để cấp riêng cho mình.

* Chín hạng người ấy là **sâu một** của quân đội, có chúng nó ắt phải thua.

腹 心

PHÚC TÂM

- 夫 爲 將 者 ， 必 有 腹 心 耳 目
1.— Phù vi tướng giả, tất hữu phúc tâm nhĩ mục

爪 牙 。
trảo nha.

- 無 腹 心 者 ， 如 人 夜 行 ， 無
2.— Vô phúc tâm giả, như nhân dạ hành, vô

所 措 手 足 。
sở thố thủ túc.

- 無 耳 目 者 ， 如 冥 然 而 居 ，
3.— Vô nhĩ mục giả, như minh nhiên nhi cư,

不 知 運 動 。
bất tri vận - động.

- 無 爪 牙 者 ， 如 饑 人 食 毒 物
4.— Vô trảo nha giả, như cơ - nhân thực độc vật,

， 無 不 死 矣 。
vô bất tử hỹ.

- 故 善 將 者 ， 必 有 ；
5.— Cố thiện-tướng giả, tất hữu :

博 聞 多 智 爲 腹 心 ，
Bác văn đa trí vi phúc tâm ;

沉 審 謹 密 爲 耳 目 ，
Trầm thẩm cẩn mật vi nhĩ mục ;

勇 捍 善 敵 者 爲 爪 牙 。
Dũng hãn thiện địch giả vi trảo nha.

XX
NGƯỜI TÂM PHÚC (NGƯỜI THÂN)

1- Làm tướng sủy ắt phải có hạng người thân để làm **bụng, tim, tai, mắt, móng, răng.**

2- Không có người để làm **bụng** và **tim**, cũng như người đi đêm, không biết đặt tay chân vào chỗ nào.

3- Không có người để làm **tai** và **mắt** cũng như ở chỗ tối tăm, không biết cách vận động.

4- Không có người để làm **móng** và **răng** cũng như người đói ăn phải vật độc, không thể tránh khỏi chết được.

5- Cho nên bậc tướng giỏi ắt phải có :

- Hạng người **nghe rộng**, có nhiều **cơ trí** để làm *bụng và tim.*

- Hạng người **lặng lẽ sâu xa, khảo sát kỹ càng, cẩn thận kín đáo**, để làm *tai và mắt ;*

- Hạng người **manh dạn, dữ tợn, đánh giỏi** để làm *móng và răng.*

謹 候

CẢN HẬU

夫爲敗軍喪師，未有不因

1.— Phò vi bại quân táng sư, vị hữu bất nhân

輕敵而致禍也。

khinh địch nhi trí họa giã.

故師出以律，失律則凶。

2.— Cổ sư xuất dĩ luật, thất luật tắc hung.

律道有十五焉：

Luật đạo hữu thập ngũ yên :

一曰慮，間諜明也。

Nhất viết lự, gián điệp minh giã ;

二曰結，諄候謹也。

Nhị viết kết, tảo (toái) hậu cẩn giã ;

三曰勇，敵衆不撓也。

Tam viết dũng, địch chúng bất náo giã ;

四曰廉，見得思義也。

Tứ viết liêm, kiến đắc tư nghĩa giã ;

五曰平，賞罰均也。

Ngũ viết bình, thưởng phạt quân giã ;

六曰忍，善含恥也。

Lục viết nhẫn, thiện hàm sỉ giã ;

七曰寬，能容衆也。

Thất viết khoan, năng dung chúng giã ;

八曰信，重然諾也。

Bát viết tín, trọng nhiên nặc giã ;

九曰敬，禮賢能也。

Cửu viết kính, lễ hiền năng giã ;

XXI ĐỒ XÉT CẨN THẬN

1- (Xét các có) làm cho quân đội *thất bại tan rã*, thì chưa bao giờ chẳng phải vì có **khinh địch** mà lại gặp tai họa.

2- Cho nên ra quân thì phải có **kỷ luật** ; mất kỷ luật thì sẽ gặp việc chẳng lành. Các **phép tắc kỷ luật** có *mười lăm* (15) thứ :

Thứ nhất là **lo toan**, nghĩa là thông hiểu việc gián điệp ;

Thứ hai là **thâu thập tin tức**, nghĩa là dò hỏi cẩn thận;

Thứ ba là **manh dạn**, nghĩa là quân địch mặc dầu đông người cũng không khuấy nhiễu ta được ;

Thứ tư là **liêm khiết** ; nghĩa là thấy được điều lợi mà nghĩ đến điều nghĩa ;

Thứ năm là **công bình**, nghĩa là thưởng phạt đồng đều như nhau ;

Thứ sáu là **nhẫn nhục**, nghĩa là giỏi chịu xấu hổ trong lòng ;

Thứ bảy là **có lòng rộng rãi**, nghĩa là có thể bao dung người ;

十 曰 明 , 不 納 讒 也 。
 Thập viết minh, bất nạp sàm giã ;
 十 一 曰 故 , 不 遺 舊 也 。
 Thập nhất viết cố, bất di cựu giã ;
 十 二 曰 仁 , 愛 養 士 卒 也 。
 Thập nhị viết nhân, ái dưỡng sĩ tốt giã ;
 十 三 曰 忠 , 以 身 殉 國 也 。
 Thập tam viết trung, dĩ thân tuấn quốc giã ;
 十 四 曰 分 , 知 止 足 也 。
 Thập tứ viết phân, tri chí túc giã ;
 十 五 曰 謀 , 自 料 而 後 料 他
 Thập ngũ viết mưu, tự liệu nhi hậu liệu tha

也
giã.

機 形

CƠ HÌNH

- 夫 以 愚 克 智 , 逆 也 。
 1.— Phù dĩ ngu khác trí, nghịch giã.
 以 智 克 愚 , 順 也
 2.— Dĩ trí khác ngu, thuận giã.
 以 智 克 智 , 機 也 。
 3.— Dĩ trí khác trí, cơ giã.
 道 有 三 焉 :
 4.— Đạo hữu tam yên :
 一 曰 事 ,
 Nhất viết sự ;
 二 曰 勢 ,
 Nhị viết thế ;

*Thứ tám là **tín thực**, nghĩa là trọng lời hứa (1).*

*Thứ chín là **kính cần** nghĩ là giữ lễ nghi đối với người hiền lương và tài năng ;*

*Thứ mười là **sáng suốt**, nghĩ là không thâu nạp lời dèm pha ;*

*Thứ mười một là **tồn cổ**, nghĩa là không bỏ cũ ;*

*Thứ mười hai là **nhân**, nghĩa là thương yêu, nuôi nấng sĩ tốt ;*

*Thứ mười ba là **trung**, nghĩa là quyết đem thân đến nợ nước ;*

*Thứ mười bốn là **phân**, nghĩa là biết dừng chân ;*

*Thứ mười lăm là **muu**, nghĩa là tự lo tính cho mình rồi sau lo tính cho người khác.*

XXII

CÁC HÌNH THÁI CỦA CƠ TRÍ

1- Lấy *ngu xuẩn* để đánh đổ *trí thức* là **ngịch**.

2- Lấy *trí thức* để đánh đổ *ngu xuẩn* là **thuận**.

3- Lấy *trí thức* để đánh đổ *trí thức* là có **cơ trí**.

4- Có ba đường lối :

- Thứ nhất là **công việc** ;

(1) có thể hiểu là : Nhận lời (từ) một cách khó khăn.

	事	機	作	而	不	能	應	，	非	智	也
5.—	Sự	cơ	tác	nhi	bất	năng	ứng,		phi	trí	giã.
	勢	機	動	而	bất	năng	đồ,	，	phi	hiền	giã.
6.—	Thế	cơ	động	nhi	bất	năng	hành,		phi	dũng	giã.
	情	機	發	而	bất	năng	đi	，	phi	dũng	giã.
7.—	Tình	cơ	phát	nhi	bất	năng	đi		phi	dũng	giã.
	善	爲	將	者	，	必	因	機	以	立	勝
8.—	Thiện	vi	tướng	giã,		tất	nhân	cơ	dĩ	lập	thắng
	也										
	giã.										

重 刑

TRỌNG HÌNH

	吳	起	曰	:					
1.—	Ngô	Khởi	viết :						
	鼓	鼙	金	鐸	，	所	以	威	耳
	Cổ	tỳ	kim	đạc,		sở	dĩ	uy	nhĩ ;
	旌	旄	旗	幟	，	所	以	威	目
	Tinh	mao	kỳ	xí,		sở	dĩ	uy	mục ;
	禁	令	刑	罰	，	所	以	威	心
	Cấm	lệnh	hình	phạt,		sở	dĩ	uy	tâm.
	耳	威	以	聲	，	不	可	不	清
2.—	Nhĩ	uy	dĩ	thanh,		bất	khả	bất	thanh ;
	目	威	以	容	，	不	可	不	明
	Mục	uy	dĩ	dung,		bất	khả	bất	minh ;

- Thứ nhì là **thế lực** ;

- Thứ ba là **tình cảm** ;

5- **Cơ hội của công việc** đã xảy tới mà không ứng biến được, là **không có trí thức**.

6- **Cơ hội của thế lực** đã chuyển tới mà không mưu đồ được, là **không có tài năng**.

7- **Cơ hội của tình cảm** đã phát sinh mà không thi hành được, là **không mạnh dạn**.

8- Kẻ giỏi làm tướng, ắt là nhân **cơ hội** mà **xếp đặt để thắng trận**.

XXIII

HÌNH PHẠT UY NGHIÊM

1- **Ngô Khởi** nói rằng :

- Trống và chuông mõ dùng để **tai** sợ uy ;

- Các loại cờ xí dùng để **mắt** sợ uy ;

- Các cấm chỉ, mệnh lệnh, hình phạt dùng để **lòng** sợ uy.

2- Làm **tai** sợ uy thì dùng âm thanh, không thể không **trọng** ;

- Làm **mắt** sợ uy thì dùng dung sắc (hình dáng, màu sắc) không thể không **rõ ràng** ;

心威以刑，不可不嚴。
 Tâm uy dĩ hình, bất khả bất nghiêm.
 此三者不善，害可待也。
 Thử tam giả bất thiện, hại khả đãi giả.
 故曰：

3.—

將之所麾，莫不必移。
 Tướng chi sở huy, mạc bất tất di;
 將之所指，莫不必至。
 Tướng chi sở chỉ, mạc bất tất chí;
 將之所期，莫不必死也。
 Tướng chi sở kỳ, mạc bất tất tử giả.

善將

THIỆN-TƯỚNG

- 1.— 古之善將者，有大經：
 Cổ chi thiện-tướng giả, hữu đại kinh;
 示之以進退而人知禁。
 Thi chi dĩ tấn thoái nhi nhân tri cấm;
 陳之以德義而人知禮。
 Trần chi dĩ đức nghĩa nhi nhân tri lễ;
 重之以是非而人知動。
 Trọng chi dĩ thị phi nhi nhân tri động;
 令之以賞罰而人知信。
 Lệnh chi dĩ thưởng phạt nhi nhân tri tín.
 禁禮動信，師之大經也。
 Cấm lễ động tín, sư chi đại kinh giả.
 2.— 故能戰必勝，敵必敗也。
 Cố năng chiến tất thắng, địch tất bại giả.

- Làm cho lòng sợ uy thì dùng hình phạt không thể không **ng nghiêm**.

Ba việc ấy mà không đúng đắn, hẳn hoi thì sự thiệt hại ắt là chờ xảy đến.

3- Cho nên nói rằng :

- Khi người tướng phát cờ, không thể không **đời chuyển**.
- Khi người tướng **đưa tay** chỉ, không thể không **đi tới**.
- Khi người tướng **trông đợi**, không thể không **quyết chết**.

XXIV TƯỚNG GIỎI

1- Bậc tướng giỏi ngày xưa có những **kinh kỹ trọng đại** (đường lối chính) là :

- Lấy sự **tới lui** của mình để cho người xem mà người biết các điều **ngăn cấm** ;

- Lấy **đức** và **nghĩa** của mình tỏ bày cho người xem mà người biết **lễ nghi** ;

- Lấy việc **phải trái** mà coi là quan trọng để cho người biết cách **hành động** ;

- Lấy việc **thưởng phạt** để sai khiến mà người biết **tín thực**.

2- **Cấm chế, lễ nghi, hành động, tín thực** là những kinh kỹ trọng đại của quân đội. Cho nên nếu đánh được thì ắt **phải thắng**, quân địch ắt phải bại.

- 庸衆不然，退而不能止，
 3.— Dung chúng bất nhiên : Thoái nhi bất năng chí,
 進而不能禁，善惡混同，士
 tấn nhi bất năng cấm, thiện ác hỗn đồng, sĩ
 無誠勸，賞罰不均，人不知
 vô giới khuyến, thưởng phạt bất quân, nhân bất tri
 信。故賢良退伏，而諂諛進
 tín. Cố hiền lương thoái phục, nhi siểm duạ tấn
 用，是以戰必敗散也。
 dụng, thị dĩ chiến tất bại tán giã.

審 因

THẨM NHÂN

- 夫因人之勢以伐惡，則黃
 1.— Phù nhân nhân chi thế dĩ phạt ác, tác Huỳnh
 帝不能與爭威矣。
 Đế bất năng dư tranh uy hĩ.
 因人之力以決勝，湯武不
 2.— Nhân nhân chi lực dĩ quyết thắng, Thang Vũ bất
 能與爭功矣。
 năng dư tranh công hĩ.
 善以審因而加之威信，則
 3.— Thiện dĩ thẩm nhân nhi gia chi uy tín, tác
 萬夫之雄將可圖，而四海之
 vạn phu chi hùng tướng khả đồ, nhi tứ hải chi
 英豪可制矣。
 anh hào khả chế hĩ.

3- **Quần chúng, ngây ngô, vụng về** thì chẳng được như thế : Lui mà chẳng dùng được, tới mà chẳng ngăn lại được, thiện ác lẫn lộn với nhau, sĩ tốt không được khuyên răn, thưởng phạt không công bình, người người chẳng biết tin thực. Cho nên người **hiền lương**, phải lui về ở **ẩn**, mà bọn đua nịnh thì được cất nhắc tin dùng, đó là hễ đánh át phải **thất bại tan vỡ**.

XXV XEM XÉT NHÂN DUYÊN

1- Nhân **dựa vào thế của người để mà trừng phạt kẻ ác**, đó là trường hợp **Vua Huỳnh Đế**, không thể tranh uy với Ngài được.

2- Nhân **dựa vào sức của người để mà quyết thắng** đó là trường hợp **Vua Thành Thang** và **Vua Võ Vương** không thể tranh công với các ngài được.

3- **Giỏi xét nhân duyên** mà thêm uy tín vào đấy, át là có thể mưu đồ làm tướng mạnh cầm muôn binh, có thể chế ngự được anh hào trong bốn biển.

天 勢

THIÊN - THẾ

夫 行 師 之 勢 有 三 焉 ：

1.— Phù hành sư chi thế hữu tam yên :

一 曰 天 。

Nhất viết thiên ;

二 曰 地 。

Nhị viết địa ;

三 曰 人 。

Tam viết nhân.

天 勢 者 ， 謂 日 月 清 明 ， 五

2.— Thiên thế giả, vị nhật nguyệt thanh minh, ngũ

星 合 度 ， 彗 孛 不 生 ， 風 氣 順

tinh hợp độ, tuệ bệ bất sinh, phong khí thuận

調 。

điều.

地 勢 者 ， 謂 險 易 形 殊 ， 或

3.— Địa thế giả, vị hiem dị hình thù, hoặc

石 門 幽 洞 ， 羊 腸 險 要 ， 或 峻

thạch môn u động, dương trường hiem-yếu, hoặc tuấn

嶺 重 巖 ， 洪 流 千 里 。

lĩnh trùng nham, hồng lưu thiên lý.

人 勢 者 ， 謂 主 聖 將 賢 ， 三

4.— Nhân thế giả, vị chủ thánh tướng hiền, tam

軍 有 禮 ， 士 卒 用 命 ， 糧 甲 堅

quân hữu lễ, sĩ - tốt dụng mệnh, lương giáp kiên

備 也 。

bị giả.

XXVI THẾ TRỜI

1- **Thế dùng binh** có ba :

Thứ nhất là **trời** ;

Thứ nhì là **đất** ;

Thứ ba là **người**.

2- **Thế trời** là mặt trời mặt trăng trong sáng, năm sao (1) đi đúng đường, không có sao chổi sinh ra, gió mưa khí hậu thuận lợi điều hòa.

3- **Thế đất** là hình thù hiểm trở, dễ dàng, hoặc cửa da, động sâu, đường đi hiểm yếu như ruột dê, hoặc núi đèo cao vút, đá núi chồng chất, sông dài ngàn dặm.

4- **Thế người** là Chúa Thánh, Tướng hiền (có tài đức), ba quân giữ đúng lễ nghi, sĩ tốt vâng mệnh, lương thực, giáp trụ vững bền đầy đủ.

(1) Năm sao là Tuế tinh, Oanh cảm tinh, Trấn tinh, Thai bạch, Thần Tinh.

- 善將者，因天之時，就地利。
 5.— Thiên-tướng giả, nhân thiên chi thời, tựu địa
 之勢，依人之利，則所向者
 chi thế, y nhân chi lợi, tắc sở hướng giả
 無敵，所擊者萬全矣。
 vô địch, sở kích giả vạn toàn hĩ.

勝 敗

THẮNG BẠI

- 賢才居上，不肖居下，三
 1.— Hiên tài cư thượng, bất tiếu cư hạ, tam
 軍悅樂，士卒畏懼，相議以
 quân duyệt lạc, sĩ tốt úy cụ, tương nghị dĩ
 勇鬪，相望以威武，相勸以
 dũng đấu, tương vọng dĩ uy vũ, tương khuyến dĩ
 刑罰，此必勝之徵也。
 hình phạt, thử tất thắng chi trưng giã.
 三軍數驚，士卒惰慢，下
 2.— Tam quân số kinh, sĩ - tốt đọa mạn, hạ
 無禮信，人不畏法，相恐以
 vô lễ tín, nhân bất úy pháp, tương khủng dĩ
 敵，相語以利，相囑以禍福
 địch, tương ngữ dĩ lợi, tương chúc dĩ họa phúc,
 相惑以妖言，此必敗之徵
 tương hoặc dĩ yêu ngôn, thử tất bại chi trưng
 也。
 giã.

5- Bạc tướng giỏi, nhân theo thời trời đi theo thế đất, dựa theo **lợi người**, át là hướng vào nơi nào thì ở nơi ấy không ai chống nổi, đánh vào chỗ nào cũng được hoàn toàn thành công.

XXVII HƠN THUA

1- **Bạc** hiền tài ở trên, **kẻ ngu xuẩn** ở dưới, ba quân vui vẻ, sĩ tốt kính sợ, cùng nhau bàn bạc để đánh mạnh, cùng trông đợi nêu cao uy vũ, cùng lấy hình phạt để khuyên răn nhau, đó là dấu chứng sẽ **thắng trận chắc chắn**.

2- Ba quân nhiều lần kinh hãi, sĩ tốt biếng nhác, kiêu mạn (1), **kẻ dưới không có lễ nghi, tín thực**, người người chẳng sợ quân pháp, lấy tin tức về quân địch để khùng bố tinh thần nhau, **đem điều lợi ích để bàn với nhau**, đem việc họa phúc để dăn dò nhau, nói lời quái gở để lừa dối nhau, đó là dấu chứng sẽ **thất bại chắc chắn**.

(1) Phóng túng, khinh lờn, không chịu phục tùng cấp trên.

假 權

DẢ QUYỀN

夫將者，人命之所懸也，
1.— *Phù tướng giả, nhân mệnh chi sở huyền giả,*
成敗之所繫也，禍福之所倚
thành bại chi sở hệ giả, họa phúc chi sở ỷ
也，而上不假之以賞罰，亦
giả, nhi thượng bất dà chi dĩ thưởng phạt, diệc
猶束猿猱之手而責之以騰捷
do thúc viên - nhu chi thủ nhi trách chí dĩ đằng - tiệp,
，膠離婁之目而使之以辯青黃
giào ly - lâu chi mục nhi sử chí biện thanh huỳnh,
，不可得也。

若賞在權臣，罰不由將，
2.— *Nhược thưởng tại quyền thần, phạt bất do tướng,*
人苟自利，誰懷鬪心，雖伊
nhân cẩu tự lợi, thùỳ hoài đấu tâm, tuy Y
呂之謀，韓白之功，不能自
Lữ chi mưu, Hàn Bạch chi công, bất năng tự
衛也。
vệ giả.

XXVIII MƯỢN QUYỀN

1- Tướng sủy là chỗ treo sinh mệnh của mọi người, là nơi trời buộc sự thành bại, là nơi nương tựa của họa phúc, thế mà bề trên không cho mượn **quyền thưởng phạt**, chẳng khác gì trời buộc tay chân kẻ vượn mà trách sao không nhảy nhót, đã trảm gấn hai mắt của giống lý lâu mà bắt phân biệt xanh vàng, đó là điều không thể được.

2- Ví bằng việc **tuồng thưởng** ở trong tay bọn quyền thần, việc **trùng phạt** không do nơi tướng sủy, mọi người tự mưu lợi bữa bãi, ai mà còn ôm lòng chiến đấu ? Tuy rằng có mưu trí như *Y Doãn*, *Lữ Vọng*, có công nghiệp như *Hàn Tín*, *Bạch Khởi*, cũng không thể tự giữ mình được !

哀 死

AI TỬ

古 之 將 者 ， 養 其 人 如 愛 子
Cổ chí tướng giả, dưỡng kỳ nhân như ái tử,
， 有 難 則 以 身 先 之 ， 有 功 則
hữu nan tắc dĩ thân tiên chí, hữu công tắc
以 身 後 之 ， 傷 者 泣 而 撫 之 ，
dĩ thân hậu chí, thương giả khắp nhi phủ chí,
死 者 哀 而 葬 之 ， 飢 者 捨 食 而
tử giả ai nhi táng chí, cơ giả xả thực nhi
飼 之 ， 寒 者 解 衣 而 衣 之 ， 賢
tự chí, hàn giả giải y nhi ý chí, hiên
者 禮 而 祿 之 ， 勇 者 賞 而 勸 之
giả lễ nhi lộc chí, dũng giả thưởng nhi khuyến chí,
， 將 能 若 此 ， 則 所 向 必 捷 矣
tướng năng nhược thử, tắc sở hướng tất thiệp hỷ.

三 賓

TAM TÂN

夫 三 軍 之 行 也 。 必 有 賓 客
Phù tam quân chi hành giả, tất hữu tân khách,
， 共 議 得 失 ， 以 資 將 用 。
cộng nghị đắc thất, dĩ tư tướng dụng.

XXIX THƯƠNG XÓT KẺ CHẾT

- Bậc tướng sủy ngày xưa, **nuôi nấng người của mình** như là thương yêu chính con cái của mình, gặp nguy nan thì **tự mình đi trước**, lập được công nghiệp thì **để mình ra sau**, gặp kẻ bị thương tích thì **than khóc mà vô vể**, khi có người chết thì **thương xót mà lo chôn cất**, gặp người đói thì lấy đồ ăn của mình mà **cho người ăn**, gặp người rét mướt thì **cởi áo cho người mặc**, gặp kẻ hiền tài thì **kính trọng mà cấp bổng lộc**, gặp kẻ mạnh dạn thì **khen thưởng mà khuyến khích**, bậc tướng sủy mà có thể cư xử được như thế thì hướng và nơi nào đều đánh được nơi ấy.

XXX BA HẠNG KHÁCH KHỨA

1- Khi ba quân ra đánh giặc, ắt phải có **khách khứa**, cùng nhau **bàn luận việc được thua**, để nhờ cậy tướng sủy tin dùng.

- 有思若懸泉，奇謀不測，
 2.— Hữu tư nhưc huyền tuyền, kỳ mưu bất trắc,
 博聞廣見，多藝碩才者，此
 bác văn quảng kiến, đa nghệ thạc tài giả, thử
 萬人之望，可以爲上賓。
 vạn nhân chí vọng, khả dĩ vi thượng tân.
 有猛如熊虎，捷若騰猿，
 3.— Hữu mãnh như hùng hổ, tiệp nhưc dăng viên,
 剛若鐵石，利若龍泉，此一
 cương nhưc thiết thạch, lợi nhưc Long-Tuyền, thử nhất
 時之雄也，可以爲次賓。
 thời chi hùng giả, khả dĩ vi thứ tân.
 有多言或中，薄能小奇，
 4.— Hữu đa ngôn hoặc trúng, bạc năng tiểu kỳ,
 此常人之能，可引爲下賓。
 thử thường nhân chi năng, khả dẫn vi hạ tân.

設 應

THIỆT ỨNG

- 若乃圖難於易，爲大於小
 1.— Nhưc nãi đồ nan ư dị, vi đại ư tiểu
 ，先用賞，後用刑，此用兵
 tiên dụng thưởng, hậu dụng hình, thử dụng binh
 之妙也。
 chi diệu giả.
 師徒已列，戎騎交馳，強
 2.— Sư đồ dĩ liệt, nhung kỵ giao trì, cường
 弩纔臨，短兵又接，乘威布
 nỏ tài lâm, đoản-binh hựu tiếp, thừa uy bố

2- Có kẻ suy nghĩ như thác nước giữa vời, mưu lạ khó dò, nghe xa thấy rộng, nghề nhiều, tài lớn, đó là kẻ mà muôn người trông mong, đáng coi là **khách hạng cao**.

3- Có kẻ hung dữ như gấu cạp, nhanh nhẹn như khỉ vượn nhảy nhót, cứng như sắt đá, sắc bén như gươm long tuyền, đó là hạng anh hùng trong một thời, đáng coi là **khách hạng vừa**.

4- Có kẻ nói nhiều mà có khi nói trúng, kém năng lực, mà có chút tài lạ, đó là tài năng của hạng người thương, có thể cho đến làm **khách hạng thấp**.

XXXI SẮP ĐẶT ỨNG BIẾN

1- Nếu mưu đồ được việc *khó* ở trong việc *dễ*, làm được việc *lớn* ở trong việc *nhỏ*, trước dùng sự *tướng thưởng*, sau mới dùng *hình phạt*, đó là sự **tinh diệu** của phép dùng binh.

2- Bộ binh đã sắp bày hàng ngũ, xe ngựa đã họp đoàn phóng chạy, nỗ cứng vừa mới buông tên, đoàn binh

信，敵人告降，此用兵之能
 tín, địch-nhân cáo hàng, thử dụng binh chi năng
 也。

3.- 身衝矢石，爭勝相對，成
 Thân xung thi trạch, tranh thắng tương đối, thành
 敗各分，彼傷我死，此用兵
 bại các phân, bì thương ngã tử, thử dụng binh
 之下也。
 chi hạ giá.

便利

TIỆN LỢI

- 夫草木叢集，利以遊逸。
 1.- Phù thảo mộc tòng tập, lợi dĩ du dật;
 重塞山林，利以不意。
 2.- Trùng tái sơn lâm, lợi dĩ bất ý;
 晴明無隱，利以勇力。
 3.- Tinh minh vô ẩn, lợi dĩ dũng lực;
 隘途深草，利於潛伏。
 4.- Ái đồ thâm thảo, lợi ư tiềm phục;
 以少擊衆，利於日暮。
 5.- Dĩ thiểu kích chúng, lợi ư nhật mộ;
 以衆擊寡，利以清晨。
 6.- Dĩ chúng kích quả, lợi dĩ thanh-thần;
 强弩長兵，利以捷次。
 7.- Cường nỏ trường binh, lợi dĩ tiệp thứ.

xông vào tiếp chiến (1), uy dũng nâng cao, tin tưởng tràn đầy, quân địch xin hàng, đó là **tài năng** trong phép dùng binh.

3- Tự mình xông pha tên đá, cùng đối địch để tranh hơn nhau, quyết phân thành bại rõ ràng, bên kia bị tổn thương còn bên ta cũng phải chết chóc, đó là phép dùng binh **thấp kém**.

XXXII TIỆN LỢI

1- Cỏ cây tụ tập, lợi về chỗ **đi lại thông thả** ;

2- Núi rừng, thành lũy chập chùng nhiều lớp, lợi về chỗ đánh lúc **không ngờ** ,

3- Trời quang tạnh sáng sủa không thể ẩn bóng, lợi về chỗ **dùng sức mạnh** ;

4- Đường sá chật hẹp, cỏ cây um tùm, lợi về chỗ **ẩn núp** ;

5- Lấy ít đánh nhiều, tiện lợi khi **trời tối** ;

6- Lấy nhiều đánh ít, tiện lợi vào lúc **tăng sáng** ;

(1) Chữ tiếp ở đây có nghĩa là tiếp chiến (đánh xáp lá cà) chứ không có nghĩa là tiếp ứng

- 踰淵隔水，大風暗昧，利
 8.- Du uyên cách thủy, đại phong ám muội, lợi
 以搏前擒後也。
 dĩ đoàn tiền cầm hậu giã.

應機

ỨNG CƠ

- 夫必勝之術，合變之形，
 1.- Phò tất thắng chi thuật, hợp biến chi hình,
 在於機也，非智者孰能與於
 tại ư cơ giã, phi trí giả thực năng dư ư
 此乎？
 thử hồ？
 見機之道，莫大於不意。
 2.- Kiến cơ chi đạo, mạc đại ư bất ý.
 故猛虎失隊。童子曳戟而
 3.- Cổ mãnh hổ thất đội, đồng tử duệ kích nhi
 追之。蜂蠆入袖。壯夫恟恟
 truy chi. Phong sai nhập tỵ, tráng phu hỗi hoảng
 而失色，以其禍出不圖。變
 nhi thất sắc, dĩ kỳ họa xuất bất đồ, biến
 速非慮也。
 tốc phi lự giã.

揣能

SUÝ NĂNG

- 古之善用兵者，揣其能而
 Cổ chi thiện dụng binh giả, suy kỳ năng nhi
 料其勝負：
 liệu kỳ thắng phụ：

7- Nổ mạnh, binh nhiều, lợi về chỗ **thành công mau chóng** ;

8- Bàng vực, vượt nước, gió lớn tối tăm, tiện lợi khi cần **nắm đằng trước, bắt đằng sau (nắm đầu giữ đuôi)**.

XXXIII

ỨNG PHÓ VỚI THỜI CƠ

1- Thuật chiến thắng một cách chắc chắn, thích hợp với các hình thức biến động là do ở tài cơ biến, nên chẳng phải là bậc **cơ trí** thì ai có thể làm như thế được ?

2- Biết được cái đạo cơ biến thì chẳng có gì trọng đại bằng sự **khởi công vào lúc không ngờ**.

3- Cho nên cạy dữ lạc bấy, thì đứa trẻ con cũng có thể mang kích mà đuổi đánh ; khi con ong và bò cạp vào tay áo thì người trẻ mạnh cũng hoảng hốt tái mặt, đó là trường hợp tai họ tới không tính trước được, thay đổi quá nhanh không **lo nghĩ kịp được**.

- 1.— 主孰聖也？
Chủ thực thánh giá？
- 2.— 將孰賢也？
Tướng thực hiền giá？
- 3.— 吏孰能也？
Lại thực năng giá？
- 4.— 糧餉孰豐也？
Lương hướng thực phong giá？
- 5.— 士卒孰練也？
Sĩ - tốt thực luyện giá？
- 6.— 軍容孰整也？
Quân dung thực chỉnh giá？
- 7.— 戎馬孰逸也？
Nhưng mã thực dật giá？
- 8.— 形勢孰險也？
Hình - thế thực hiểm giá？
- 9.— 賓客孰智也？
Tân - khách thực trí giá？
- 10.— 鄰國孰懼也？
Lân quốc thực cụ giá？
- 11.— 財貨孰多也？
Tài hóa thực đa giá？
- 12.— 百姓孰安也？
Bách tính thực an giá？
- 由此觀之，強弱之形，可
Do thử quan chi, cường nhược chi hình, khả
以決矣。
dĩ quyết hỷ.

XXXIV CÂN NHẮC TÀI SỨC

Kể dùng binh giỏi ngày xưa, **cân nhắc tài sức** của hai bên mà có thể tính toán **biết được ai thắng ai bại** :

- 1- Bên nào có **chúa thánh** ?
- 2- Bên nào có **tướng sủy là bậc hiền tài** ?
- 3- Bên nào **lại sĩ có tài năng** ?
- 4- Bên nào có **luơng hướng đầy đủ** ?
- 5- Bên nào **sĩ tốt được luyện tập** ?
- 6- Bên nào **quân kỹ được tề chỉnh** ?
- 7- Bên nào có **khí giới, ngựa xe thừa thãi** ?
- 8- Bên nào có **hình thế hiểm trở** ?
- 9- Bên nào có **khách khứa trí thức** ?
- 10- Bên nào có **nước gần kinh sợ** ?
- 11- Bên nào có **nhiều tiền của** ?
- 12- Bên nào có **trăm họ yên ổn** ?

Do đó mà xem xét, thì có thể quyết đoán được sự mạnh yếu của đôi bên.

輕戰

KHINH CHIẾN

- 螫蟲之觸，負其毒也。戰
 1.— Thích trùng chi xúc, phụ kỳ độc giả; chiến-
 士能勇。恃其備也。所以鋒
 sĩ năng dũng, thị kỳ bị giả; sở dĩ phong
 銳甲堅，則人輕戰。
 nhuệ giáp kiên, tắc nhân khinh-chiến.
 故甲不堅密，與肉袒同。
 2.— Có giáp bất kiên mật, dư nhục đản đồng;
 弩不及遠，與短兵同。射不
 nỏ bất cập viễn, dư đoản binh đồng; xạ bất
 能中，與無兵同。探候不謹
 năng trúng, dư vô binh đồng; thám hầu bất cẩn,
 ，與無目同。將鬪不勇，與
 dư vô mục đồng; tướng đấu bất dũng, dư
 無將同。
 vô tướng đồng.

地勢

ĐỊA THẾ

- 夫地勢者，兵之助也。不
 1.— Phù địa thế giả, binh chi trợ giả, bất
 知戰地而求勝者，未之有也
 tri chiến-địa nhi cầu thắng giả, vị chi hữu giả.
 山林積石，丘阜大川，此
 2.— Sơn lâm tích thạch khuru phụ đại xuyên, thử
 步兵之地。
 bộ-binh chi địa.

XXXV CHIẾN ĐẤU DỄ DÀNG

1- Giống trùng dùng nọc châm chích thì cây vào chất độc của chúng ; kẻ chiến sĩ mà mạnh dạn được là nhờ cây vào **khí giới đầy đủ** ; sở dĩ giáo bén, giáp bền là để mọi người **chiến đấu dễ dàng**.

2- Cho nên áo giáp mà không **bền dày** thì cũng như dễ thịt trần, nỏ mà không **bắn được xa** thì cũng như đoản binh (binh dùng khí giới đánh gần) bắn mà không **trúng** thì cũng như không có binh, quân do thám không **cẩn thận** thì cũng như không có cặp mắt, tướng đánh không mạnh **mạnh dạn** thì cũng như không có tướng.

XXXVI ĐỊA THỂ

1- **Địa thể** là yếu tố giúp vào việc dùng binh ; không biết **chiến địa** mà mong đánh thắng là điều chưa từng có.

2- Núi rừng, đá đồng, gò, đồi, sông lớn, đó là đất sử dụng của **bộ binh**.

平原小坡，蔓衍相屬，此
3.— *Bình-nguyên, tiều pha, mạn diễn tương thuộc, thứ*

車騎之地。

依山附澗，高林深谷，此
4.— *Y sơn phụ gián, cao lâm thâm cốc, thứ*

弓弩之地。

草淺土平，可前可後，此
5.— *Thảo thiển thổ bình, khả tiền khả hậu, thứ*

長戟之地。

蘆葦相參，竹樹交映，此
6.— *Lô vi tương tham, trúc thụ giao ánh, thứ*

鎗矛之地。

情 勢

TÌNH THẾ

夫將有勇而輕死者。
1.— *Phù tướng: Hữu dũng nhi khinh tử giả;*

有急而心速者。

有貪而喜利者。

有仁而不忍者。

有智而心怯者。

有智而心緩者。

3- Đồng bằng, đất nghiêng, đồng ruộng nối nhau liên miên, đó là đất sử dụng của **xe ngựa**.

4- Tựa núi, nương khe, rừng cao, hang sâu, đó là đất sử dụng của **cung nỏ**.

5- Cỏ thấp, đất bằng, tới lui dễ dàng, đó là đất sử dụng của **kích dài**.

6- Lau sậy chen nhau, tre trúc cây cối giao bóng với nhau, đó là đất sử dụng **và súng và mâu**.

XXXVII TÍNH TÌNH (1)

1- Về tướng súy :

- Có người **mạnh dạn** mà coi thường sự chết ;
- Có người **nóng nảy** nên lòng muốn cho mau chóng ;
- Có người **tham lam** nên thấy lợi thì vui mừng ;
- Có người **nhân ái** mà lòng bất nhẫn ;
- Có người có **cơ trí** mà lòng **nhát sợ** ;
- Có người có **cơ trí** mà lòng muốn **thu thả**.

(1) Trong chính văn tiếng tình thế không có nghĩa thông thường mà phải hiểu là tính tình (xem hết bài này sẽ rõ)

是故勇而輕死者，可暴也。
 2.— Thị cố : Dũng nhi khinh tử giả khả bạo giả ;
 急而心速者，可久也。
 Cấp nhi tâm tốc giả khả cửu giả ;
 貪而喜利者，可遺也。
 Tham nhi hỷ lợi giả khả di giả ;
 仁而不忍者，可勞也。
 Nhân nhi bất nhẫn giả khả lao giả ;
 智而心怯者，可窘也。
 Trí nhi tâm khiếp giả khả quẫn giả ;
 智而心緩者，可襲也。
 Trí nhi tâm hoãn giả khả tập giả .

擊 勢

KÍCH THẾ

古之善將者，先探敵情，
 1.— Cổ chi thiện-tướng giả, tiên thám địch tình,
 然後圖之。
 nhiên hậu đồ chi.
 師老糧絕，百姓愁怨，人
 2.— Sư lão lương tuyệt, bách tính sầu oán, nhân
 多疾疫，計不先設，器械不
 đa tật dịch, kế bất tiên thiết, khí - giới bất
 修，卒不習練。外救不至，
 tu, tốt bất tập - luyện, ngoại cứu bất chí,
 途遠日暮，士卒倦，將薄
 đồ viễn nhật mộ, sĩ - tốt lao quện, tướng bạc
 吏輕，懈不設備，進不暇陣
 lại khinh, giải bất thiết bị, tấn bất hạ trận,

2- Thế cho nên :

- Mạnh dạn mà khinh chết thì có thể **táo bạo** ;
- Nóng nảy mà lòng muốn mau chóng thì có thể sinh ra **trẻ nãi** ;
- Tham lam mà vui mừng khi thấy lợi thì có thể **sơ suất** ;
- Nhân ái mà có lòng bất nhẫn thì có thể **lao nhọc** ;
- Có trí thức mà lòng nhát sợ thì có thể **cùng quẫn** ;
- Có cơ trí mà lòng muốn thư thả thì có thể bị **đánh úp** ;

XXXVIII THẾ ĐÁNH (1)

1- Bậc tướng giỏi ngày xưa, trước hết **do thám** tình hình của quân địch rồi sau mới **muu đồ** đánh chúng.

2- (Nếu bên địch), quân già lương hết, trăm họ sầu oán, nhân dân mắc phải nhiều bệnh tật, bệnh truyền nhiễm, **kế hoạch không sắp đặt trước, khí giới không**

(1) Thế ở đây có nghĩa là cơ hội, dịp.

，陣而未定，行阪涉險。半
trận nhi vị định, hành phàn thiệp hiểm, bán

隱半出，踰津越河，旌旗散
án bán xuất, du tân việt hà, tinh kỳ tán

亂。將士相違，戰勝而驕，
loạn, tướng sĩ tương vi, chiến thắng nhi klêu,

行陣失次，兵疲而驚，大軍
hành trận thất thứ, binh bì nhi kinh, đại - quân

雖給而衆未食，自行自止，
tuy cấp nhi chúng vị thực, tự hành tự chi,

或前或卻，擊之無疑。
hoặc tiền hoặc khước, kích chi vô nghi.

若上虔下惠，信賞必罰，
3.— Nhược thượng kiên hạ huệ, tín thưởng tất phạt,

陳力就列，任賢使能，師恭
trần lực tựu liệt, nhiệm hiền sử năng, sư cung

而禮，甲兵堅利，糧備有餘
nhi lễ, giáp - binh kiên lợi, lương bị hữu dư,

，政教不虛。四隣和睦，大
chính-gláo bất hư, tứ lân hòa - mục, đại

國應援，敵人有此，引而避
quốc ứng viện, địch nhân hữu thử, dẫn nhi ty

之。
chi.

sửa chữa, lính không tập luyện, binh cứu viện bên ngoài không đến, đường xa mà trời đã tối (công việc còn nhiều mà không đủ thì giờ), sĩ tốt mệt mỏi, **tướng sủy cu xử lạt lẽo, lại sĩ tỏ ý khinh lờn**, biếng nhác chẳng lo sắp đặt chuẩn bị, đi tới chẳng thông thả lập trận, lập trận mà không yên định ; đang đi lên dốc, đang qua chỗ hiểm, nửa nấp nửa lộ ; qua đò vượt sông, cờ xí tán loạn, tướng sĩ lìa nhau ; đánh thắng mà kiêu căng, bày trận không có thứ lớp, lính mệt mỏi và sợ hãi, tuy đại quân đã cấp lương thực nhưng lính chưa ăn, tự đi tự đứng không theo lệnh trên, hoặc có kẻ tới trước, hoặc có kẻ lui về sau, thì **nên đánh mà chẳng nghỉ ngơi**.

3- (Nếu bên địch), **người trên vững vàng, người dưới nhân ái**, tuy tin cậy và tưởng thưởng mà cũng **trừng phạt đều, đem lực lượng cũ kỹ ra phô bày**, bổ nhiệm người hiền lương, sử dụng người tài năng, quân đội **cung kính** mà giữ lễ **ngghi**, giáp binh chắc bén, lương thực được chuẩn bị để có dư dùng, nền chính giáo chẳng hư hoại, lán giềng bốn bên đều hòa mục, có nước lớn sẵn sàng ứng viện, nếu bên địch được như thế, thì nên **rút lui mà tránh đi...**

整 師

CHỈNH SƯ

- 夫 出 師 行 軍 ， 以 整 爲 勝 。
1.— Phò xuất sư hành quân, dĩ chỉnh vi thắng;
若 賞 罰 不 明 ， 法 令 不 信 ，
2.— Nhược thưởng phạt bất minh, pháp lệnh bất tín,
金 之 不 止 ， 鼓 之 不 進 ， 雖 百
kim chi bất chi, cổ chi bất tấn, tuy bách
萬 之 師 無 益 於 用 。
vạn chi sư vô ích ư dụng.
所 謂 整 師 者 ， 居 則 有 禮 ，
3.— Sở vị chỉnh sư giả, cư tắc hữu lễ,
動 則 有 威 ， 進 不 可 當 ， 退 不
động tắc hữu uy, tấn bất khả đương, thoái bất
可 追 ， 前 後 應 節 ， 左 右 應 麾
khả truy, tiền hậu ứng tiết, tả hữu ứng huy,
， 與 之 安 ， 與 之 危 ， 其 衆 可
dữ chi an, dữ chi nguy, kỳ chúng khả
合 而 不 可 離 ， 可 用 而 不 可 疲
hợp nhi bất khả ly, khả dụng nhi bất khả bì
也 。
giả.

勵 士

LỆ SĨ

夫 用 人 之 道 ：

Phò dụng nhân chi đạo ；

XXXIX
CHÍNH ĐÓN QUÂN ĐỘI

1- Ra quân đánh giặc thì lấy sự **chỉnh tề** làm hơn.

2- Nếu **thuởng phạt** không sáng suốt, **pháp lệnh** không được tín nhiệm, nghe chiêng mà không dừng, nghe trống mà không tiến, dầu có quân trăm vạn, cũng dùng không được việc gì.

3- Quân đội **chỉnh tề** có nghĩa là ở yên thì giữ **lễ nghi**, chuyển động thì có **uy nghi**, tiến lên thì không ai có thể địch lại, lui về thì không ai đánh đuổi được, đằng trước và đằng sau ứng biến **ăn khớp với nhau**, bên trái và bên phải ứng biến **đúng hiệu lệnh**, cùng hưởng cảnh an ổn với nhau, cùng chịu cảnh nguy khốn với nhau, **sĩ tốt gắn bó với chủ tướng** mà chẳng xa lìa, có thể dùng luôn mà *chẳng mệt mỏi*.

XXXX
KHUYẾN KHÍCH SĨ TỐT

Về **phép dùng người** :

- 尊之以爵，贍之以財，則
 1.— Tôn chí dĩ tước, thiêm chí dĩ tài, tắc
 士無不至矣。
 sĩ vô bất chí hỹ ;
- 接之以禮，勵之以言，則
 2.— Tiếp chí dĩ lễ, lệ chí dĩ ngôn, tắc
 士無不死矣。
 sĩ vô bất tử hỹ ;
- 畜恩不倦，法令劃一。則
 3.— Súc ân bất quyên, pháp lệnh hoạch nhất, tắc
 士無不服矣。
 sĩ vô bất phục hỹ ;
- 先之以身，後之以人，則
 4.— Tiên chí dĩ thân, hậu chí dĩ nhân, tắc
 士無不勇矣。
 sĩ vô bất dũng hỹ ;
- 小善必錄，小功必賞，則
 5.— Tiều thiện tất lục, tiều công tất thưởng, tắc
 士無不勸矣。
 sĩ vô bất khuyến hỹ.

自勉

TỰ MIỄN

- 夫聖人則天。
 1.— Phò thánh nhân tắc thiên ;
- 賢人法地。
 2.— Hiền nhân pháp địa ;
- 智者循古。
 3.— Trí giả tuân cổ ;

1- Dùng **tước vị** để nâng cao họ, dùng tiền của để cấp dưỡng họ, thì chẳng có kẻ sĩ nào mà không đến ;

2- Dùng **lễ nghi** để tiếp đãi họ, dùng lời nói để khuyến khích họ, thì chẳng có kẻ sĩ nào mà chẳng chịu chết cho ta ;

3- **Chứa trữ ân huệ** không nhằm chán, **giữ pháp lệnh nhất định**, thì chẳng có kẻ sĩ nào mà chẳng tâm phục ;

4- (Khi ra trận) **đem mình ra trước, để người ra sau**, thì chẳng có kẻ sĩ nào mà không trở nên dũng cảm ;

5- Ghi chép tới **các việc hay nhỏ**, thưởng tới **các công lao nhỏ**, thì chẳng có kẻ sĩ nào mà không gắng sức.

XXXXI TỰ KHUYÊN GẮNG SỨC

1- **Thánh nhân** bắt chước theo **Trời** ;

2- **Hiển nhân** bắt chước theo **Đất** ;

3- **Bậc trí thức** giữ theo **xưa** ;

4. —	驕	者	毀	至	。
	Kiêu	già	hủy	chí ;	
5. —	慢	者	禍	及	。
	Mạn	già	họa	cập ;	
6. —	多	語	者	寡	信
	Đa	ngữ	già	quá	tín ;
7. —	自	奉	者	少	恩
	Tự	phụng	già	thiểu	ân ;
8. —	賞	無	功	者	離
	Thưởng	vô	công	già	ly ;
9. —	罰	無	罪	者	怨
	Phạt	vô	tội	già	oán ;
10. —	喜	怒	不	常	者
	Hỷ	nộ	bất	thường	già
				diệt.	。

戰 道

CHIẾN ĐẠO

1. —	征	戰	之	道	，	晝	廣	旌	旗	，	夜
	Chiến	đạo	chi	đạo:		trú	quảng	tinh	kỳ,		dạ
	廣	火	鼓	。	利	用	短	兵	，	巧	在
	quảng	hỏa	cổ,		lợi	dụng	doãn	bình,		xảo	tại
	伏	，	或	發	於	前	，	或	發	於	後
	phục,		hoặc	phát	ư	tiền		hoặc	phát	ư	hậu.
2. —	聚	戰	之	道	，	利	用	劍	楯	，	將
	Tụ	chiến	chi	đạo,		lợi	dụng	kiếm	thuần,		tướng
	欲	圖	後	，	先	廣	其	路	，	十	里
	dục	đồ	hậu,		tiên	quảng	kỳ	lộ,		thập	lý
	場	，	五	里	一	埃	，	偃	戢	旗	旗
	trường,		ngũ	lý	nhất	hạu,		yển	trấp	kỳ	tình,

- 4- Ai *kiêu căng* thì *sự hủy diệt* sẽ đến ;
- 5- Ai *khinh lờn* thì *tai họa* sẽ tới ;
- 6- Kẻ *nói nhiều* thì *ít được tin cậy* ;
- 7- Kẻ *chỉ chăm nom cho mình* thì *thiếu ân huệ* ;
- 8- Thường kẻ *không có công lao* thì người sẽ *lìa bỏ* ;
- 9- Phạt kẻ *vô tội* thì *gây oán* ;
- 10- Mừng *giận không thường* thì sẽ bị *tiêu diệt*.

XXXXII PHÉP GIAO CHIẾN

1- **Phép đánh giặc** là ban ngày thì dùng nhiều *cờ xí*, ban đêm thì dùng nhiều *lúa và trống*, biết lợi dụng *đoán binh*, khéo léo ở cách *ấn núp ở những chỗ lạ lùng không ngờ tới*, hoặc để đánh úp ở *đằng trước*, hoặc để đánh úp ở *đằng sau*.

2- **Phép hợp đánh** là lợi dụng *kiếm, mộc* ; người tướng muốn lo liệu về sau thì trước hết phải *dọn đường rộng rãi*, mười dặm làm thành một ban, năm dặm xây

時節金鼓，令敵人無所措手
thời tiết kim cổ, lệnh địch nhân vô sở thủ

足。

túc.

3. — 谷戰之道，巧於設伏。利
Cốc chiến chi đạo, xảo ư thiết phục, lợi
在勇鬪。輕足之士凌其高，
tại dũng đấu, khinh túc chi sĩ lãng kỳ cao,
必死之士殿其後，列強弩以
tất tử chi sĩ dĩ diễn kỳ hậu, liệt cường nỏ dĩ
衝之，持短兵以繼之，彼不
xung chi, trì đoản binh dĩ kế chi, bì bất
得前，我不得往。
đắc tiền, ngã bất đắc vãng.

4. — 水戰之道，利在舟楫，簡
Thủy chiến chi đạo, lợi tại chu tiệp, giản
練習之士以乘之，多張旗幟
luyện tập chi sĩ dĩ thừa chi, đa trương kỳ si
以惑之，發強弩以中之，持
dĩ hoạc chi, phát cường nỏ dĩ trúng chi, trì
短兵以捍之，設堅柵以衛之
đoản binh dĩ hãn chi, thiết kiên sách dĩ vệ chi,
，順其流以擊之。
thuận kỳ lưu dĩ kích chi.

5. — 夜戰之道，利在機密，或
Đạ chiến chi đạo, lợi tại cơ mật, hoạc
潛師啣枚，出其不意，或多
tiềm sư hàm mai, xuất kỳ bất ý, hoạc đa

một thành nhỏ, xếp cất cờ xí, hạn chế việc đánh chiêm trống, khiến cho quân địch không biết đặt tay chân vào đâu.

3- **Phép đánh ở lưng núi** là khéo đặt quân mai phục, lợi ích ở chỗ đánh mạnh, cho hạng sĩ tốt lẹ chân đánh ở phía cao, cho hạng sĩ tốt liều chết đi về phía sau, sắp quân mang nỗ mạnh để xông vào đánh, dùng đoản binh để tiếp chiến theo, bên kia không tiến lên được, bên ta cũng không tới được.

4- **Phép đánh trên mặt nước**, lợi ở chỗ dùng thuyền chèo, chọn sĩ tốt đã luyện tập để cơi thuyền, cho trương cờ xí cho thật nhiều để lừa gạt quân địch, cho bắn nó mạnh thật trúng, dùng đoản binh để giữ gìn, đặt hàng rào vững chắc (sáo, dăng) để bảo vệ, thuận theo dòng nước chảy mà đánh.

5- **Phép đánh ban đêm** lợi ở chỗ kín đáo, hoặc cho quân ẩn nấp, ngựa ngậm hàm thiết, ra đi vào lúc không

以火鼓，亂其耳目，馳而攻
 dĩ hỏa cổ, loạn kỳ nhĩ mục, trì nhĩ công
 之，可以勝矣。
 chi, khả dĩ thắng hĩ.

和人 HÒA NHÂN

- 夫用兵之道，要在和人，
 1.- Phù dụng binh chi đạo, yếu tại hòa nhân,
 人和則不勸而自戰矣。
 nhân hòa tắc bất khuyến nhi tự chiến hĩ.
 若吏卒相猜，士戎不附，
 2.- Nhược lại tốt tương sai, sĩ nhung bất phụ,
 忠謀不納，羣小暗議。謗愿
 trung mưu bất nạp, quần tiểu ám nghị, bàng thán
 芽生，雖有湯武之智，而不
 nha sinh, tuy hữu Thang Vã chi trí, nhĩ bất
 能取勝於匹夫，況其衆乎。
 năng thủ thắng ư thất phu, huống kỳ chúng hồ?
 故傳曰：兵猶火也，不戢
 3.- Cổ Truyền viết: Binh do hỏa giã, bất trấp
 將自焚矣。
 tương tự phẫn hĩ.

察情 SÁT TÌNH

夫兵起於情。
 Phù binh khởi ư tình:

ngờ, hoặc dùng *nhiều lửa*, *trống* để làm rối loạn tai mắt, cho phóng *ngựa* mà đánh vào, thì có thể thắng vậy.

XXXXIII HÒA HIỆP MỌI NGƯỜI

1- Phép dùng binh cốt yếu là *hòa hiệp nhân dân*, nhân dân mà hòa hiệp thì không cần khuyên bảo, họ cũng tự đánh vậy.

2- Nếu *nha lại* và *sĩ* tốt *nghe* *nhau*, *nhân sĩ* và *dân* nhưng *không giúp đỡ*, mưu kế của *trung thần* không được dùng *nap*, *bọn tiểu nhân* bàn luận việc *ám muội*, *bọn hủý báng*, *dèm pha* nấy *nằm sinh ra*, thì tuy có trí thức như *vua Thành Thang* và *vua Vũ Vương* mà cũng không hơn được một kẻ *thất phu*, hướng hô là *nhiều người* sao ?

3- Cho nên sách **Truyện** nói rằng : Việc binh cũng giống như **lửa**, không ngăn chặn thì sẽ *tự cháy* vậy.

XXXXIV XEM XÉT TÌNH HÌNH

Việc binh khởi sự do ở **thực tình** :

近而靜者，恃其險也。

1.- Cận nhi tĩnh giả, thị kỳ hiểm giả;

遠而挑戰者，欲人之進也

2.- Viễn nhi khiêu-chiến giả, dục nhân chi tấn giả;

衆樹動者來也。

3.- Chúng thụ động giả, lai giả;

塵卑而廣者徒來也。

4.- Trần ti nhi quảng giả, đồ lai giả;

高而銳者車來也。

5.- Cao nhi nhuệ giả, xa lai giả;

辭強而進驅者退也。

6.- Từ cường nhi tấn khu giả, thoái giả;

卑而益備者進也。

7.- Ti nhi ích bị giả, tấn giả;

半進半退者誘也。

8.- Bán tấn bán thoái giả, dụ giả;

杖而行者飢也。

9.- Trượng nhi hành giả, cơ giả;

見利而不進者勞也。

10.- Kiến lợi nhi bất tấn giả, lao giả;

鳥集者虛也。

11.- Diều tập giả, hư giả;

夜呼者恐也。

12.- Dạ hô giả, khủng giả;

軍擾者將不重也。

13.- Quân nhiễu giả, tướng bất trọng giả;

1- Ở gần mà yên tĩnh, đó là nhờ cây vào sự **hiểm trở** ;

2- Ở xa mà khiêu chiến, đó là **muốn người ta tiến tới** ;

3- Cây cối lay động, đó là **giác tới** ;

4- Bụi mù thấp mà rộng, đó là **giác đi chân** mà tới ;

5- Bụi mù cao mà nhọn, đó là **giác đi xe** tới ;

6- Lời nói mạnh mẽ mà lại đánh ngựa đi, đó là **giác muốn lui** ;

7- Lời nói tự khiêm, tự hạ mà chuẩn bị ráo riết, đó là **giác muốn tiến tới** ;

8- Nửa tới, nửa lui, đó là **giác muốn dẫn dụ** bên ta ;

9- Chống gậy mà đi, đó là **giác bị nạn đói** ;

10- Thấy lợi mà không ^{*}tiến, đó là **giác mệt nhọc** ;

11- Chim quây quần đến, như thế ở đó **không có gì** ;

12- Ban đêm mà la ó, đó là **giác sợ hãi** ;

13- Quan lính náo động, đó là **tướng không được tôn trọng** ;

旌 幡 動 者 亂 也 。

14.— *Tinh phien động giã, loạn giã ;*

吏 怒 者 倦 也 。

15.— *Lại nộ giã, quyen giã ;*

數 賞 者 窘 也 。

16.— *Số thưởng giã, quẩn giã ;*

思 罰 者 困 也 。

17.— *Tư phạt giã, khốn giã ;*

先 暴 而 後 畏 其 衆 者 。

不 精

18.— *Tiên bạo nhi hậu úy kỳ chúng giã, bất tinh*

之 至 也 。

chi chí giã ;

來 委 謝 者 ， 欲 休 息 也 。

19.— *Lại ủy tạ giã, dục hưu tức giã ;*

幣 重 而 言 甘 者 ， 誘 我 也 。

20.— *Tệ trọng nhi ngôn cam giã, dụ ngã giã.*

將 情

TUỞNG TÌNH

夫 爲 將 之 道 。

Phù vi tướng chi đạo ;

軍 井 未 汲 ， 將 不 言 渴 。

1.— *Quân tỉnh vị cấp, tướng bất ngôn khát ;*

軍 米 未 炊 ， 將 不 言 飢 。

2.— *Quân mễ vị xuy, tướng bất ngôn cơ ;*

軍 火 未 燃 ， 將 不 言 寒 。

3.— *Quân hỏa vị nhiên, tướng bất ngôn hàn ;*

- 14- Cờ xí lay động, đó là giấc **rối loạn**.
- 15- Lại sĩ giận dữ, đó là giấc **mỗi chán**.
- 16- Thuởng nhiều lần, đó là giấc **cùng quần** ;
- 17- Chỉ nghĩ đến sự trừng phạt, đó là giấc bị **khốn đốn**;
- 18- Trước mạnh bạo rồi sau kiêng sợ quần chúng, đó là giấc **không tinh nhuệ** ;
- 19- Đến giao phó rồi từ biệt, đó là giấc **muốn nghỉ ngơi** ;
- 20- Tặng biếu nhiều mà lời nói ngọt ngào, đó là giấc muốn **dẫn dụ** bên ta đó.

XXXXV
TÌNH CẢNH (1) CỦA TƯỚNG SÚY

Phép làm tướng là :

- 1- Giếng của quân chưa mức nước lên, thì tướng không được kêu khát ;
- 2- Cơm trong quân chưa thổi nấu, thì tướng không được kêu đói ;
- 3- Lửa trong quân chưa nhen nhúm, thì tướng không được kêu lạnh ;

(1) Trong chính văn, chữ "tình" có nghĩa là tình cảnh vật chất

- 軍幕未拽，將不言熱。
 4.— Quân mạc vị duệ, tướng bất ngôn nhiệt;
 夏不操扇，冬不服裘。
 5.— Hạ bất thao phiến, đông bất phục cầu;
 雨不張蓋，與衆同也。
 6.— Vũ bất trương cái, dư chúng đồng giả.

威 令

UY - LỆNH

- 夫一人之身，百萬之衆，
 1.— Phù nhất nhân chi thân, bách vạn chi chúng,
 束肩歛息，重足俯聽，莫敢
 thúc kiên liễm tức, trọng túc phủ thính, mạc cảm
 仰視，法制使然也。
 ngưỡng thị, pháp - chế sử nhiên giả.
 若乃上無刑誡，下無禮義
 2.— Nhược nãi thượng vô hình phạt, hạ vô lễ - nghĩa,
 ，雖貴有天下，富有四海，
 tuy quý hữu thiên hạ, phú hữu tứ hải,
 而不能自免者，桀紂之類是
 nhi bất năng tự miễn giả, Kiệt Trụ chi loại thị
 也。
 giả.
 匹夫操兵之權，制之以法
 3.— Thất - phu thao binh chi quyền, chế chi dĩ pháp.
 令，威之以刑罰，而人不能
 lệnh, uy chí dĩ thưởng phạt, nhi nhân bất năng

4- Màn cửa quân chưa giáng thì tướng không được kêu nóng ;

5- Hè không phải quạt, đông không mặc áo dạ ;

6- Mưa không trương lọng, tình cảnh của tướng súy phải giống như quân lính hết thầy.

XXXXVI UY LỆNH

1- Hoặc là chỉ **một thân mình**, hoặc là quần chúng đông tới **trăm vạn**, mà phải **co vai, nín thở, bước dè dặt rón rén, cúi mặt nghe ngóng, chẳng dám ngưỡng mặt ngó trông**, đó là nhờ **pháp chế** mà khiến được như vậy.

2- Nếu trên không áp dụng *hình phạt*, dưới không theo *lễ nghĩa*, tuy rằng cao sang tới bậc có thiên hạ trong tay, giàu có tới bậc gồm hết bốn biển, mà không thể tự truat bỏ, thì đó là hạng **Kiệt, Trụ**.

3- Kẻ thất phu nắm giữ binh quyền, dùng *pháp lệnh* mà chế ngự, lấy *thuống phạt* để tỏ uy nghi, mà mọi người

逆其命者，孫武穰苴之類是
nghịch kỳ mệnh giả, Tôn-Vũ Nương-Thư chi loại thị

也。
giả.

故令不可輕，勢不可逆也。
4.— Cổ lệnh bất khả khinh, thế bất khả nghịch giả.

東夷

DÔNG DI

東夷之性，薄禮少義，悍
1.— Đông di chi tính, bạc lễ, thiếu nghĩa, hãn
急能鬪，依山暫海，憑險自
cấp, năng đấu, y sơn tạm hải, bàng hiểm tự
固。
cố.

若君臣和睦，黎民安樂，
2.— Nhược quân thần hòa mục, lê dân an lạc,
不可圖也。
bất khả đồ giả.

上亂下離，則可以行間，
3.— Thượng loạn hạ ly, tác khả dĩ hành gián;
聞起則隙生，隙生則修德以
gián khởi tác khích sinh, khích sinh tác tu đức dĩ
來之，固兵甲以擊之，其勢
lai chi, cố binh giáp dĩ kích chi, kỳ thế
必尅也。
tất khác giả.

không thể nghịch mệnh, thì đó là hạng **Tôn Vũ, Nhuong Thu** (1)

4- Cho nên mệnh lệnh *không có thể khinh lờn*, quyền *thể chẳng có thể chống đối*.

XXXXVII RỢ MIỄN ĐÔNG

1- Tính của **rợ miễn đông** là *lễ nghi sơ sài, nghĩa khi ít ỏi, hung hân*, ưa gấp xong, đánh giặc giỏi, dựa vào núi non, cây cỏ **biển vây bọc**, bằng vào các chỗ hiểm trở để cố thủ.

2- Nếu *vua tôi hòa mục, dân chúng yên vui*, thì **không thể mưu đồ** đánh chúng được.

3- *Trên rối loạn, dưới ly tán*, ắt là có thể dùng cách **chia rẽ chúng** ; khi chúng đã bị chia rẽ thì có mối hiểm khích sinh ra ; khi đã có hiểm khích sinh ra thì ta nên tu đức để vờ chúng đến, lo củng cố giáp binh để đánh chúng, thì cái thế ấy ắt là **khắc trị chúng được**.

(1) Tôn Vũ là Thượng tướng của nước Ngô, giúp Ngô Vương trở nên bá chủ, trước tác mười ba thiên binh pháp (Đời Đông Chu) Nhuong Thu làm Đại Tư Mã cầm binh quyền nước Tề (đồng thời với Tướng quốc Tiễn Tú) trước tác cuốn binh thư gọi là Tư Mã Pháp.

西戎

TÂY - NHUNG

- 西戎之性，勇悍好利，或
 1. - Tây-Nhung chí tính, dũng hân hiếu lợi, hoặc
 城居，或野處，米糧少。金
 thành cư, hoặc dã xứ, mễ lương thiếu, kim
 貝多，
 bối đa.

- 故人勇，難鬪難敗，其積
 2. - Cổ nhân dũng, chiến đấu nan bại; kỳ tích
 石以西諸戎，種繁地廣，形
 thạch dĩ tây chư nhung, chủng phồn, địa quảng, hình
 險俗負強狠。
 hiểm, tục phụ, cường ngạnh.

- 故人多不臣，當候之以外
 3. - Cổ nhân đa bất thần, đương hậu chi dĩ ngoại
 蠻，伺之以內亂，則可破矣
 hãn, tỷ chi dĩ nội loạn, tắc khả phá hĩ

南蠻

NAM MAN

- 南蠻多種，性不帥教，連
 1. - Nam Man đa chủng, tính bất suất giáo, liên
 合朋黨，失意則叛，居洞依
 hợp bằng đảng, thất ý tắc bần, cư động y
 山，或聚或散，西至崑崙，
 sơn, hoặc tụ hoặc tán, tây chí Côn-Luân,
 東至洋海，產奇貨，
 đông chí Dương-hải, sản kỳ hóa,

XXXXVIII
RỢ MIỀN TÂY

1- Tính của **rợ miền tây** là *mạnh dạn hung hãn, ham điều lợi*, hoặc ở thành trì, hoặc ở đồng nội, có ít lúa gạo lương thực, có nhiều vàng bạc, của quý.

2- Do đó mà nhân dân **dũng mãnh**, khi chiến đấu mà thất bại ; (trong xứ) có nhiều đá chồng chất nên mới có tên là Tây Nhung ; dân chúng có **nhiều chủng tộc** khác nhau : đất đai thì rộng rãi mà hình thế lại hiểm trở ; dân chúng có **phong tục trái ngược**, tính khí **mạnh mẽ, tàn nhẫn**. ○

3- Bởi thế, nhân dân có nhiều người **không chịu thần phục**. (Vây) nên đợi chờ xem xét các **kẻ hở ở bên ngoài**, dò la sự **rối loạn ở bên trong**, ắt là có thể phá chúng được.

XXXXIX
RỢ MIỀN NAM

1- Rợ phía nam có nhiều giống, có tính **không nghe lời dạy của người trên**, liên hiệp thành **bè đảng**, không

故 人 貪 而 勇 戰 ， 春 夏 多 瘴
 2. — Cỗ nhân tham nhi dũng chiến, xuân hạ đa chương
 疫 ， 利 在 疾 鬪 ， 不 可 久 師 也
 dịch, lợi tại tất đấu, bất khả cửu sư giã.

羌 狄

KHƯƠNG ĐỊCH

羌 狄 居 無 城 郭 ， 隨 逐 水 草
 1. — Khương dịch cư vô thành quách, tùy trục thủy thảo,
 , 勢 利 則 南 侵 , 勢 失 則 自 引
 thế lợi tắc nam xâm, thế thất tắc tự dẫn
 去 。 長 山 廣 積 。 足 以 自 衛 ,
 khứ, trường sơn quảng tích, túc dĩ tự vệ,
 飢 則 捕 獸 飲 乳 , 寒 則 寢 皮 服
 cơ tắc bộ thú ẩm nhũ, hàn tắc tẩm bì phục
 裘 , 奔 走 射 獵 , 以 殺 爲 務 ,
 cầu, bồn tẩu xạ liệp, dĩ sát vi vụ,
 未 可 以 道 德 綏 之 , 未 可 以 兵
 vị khả dĩ đạo đức tuy chí, vị khả dĩ binh
 革 服 之 。
 cách phục chí,

漢 不 與 戰 , 其 畧 有 三 :
 2. — Hán bất dư chiến, kỳ lược hữu tam :
 漢 軍 且 耕 且 戰 , 故 疲 而 怯
 A. — Hán quân thả canh thả chiến, cố bì nhi khiếp
 , 狄 騎 且 牧 且 獵 , 則 逸 而 勇
 Dịch kỵ thả mục thả liệp, tắc dật nhi dũng

vừa ý thì **lâm phần**, ở trong các hang động, nương tựa vào núi non, hoặc hợp hoặc tan, phía tây tới núi Côn Luân, phía đông tới biển, sản xuất những hàng hóa lạ lùng.

2- Cho nên dân chúng **tham lam** mà chiến đấu **mạnh dạn** ; về mùa xuân và mùa hạ có nhiều chứng khí bệnh truyền nhiễm lợi ở chỗ **đánh mau**, không thể duy trì quân đội lâu dài.

L

RỢ KHƯƠNG VÀ RỢ ĐỊCH

1- **Rợ Khuơng và rợ địch** không ở thành quách, theo ở những nơi có nước và có cỏ, khi lợi thế thì xâm lấn về miền nam, khi thất thế thì tự rút lui, núi dài mênh mông chống chãi, đủ để tự vệ, khi đói thì bắt thú nướng sữa, khi rét thì nằm trên da thú, mặc đồ da, chạy đuổi săn bắn lấy sự giết chóc làm việc cốt yếu, chưa có thể lấy đạo đức mà vỗ về, phủ dụ chúng được.

2- Nha Hân muốn khởi đánh nhau với chúng thì áp dụng **ba sách lược** sau này :

， 以 疲 敵 逸 ， 以 怯 敵 勇 ， 不
dī bì địch dật, dī khiếp địch dũng, bất

相 關 ， 此 其 不 可 戰 一 也 。

tương đẩu, thứ kỳ bất khả chiến nhất giả.

漢 長 於 步 ， 日 馳 百 里 ； 狄
B. — Hán trường ư bộ, nhật tri bách lý ; Địch

長 於 騎 ， 日 行 倍 之 。 漢 逐 狄
trường ư kỵ, nhật hành bội chi. Hán trục Địch,

， 則 運 糧 負 甲 而 隨 之 ， 狄 逐
tác vận lương phụ giáp nhi tùy chi ; Địch trục

漢 ， 則 長 驅 疾 騎 而 運 之 ， 運
Hán, tác trường khu tạt kỳ nhi vận chi. Vận

負 之 勢 已 殊 ， 走 逐 之 形 不 等
phụ chi thế dĩ thù, tẩu trục chi hình bất đẳng,

， 此 其 不 可 戰 二 也 。

漢 戰 多 步 ， 狄 戰 多 騎 ， 爭
C. — Hán chiến đa bộ, Địch chiến đa kỳ ; tranh

地 之 形 勢 ， 則 騎 與 步 ， 遲 疾
địa chi hình - thế, tác kỳ dũ bộ, tri tạt

勢 懸 ， 此 其 不 可 戰 三 也 。

不 得 已 則 莫 若 守 邊 ， 守 邊
3. — Bất - đắc - dĩ tác mạc nhược thủ biên. Thủ biên

之 道 ， 揀 良 將 而 任 之 ， 訓 銳
chi đạo, gián lương g tướng nhi nhiệm chi. huấn nhuệ

A- **Quân Hán** khi thì **cày cấy**, khi thì **đánh giặc**, nên **mỗi mệt mà nhất sợ** ; còn **quân kỵ mã** của rợ **Địch** khi thì **chấn súc vật**, khi thì **săn bắn**, ắt là thông thả, khỏe khoắn mà lại **mạnh dạn**. Lấy kẻ mệt mỗi để chống với kẻ khỏe khoắn, lấy kẻ nhất sợ để chống với kẻ mạnh dạn thì không thể tranh hơn được, đó là **lẽ thú nhất chẳng nên đánh với chúng**.

B- **Quân Hán** sở trường về **đi chân**, mỗi ngày đi được trăm dặm, rợ **Địch** sở trường về **cỡi ngựa**, mỗi ngày đi gấp bội. **Quân Hán** muốn đánh rợ **Địch**, ắt phải vận lương, mang giáp để đuổi theo ; rợ **Địch** muốn đánh **quân Hán**, ắt phải phóng ngựa đường dài để vận chuyển. **Thế chuyển vận, khiêng mang** đã khác nhau xa, **cách đuổi đánh** lại chẳng giống nhau, đó là **lẽ thú hai chẳng nên đánh với chúng**.

C- **Quân Hán** đánh giặc thì **phần nhiều đi chân**, rợ **Địch** đánh giặc thì **phần nhiều cỡi ngựa** ; xét về hình thế giao tranh thì **cái thế cỡi ngựa và đi chân** khác nhau xa vời, đó là **lẽ thú ba chẳng nên đánh với chúng**.

士	而	禦	之	，	廣	公	田	而	實	之	，
sĩ	nhĩ	ngự	chĩ,		quảng	công	điền	nhĩ	thực	chĩ,	
練	士	卒	以	防	之	，	多	方	策	以	誤
luyện	sĩ	tốt	dĩ	phòng	chĩ,		đa	phương	sách	dĩ	ngộ
之	，	候	其	隙	以	間	之	，	乘	其	衰
chĩ,		hậu	kỳ	khích	dĩ	giãn	chĩ,		thừa	kỳ	suy
以	擊	之	，	則	國	不	費	而	狄	已	尅
dĩ	kích	chĩ,		tắc	quốc	bất	phí	nhĩ	Địch	dĩ	khắc
矣	，	人	不	疲	而	狄	已	靜	矣		
hĩ,		nhân	bất	bĩ	nhĩ	Địch	dĩ	tĩnh	hĩ.		

— 終 —

3- Gặp trường hợp cực chẳng đã (phải đối phó với chúng) thì chẳng gì bằng **giữ gìn biên giới**. Phép giữ gìn biên giới là **kén chọn tướng giỏi** để bổ nhiệm, **huấn luyện** sĩ tốt cho được **tinh nhuệ** để chế ngự chúng, mở rộng ruộng công ra để **nuôi dưỡng quân sĩ** cho được sung túc, **tập luyện** sĩ tốt để phòng bị, **dùng nhiều phương sách để chúng lằm lạc**, chờ khi chúng oán hận nhau để mà **ly gián chúng**, thừa dịp chúng suy vì để đánh chúng, á là nước nhà chẳng hao tổn nhiều mà rợ Dịch đã khác chế được, nhân dân chưa mỏi mệt mà rợ Dịch đã tri yên vậy.

HẾT PHẦN BÌNH PHÁP

BÁT TRẬN

BÀI TỰ CŨ BỐN KHẮC BÁT TRẬN ĐỒ

(ĐÔNG LAI LAM CHƯƠNG)

Gia cát Võ Hâu suy diễn bình phát để đặt ra **Bát Trận Đồ**, thì *Nghiêm Tông* cho là đã lấy từ *ốc cơ vân* của *Phong hậu*. Nếu xét lời truyền lại trong *ốc cơ vân*, rồi dựa vào đấy mà cho là như thế, thì không phải là của *Phong Hậu*, mà thực là bản chép **Bát Trận Đồ** đó thôi.

(**Bát Trận**) đồ ký của *Độc Cô Cáp* (đời *Đường*) mà bảo là lấy từ ngoại thiên của sách *Huỳnh Đế*, thì cũng không phải ; mà bài tán *Mã Long Bát Trận* lại cũng là bài ghi *ốc cơ vân* đó thôi, còn nếu thấy nó trong sách *Lý Tĩnh vấn đáp*, thì cũng là sách giả mạo của *Nguyễn Dật*.

Có bốn di tích của bản đồ : Một tại *Miền Dương*, một tại *Tân Đô*, một tại *Ngư Phúc*, một tại *Nam Thị*. ta thường đến *Miền Dương* lay mộ *Võ Hâu*, mà tìm hỏi các thành lũy cũ thì không ai biết, còn *Tân Đô*, *Nam Thị* đã từng nghe nói cũng bị tàn phá không thể khảo cứu được, chỉ *Ngư Phúc* vẫn còn tới nay như cũ.

Ta sai người vẽ họa đồ để xem xét. Sáu mươi bốn (64) lũy bày ra ở trước, đó là **Bát Trận**. Hai mươi bốn (24) lũy vây bọc đằng sau đó là **Khuốc Nguyệt trận**. Sáu mươi bốn lũy ấy là *que đôi* của dịch học. Hai mươi bốn lũy là các *vạch* của quẻ dịch. *Que* định ở *vuông* để mà biết cho nên **Bát Trận** tượng trưng các *que* ấy ; các *vạch* bắt đầu từ tròn mà biến hóa cho

nên **Khuốc Nguyệt trận** tượng trưng các *vạch* ấy. Quẻ từ vạch mà bát đầu, vuông từ tròn mà sinh ra.

Bích môn là cái tượng âm dương, ốc kỳ là cái tượng hư trung. Phép tiến hóa **kỳ chính** (1) đều phát xuất từ đó. Phép kỳ cũng là *chính* của *chính*, phép *chính* cũng là kỳ của kỳ. Đây đó dùng nhau, tuần hoàn vô cùng.

Hoàn Ôn nói rằng : Cho đó là **Trường Sơn Xà Thế** (thế rắn Thường Sơn), cũng là nói sai ; gọi là Thường Sơn Xà như thế là khinh suất, đáng lẽ là **Cao Trục Trận** chớ không phải là Bát Trận.

Thái Bạch Âm Kinh của *Lý Toàn* lấy **Thiên, Địa, Phong, Vân** làm phép chính lấy **Long, Hổ, Diểu, Xà** làm phép kỳ, cũng là do sự thấy phỏng chừng đó thôi, cho tới sự nói rằng dạy đánh thì có họa đồ mà ra chiến trận thì không họa đồ, thật là quá sai lầm.

Vừa rồi, giặc Thục nổi loạn, tay phụng chiếu đi đánh giặc, cầm quân đồn trú tại Hán Trung, nhân lấy Bát Trận Đồ mà suy diễn ra, từ sáu mươi bốn thành lũy, chia trong, ngoài, trước sau thành ra bốn cạnh, lại biến đổi mà làm thành bát trận, dọc ngang mở đóng, liên tục móc nối nhau quanh co khúc khuỷu, tất thấy đều có mạch lạc thứ lớp, lấy đó huấn luyện nên hàng ngũ mới nghiêm chỉnh khả quan vậy.

Ba lần khảo cứu hiệu đính, khiến người ở *Vô Đô* là *Long Chính* vẽ ra chú thích vào bên trái, từ tướng lĩnh cho tới sĩ tốt, mỗi người đều cấp cho một bản, bắt đọc tụng để mà tập luyện trận ấy.

(1) Kỳ là bất thường, là lũng không theo phép tắc. Chính là ngay thẳng theo đúng phép tắc thông thường.

Ồ hô ! Phế bỏ trận hình mà dùng binh là sai lầm, chấp cứ trận hình mà mong thắng là ngu ngốc. Ngày thường luyện binh, như thân thể vận động cánh tay mà cánh tay lại vận động ngón tay, chẳng có gì là không như ý, ắt là ngàn giặc mà vây đánh, một âm một dương, biến hóa, ẩn hiện mà chẳng có gì trái nghịch với mệnh lệnh của ta.

Tôn Vũ nói rằng : *"Đánh loạn xạ mà không hề rối loạn, hình tròn mà không thể phá"*. Nếu không có trận đồ của Vô Hầu thì ai mà có thể làm được như thế ?

DÔNG LAI LAM CHƯƠNG

BÀI TỰA GIẢNG GIẢI BẢN ĐỒ BÁT TRẬN HỢP BIẾN CỬ ÔNG LAM CÔNG

Bát Trận của **Gia Cát** phỏng theo Huỳnh Đế, Phong Hậu nhưng thực ra là điều sở đắc của Gia Cát do *tâm pháp* chứ không phải chỉ chuyên suy diễn từ tài liệu có sẵn.

Cho nên lùỵ đá xây ở trong cát, dọc ngang đều có tám, các lùỵ ấy được gọi là : **Thiên Hoành, Địa Trục, Thiên Tiên Xung, Thiên Hậu Xung ; Địa Tiên Xung, Địa Hậu Xung ;** thêm nữa gọi là **Phong**, gọi là **Vân**, đó là tên trận. Sáu mươi bốn là số trận nhiều hay ít, do sự nhân lên với nhau mà có số ấy. Các trận được bày ra đúng phương hướng, sắp ra theo đúng vị thứ. Hai mươi bốn trận **du bình**, ở sau sáu mươi bốn trận, có tên là **Khuốc Nguyệt Trận**. Khi mở hay đóng, làm hay nghỉ, phân cách các đội cũng giống như bát trận. Vào lúc hạ dinh, vây bọc che chở ở đằng sau, ra vào nhanh chóng, đối phó với địch để giữ phần thắng, đó là sự kết hợp của tổng đồ vậy. Nếu phân chia trong ngoài thành ra **Thiên Phúc, Địa Tả**, phân chia bên trái bên phải thành ra **Phong Dương, Vân Thùy ;** phân chia bốn góc trước sau thành ra **Long Phi, Hổ Dục, Điều Tuồng, Xà Bàn** đó là cách biến hóa của Bát Đồ vậy. Khi hợp lại chẳng liên nhau mà bao hàm vô tận, khi biến hóa chẳng hề biến hóa vô ích mà có thể đối ứng với địch quân từ mọi phương (đến đánh), vững bền như bàn đá, hễ chạm vào là bị tan vỡ, mạnh mẽ dữ dội như ngọn lửa bùng cháy, hễ phạm vào là bị đốt tiêu.

Bởi thế mà *Tư Mã Ý* đành chịu cái nhục nhận bịt khăn đàn bà, mà rốt cục chẳng dám khinh thường ra đánh để gánh

lấy sự bại vong. *Vô Hưu* đã mất rồi, mà trận đồ ở tại thành Bạch Đế thuộc châu *Ngư Phúc*, vẫn còn vững chắc như trước. Vào đời Tấn, Mã Long dùng ba ngàn bộ tốt, các đồ dùng phá cây cối lên tới mấy vạn xe ngựa để khôi phục *Luang Châu* lại như cũ, đó là để khảo cứu trận đồ ấy.

Các điều mà binh gia để lại sau khi chết, bất quá chỉ là lời đàm luận để dựa vào đó (mà học hỏi) chứ chẳng phải để dạy hàng ngũ quân đội. Tuy phép tắc trong quân lữ có nêu lên các giảng mối, có chép lại đầy đủ lời giảng về trận đồ, nhưng ở sau tổng đồ lại thiếu trận đồ *Khuốc Nguyệt*, đó là không có *du binh* vậy. Không có *du binh* thì lấy gì để tranh thắng, và để mà ngăn ngừa các biến cố bất ngờ xảy ra. *Đông Lai Lam Công* lấy tư cách là Thủ Hiến Đại Đô, coi binh Hán Trung, tưởng mến *Vô Hưu*, khiến người đến *Ngư Phúc* về hình các lũy đá để mà xem xét kỹ càng, và hơn nữa suy luận, hỏi han, bàn bạc, nghiên cứu lâu ngày, bỗng nhiên một hôm kia gần như là hiểu được ý tứ cốt yếu, lại gặp được *Long Chính* là kẻ sĩ tại *Vô Đô* hiểu rõ cách tập luyện trận đồ, cùng bàn luận thì hợp ý nhau, thường thức sâu xa hơn, bèn khiến lấy đá nhỏ bày sau sảnh đường, sắp kết hợp vào nhau, lại dời đi để biến hóa, cách kết hợp và biến hóa do thuận tay mà thành, lấy phép tắc ở đó mà dạy các tướng sĩ, xét nghiệp các điều có thể làm được, bèn viết lời giảng trận đồ, nhờ đó mà lời giảng cũ được rõ thêm, mà về các cách bày trận, biến trận thì thực là phát minh ra được cái gì chưa từng được phát minh, ấn loát thành sách, từ tướng lãnh cho tới sĩ tốt, mỗi người cấp cho một bản, để mà đọc tụng và tập luyện, chẳng bao lâu mà được tinh thực, khí thế chống địch, mười lần hơn ngày thường vậy, bèn đặt ra phép xông trận, chọn

lựa những binh mạnh dạn, sắc sảo để xông vào đánh. Tướng sĩ vui mừng nhảy nhót, mong muốn được một lần cho thỏa thích, do đó mà uy vũ phấn chấn, bao nhiêu lần đánh thì bấy nhiêu lần thắng, tuy rằng sự trí dũng trung trinh của Công có vượt hơn người nhiều (nhưng sự thắng thế ấy) lại chẳng do ở trong lý thuyết bát trận đồ mà ra hay sao ? Ví bằng lý thuyết trận đồ được về sau, ắt cũng là nhờ được ở người ấy vậy đó !

(LAM CÔNG)

八 陣 號 令

BÁT TRẬN HIỆU-LỆNH

凡	遇	操	練	之	日	,	侵	晨	赴
Phàm	ngộ	thao	luyện	chi	nhật,		xâm	thần	phó
各	地	方	每	隊	七	行	七	層	以
các	địa	phương,	mỗi	đội	thất	hàng	thất	tầng ;	đi
千	人	以	上	,	四	隊	合	為	一
thiên	nhân	đi	thượng,		tứ	đội	hợp	vi	nhất
,	二	萬	人	之	上	,	四	陣	合
	nhị	vạn	nhân	chi	thượng ;		tứ	trận	hợp
一	陣	,	二	十	萬	人	之	上	,
nhất	trận ;		nhị	thập	vạn	nhân	chi	thượng,	
部	合	為	一	部	,	俱	分	兩	層
bộ	hợp	vi	nhất	bộ,		câu	phân	lưỡng	tầng
紮	。								駐
tráp.									trú

聞	中	軍	號	笛	響	,	馬	步	官
Văn	trung	- quân	hiệu	địch	hương,		mã	- bộ	quan
旗	詣	中	軍	,	聽	發	放	訖	,
kỳ	nghe	trung	quân,		thính	phát	phóng	cát,	
還	各	隊	,	傳	令	諭	衆	不	許
hoàn	các	đội,		truyền	lệnh	dụ	chúng,	bất	hứa
講	及	錯	亂	隊	伍	。			喧
giảng	cập	thố	loạn	đội	ngũ.				
	聞	中	軍	。					
	Văn	trung	- quân :						

第	一	聲	唃	囉	響	,	各	隊	步
Đệ	nhất	thanh	bột	la	hương,		các	đội	bộ.
兵	皆	集	,	騎	兵	解	絆	索	馬
binh	giai	tập,		kỵ	- binh	giải	bán	sách	mã ;

HIỆU LỆNH BÁT TRẬN

Gặp ngày thao luyện, trời mới tảng sáng, đi đến các khu vực, mỗi đội *bảy hàng, bảy từng* ; cho tới *ba ngàn người tró lên* thì **bốn đội** hợp thành **một đội** (đội lớn = đại đội) ; trên *hai vạn người* thì **bốn trận** hợp thành **một trận** (trận lớn = đại trận) ; trên *hai mươi vạn người* thì **bốn bộ** hợp thành **một bộ** (bộ lớn = đại bộ), hết thầy đều phân ra hai mà đóng đồn.

Nghe tiếng địch của trung quân ra hiệu lệnh, thì lính cỡi ngựa hoặc lính đi chân có trách nhiệm cầm cờ phải đến trung quân, nghe phân phát, xếp đặt công việc xong, thì đi trở về các đội, truyền lệnh dạy bảo cho quân chúng, không được nói năng ồn ào, bàn tán xôn xao, cùng là để đội ngũ rối loạn.

Nghe từ trung quân :

- *Tiếng phèng la thứ nhất* vọng ra, thì các đội bộ

binh đều phải tụ tập lại, các kỵ mã thì buông thả ngựa đang cột giữ ra ;

- *Tiếng phèng la thứ hai vọng ra*, thì bộ binh đưa cờ lên, kỵ binh thì cỡi ngựa ;

- *Tiếng phèng la thứ ba vọng ra*, trống đánh, các đội cách xa nhau đi ra chậm chậm, cứ mỗi tiếng trống thì mỗi bước chân, cho đến mười tám bước.

Trung quân đột nổ một tiếng pháo, vầy cờ ba lần, phát ra ba tiếng hô chiến đấu.

Nghe loa gọi, trống đánh thì đi mau mười tám bước.

Nghe tiếng chiêng thì dừng lại, chỉ mở rộng ra mà thôi.

Nghe tiếng phèng la thì bắn súng, cung nỏ, thương, bằng đều sắp thành thế đánh, quan quân cùng hô lên ba tiếng : giữ, giữ, giữ.

Nghe tiếng "biệt liệt" (như chim kêu) thì phát la lên ;

	放	砲	一	箇	，	磨	旗	一	次	，
	Phóng	pháo	nhất	cá,		ma	kỳ	nhất	thứ,	
發	喊	一	聲	戰	聲	。				
phát	hăm	nhất	thanh	chiến	thanh.					
	喇	叭	響	，	發	鼓	，	急	行	十
	Lạt	bá	hưởng,		phát	cổ,		cấp	hành	thập
七	步	。								
thất	bộ.									
	金	響	止	單	擺	開	。			
	Kim	hưởng	chỉ,	đơn	bãi	khai.				
	鐺	響	放	統	弓	弩	槍	牌	皆	作
	La	hưởng	phóng	súng,	cung	nỏ	thương	bài	giai	tác
戰	勢	，	齊	唱	殺	殺	殺	三	發	。
chiến	thế,		tề	xướng	sát	sát	sát	tam	thanh.	
	喇	叭	響	發	喊	。				
	Biệt	liệt	hưởng	phát	hăm.					
	拌	鉦	響	收	隊	駐	爲	第	二	陣
	Suất	bạt	hưởng	thu	đội,	trú	vi	đệ	nhị	trận.
	三	次	點	鼓	後	，	爲	第	一	陣
	Tam	thứ	điểm	cổ	hậu,		đệ	nhất	trận	hựu
間	隊	出	緩	行	過	第	二	陣	前	十
gián	đội	xuất,	hoãn	hành	quá	đệ	nhị	trận	tiền	thập
八	步	。								
bát	bộ.									
	放	砲	一	箇	磨	旗	一	次	，	發
	Phóng	pháo	nhất	cá,	ma	kỳ	nhất	thứ,		phát
喊	一	聲	戰	聲	。					
hăm	nhất	thanh	chiến	thanh.						
	喇	叭	響	發	鼓	，	急	行	十	八
	Lạt	bá	hưởng,	phát	cổ,		cấp	hành	thập	bát
步	。									
bộ.										

Nghe *tiếng nạo bạt* (dập xóa) thì thâu đội vào, dừng lại làm thành trận thứ nhất.

Nghe *đánh trống lại* thì mặt sau của đội đi ra hết chậm chậm qua khỏi phía trước trận thứ nhất mười tám bước ;

Nghe *một tiếng pháo nổ*, vầy cò một lần, phát ra một tiếng hô chiến đấu.

Nghe *loa gọi*, thì đánh trống đi nhanh mười tám bước;

Nghe *chiêng đánh* thì dừng lại, chỉ mở rộng ra mà thôi ;

Nghe *phèng la* thì bắn súng, sắp đặt cung, nỏ, thương, bằng thành thế đánh, cùng hô lên ba tiếng : giết, giết, giết ;

Nghe *tiếng "biệt liệt"*, thì phát la lên ;

Nghe *tiếng nạo bạt* thì thâu đội vào, dừng lại lập trận thứ hai ;

Nghe *ba tiếng trống đánh xong*, trong trận thứ nhất lại có các đội cách xa nhau đi ra, chậm chậm đi quá mặt trước trận thứ Á hai mươi tám bước ;

金 響 止 , 單 擺 開 。
 Kim hưởng chí, đan bài khai,
 鐸 響 , 放 銃 , 弓 弩 槍 牌
 La hưởng, phóng súng, cung nỏ thương bài
 作 戰 勢 , 齊 唱 突 突 突 三
 tác chiến thế, tè xướng đột đột đột tam
 皆
 giai
 聲
 thanh.

喇 喇 響 發 喊 。
 Biệt liệt hưởng, phát hăm.
 排 鉦 響 收 隊 駐 爲 第 三 陣
 Suất bạt hưởng, thu đội trú, vi đệ tam trận.
 四 次 點 鼓 後 , 爲 第 二 陣 亦
 Tứ thứ điểm, cổ hậu, đệ nhị trận diệc.
 隊 出 , 緩 行 過 第 三 陣 前
 đội xuất, hoãn hành quá đệ tam trận tiền
 間
 gián
 十
 thập
 放 砲 一 箇 , 磨 旗 一 次 發
 Phóng pháo nhất cá, ma kỳ nhất thứ, phát
 喊 聲 戰 聲 。
 hăm nhất thanh chiến thanh.
 喇 叭 響 發 鼓 , 急 行 十 八
 Lạt bá hưởng phát cổ, cấp hành thập bát
 步
 bộ.

金 響 止 單 擺 開 。
 Kim hưởng chí, đan bài khai,
 鐸 響 放 銃 , 弓 弩 槍 牌 如
 La hưởng, phóng súng, cung nỏ thương bài như
 作 勢 齊 唱 訶 訶 訶 三 聲
 tác thế, tè xướng ha ha ha tam thanh.
 前
 tiền

Nghe *nó một tiếng pháo*, thì vẫy cờ một lần, phát ra một tiếng hô chiến đấu;

Nghe *loa gọi*, thì đánh trống, đi mau mười tám bước ;

Nghe *chiêng đánh* thì dừng lại, chỉ mở rộng ra.

Nghe *phèng la đánh* thì bắn súng, sắp tất cả cung, nỏ, thương, bằng thành thế đánh, cùng hô lên ba tiếng : xông tới, xông tới, xông tới.

Nghe tiếng "*biệt liệt*" thì phát ra tiếng la ;

Nghe tiếng *nào bat*, thâu các đội vào, dừng lại lập thành trận thứ ba ;

Nghe *bốn tiếng trống đánh xong*, cũng từ trận thứ hai, các đội cách nhau đi ra từ từ quá mặt trước trận thứ ba mười tám bước ;

Nghe *nó một tiếng pháo*, vẫy cờ một lần, phát ra một tiếng hô chiến đấu ;

Nghe *loa gọi, trống đánh*, đi gấp mười tám bước ;

Nghe *chiêng đánh*, dừng lại, chỉ mở rộng ra mà thôi ;

Nghe *phèng la đánh*, bắn súng, sắp cung, nỏ, thương, bằng, giữ thế như trước, cùng hô ba tiếng : ha, ha, ha.

總陣
tổng trận

Nghe tiếng biệt liệt thì phát la lên ;

Nghe tiếng nạo bạt thì thâu đội vào, dừng lại lập trận thứ tư ;

Trung quân bắt đầu *nối lúa ba nhánh* (đống) đánh trống, từ mỗi trận có các đội cách nhau đi ra trước, đi mười tám bước, đều chạy về chỗ đất bằng phẳng, phân ra từng khu vực để hạ dinh, trái, phải, trước sau, dọc ngang, trái bày ra thành từng hàng dãy có thứ tự, mặt đều hướng ra phía ngoài.

Nghe tiếng chiêng thì dừng lại không hô chiến đấu nữa.

Nghe tiếng loa gọi, chỉ mở rộng ra như bản đồ chung của trận thế, các góc và bờ rào móc nối liền nhau, để thành quy mô của bát trận.

Nghe tiếng biệt liệt thì phát la lên ;

Nghe tiếng nạo bạt thì thâu đội về.

Nếu muốn xông tới, dâng bay, biến hóa trận thế, thì trước hết phải chỉnh đốn *đội binh án ngự mặt trước*, chiêng, trống, cờ từng cặp đối nhau, khí cụ phát ra tiếng

十 thập	二 nhị	面 diện,	,	棹 suất	鉦 bạc	二 nhị	箇 cá,	,	大 dại	銃 súng
四 tứ	口 khẩu,	○								
	中 Trung-quân	軍 quan	金 kim	鼓 cổ	旗 kỳ	旂 phan	如 như	舊 cựu,	,	聽 thính
本 bản	哨 sào	官 quan	八 nhập	天 Thiên	陣 Trận	內 nội	用 dụng,	○		
	次 Thứ	中 trung-quân	軍 cử	舉 huyền	玄 huỳnh	黃 nhị	色 sắc	旗 kỳ,	爲 vi	
一 nhất	變 biến,	,	天 Thiên	覆 Phúc	地 Địa	載 Tải	二 nhị	陣 trận,	○	
	放 Phóng	砲 pháo	一 nhất	箇 cá,	,	點 điểm	鼓 cổ,	該 cai	天 Thiên	
陣 Trận	隊 đội	往 vãng	南 nam	緩 hoãn	行 hành	布 bố	天 Thiên	陣 trận,	該 cai	
地 Địa	陣 Trận	隊 đội	往 vãng	北 bắc	緩 hoãn	行 hành	布 bố	地 Địa	陣 trận,	
各 các	至 chí	地 địa	界 giới.	○						
	磨 Ma	旗 kỳ	一 nhất	次 thứ,	,	發 phát	喊 hăm	一 nhất	聲 thanh	戰 chiến
聲 thanh,	○									
	喇 Lạt	叭 bá	響 hưởng,	,	鐸 la	鼓 cổ,	,	急 cấp	趨 xu	下 hạ
營 đình,	○									
	金 Kim	響 hưởng	止 chí,	,	單 đơn	擺 bãi	開 khai.	○		
	鐸 La	響 hưởng	放 phóng	銃 súng,	,	弓 cung	弩 nỏ	槍 thương	牌 bài	前 tiền

thì hai bộ, chiêng hai cái, phèng la hai cái, trống mười hai cái, nạo bạt hai cái súng lớn bốn khẩu ;

*Trung quân có chiêng trống, cờ phan như cũ, nghe sáo quan báo hiệu thời vào **Thiên Trận** để vận dụng.*

Sau đó, *trung quân* dơ hai sắc cờ đen, vàng lên, làm biến hóa hai trận **Thiên Phúc, Địa Tài** ;

*Đốt nổ một tiếng pháo, đánh trống, thì đội coi phần Thiên Trận từ từ đi qua phía nam, sắp bày **Thiên Trận**, còn đội coi phần Địa Trận từ từ đi qua phía bắc sắp bày **Địa Trận**, hết thấy đều tới địa giới ;*

Vậy cờ một lần, phát la một tiếng la chiến đấu.

Nghe loa gọi thì đánh phèng la và trống, gấp chạy đi lập dinh ;

Nghe tiếng chiêng thì dừng, chỉ mở rộng ra mà thôi ;

Nghe tiếng phèng la thì bắn súng, sắp bày cung, nỏ, thương, bằng thành thế đánh, cùng hô lên ba tiếng : giữ, giữ, giữ.

作	戰	勢	,	齊	唱	護	護	護	三	聲
tác	chiến	thế,		tề	xướng	hộ	hộ	hộ	tam	thanh.
	唳	唳	響	,	發	喊	○			
	Biệt -	liệt	hương,		phát	hăm.				
	摔	鉞	響	,	收	隊	○			
	Suất -	bạt	hương,		thu	đội.				
	中	軍	放	起	火	三	枝	,	二	陣
	Trung -	quân	phóng	khởi	hỏa	tam	chi,		nhị	trận
皆	動	,	復	回	總	陣	,	打	得	勝
giai	động,		phục	hồi	tổng	trận,		đá	déc	thắng
鼓	,	唢	囉	喇	叭	號	笛	齊	響	,
cổ,		bột	la	lạt	ba,	hiệu	dịch	tề	hương,	
各	歸	原	地	○						
các	qui	nguyên	địa.							
	若	再	變	陣	,	亦	如	前	撥	旗
	Nhược	tái	biến	trận,		diệc	như	tiền	bát,	kỳ
鼓	響	器	等	什	○					
cổ	hương	khi	dàng	kiện.						
	聽	左	哨	官	入	陣	用	,	中	軍
	Thính	tả	sào -	quan	nhập	trận	dụng,		trung-quân	
采	五	彩	五	華	二	旗	,	則	為	第
cử	ngũ -	thê,	ngũ -	vượng,	nhị	kỳ,		tác	vi	đệ
二	變	風	揚	雲	垂	二	陣	○		
nhị	biến	Phong	Dương,	Vân-Thùy	nhị	trận.				
	放	砲	一	箇	點	鼓	,	該	風	陣
	Phóng	pháo	nhất	cá,	điểm	cổ,		cai	Phong-Trận	
隊	往	西	緩	行	布	風	陣	,	該	雲
đội,	vãng	tây	hoãn	hành	bố	Phong-Trận ;		cai	Vân-	
陣	隊	往	東	緩	行	布	雲	陣	,	其
Trận	đội,	vãng	đông	hoãn	hành	bố	Vân -	Trận,		kỳ
進	止	動	盪	,	回	營	號	頭	,	皆
tiền	chỉ	động	dàng,		hồi	định	hiệu	dầu,		giai

Nghe *tiếng biệt liệt* thì phát la lên ;

Nghe *tiếng náo бат* thì thâu đội về ;

Trung quân *đốt lửa ba nhánh* (ba đồng) hai trận đều chuyển động, lại trở về tổng trận, đánh trống đặc thắng, phèng la, ồng loa, ồng địch hiệu lệnh cùng phát ra tiếng, hết thay đều trở về vị trí cũ.

Nếu muốn biến hóa trận thế một lần nữa, cách xoay chuyển cũng như lần trước, cờ trống, các khí cụ đánh kêu cùng loại ;

Khi nghe sáo quan bên trái báo hiệu thì vào vận dụng trận thế, trung quân giơ cao hai cờ ngũ thể (nám sắc), ngũ vưng (nằm vằng), thì làm biến hóa hai trận **Phong Dương Vân Thùy**, một lần thứ hai.

Đốt nổ một tiếng pháo, đánh trống thì đội coi phần **Phong Trận** đi từ từ qua phía tây mà sắp bày Phong Trận, đội coi phần **Vân Trận** đi từ từ, qua phía đông

准 chuán	前 tiền	例 lệ	，	但 đàn	唱 xướng	殺 sát	殺 sát	殺 sát	三 tam	聲 thanh
，	而 nhi	再 tái	變 biến	陣 trận	。陣 trận	，	中 trung	軍 quân	舉 cử	青 thanh
白 bạch	右 Hữu	哨 sào	官 quan	入 nhập	三 tam	變 biến	龍 Long	飛 Phi	虎 Hổ	翼 Đực
二 nhị	陣 trận	旗 kỳ	為 vi	第 đệ						
	放 Phóng	砲 pháo	一 nhất	箇 cá	，	點 điểm	鼓 cổ	，	該 cai	龍 Long
陣 Trận	隊 đội	往 vãng	東 đông	南 nam	布 bố	龍 Long	陣 Trận	，	該 cai	虎 Hổ
隊 đội	往 vãng	西 tây	北 bắc	布 bố	虎 Hổ	陣 Trận	，	但 đàn	唱 xướng	突 đột
突 đột	突 đột	三 tam	聲 thanh	止 chỉ	動 động	，	號 hiệu	頭 đầu	皆 giai	同 đồng
	其 kỳ	進 tiến	。陣 trận	，	後 hậu	哨 sào	官 quan	入 nhập	陣 trận	
前 tiền	例 lệ	再 tái	變 biến	陣 trận	，	二 nhị	陣 trận	，	黑 hắc	二 nhị
	若 Nhược	軍 quân	舉 cử	赤 xích	二 nhị	陣 trận	，	點 điểm	陣 trận	
，	中 trung	翔 Hương	蛇 Xà	一 nhất	北 bắc					
變 biến	鳥 Điểu	砲 pháo	東 đông	布 bố	烏 Điểu	陣 trận	，	該 cai	該 cai	
	放 Phóng	往 vãng	東 đông	北 bắc						
隊 đội	往 vãng	東 đông	北 bắc							

mà sắp bày Vân Trận ; khi tiến lên, dừng lại, chuyển động, trở về dinh, người chỉ huy đều theo lệ trước, chỉ hô ba tiếng : giết, giết, giết mà lại biến hóa trận thế lần nữa ;

Khi sảo quan bên mặt vào trận, giờ cao hai cờ xanh và trắng để biến hóa lần thứ ba hai trận **Long Phi, Hồ Dục** ;

Đốt nổ một tiếng pháo, đánh trống, đội coi phần **Long Trận** đi qua phía đông nam để sắp bày Long Trận, đội coi phần **Hồ Trận** đi qua phía tây bắc sắp bày Hồ Trận, chỉ hô lên ba tiếng : xông tới, xông tới, xông tới.

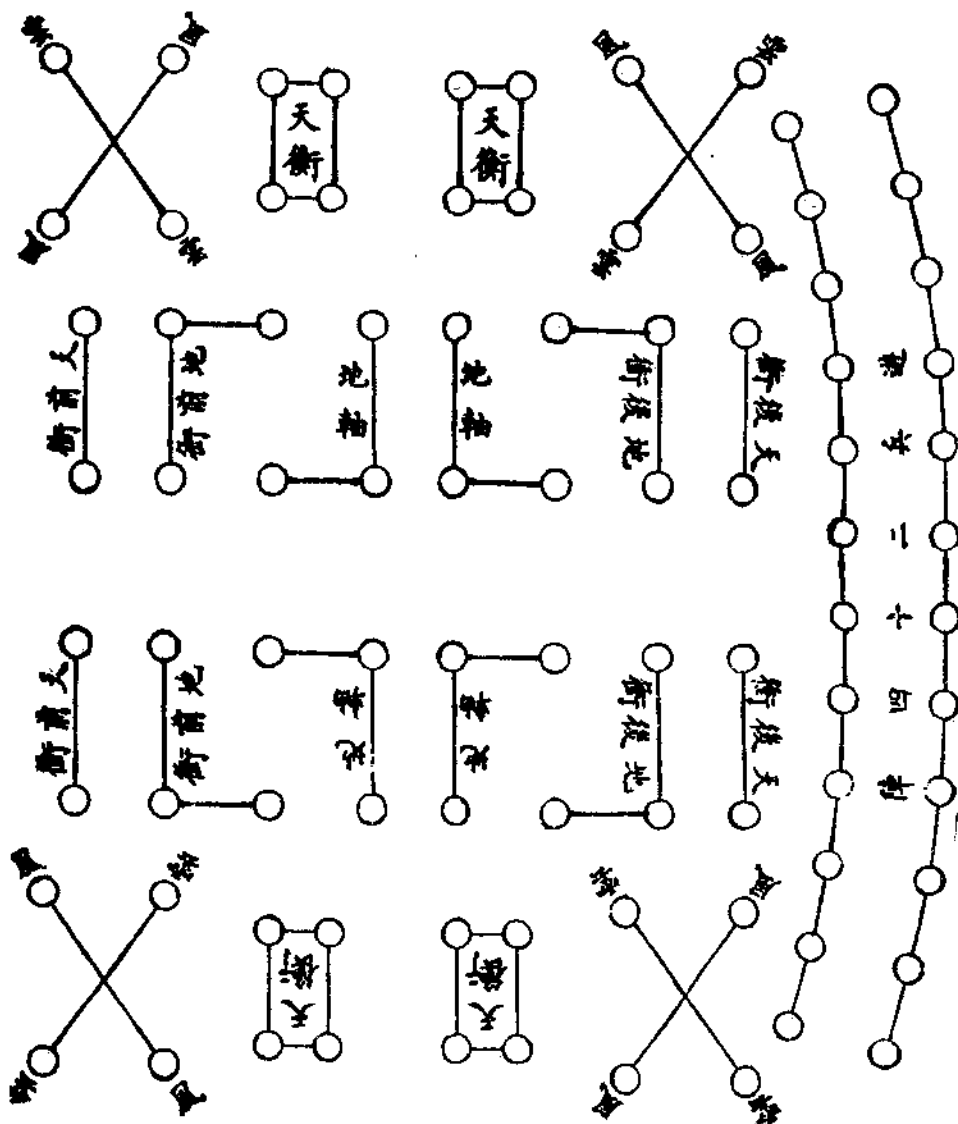
Tới rồi thì dừng lại, lay động, gọi phần đầu, đều như lệ cũ.

Nếu biến hóa lại trận thế thì sảo quan phía sau vào trận, trung quân giờ cao hai cờ đỏ và đen để biến hóa lần thứ tư hai trận **Điếu Tường và Xà Bàn**.

Đốt nổ một tiếng pháo, đánh trống, đội coi phần **Điếu Trận** đi qua phía đông bắc bày ra Diếu Trận đội coi **Xà Trận** đi qua phía tây nam bày ra Xà Trận chỉ hô lên ba tiếng : ha, ha, ha, cách kêu gọi phần đầu cũng giống như trước.

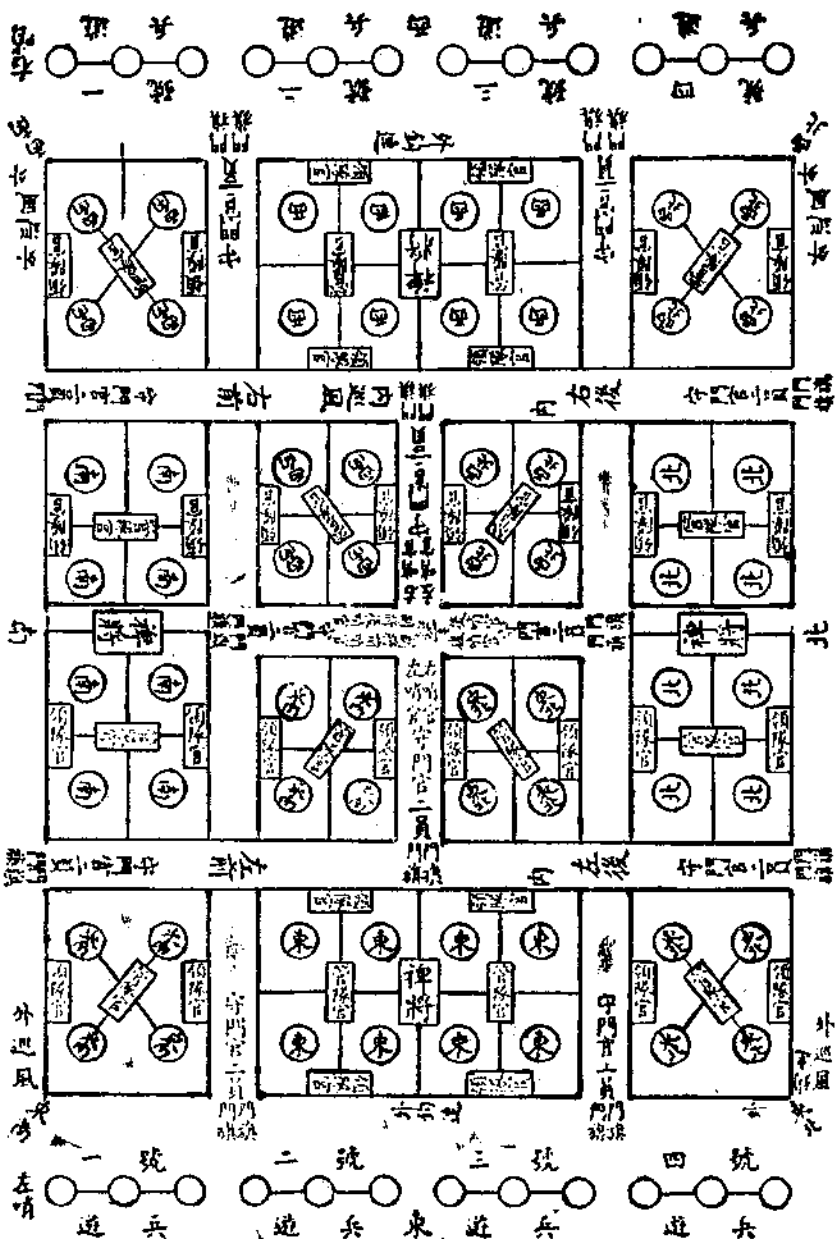
BÁT - TRẬN - ĐỒ

八陣圖



BÁT TRẬN TIỂU - THÀNH ĐỒ

人之不為



隊 往 西 南 布 蛇 陣 , 但 唱 訶
 đội vãng tây - nam bố xà - trận, dàn xướng ha
 訶 訶 三 聲 , 其 號 頭 皆 與 前
 ha ha tam thanh, kỳ hiệu đầu giai dư tiền
 同 。
 đồng.

八 陣 BÁT TRẬN

推 演 八 陣 始 於 隊 伍 而 成
 Suy - diễn bát trận thủy ư đội ngũ nhi thành
 營 陣 。
 dinh trăn.
 伍 者 五 行 生 成 之 數 也 。
 Ngũ giả ngũ hành sinh thành chi số giả.
 陣 者 八 卦 之 象 也 。
 Trận giả bát quái chi tượng giả.
 遊 兵 者 二 十 四 氣 之 象 也
 Du - binh giả nhị thập tứ khí chi tượng giả.
 所 以 五 人 爲 伍 五 十 五 爲
 Sở dĩ ngũ nhân vi ngũ, ngũ thập ngũ vi
 一 隊 , 加 五 旗 , 軍 而 五 十
 nhất đội, gia ngũ kỳ, quân nhi ngũ thập
 有 五 , 終 於 生 成 之 數 也 。
 hữu ngũ, chung ư sinh thành chi số giả.

BÁT TRẬN

Bát trận suy diễn bắt đầu từ *đội ngũ* mà thành *dinh trận*. (1)

Ngũ là số sinh thành của ngũ hành.

Trận là cái tượng là tám quẻ (2)

Du binh là cái tượng của 24 khí (3)

Sở dĩ năm người hợp thành một **ngũ**, năm mươi lăm hợp thành một **đội**, thêm năm cờ, quân mà tới năm mươi lăm là cùng cực vào cái số sinh thành (4)

Tám đội làm thành một **trận**, gồm có bốn trăm bốn mươi người (440). (5)

-
- (1) Theo Vô kinh tổng yếu thì 100 người làm một đội. Hai đội làm một quan. Hai quan làm một khúc. Hai khúc làm một bộ.
 - (2) Tượng của bát quái sinh từ Thái Cực : Thái Cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái. Cho nên tượng sếu bên trái bày 4 trận, bên phải bày 4 trận, đó là cái tượng của lưỡng nghi. Bên trái đứng trước 16 đội, bên trái đứng sau 16 đội, bên mặt đứng trước 16 đội, bên mặt đứng sau 16 đội, đó là cái tượng của tứ tượng.
 - (3) Du binh của hiệp đồ trở lại nắp ở đằng sau thành hai tủng. Nghi của Khước Nguyệt chưa được rõ, còn biến đồ chỉ làm hai sào, bên trái bày 12 trận, bên mặt bày 12 trận. Y theo sự chu toàn của thiên đạo 14 trận là sự đối đãi của âm dương, 24 trận là sự lưu hành của âm dương. Dịch có hai nghĩa là giao dịch và biến dịch, còn bát trận có hai tính nghĩa là phản hiệp và biến hiệp.
 - (4) Trời 1 đất 2, trời 3 đất 4, trời 5 đất 6, trời 7 đất 8, trời 9 đất 10. Số của trời cộng lại là 25, số của đất cộng lại là 30. Số của trời đất cộng lại là 55, số dĩ thành biến hóa mà quỷ thần hành động được.
 - (5) Mỗi đội có 55 người đem nhân với 8 thành ra 440 người.

八 隊 爲 一 陣 有 四 百 四 十
Bát đội vi nhất trận, hữu tứ bách tứ thập

人。
nhân.

八 陣 爲 一 部 有 三 千 五 百
Bát trận vi nhất bộ, hữu tam thiên ngũ bách

二 十 人， 而 爲 小 成， 可 變
nhị thập nhân, nhi vi Tiểu-Thành, khả biến

兩 也。
lưỡng giã.

八 部 爲 一 將， 有 二 萬 八
Bát bộ vi nhất tướng, hữu nhị vạn bát

千 一 百 六 十 人 而 爲 中 成，
thiên nhất bách lục thập nhân nhi vi Trung Thành,

八 陣 齊 可 變 也， 終 於 六 十
bát trận tề khả biến giã, chung ư lục thập

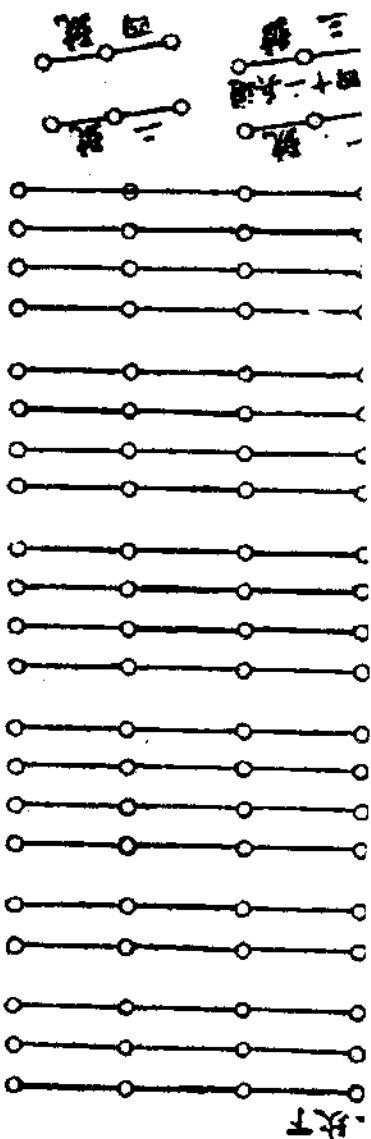
四 卦 也。
tứ quái giã.

Tám trận làm thành một **bộ**, gồm có ba ngàn năm trăm hai mươi người (3520), mà làm ra **tiểu thành**, có thể biến ra làm hai. (1)

Tám bộ làm thành một **tướng** gồm có hai vạn tám ngàn, một trăm sáu mươi (28.160) người, mà làm ra **trung thành**, tám trận đều có thể biến được (2), lập thành 64 quẻ.

Tám tướng làm thành một **quân** gồm có hai mươi vạn năm ngàn hai trăm tám mươi (225.280) người, mà làm ra **đại thành**. Cho nên *Hàn Tín* nói rằng: Càng nhiều càng tốt.

-
- (1) Mỗi trận có 440 người đem nhân ra với 8 thành ra 3520 người. Nếu du binh của trận Khước Nguyệt không đủ dùng thì biến hóa một lần mà làm ra hai trận Thiên Phúc, Địa Tái. Khi về dinh rồi thì biến hóa hai lần làm ra hai trận Phong Dương, Vân Thủy. Khi về dinh rồi lại biến hóa ba lần mà làm hai trận Long Phi, Hồ Dục. Khi về dinh rồi lại biến hóa bốn lần làm hai trận Điều Tường, Xà Bàn.
- (2) Mỗi tiểu thành có 3520 người, thêm du binh 1320 người đem toàn đội ra đánh, toàn đội ở lại giữ. Nam 1 bộ biến thành trận Thiên Phúc, Bắc 1 bộ biến thành trận Địa Tái, Đông 1 bộ biến thành trận Vân Thủy, Tây 1 bộ biến thành trận Phong Dương, Đông Nam 1 bộ biến ra trận Long Phi, Tây Bắc 1 bộ biến ra trận Hồ Dục, Đông Bắc 1 bộ biến ra trận Điều Tường, Tây Nam 1 bộ biến ra trận Xà Bàn. Du binh Khước Nguyệt ở ngoài có biến hóa nhưng vẫn phân ra hai xảo, một thủ, một công.



右
一 號 風 云
二 號 天 風
三 號 地 雲
四 號 地 天
五 號 地 天
六 號 地 天
七 號 地 天
八 號 地 天
九 號 地 天
十 號 地 天
十一 號 地 天
十二 號 地 天
十三 號 地 天
十四 號 地 天
十五 號 地 天
十六 號 地 天
十七 號 地 天
十八 號 地 天
十九 號 地 天
二十 號 地 天

TỔNG · XUNG TỰ TRẬN ĐỒ

萬 vạn 成 thành,	八 Bát 五 ngũ 。其 Kỳ	將 tướng 千 thiên 故 Cố 布 bố 陣 trận, 紮 trát, 左 Tả 分 phân 左 Tả 分 phân 其 Kỳ 陣 Trận,	爲 vi 二 nhị 韓 Hàn 列 liệt 陣 trận, 紮 trát, 左 Tả 分 phân 其 Kỳ 陣 Trận,	一 nhất 百 bách 信 Tín 營 đinh 右 hữu 而 nhì 部 bộ, 將 tướng, 而 nhì 以 dĩ 用 dụng 三 tam 萬 vạn 用 dụng	軍 quân, 八 bát 曰 viết: 陣 trận, 列 liệt 爲 vi 而 nhì 爲 vi 千 thiên 六 lục 千 thiên 每 mỗi	， 十 thập ： 四 tứ 小 tiểu 右 hữu 爲 vi 右 hữu 大 đại 人 nhân 十 thập 五 ngũ 面 diện	有 hữu 人 nhân 多 đa 以 dĩ 陣 trận, 將 tướng 列 liệt 中 trung 列 liệt 將 tướng 可 khả 步 bộ 百 bách 用 dụng	二 nhị 而 nhì 多 đa 將 tướng 分 phân 四 tứ 將 tướng 四 tứ 布 bố 二 nhị 一 nhất 一 nhất 步 bộ	十 thập 爲 vi 茲 ích 臺 đài 作 tác 部 bộ 將 tướng 六 lục 十 thập 百 bách 百 bách 。	二 nhị 大 đại 善 thiện 左 tả 兩 lưỡng 部 bộ 將 tướng 華 Lyc-Hoa 人 nhân 二 nhị 六 lục
-------------------------	----------------------------------	---	---	---	---	---	--	--	---	---

Về cách sắp bày dinh trận, thì lấy tướng dài làm gốc, bên trái bày bốn *trận*, bên mặt bày bốn *trận*, chia ra làm hai từng trú đóng mà làm **tiểu tướng** ;

Bên trái bày bốn *bộ*, bên mặt bày bốn *bộ*, cũng chia ra hai từng mà làm **trung tướng** ;

Bên trái bày bốn *tướng*, bên mặt bày bốn *tướng*, cũng chia hai từng mà làm **đại tướng** ;

Bên trái bày bốn *tướng*, bên mặt bày bốn *tướng*, cũng chia hai từng mà làm **đại tướng**.

Về cách chế biến trận pháp, dùng ngàn (1000) người để sắp bày **Lục Hoa Trận**, mỗi mặt đo sáu mươi (60) bước ; (1)

Dùng của **tiểu thành** ba ngàn năm trăm hai mươi (3.520) người để sắp bày *Bát Trận*, mỗi mặt đo một trăm hai mươi (120) bước ;

Dùng của **trung thành** hai vạn tám ngàn một trăm sáu mươi (28.160) người, mỗi mặt đo sáu trăm (600) bước ;

-
- (1) Lục Hoa Trận bát đầu có từ Lý Tĩnh. Sáu quân bên ngoài, một gọi là Tiến Phong, một gọi là Hậu Quân, một gọi là Tả Ngự Hầu, một gọi là Hữu Ngự Hầu, một gọi là Tả Sương Quân, một gọi là Hữu Sương Quân, vòng quanh mà vây bọc lại. Tượng là 6 hoa phát ra từ trung quân làm phép kỵ, ở ngoài thì 6 quân làm phép chính, trong chia ra 3 đạo mà phép chia lìa, móc nối, khúc chiết đối nhau thì giống như Bát Trận, chỉ có một điều (khác) là Bát Trận là trận vuông, còn Lục Hoa Trận là trận tròn.

BÁT - TRẬN TRUNG - THÀNH ĐỒ

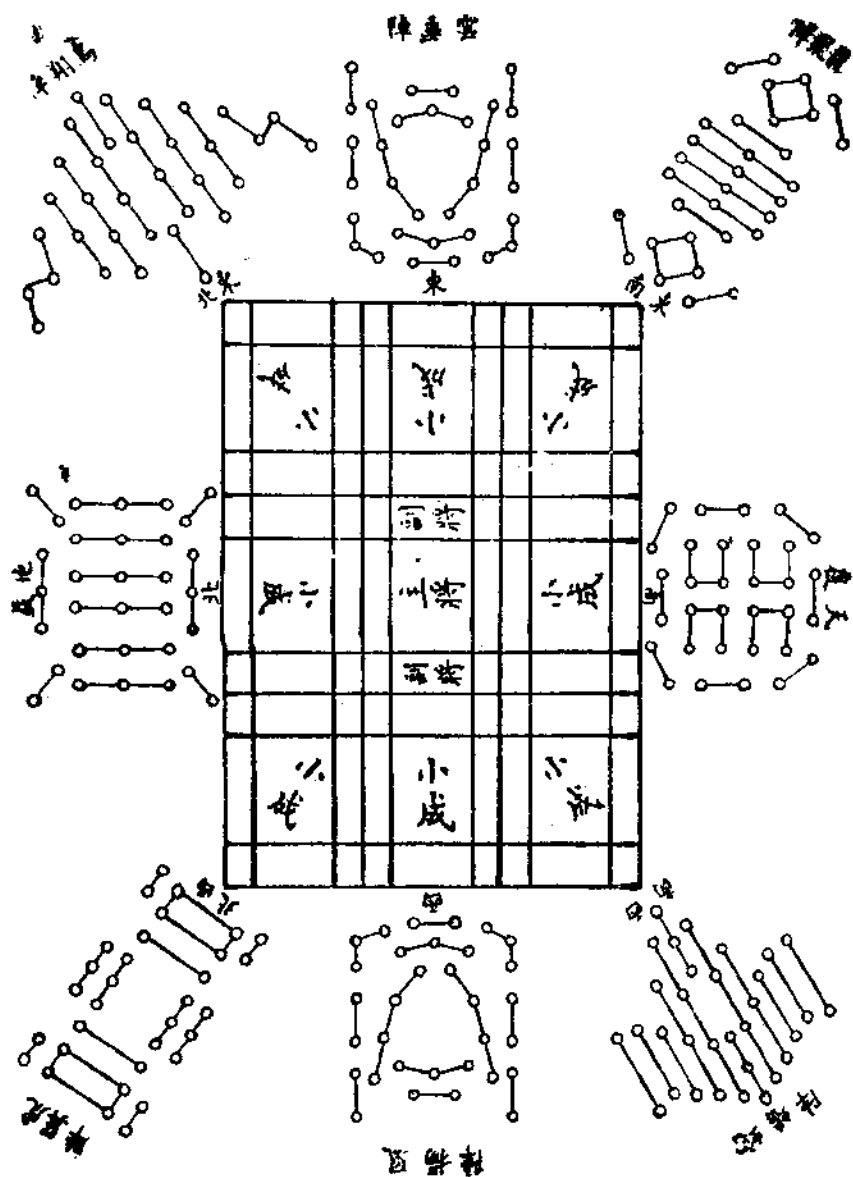
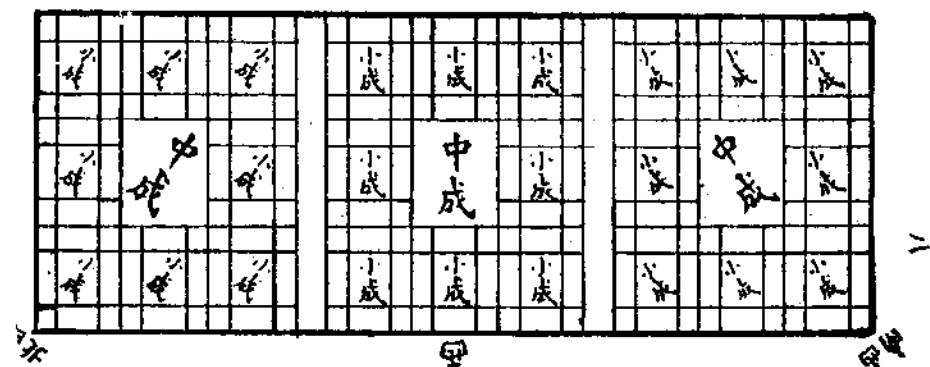
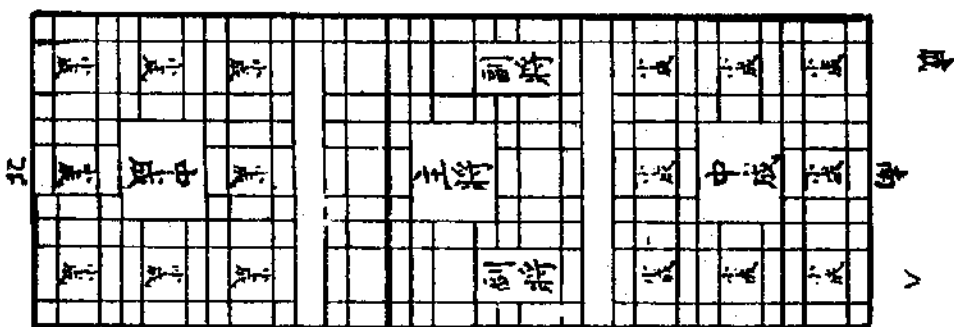
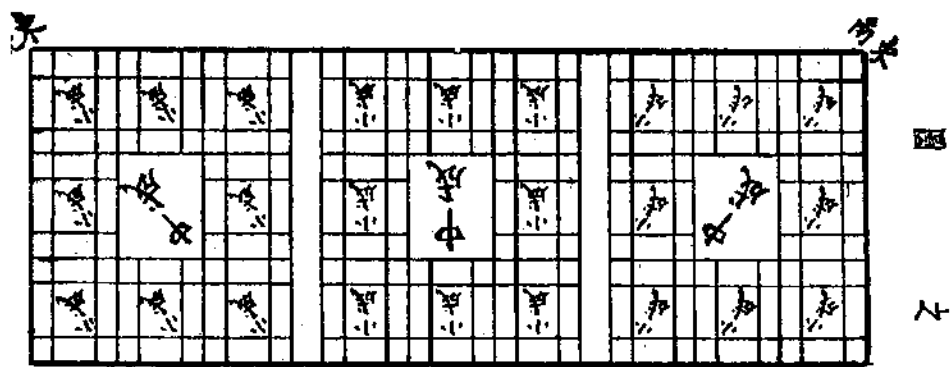


圖
之
威
中
陣
入

BÁT-TRẬN ĐẠI-THÀNH ĐỒ



百 bách	以 Dĩ	大 đại	成 thành	二 nhị	十 thập	二 nhị	萬 vạn	五 ngũ	千 thiên	二 nhị
百 bách	八 bát	十 thập	人 nhân	,	每 mỗi	面 diện	用 dụng	一 nhất	千 thiên	二 nhị
	步 bộ	。								
	其 Kỳ	小 tiểu	成 thành	每 mỗi	隊 đội	相 tương	離 ly	十 thập	八 bát	步 bộ
	中 Trung	成 thành	每 mỗi	陣 trận	相 tương	離 ly	八 bát	十 thập	六 lục	步 bộ
	大 Đại	成 thành	每 mỗi	部 bộ	相 tương	離 ly	一 nhất	百 bách	七 thất	十 thập
二 nhị	步 bộ	。								
	內 Nội	餘 dư	數 số	步 bộ	,	加 gia	中 trung	軍 quân	而 nhì	爲 vi
閏 nhuận	也 giã	。								
	以 Dĩ	天 thiên	後 hậu	衝 xung	四 tứ	隊 đội	,	東 đông	北 bắc	西 tây
北 bắc	風 phong	雲 vân	各 các	二 nhị	隊 đội	,	定 định	作 tác	一 nhất	號 hiệu
	以 Dĩ	地 địa	後 hậu	衝 xung	四 tứ	隊 đội	,	東 đông	北 bắc	西 tây
北 bắc	風 phong	雲 vân	各 các	二 nhị	隊 đội	,	定 định	作 tác	二 nhị	號 hiệu
	以 Dĩ	後 hậu	地 địa	軸 trục	地 địa	後 hậu	衝 xung	各 các	二 nhị	隊 đội
,	定 định	作 tác	三 tam	號 hiệu	。					

Dùng của đại thành hai mươi hai vạn, năm ngàn, hai trăm, tám mươi (225.280) người, mỗi mặt do một ngàn hai trăm (1200) bước ; (1)

Trong *tiểu thành*, các đội cách nhau mười tám (18) bước ;

Trong *trung thành*, các trận cách nhau tám mươi sáu (86) bước ;

Trong *đại thành*, các bộ cách nhau một trăm bảy mươi hai (172) bước ; (2)

Số bước dư ở bên trong thì thêm vào trung quân để thừa ra. (3)

Lấy bốn đội **thiên hậu xung**, đều lấy mỗi bên hai đội của **phong vân** ở đông bắc, tây bắc, đặt ra làm số **một**.

Lấy bốn đội **địa hậu xung**, đều lấy mỗi bên hai đội của **phong vân** ở đông bắc, tây bắc, đặt ra số **hai**.

Đều lấy mỗi bên hai đội **hậu địa trực**, **địa hậu xung** đặt ra làm số **ba**.

(1) Điều ấy có nghĩa mỗi mặt khai phương số bước đã dùng.

(2) Điều ấy nói về số bước bốn phương cách nhau.

(3) Tiểu tướng ở trong tiểu thành , trung tướng ở trong trung thành , đại tướng ở trong đại thành đó gọi là thuyết quật kỳ (trời hơn lạ lòng)

以	後	地	軸	四	隊	,	左	右	後
Di	hậu	địa	trục	tứ	đội		tả	hữu	hậu
天	各	二	隊	,	定	作	四	號	。
thiên	các	nhị	đội		định	tác	tứ	hiệu	
以	前	地	軸	四	隊	,	左	右	前
Di	tiền	địa	trục	tứ	đội		tả	hữu	tiền
天	各	二	隊	,	定	作	五	號	。
thiên	các	nhị	đội		định	tác	ngũ	hiệu	
以	前	地	軸	地	前	衡	各	二	隊
Di	tiền	địa	trục	địa	tiền	xung	các	nhị	đội
,	左	右	前	天	衡	各	隊	,	定
	tả	hữu	tiền	thiên	hoành	các	đội		định
作	六	號	。						
tác	lục	hiệu							
以	地	前	衡	四	隊	東	南	西	南
Di	địa	tiền	xung	tứ	đội	đông	nam	tây	nam
風	各	二	隊	定	作	七	號	。	
phong	các	nhị	đội	định	tác	thất	hiệu		
以	天	前	衡	四	隊	,	東	南	西
Di	thiên	tiền	xung	tứ	đội		đông	nam	tây
南	風	各	二	隊	,	定	作	八	號
nam	phong	các	nhị	đội		định	tác	bát	hiệu
書	於	本	隊	旗	上	,	布	陣	下
Thư	ư	bản	đội	kỳ	thượng		bố	trận	hạ
營	不	得	錯	亂					
đinh	bất	đắc	thác	loạn					
聞	中	軍	舉	號	,	每	陣	皆	聞
Văn	trung-quân	cử	hệu	hiệu		mỗi	trận	giai	gián
隊	二	五	六	號	先	出	,	三	十
đội	nhị	ngũ	lục	hiệu	tiên	xuất		tam	thập
一									
nhất									

Lấy bốn đội **hậu địa trực**, đều lấy mỗi bên hai đội của **tả hữu hậu thiên hoành**, đặt ra làm số **bốn**.

Lấy bốn đội **tiền địa trực**, đều lấy mỗi bên hai đội **tả hữu tiền thiên hoành**, đặt ra làm số **năm**.

Đều lấy mỗi bên hai đội của **tiền địa trực, địa tiền xung**, đều lấy mỗi bên hai đội của **tả hữu tiền thiên hoành**, đặt làm ra số **sáu**.

Lấy bốn đội **địa tiền xung**, đều lấy mỗi bên hai đội của **phong vân** ở đông nam, tây nam, đặt ra làm số **bảy**.

Lấy bốn đội **Thiên tiền xung**, đều lấy mỗi bên hai đội của **phong vân** ở đông nam, tây nam, đặt ra làm số **tám**.

Ghi chép ở trên cờ của đội mình : *Bảy trận, lập dinh, không được sắp lộn xộn.*

Nghe trung quân ra hiệu, mỗi trận đều sắp các đội cách nhau ; các số một, hai, năm, sáu ra trước, đi ba

六 lục	步 bộ	止 chí	單 đơn	擺 bãi	開 khai	，	戰 chiến	畢 tất	，	仍 nhưng
收 thu	作 tác	八 bát	陣 trận	爲 vi	第 đệ	一 nhất	陣 trận	○	八 bát	號 hiệu
	二 Nhị	次 thứ	舉 cử	號 hiệu	，	三 tam	四 tứ	七 thất	六 lục	步 bộ
出 xuất	，	過 quá	第 đệ	一 nhất	陣 trận	前 tiền	三 tam	十 thập	仍 nhưng	收 thu
止 chí	，	單 đơn	擺 bãi	開 khai	二 nhị	戰 chiến	畢 tất	，		
作 tác	八 bát	陣 trận	爲 vi	第 đệ	，	陣 trận	○			
	三 Tam	次 thứ	舉 cử	號 hiệu	五 ngũ	第 đệ	一 nhất	陣 trận	又 hựu	間 gian
隊 đội	，	每 mỗi	陣 trận	出 xuất	六 lục	六 lục	號 hiệu	，	過 quá	第 đệ
二 nhị	陣 trận	前 tiền	三 tam	十 thập	仍 nhưng	步 bộ	止 chí	八 bát	單 đơn	擺 bãi
開 khai	三 tam	戰 chiến	畢 tất	，		收 thu	作 tác		陣 trận	爲 vi
第 đệ	四 tứ	陣 trận	○	號 hiệu	，	第 đệ	二 nhị	陣 trận	又 hựu	間 gian
	，	次 thứ	舉 cử	出 xuất	七 thất	八 bát	號 hiệu	，	過 quá	第 đệ
隊 đội	陣 trận	每 mỗi	陣 trận	十 thập	六 lục	步 bộ	止 chí	八 bát	單 đơn	擺 bãi
三 tam	，	前 tiền	三 tam	，	仍 nhưng	收 thu	作 tác		陣 trận	爲 vi
開 khai		戰 chiến	畢 tất							

mười sáu bước thì dừng lại, chỉ mở rộng ra mà thôi, khi đánh xong thì thu lại như cũ làm bát trận, bày ra *trận thứ nhất*.

Lần thứ hai ra hiệu, thì số 3, số 4, số 7, số 8 đi ra, quá khỏi mặt trước trận thứ nhất ba mươi sáu (36) bước thì dừng lại, chỉ mở rộng ra mà thôi, khi đánh xong thì thu lại như cũ làm bát trận bày ra *trận thứ hai*.

Lần thứ ba ra hiệu, trận thứ nhất lại phân cách các đội ra, mỗi trận đi ra số năm và số sáu, đi quá mặt trước trận thứ hai ba mươi sáu (36) bước thì dừng lại, chỉ mở rộng ra, khi đánh rồi thì thu lại như cũ làm bát trận, bày ra *trận thứ ba*.

Lần thứ tư ra hiệu, trận thứ hai lại phân cách các đội ra, mỗi trận đi ra số bảy và số tám, đi quá khỏi mặt trước trận thứ ba ba mươi sáu (36) bước thì dừng

第 dệ	四 tứ	陣 trận	。	中 trung	軍 quân	舉 cử	起 khởi	火 hỏa	，	點 điểm	敵 cố
，	次 Thứ	視 thị	中 trung	又 hựu	間 gián	隊 đội	，	一 nhất	三 tam	五 ngũ	七 thất
號 hiệu	每 mỗi	陣 trận	，	，	二 nhị	四 tứ	六 lục	八 bát	號 hiệu	出 xuất	，
前 tiền	不 bất	動 động	，	八 bát	步 bộ	止 chỉ	。	。	。	。	。
	行 hành	十 thập	街 hàng	街 hàng	四 tứ	陣 trận	居 cư	前 tiền	，	天 thiên	後 hậu
	天 Thiên	街 hàng	街 hàng	居 cư	後 hậu	，	天 thiên	街 hàng	，	六 lục	隊 đội
街 hàng	四 tứ	陣 trận	居 cư	，	地 địa	軸 trục	居 cư	二 nhị	十 thập	居 cư	中 trung
居 cư	兩 lưỡng	端 đoan	，	前 tiền	街 hàng	六 lục	後 hậu	居 cư	前 tiền	，	地 địa
間 gian	，	地 địa	陣 trận	陣 trận	居 cư	後 hậu	陣 trận	風 phong	八 bát	陣 trận	居 cư
後 hậu	街 hàng	六 lục	，	雲 vân	八 bát	陣 trận	之 chi	四 tứ	角 giác	，	自 tự
四 tứ	維 duy	，	成 thành	兵 binh	二 nhị	十 thập	四 tứ	二 nhị	分 phân	列 liệt	兩 lưỡng
然 nhiên	而 nhĩ	遊 du	，	每 mỗi	號 hiệu	共 cộng	作 tác	，	三 tam	，	定 định
哨 sáo	，	一 nhất						號 hiệu	，	分 phân	列 liệt
作 tác											

lại, chỉ mở rộng ra mà thôi, đánh xong thì thu lại như cũ, bày ra bát trận làm *trận thu tu*.

Về sau thấy trung quân nổi lửa đánh trống, mỗi trận lại phân cách các đội ra, các số một, ba, năm, bảy đứng yên, các số hai, bốn, sáu, tám đi ra, đi tới trước mười tám (18) bước rồi dừng lại.

Bốn trận **thiên tiến xung** ở trước, bốn trận **thiên hậu xung** ở sau, mười sáu đội **thiên hoành** ở hai đầu, mười hai trận **địa trục** ở khoảng giữa, sáu trận **địa tiến xung** ở trước, sáu trận **địa hậu xung** ở sau, tám trận **phong** ở bốn phía, tám trận **vân** ở bốn góc, tự nhiên thành phép tắc của bát trận.

Hai mươi bốn trận **du bình** sắp chia ra hai toán, mỗi toán mười hai trận, ba trận đặt làm một số, cộng lại thành bốn số, sắp chia ra hai từng, đi đứng, mở, đóng,

兩 lưỡng	層 tầng	，	進 tiến	止 chỉ	開 khai	闔 hợp	，	間 gian	隊 đội	與 dữ
八 bát	陣 trận	皆 giai	同 đồng	， 而 nhì	惟 duy	下 hạ	營 dinh	之 chi	際 tế	， 銜 xung-
犁 xê	環 hoàn	於 ư	後 hậu	遊 du	伏 phục	之 chi	取 thủ	勝 thắng		
擊 kích	全 toàn	在 tại	乎 hồ	陰 âm	兵 binh	也 giã	。互 hỗ			
	總 tổng	圖 Đồ	如 như	變 biến	陽 dương	之 chi	藏 tàng	其 kỳ	宅 trạch	
，	八 bát	陣 trận	分 phân	天 Thiên	， 雲 Vân	實 thực	濁 trục	之 chi	異 dị	
其 kỳ	施 thi	，	故 Cố	而 nhì	垣 viên	龍 Long	鳥 Điểu	陣 trận	，	
屬 thuộc	陽 dương	清 thanh	， 四 tứ	陣 trên	， 遊 du	居 cư	東 đông	， 地 Địa		
風 Phong	虎 Hổ	蛇 Xà	北 bắc	， 退 thoái	開 khai	屬 thuộc	陰 âm	， 而 nhì		
垣 viên	居 cư	西 tây	進 tiến	秋 thu	之 chi	兵 binh	亦 diệc	類 loại		
相 tương	從 tòng	， 營 thí	， 春 xuân	藏 tàng	， 於 ư	闔 tịch	一 nhất	陽 dương		
，	不 bất	有 hữu	顯 hiển	貫 quán	然 nhiên	有 hữu	陰 âm	， 啟 khải		
閉 bế	之 chi	流 lưu	統 thống	， 駁 ngự	， 衆 chúng	然 nhiên	節 tiết	嘗 thường		
不 bất	周 chu	者 giả	，			其 kỳ	氣 khí	未 vì		
大 đại	將 tướng					行 hành	元 nguyên	是 thì		
也 giã	，					師 sư	之 chi	元 nguyên		
						中 trung	氣 khí	氣 khí		

phân cách các đội đều đồng với bát trận, chỉ khác là lúc hạ dinh, thì rút quanh ra sau mà ẩn núp giữ lấy phần thắng, sự xông đánh đều do du binh cả.

Tổng Đồ đồng như âm dương chứa đựng chỗ ở của nhau ; *Bát Trận* phân chia, biến hóa bày rõ các phần thanh, trọc khác nhau.

Cho nên bốn trận **Thiên, Vân, Long, Diệu** thuộc về dương thanh mà vây bọc phía đông nam ; bốn trận **Địa, Phong, Hổ, Xà** thuộc về âm trọc mà vây bọc phía tây bắc.

Dụ binh cũng đều tùy loại mà theo nhau, tới lui mở rộng, một âm một dương chẳng những phân chia thời tiết chẳng khác mùa Xuân, mùa Thu, mở đóng để mà ẩn hiện. Nhưng nguyên khí chưa từng bao giờ chẳng chạy vòng quanh ở giữa mà thông suốt tất cả. Vì thế cho nên bậc đại tướng là nguyên khí chế ngự và điều khiển quân đội.

主	智	慮	少	滯	,	則	兵	形	無	所
chủ	Trí	lự	thiểu	trệ,		tắc	bình	hình	vô	sở
以	攝	,	運	動	失	度	,	外	邪	得
di	nhập,		vận	động	thất	độ,		ngoại	tà	đắc
無	乘	隙	而	入	,	三	軍	之	司	命
vô	thừa	khích	nhi	nhập,		tam	quân	chi	tư	mệnh,
	寄	寓	矣	,	可	不	慎	歟	:	
	ký	ngụ	hĩ,		khả	bất	thận	ư ?		

八 陣 變 例

BÁT TRẬN BIẾN LỆ



天 覆 陣 贊

THIÊN PHÚC TRẬN TÁN

天	陣	十	六
Thiên	trận	thập	lục
內	方	外	圓
Nội	phương	ngoại	viên
四	爲	風	揚
Tứ	vi	Phong-Dương	
其	形	象	天
Kỳ	hình	tượng	thiên
爲	陣	之	主
Vi	trận	chi	chủ
爲	兵	之	先
Vi	bình	chi	tiên
善	用	三	軍
Thiện	dụng	tam	quân
其	形	不	偏
Kỳ	hình	bất	thiên

Trí mưu và lo tính mà kém cỏi chậm chạp ắt là binh thế không lấy đâu mà nhiếp trị được ; vận động thiếu mục thước thì kẻ gian tà bên ngoài theo kẻ hở mà vào, việc trông coi vận mệnh của ba quân không biết phó thác cho ai, chẳng khá cẩn thận hay sao ?

CÁCH BIẾN HÓA CỦA TÁM TRẬN

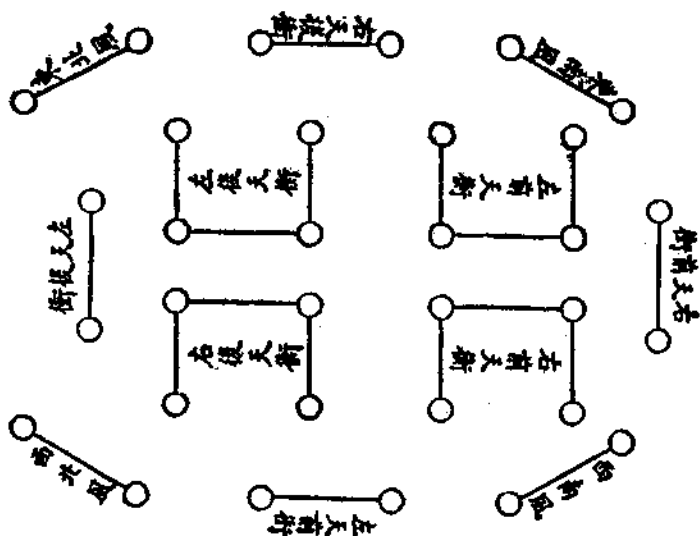
BÀI VĂN TÂN VỀ TRẬN THIÊN PHÚC

Thiên Trận mười sáu,
Trong vương ngoài tròn,
Bốn là Phong Dương,
Hình nó tượng trời,
Là chủ của trận,
Đứng đầu việc binh,
Khéo dùng ba quân,
Hình nó không thiên (lệch).

Phân chia trong ngoài mà biến hóa một lần thứ nhất.

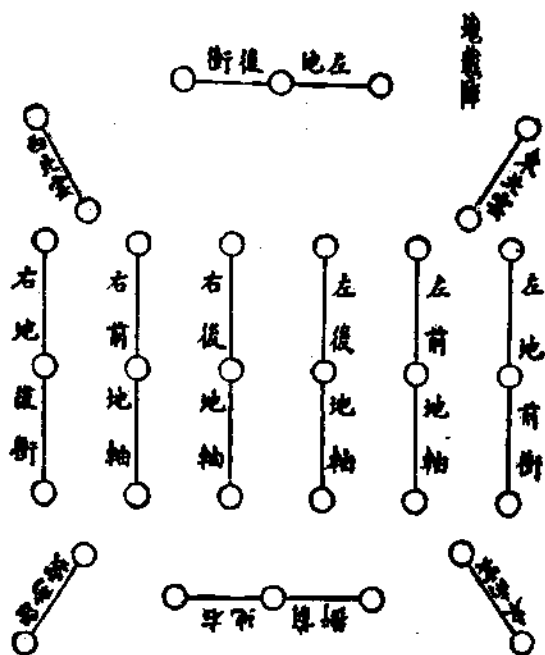
Phân chia biến hóa ở ngoài mà làm thành trận **Thiên Phúc**, có **PHONG** mà không có **VÂN**, dùng đội ở mặt ngoài tổng trận.

THIÊN-PHÚC TRẬN-ĐỒ

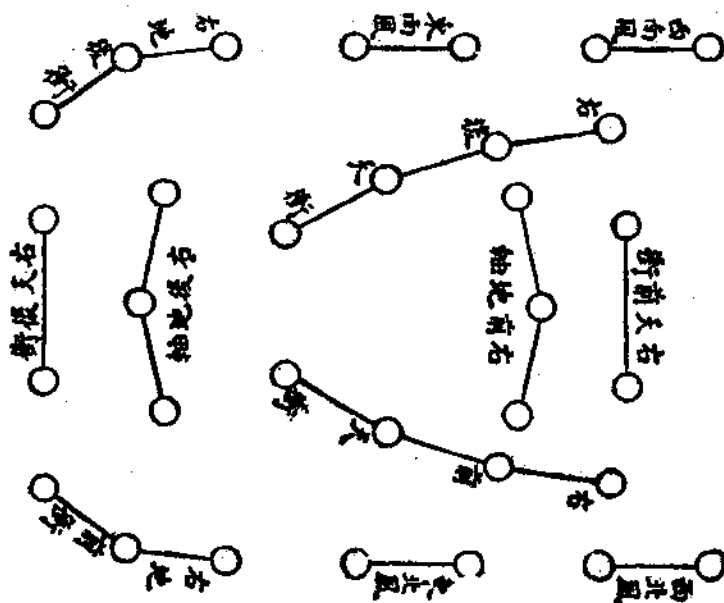


天圖

ĐỊA-TÀI TRẬN-ĐỒ

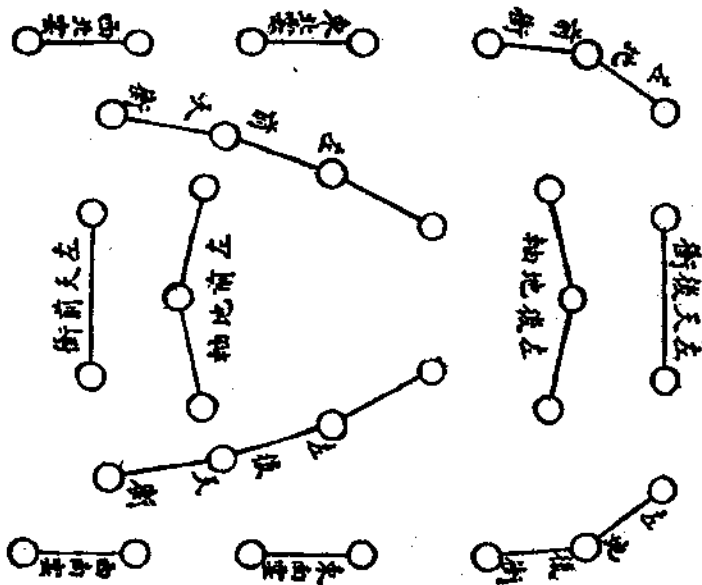


PHONG-DƯƠNG TRẬN-ĐỒ



風動陣

VÂN-THÙY TRẬN-ĐỒ



雲水陣

	內	外	之	分	爲	第	一	變	。	外
	Nội	ngoại	chi	phân	vi	đệ	nhất	biến.		Ngoại
之	分	變	爲	天	覆	陣	有	風	無	雲
chi	phân	biến	vi	Thiên-Phúc	trận,	hữu	phong	vô	vân,	
,	用	總	陣	外	面	之	隊	。		
	dụng	tổng	trận	ngoại	diện	chi	đội.			
	以	右	天	前	衝	二	隊	列	前	居
	Đi	Hữu-Thiên-Tiền-Xung,	nhị	đội	liệt	tiền,	cư			
正	南	。								
chính	nam.									
	以	東	南	西	南	風	各	二	隊	,
	Đi	đông	nam	tây	nam	phong	các	nhị	đội,	
列	天	衝	兩	維	。					
liệt	thiên	xung	lưỡng	duy.						
	以	左	右	前	天	衝	各	四	隊	,
	Đi	tả	hữu	Tiền-Thiên-Hoàn	các	tứ	đội,			
列	前	中	。							
liệt	tiền	trung.								
	以	左	右	天	前	後	衝	各	二	隊
	Đi	tả	hữu	thiên	tiền	hậu	xung	các	nhị	đội
列	兩	端	。							
liệt	lưỡng	doan.								
	以	左	右	後	天	衝	各	四	隊	列
	Đi	tả	hữu	hậu	Thiên-Hoàn	các	tứ	đội	liệt	
後	中	。								
hậu	trung.									
	以	左	天	後	衝	二	隊	列	後	。
	Đi	Tả-Thiên-Hậu-Xung	nhị	đội	liệt	hậu.				
	以	東	北	西	北	風	各	二	隊	列
	Đi	đông	bắc	tây	bắc	phong	các	nhị	đội	liệt

- Lấy hai đội cho **Hữu Thiên Tiên Xung**, sắp ở đằng trước về hướng chính nam.

- Đều lấy mỗi bên hai đội cho **Đông Nam Phong** và **Tây Nam Phong** sắp ở hai bên **Thiên Xung**.

- Đều lấy mỗi bên bốn đội cho **Tả Tiên Thiên Hoành** và **Hữu Tiên Thiên Hoành** sắp ở giữa về phía trước.

- Đều lấy mỗi bên hai đội cho **Tả Thiên Tiên Xung** và **Hữu Thiên Hậu Xung** sắp ở hai đầu (chánh tây và chánh đông).

- Đều lấy mỗi bên bốn đội cho **Tả Hậu Thiên Hoành** và **Hữu Hậu Thiên Hoành** sắp ở giữa về phía sau.

- Lấy hai đội cho **Tả Thiên Hậu Xung** sắp ở đằng sau.

- Đều lấy mỗi bên hai đội cho **Đông Bắc Phong** và **Tây Bắc Phong** sắp ở hai bên.

Gọi là **PHONG** (cái gì) phụ theo **TRỜI** mà có hình tròn.

BÀI VĂN TÁN VỀ TRẬN ĐỊA TÀI

Địa Trận mười hai,

後 兩 維

hậu lưỡng duy.

謂 風

Vì phong

附

天

而

形

圓

也

。

Vì phong phụ thiên nhi hình viên giã.

地 載 陣 贊

ĐỊA - TÀI TRẬN TÁN

地

Địa

其

Kỳ

雲

Vân

冲

Xung

其

Kỳ

動

Động

獨

Độc

配

Phối

陣

trận

形

hình

主

chủ

敵

địch

體

thể

用

dụng

立

lập

之

chi

十

thập

正

chính

四

tứ

難

nan

莫

mạc

無

vô

不

bất

於

ư

二

nhị

方

phương

角

giác

當

dương

測

trắc

窮

cùng

可

khả

陽

dương.

內

Nội

無

vô

以

Di

北

bắc.

之

chi

風

phong,

左

tả

。

分

phân

，

地

địa

變

biến

用

dụng

後

hậu

爲

vi

總

tổng

銜

xung

地

Địa

陣

trận

三

tam

載

Tài

中

trung

隊

đội

陣

trận,

間

gian

列

liệt

，

之

chi

前

tiền

有

hữu

隊

đội.

居

cư

雲
vân

正

chính

Hình nó vuông ngay,
Vân chủ bốn góc,
Xông địch khó đương,
Thế nó khó độ,
Động dùng vô cùng.
Riêng đứng chẳng được
Ghép nó vào đương

Phân chia và biến hóa bên trong mà làm thành trận
Địa tải, có **VÂN** mà không có **PHONG**, dùng các đội trung
gian của tổng trận.

Lấy ba đội cho **Tả Địa Hậu Xung** sắp đằng trước,
ở hướng chính bắc.

Đều lấy mỗi bên hai đội cho **Đông Bắc Vân** và **Tây
Bắc Vân** sắp ở hai bên góc của **Địa Hậu Xung**.

Đều lấy mỗi bên ba đội cho **Tả Hậu Địa Trục** và

以 東 北 西 北 雲 各 二 隊 列
 Dì đông - bắc tây - bắc vân các nhị đội liệt
 地 後 衝 兩 角 〇
 địa - hậu - xung lưỡng giác.

以 左 右 後 地 軸 各 三 隊 列
 Dì tả - hữu - hậu - địa - trục các tam đội liệt
 左 右 中 〇
 tả hữu trung.

以 左 右 前 地 軸 各 三 隊 列
 Dì tả - hữu - tiền - địa - trục các tam đội liệt
 後 地 軸 之 左 右 〇
 hậu - địa - trục chi tả hữu.

以 左 右 地 前 後 衝 各 三 隊
 Dì tả - hữu - địa - tiền - hậu - xung các tam đội
 列 軸 之 兩 端 〇
 liệt trục chi lưỡng đoan.

以 右 地 前 衝 三 隊 列 後 〇
 Dì hữu - địa - tiền - xung tam đội liệt hậu.

以 東 南 西 南 雲 各 二 隊 列
 Dì đông - nam tây - nam vân các nhị đội liệt
 地 前 衝 兩 角 〇
 địa - tiền - xung lưỡng giác.

謂 雲 附 地 而 形 方 是 也 〇
 Vi vân phụ địa nhi hình phương thị giả.

風 揚 陣 贊

PHONG-DƯƠNG-TRẬN-TÁN

風 無 正 形
 Phong vô chính hình

Hữu Hậu Địa Trục sắp vào giữa (thành ra hai hàng) trái và phải.

Đều lấy mỗi bên ba đội **Tả Tiên Địa Trục** và **Hữu Tiên Địa Trục** sắp ở hai bên trái và phải của **Hậu Địa Trục**.

Đều lấy mỗi bên ba đội cho **Tả Địa Tiên Xung** và **Hữu Địa Hậu Xung** sắp ở hai đầu trục (chánh đông và chánh tây).

Lấy ba đội cho **Hữu Địa Tiên Xung** sắp ở đằng sau.

Đều lấy mỗi bên hai đội cho **Đông Nam Vân** và **Tây Nam Vân** sắp ở hai bên góc **Địa Tiên Xung**.

Gọi là **VÂN** (cái gì), phụ vào **ĐẤT** mà có hình vuông.

附 之 於 天
 Phụ chi ư thiên
 變 而 爲 蛇
 Biến nhi vi xà
 其 意 新 玄
 Kỳ ý tiệm huyền
 風 能 鼓 物
 Phong năng cổ vật
 萬 物 撓 焉
 Vạn vật nhĩu yên
 蛇 能 爲 繞
 Xà năng vi nhĩu
 三 軍 懼 焉
 Tam quân cù yên

左 右 之 分 爲 第 二 變 , 十
 Tả hữu chi phân vi đệ nhị biến , 風
 之 變 , 用 總 陣 右 陣 一 半 有 風
 chi biến, dụng tổng - trận - hửu nhất bán hữu phong
 無 雲 以 右 天 前 衝 二 隊 列 居
 vô vân, dĩ hữu - thiên - tiền - xung nhị đội liệt cư
 正 西 西 北 西 南 風 各 二 隊 列
 chính - tây, dĩ tây - bắc tây - nam phong các nhị đội liệt
 天 前 衝 兩 維 中 軸 三 隊 列 前 中
 thiên - tiền - xung lưỡng duy. địa trục tam đội liệt tiền trung.

BÀI TÁN VỀ TRẬN PHONG DƯƠNG

 Gió không hình ngay
 Phụ nó vào trời
 Biến mà làm rắn
 Ý nó kín sâu
 Gió thường xô vật
 Muôn vật lung lay
 Rắn thường vây bọc
 Ba quân khiếp oai !

 Phân chia tả hữu mà biến hóa một lần thứ hai.

 Phân chia và biến hóa bên tả mà làm thành trận **Phong Dương**, có **PHONG** mà không có **VÂN**, dùng một nửa đội bên hữu tổng trận.

 Lấy hai đội cho **Hữu Thiên Tiền Xung**, sắp ra đằng trước ở hướng chính tây.

 Đều lấy mỗi bên hai đội cho **Tây Bắc Phong** và **Tây Nam Phong** sắp ở hai bên Thiên Tiền Xung.

 Lấy ba đội cho **Hữu Tiên Địa Trụ** sắp ở giữa về phía trước.

以 右 前 後 天 衡 各 四 隊 列
 Dì hữu - tiền - hậu thiên - xung các tứ đội liệt
 地 軸 左 右 。
 địa trục tả hữu.
 以 東 北 東 南 風 各 二 隊 列
 Dì đông - bắc đông-nam phong các nhị đội liệt
 衡 兩 端 。
 hoành lưỡng đoan.
 以 後 地 軸 三 隊 列 後 中 。
 Dì hậu địa - trục tam đội liệt hậu trung.
 以 右 地 前 後 衡 各 三 隊 列
 Dì hữu - địa - tiền - hậu - xung các tam đội liệt
 地 軸 兩 維 。
 địa trục lưỡng duy.
 以 右 天 後 衡 二 隊 列 後 。
 Dì hữu - thiên - hậu - xung nhị đội liệt hậu.
 謂 風 附 衡 而 形 銳 是 也 。
 Vi phong phụ hoành nhi hình nhuệ thị giả.

雲 垂 陣 贊

VÂN-THÙY TRẬN TÁN

雲 附 於 地
 Vân phụ ư địa
 始 則 無 形
 Thủy tắc vô hình
 變 爲 翔 鳥
 Biến vi tường diêu
 其 狀 乃 成
 Kỳ trạng nãi thành

Đều lấy mỗi bên bốn đội cho **Hữu Tiên Thiên Xung** và **Hữu Hậu Thiên Xung** sắp ở hai bên trái và phải của Địa Trục.

Đều lấy mỗi bên hai đội cho **Đông Bắc Phong** và **Đông Nam Phong** sắp ngang ở hai đầu.

Lấy ba đội cho **Hậu Địa Trục** sắp ở giữa về phía sau.

Đều lấy mỗi bên ba đội cho **Hữu Địa Tiên Xung** và **Hữu Địa Hậu Xung** sắp ra ở hai bên Địa Trục.

Lấy hai đội cho **Hữu Thiên Hậu Xung** sắp ở đằng sau.

Gọi là **PHONG**, (cái gì) phụ vào **HOÀNH** mà có hình sắc bén.

BÀI TÁN VỀ TRẦN VĂN THÙY

Mây phụ theo Đất
Trước ắt vô hình
Biến làm chim bay
Trạng nó bền thành

	鳥	能	突	擊				
	Điêu	năng	đột	kích				
	雲	能	晦	冥				
	Vân	năng	hối	minh				
	千	變	萬	化				
	Thiên	biến	vạn	hóa				
	金	革	之	聲				
	Kim	cách	chi	thanh				
雲	左	之	分	變	爲	雲	垂	陣
Vân	Tả	chi	phân	biến	vi	Vân	Thùy	trận
	無	風	,	用	總	陣	左	一
	vô	Phong		dụng	tổng	trận	tả	nhất
	以	左	天	後	衝	二	隊	列
	Dĩ	Tả	Thiên	Hậu	Xung	nhị	đội	liệt
	東	。						
正	chính	dông						
	以	左	地	前	後	衝	各	三
	Dĩ	Tả	Địa	Tiền	Hậu	Xung	các	tam
天	後	衝	雨	維	。			
Thiên	Hậu	Xung	lưỡng	duy				
	以	左	後	地	軸	三	隊	列
	Dĩ	Tả	Hậu	Địa	Trục	tam	đội	liệt
	以	左	前	後	天	衝	各	四
	Dĩ	Tả	Tiền	Hậu	Thiên	Hoàn	các	tứ
列	後	地	軸	之	左	右	。	
liệt	Hậu	Địa	Trục	chi	tả	hữu		
	以	左	前	地	軸	三	隊	列
	Dĩ	Tả	Tiền	Địa	Trục	tam	đội	liệt
衝	之	中	。					
Hoàn	chi	trung						

Chim thường đột kích
Mây thường tối tăm
Ngàn biến muôn hóa
Tiếng trống tiếng chuông.

Phân chia biến hóa mà làm thành trận **Vân Thù**, có **VÂN** mà không có **PHONG**, dùng một nửa đội bên trái của tổng trận.

Lấy hai đội mỗi bên cho **Tả Thiên Hậu Xung**, sắp ra phía trước, ở hướng chính đông.

Đều lấy mỗi bên ba đội cho **Tả Địa Tiên Xung** và **Tả Địa Hậu Xung**, sắp ở hai bên Thiên Hậu Xung.

Lấy ba đội cho **Tả Hậu Địa Trục**, sắp ở giữa về phía trước.

Đều lấy mỗi bên bốn đội cho **Tả Tiên Thiên Hoàn** và **Tả Hậu Thiên Hoàn**, sắp dưới Hậu Địa Trục, về hai bên trái và phải.

Lấy ba đội cho **Tả Tiên Địa Trục**, sắp ở giữa Thiên Hoàn.

Đều lấy mỗi bên hai đội cho **Đông Nam Vân** và **Đông Bắc Vân**, sắp ở hai đầu Thiên Hoàn.

以 東 南 東 北 雲 各 二 隊 ,
 Di Đông-Nam Đông-Bắc Vân các nhị đội,
 列 天 衡 兩 端 。

liệt Thiên-Hoành lưỡng đoạn.

以 左 天 前 衡 二 隊 列 後 居
 Di Tá - Thiên - Tiễn-Xung nhị đội liệt hậu cư

正 西 。

chính tây.

以 西 南 西 北 雲 各 二 隊 ,
 Di Tây - Nam Tây - Bắc Vân các nhị đội,
 列 天 前 衡 兩 維 。

liệt Thiên - Tiễn - Xung lưỡng duy.

謂 雲 附 衡 而 形 有 聚 有 散
 Vi Vân phụ Hoành nhi hình hữu tụ hữu tán

龍 飛 陣 贊 LONG - PHI TRÂN TÁN

天	地	後	衡
Thiên	Địa	Hậu	Xung
龍	變	其	中
Long	biến	kỳ	trung
有	爪	有	足
Hữu	trào	hữu	túc
有	背	有	胸
Hữu	bối	hữu	hung
潛	則	不	測
Tiềm	tắc	bất	trắc
動	則	無	窮
Động	tắc	vô	cùng

Lấy hai đội cho **Tả Thiên Tiền Xung** sắp ra ở hướng chính tây.

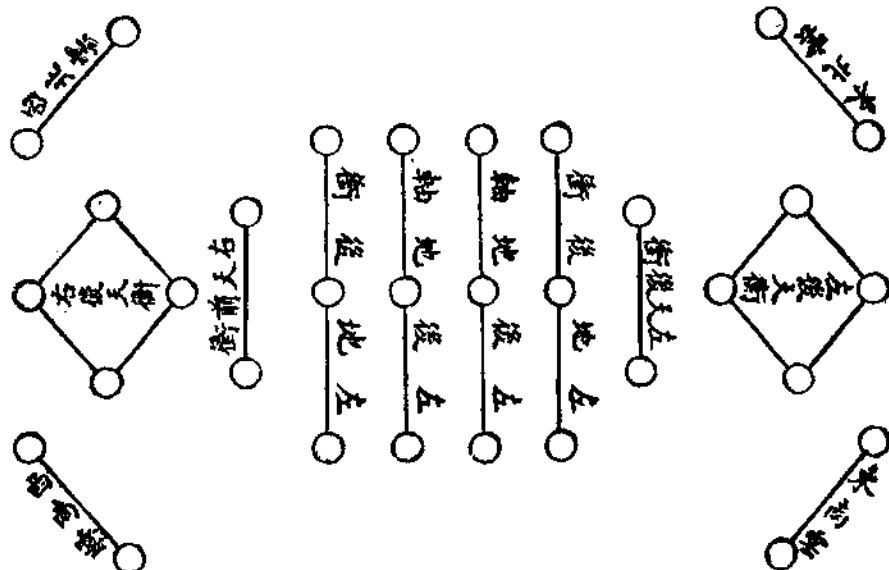
Đều lấy mỗi bên hai đội cho **Tây Nam Vân** và **Tây Bắc Vân**, sắp ở hai bên Thiên Tiền Xung.

Gọi là **VÂN** (cái gì) phụ theo **HOÀNH** mà hình có tan có hợp.

BÀI TÁN VỀ TRẦN LONG PHI

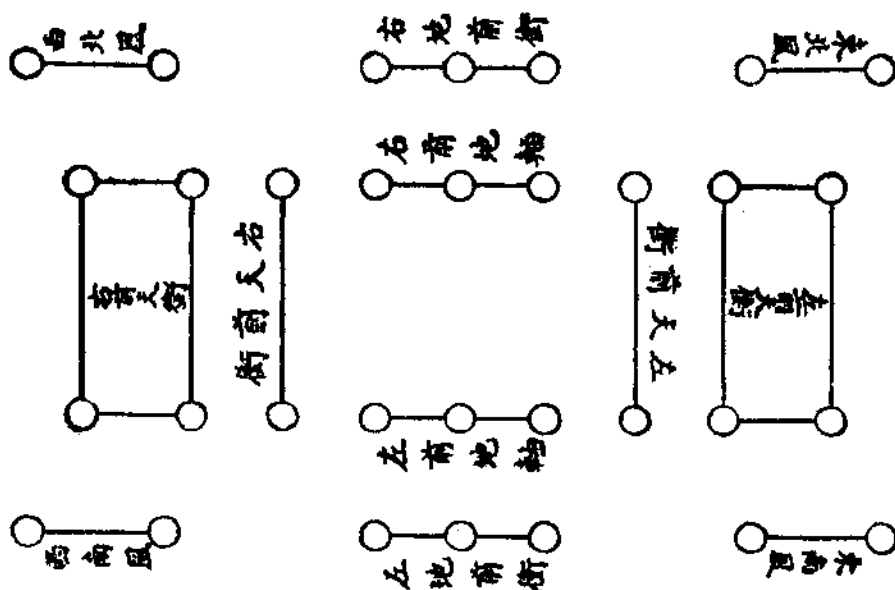
Thiên Địa Hậu Xung
Rỗng biến giữa nó
Có móng có chân
Có lưng có bụng (ngực)
Ẩn ắt không dò
Động ắt vô cùng
Trần hình dữ dội
Tượng nó tên Rỗng

LONG-PHI TRẬN-ĐỒ

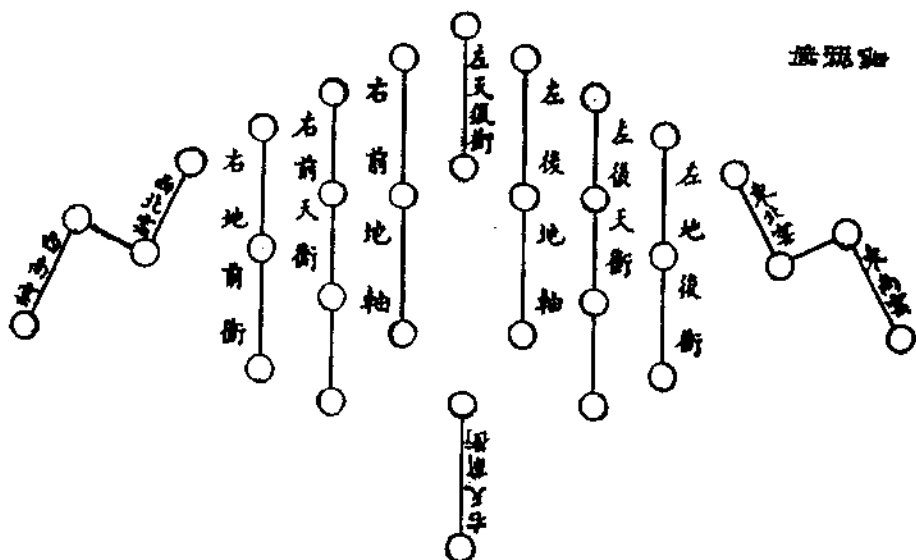


HỒ-DỤC TRẬN-ĐỒ

風向圖

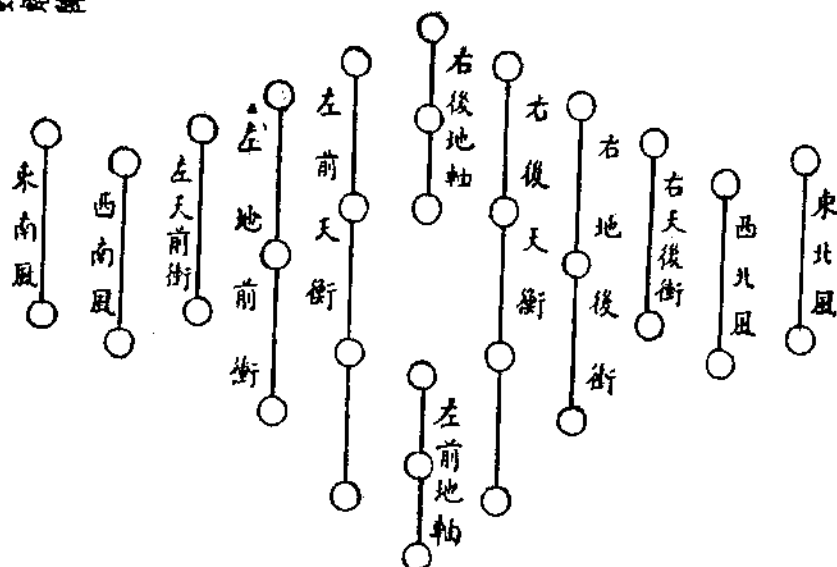


ĐIỀU-TƯỜNG TRẬN-ĐỒ



XÀ - BÀN TRẬN - ĐỒ

東南風



陣 形 赫 然
 Trận hình hách nhiên
 象 名 爲 龍
 Tượng danh vi Long.

前 後 之 分 爲 第 三 變
 Tiên hậu chi phân vi đệ tam biến.
 後 之 分 變 爲 龍 飛 陣 , 有
 Hậu chi phân biến vi Long - Phi trận, hữu
 雲 無 風 用 總 陣 後 一 半 隊
 Vân vô Phong dụng tổng - trận hậu nhất bán đội.
 以 東 南 東 北 雲 各 二 隊 列
 Dĩ Đông-Nam Đông-Bắc Vân các nhị đội liệt
 東 南 爲 兩 翼
 đông - nam vi lưỡng dực.
 以 左 後 天 衡 四 隊 列 前 爲
 Dĩ Tả - Hậu - Thiên - Hoành tứ đội liệt tiền vi
 首
 thủ.
 以 左 天 後 衡 二 隊 列 天 衡
 Dĩ Tả - Thiên - Hậu - Xung nhị đội liệt Thiên-Hoành
 次
 thứ.
 以 左 地 後 衡 三 隊 列 天 衡
 Dĩ Tả - Địa - Hậu - Xung tam đội liệt Thiên-Xung
 次
 thứ.
 以 左 右 後 地 軸 各 三 隊 列
 Dĩ Tả - Hữu - Hậu - Địa - Trục các tam đội liệt
 地 衡 中
 Địa - Xung trung.

Phân chia trước sau mà biến hóa lần thứ ba.

Phân chia và biến hóa ở sau mà tạo thành trận **Long Phi**, có **VÂN** không có **PHONG**, dùng một nửa đội ở sau tổng trận.

Đều lấy mỗi bên hai đội cho **Đông Nam Vân** và **Đông Bắc Vân**, sắp ở hướng Đông Nam để làm hai cánh.

Lấy bốn đội cho **Tả Hậu Thiên Hoành**, sắp ở đằng trước để làm đầu.

Lấy hai đội cho **Tả Thiên Hậu Xung**, sắp liền sau Thiên Hoành.

Lấy ba đội cho **Tả Địa Hậu Xung**, sắp liền sau Thiên Xung.

Đều lấy mỗi bên ba đội cho **Tả Hậu Địa Trục** và **Hữu Hậu Địa Trục** sắp ở giữa Địa Xung.

以 右 地 後 衝 三 隊 列 地 軸
 Dì Hửu - Địa - Hậu - Xung tam đội liệt Địa - Trục

次
 thứ.

以 右 天 前 衝 二 隊 列 地 衝
 Dì Hửu - Thiên - Tiền - Xung nhị đội liệt Địa-Xung

次
 thứ.

以 右 天 衝 四 隊 列 後 爲 尾
 Dì Hửu-Thiên-Hoành tứ đội liệt hậu vi vĩ.

以 西 南 西 北 雲 各 二 隊 列
 Dì Tây - Nam Tây - Bắc Vân các nhị đội liệt

衝 二 維 爲 翼
 Hoành nhị duy vi dực.

謂 雲 從 龍 而 形 象 龍 也
 Vĩ Vân tông Long nhi hình tượng Long giã.

虎 翼 陣 贊

HỔ - DỤC TRẬN TÁN

天 地 前 衝
 Thiên - Địa - Tiền - Xung

變 爲 虎 翼
 Biến vi Hổ - Dực

伏 虎 將 搏
 Phục hổ tương bác

威 其 威 力
 Thịnh kỳ uy lực

淮 陰 用 之
 Hoài - Âm dụng chi

Lấy ba đội cho **Hữu Địa Hậu Xung**, sắp liền sau Địa Trục.

Lấy hai đội cho **Hữu Thiên Tiền Xung**, sắp liền sau Địa Xung.

Lấy bốn đội cho **Hữu Thiên Hoành**, sắp ở đằng sau để làm đuôi.

Đều lấy hai đội cho **Tây Nam Vân** và **Tây Bắc Vân**, sắp hai bên Thiên Hoành để làm cánh.

Gọi là **VÂN** (cái gì) đi theo **RỒNG** mà có hình dạng như **RỒNG**.

BÀI TÁN VỀ TRẬN HỔ DỤC

Thiên Địa Tiền Xung
Biến thành Hổ Dục
Cọp rình muốn chụp
Sức nó oai hùng
Hoài Âm dùng nó (1)
Biến hóa vô cùng
Gặp nơi Cai Hạ (2)
Lỗ Công khôn lường ! (3)

-
- (1) Hoài Âm Hầu là phẩm tước của Hàn Tín
(2) Hàn Tín vây Hạng Võ tại Cai Hạ
(3) Lỗ Công tức Hạng Võ

變 爲 無 極
 Bién vi vô cực
 援 下 之 會
 Cai Hạ chí hội
 魯 公 莫 測
 Lô Công mạc trắc.

	前	之	分	變	爲	虎	翼	陣	,	有
	Tiền	chi	phân	biến	vi	Hổ	Dực	trận,		hữu
風	無	雲	,	用	總	陣	前	一	半	隊
Phong	vô	Vân,		dụng	tổng	- trận	tiền	nhất	bán	đội
	以	西	北	西	南	風	各	二	隊	列
	Di	Tây - Bắc	Tây - Nam	Phong	các	nhị	đội	liệt		
西	北	二	維	爲	前	足	。			
tây -	bắc	nhị	duy	vi	tiền	túc.				
	以	右	首	天	街	四	隊	列	前	爲
	Di	Hữu - Tiên - Thiên - Hoành	tứ	đội	liệt	tiền	vi			
前	。									
thù.										
	以	右	天	前	街	二	隊	,	列	天
	Di	Hữu - Thiên - Tiên - Xung	nhị	đội,	liệt	Thiên				
街	之	次	。							
Hoành	chi	thứ.								
	以	前	左	右	地	軸	各	三	隊	列
	Di	tiền	Tả	Hữu	Địa - Trục	các	tam	đội	liệt	
中	之	左	右	。						
trung	chi	tả	hữu							
	以	左	右	地	前	街	各	三	隊	列
	Di	Tả	Hữu	Địa - Tiên - Xung	các	tam	đội	liệt		
地	軸	兩	廂	爲	翼	。				
Địa - Trục	lưỡng	ương	vi	dực.						

Phân chia và biến hóa ở đằng trước mà tạo thành trận **Hổ Dục**, có **PHONG** mà không có **VÂN**, dùng một nửa đội của mặt trước tổng trận.

Đều lấy hai đội cho **Tây Bắc Phong** và **Tây Nam Phong**, sắp ra ở hai bên phía Tây Bắc để làm chân trước.

Lấy bốn đội cho **Hữu Tiên Thiên Hoành**, sắp ở đằng trước để làm đầu.

Lấy hai đội cho **Hữu Tiên Thiên Xung**, sắp liên sau Thiên Hoành.

Đều lấy mỗi bên ba đội cho **Tiên Tả Địa Trục** và **Tiên Hữu Địa Trục**, sắp vào giữa chia ra hai bên tả hữu.

Đều lấy mỗi bên ba đội cho **Tả Địa Tiên Xung** và **Hữu Địa Tiên Xung** sắp vào hai mé bên của Địa Trục để làm cánh.

以 左 天 前 衛 二 隊 列 地 軸
 Di Tá - Thiên - Tiền - Xung nhị đội liệt Địa - Trục
 之 次 。
 chí thứ.
 以 左 前 天 衛 四 隊 ， 列 後
 Di Tá - Tiền - Thiên - Hoành tứ đội, liệt hậu
 爲 尾 。
 vi vĩ.
 以 東 北 東 南 風 各 二 隊 列
 Di Đông-Bắc Đông-Nam Phong các nhị đội liệt
 天 衛 二 維 爲 後 足 。
 Thiên-Hoành nhị duy vi hậu túc.
 謂 風 從 虎 而 形 象 虎 也 。
 Vi Phong tòng Hổ nhi hình tượng Hổ giã.

鳥 翔 陣 贊 ĐIỀU-TƯỜNG TRẦN TÁN

驚 鳥 將 搏
 Chí diều tương bác
 必 先 翔 翔
 Tất tiên cao tường
 勢 凌 霄 漢
 Thế lãng tiêu hán
 飛 禽 伏 藏
 Phi cầm phục tàng
 審 之 而 下
 Thẩm chi nhi hạ
 必 有 中 傷
 Tất hữu trúng thương

Lấy hai đội cho **Tả Thiên Tiền Xung**, sắp liền theo Địa Trục.

Lấy bốn đội cho **Tả Thiên Tiền Hoành**, sắp ở sau để làm đuôi.

Đều lấy mỗi bên hai đội cho **Đông Bắc Phong** và **Đông Nam Phong**, sắp vào hai bên Thiên Hoành để làm chân sau.

Gọi là **PHONG** (cái gì) theo **Hổ** mà có hình trạng như **Hổ**.

BÀI TÁN VỀ TRẬN ĐIỀU TƯỜNG

Chim cất muốn chụp
Ắt trước bay lượn
Thế lẩn trời mây
Chim bay ẩn núp
Xét mà hạ xuống
Ắt có trúng thương
Một kẻ đột kích
Ba quân khó đương

478

Phân chia bốn góc mà biến hóa một lần thứ tư.

Biến hóa ở hai góc Đông Bắc, Tây Nam mà tạo thành trận **Điếu Tường**, có **VÂN** mà không có **PHONG**, dùng đội ở hai góc của tổng trận.

Lấy hai đội cho **Tả Thiên Hậu Xung**, sắp ở đằng trước về phía đông bắc để làm đầu.

Lấy hai đội cho **Hữu Thiên Tiền Xung**, sắp ở đằng sau để làm đuôi.

Lấy ba đội cho **Tả Hậu Địa Trục**, sắp ở bên mặt Thiên Xung ;

Lấy ba đội cho **Hữu Tiền Địa Trục**, sắp bên trái Thiên Xung.

Lấy bốn đội cho **Tả Hậu Thiên Hoàn**, sắp ở bên mặt Địa Trục.

以	右	前	天	衛	四	隊	列	軸	左
Di	Hữu	Tiền	Thiên	Hoành	tứ	đội	liệt	Trục	tả.
以	左	地	後	衛	三	隊	列	天	衛
Di	Tả	Địa	Hậu	Xung	tam	đội	liệt	Thiên-Hoành	

右
hữu.

以	右	地	前	衛	三	隊	列	天	衛
Di	Hữu	Địa	Tiền	Xung	tam	đội	liệt	Thiên-Hoành	

左
tả.

以	東	北	東	南	雲	各	二	隊	列
Di	Đông	Bắc	Đông	Nam	Vân	các	nhị	đội	liệt
地	右	爲	羽	翼	。				
Địa	Hoành	hữu	vi	vũ	dực.				

以	西	北	西	南	雲	各	二	隊	列
Di	Tây	Bắc	Tây	Nam	Vân	các	nhị	đội	liệt
地	左	爲	羽	翼	。				
Địa	Xung	tả	vi	vũ	dực.				

謂	雲	附	衛	而	形	象	鳥	翔	也
Vi	Vân	phụ	Xung	nhì	hình	tượng	Điểu-Tường	giã.	

蛇 蟠 陣 贊

XÀ - BÀN TRẬN TÁN

風	爲	蛇	蟠
Phong	vi	xà	bàn
附	天	成	形
Phụ	thiên	thành	hình
勢	能	圍	遠
Thế	năng	vi	nhieu

Lấy bốn đội cho **Hữu Tiên Thiên Hoành**, sắp ở trên trái Địa Trục.

Lấy ba đội cho **Tả Địa Hậu Xung**, sắp ở bên mặt Thiên Hoành.

Lấy ba đội cho **Hữu Địa Tiên Xung**, sắp ở bên trái Thiên Hoành.

Đều lấy mỗi bên hai đội cho **Đông Bắc Vân** và **Đông Nam Vân**, sắp ở bên mặt Địa Hoành để làm lông cánh.

Đều lấy mỗi bên hai đội cho **Tây Bắc Vân** và **Tây Nam Vân**, sắp ở bên trái Địa Xung để làm lông cánh.

Gọi là **VÂN** (cái gì) phụ vào **XUNG** mà có hình trạng tượng trưng cho chim bay.

BÀI TÁN VỀ TRẦN XÀ BÀN

Phong là Xà Bàn

Phụ trời thành hình

Thế thường vây nhiễu

Tính thường đuổi co

性 能 屈 伸
 Tính năng khuất thân
 四 奇 之 中
 Tứ kỳ chi trung
 與 虎 爲 隣
 Dữ hổ vi lân
 後 變 常 山
 Hậu biến Thường-Sơn
 首 尾 相 因
 Thủ vĩ tương nhân

蟠	西	北	東	南	二	隅	,	變	爲	蛇
Bàn	Tây -	bắc	đông -	nam	nhị	ngung,	,	biến	vi	Xà-
二	陣	,	有	風	無	雲	,	用	總	陣
nhị	trận,		hữu	Phong	vô	Vân,		dụng	tổng -	trận
	隔	之	隊	。						
	ngung	chi	đội.							
居	以	右	後	地	軸	三	隊	,	列	前
cư	Đi	Hữu -	Hậu -	Địa -	Trục	tam	đội,		liệt	tiền
	西	南	爲	首						
	tây -	nam	vi	thủ.						
爲	以	右	前	地	軸	三	隊	,	列	後
vi	Đi	Hữu -	Tiền -	Địa -	Trục	tam	đội,		liệt	hậu
	尾									
	vi.									
右	以	右	後	天	衡	四	隊	,	列	軸
hữu,	Đi	Hữu -	Hậu-Thiên-Hoành	tứ	đội,				liệt	trục
左	以	左	前	天	衡	四	隊	,	列	軸
tả,	Đi	Tả -	Tiền -	Thiên -	Hoành	tứ	đội,		liệt	trục

Trong bốn thú lạ
Cùng cạp làm gần
Sau biển Thường Sơn
Đấu đuổi theo nhau

Biến hóa ở hai góc Tây Bắc, Đông Nam tạo thành trận **Xà Bàn** có PHONG mà không có VÂN, dùng đội ở hai góc của tổng trận.

Lấy ba đội cho **Hữu Hậu Địa Trục**, sắp ở đằng trước về phía tây nam để làm đầu.

Lấy ba đội cho **Hữu Tiền Địa Trục**, sắp ở đằng sau để làm đuôi.

Lấy bốn đội cho **Hữu Hậu Thiên Hoàn**, sắp ở bên mặt Địa Trục.

Lấy bốn đội cho **Tả Tiền Thiên Hoàn**, sắp ở bên trái Địa Trục.

衛 Hoành	以 Di	右	地	後	衛	三	隊	,	列	天
	右	Hữu	Địa	Hậu	Xung	tam	đội,		liệt	Thiên
衛 Hoành	以 Di	左	地	前	衛	三	隊	,	列	天
	左	Tả	Địa	Tiền	Xung	tam	đội,		liệt	Thiên
衛 Xung	以 Di	右	天	後	衛	二	隊	,	列	地
	古	Hữu	Thiên	Hậu	Xung	nhị	đội,		liệt	Địa
衛 Xung	以 Di	左	天	前	衛	二	隊	,	列	地
	左	Tả	Thiên	Tiền	Xung	nhị	đội,		liệt	Địa
右 hữu	以 Di	西	北	風	二	隊	,	列	天	衛
		Tây	Bắc	Phong	nhị	đội,		liệt	Thiên	Xung
左 tả	以 Di	西	南	風	二	隊	,	列	天	衛
		Tây	Nam	Phong	nhị	đội,		liệt	Thiên	Xung
風 Phong	以 Di	東	北	風	二	隊	,	列	西	北
	右	Đông	Bắc	Phong	nhị	đội,		liệt	Tây	Bắc
風 Phong	以 Di	東	南	風	二	隊	,	列	西	南
	左	Đông	Nam	Phong	nhị	đội,		liệt	Tây	Nam

Lấy ba đội cho **Hữu Địa Hậu Xung**, sắp ở bên mặt Thiên Hoàn.

Lấy ba đội cho **Tả Địa Tiền Xung**, sắp ở bên trái Thiên Hoàn.

Lấy hai đội cho **Hữu Thiên Hậu Xung**, sắp ở bên mặt Địa Xung.

Lấy hai đội cho **Tả Thiên Tiền Xung**, sắp ở bên trái Địa Xung.

Lấy hai đội cho **Tây Bắc Phong**, sắp ở bên mặt Thiên Xung.

Lấy hai đội cho **Tây Nam Phong**, sắp ở bên trái Thiên Xung.

Lấy hai đội cho **Đông Bắc Phong**, sắp ở bên mặt Tây Bắc Phong.

Lấy hai đội cho **Đông Nam Phong**, sắp ở bên trái Tây Nam Phong.

Gọi là **PHONG** (cái gì) phụ vào **TRỰC** mà có hình dạng tượng trưng cho rắn uốn mình.

謂 風 附 軸 ， 而 形 象 蛇 蟠
Vi Phong phụ Trục, nhi hình tượng Xà - Bàn

也
giã.

常 山 蛇 陣 THƯỜNG-SƠN XÀ-TRẬN

右 以 常 山 陣 步 卒 五 部 凡
Hữu dĩ Thường-Sơn trận bộ tốt ngũ bộ phạm
四 千 人 ， 居 中 前 後 左 右 等
tứ thiên nhân, cư trung tiền hậu tả hữu đẳng
軍 。
quân.

量 山 川 土 地 之 形 ， 按 陣
Lượng sơn xuyên thổ địa chi hình, án trận
而 居 ， 可 以 遠 待 勞 ， 以 飽
nhi cư, khả dĩ dật đãi lao, dĩ dĩ bảo
待 饑 ， 其 揚 奇 備 伏 ， 皆 馬
dài cơ, kỳ Dương Kỳ Bị Phục, giai mã
騎 分 而 爲 八 。 凡 二 千 人 ，
kỵ phân nhi vi bát. Phàm nhị thiên nhân,
逐 便 而 居 ， 以 應 權 也 。
trục tiện nhi cư, dĩ dĩ ứng quyền giả.
六 鼓 舉 龍 旗 ， 則 爲 常 山
Lục cổ cử long - kỳ, tác vi Thường-Sơn
矣 。

古 今 以 來 ， 臨 戎 對 敵 ，
Cổ kim dĩ lai, lâm Nhung đối địch,

TRẬN RẤN THƯỜNG SON

Bên mặt lấy bộ tốt (lính đi chân) cho trận **Thường Son** là *năm bộ* gồm có bốn ngàn người, sắp số quân bằng nhau vào năm chỗ : giữa, trước, sau, trái, mặt.

Dò xét hình thế của núi sông đất đai, theo trận mà sắp quân, để mà dùng kẻ nhàn đợi kẻ mệt, dùng kẻ no chờ kẻ đói ; các toán **duong, kỳ, bị, phục** chia ra làm tám, gồm có hai ngàn người theo chỗ tiện lợi mà đóng quân, để ứng phó với các việc quyền biến (bất thường).

Nghe *sáu tiếng trống*, thấy giờ cao *long kỳ* (cờ rồng) thì lập trận Thường Son.

Từ xưa tới nay, gặp rợ Nhung đối địch, (chúng ta) thường lập *trận bốn mặt*, thọ địch vòng quanh, để mà quyết thắng.

每 mỗi	作 tác	四 tứ	面 diện	陣 trận	,	周 chu	回 hồi	受 thọ	敵 dịch	,
以 di	爲 vi	必 tất	勝 thắng	, 破 phá	儻 thắng	若 nhược	還 tuyên	鋒 phong	而 nhi	擊 kích
之 chi	,	其 kỳ	陣 trận	也 giã	○	,	此 thử	非 phi	天 thiên	殃 ương
,	將 tướng	之 chi	失 thất	長 trường	陣 trận	,	或 hoặc	作 tác	蛇 xa	陣 trận
,	亦 Diệc	或 hoặc	作 tác	伍 ngũ	步 bộ	騎 kỵ	相 tương	接 tiếp	,	或 hoặc
被 bị	皆 giai	以 di	隊 đội	處 xứ	即 tức	敗 bại	,	敗 bại	不 bất	全 toàn
大 dại	之 chi	破 phá	一 nhất	師 sư	之 chi	罪 tội	,	移 di	過 quá	於 ư
下 hạ	將 tướng	避 tránh	潰 hoại	使 sử	勇 dũng	小 tiểu	將 tướng	,	無 vô	罪 tội
受 thọ	誅 tru	送 tống	○							
	今 Kim	則 tắc	畫 họa	成 thành	定 định	制 chế	,	各 các	立 lập	陣 trận
名 danh	部 bộ	曲 khúc	分 phân	闕 điếu	各 các	明 minh	奇 kỳ	正 chính	,	若 nhược
失 thất	一 nhất	陣 trận	,	則 tắc	新 tân	一 nhất	將 tướng	,	陣 trận	應 ưng
,	形 hình	勢 thế	既 kỷ	就 tựu	, 救 cứu	請 thỉnh	戰 chiến	相 tương	攻 công	守 thủ
,	猶 do	手 thủ	臂 tỷ	相 tương	○	,	以 di	此 thử	攻 công	守 thủ
,	萬 vạn	無 vô	一 nhất	失 thất						

Nếu (giặc) chọn nơi mạnh (sắc bén) để đánh mà đều phá trận ấy được, đó chẳng phải là tai ương trời giáng mà là sự thất bại do tướng sùỵ gây ra.

Hoặc (chúng ta) cũng bày *trường trận* hoặc bày *xà trận*, đều dùng đội ngũ, quân bộ và quân kỵ tiếp nhau.

Hoặc bị phá một chỗ tức thì thất bại.

Khi thất bại đại tướng không nhận trách nhiệm hoàn toàn về mình mà đem tội làm cho quân đội bỏ trốn tan vỡ, đổ lỗi cho kẻ dưới, bèn khiến cho các tướng nhỏ kiêu dũng không có tội mà bị giết.

Nay ắt vẽ thành, đặt luật, đặt tên trận, chia ra bộ và khúc mà đánh, đều định rõ kỳ và chính. Nếu thua một trận thì chém một tướng.

Hình thế đã bày xong thì mời đánh, các trận tương ứng với nhau như bàn tay và cánh tay cứu giúp nhau, lấy đó mà đánh và giữ, thì muôn trận chẳng thua một.

然 以 中 軍 為 中 黃 陣 次
 Nhiên dĩ Trung-quân vi Trung-Huỳnh trận, thứ
 有 若 前 衝 後 衝 , 左 突 右 擊
 hữu nhược Tiền - Xung Hậu - Xung, Tả - Đột Hữu - Kích
 , 白 雲 青 蛇 , 大 赤 太 黑 ,
 Bạch - Vân Thanh - Xà, Đại - Xích Thái - Hắc,
 推 兇 決 勝 , 先 鋒 破 敵 。
 Suy - Hung Quyết-Thắng, Tiên-Phong Phá - Địch.

以 二 除 中 黃 之 外 , 餘 十
 Dĩ nhị trừ Trung-Huỳnh chi ngoại, dư thập
 二 陣 , 以 應 十 二 辰 。
 nhị trận, dĩ ứng thập nhị thời.

太 黑 子	大 赤 午
Thái - Hắc Tý	Đại - Xích Ngọ
破 敵 丑	左 突 寅
Phá - Địch Sửu	Tả - Đột Dần
青 蛇 卯	推 兇 辰
Thanh - Xà Mão	Suy - Hung Thìn
前 衝 巳	先 鋒 未
Tiền - Xung Tỵ	Tiên-Phong Mùi
左 擊 申	白 雲 酉
Tả - Kích Thân	Bạch - Vân Dậu
決 勝 戌	後 衝 亥
Quyết-Thắng Tuất	Hậu - Xung Hợi

Nhưng dùng Trung Quân bày trận *Trung Huỳnh*, sau đó có các trận :

Tiền Xung, Hậu Xung,
Tả Đột, Hữu Kích,
Bạch Vân, Thanh Xà,
Đại Xích, Thái Hắc
Suy Hung, Quyết Thắng,
Tiên phong, Phá Địch

Lấy hai trận trừ Trung Huỳnh ra ngoài, còn dư lại hai trận ứng với mười hai thời:

Giờ tý : Thái Hắc ;

Giờ sáu : Phá Địch ;

Giờ mao : Thanh Xà ;

Giờ ty : Tiền Xung ;

Giờ thân : Tả Kích ;

Giờ tuất : Quyết Thắng ;

Giờ ngo : Đại Xích ;

Giờ dần : Tả Đột ;

Giờ thìn : Suy Hung ;

Giờ mùi : Tiên Phong ;

Giờ dậu : Bạch Vân ;

Giờ hợi : Hậu Xung ;

THƯỜNG - SƠN XÀ - TRẬN

三

三

2021

楊以桃翁 田叔子 田叔子 田叔子 田叔子





中郎中軍將軍金鼓及左右牙官等

左部 前部 大框部








陽 以 抗 氣
 乙 新 曲
 甲 復 曲
 丁 新 曲
 丙 復 曲

Y2 補給者照

伙

偽

衛

伏

THƯỜNG - SƠN XÀ - TRẬN

卷之四

庚前曲
辛後曲
壬前曲
癸後曲
甲後曲
乙前曲
丙後曲
丁前曲
戊前曲
巳後曲
癸後曲
辛後曲
庚前曲

揚

伏

場

伏

備

MỤC LỤC

I.	LỜI NÓI ĐẦU.....
II.	BÀI TỰA CŨ CỦA GIA CÁT HY.....
III.	TIỂU SỬ.....
IV.	THI VĂN.....
V.	ÂM PHÙ KINH.....
VI.	BINH PHÁP.....
	— Binh Yếu
	— Tiện Nghi
	— Tướng Uyển
VII.	BÁT TRẬN.....
VIII.	BẢNG ĐỊNH CHÍNH.....

KHÔNG MINH

LÊ XUÂN MAI *biên soạn và bình chú*

Chịu trách nhiệm xuất bản
MAI NGỌC THANH

Biên tập : **PHÙNG SĨ HÒA**

Trình bày :

Sửa bản in :

In 1000 cuốn khổ 14,5x20,5 tại Xí Nghiệp DV TIẾP THỊ - QUẢNG CÁO
Số ĐKĐT: 64/11 CXB ngày 9-2-1996; QĐ 416 XBTH ngày 18-4-1996.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 1996.

